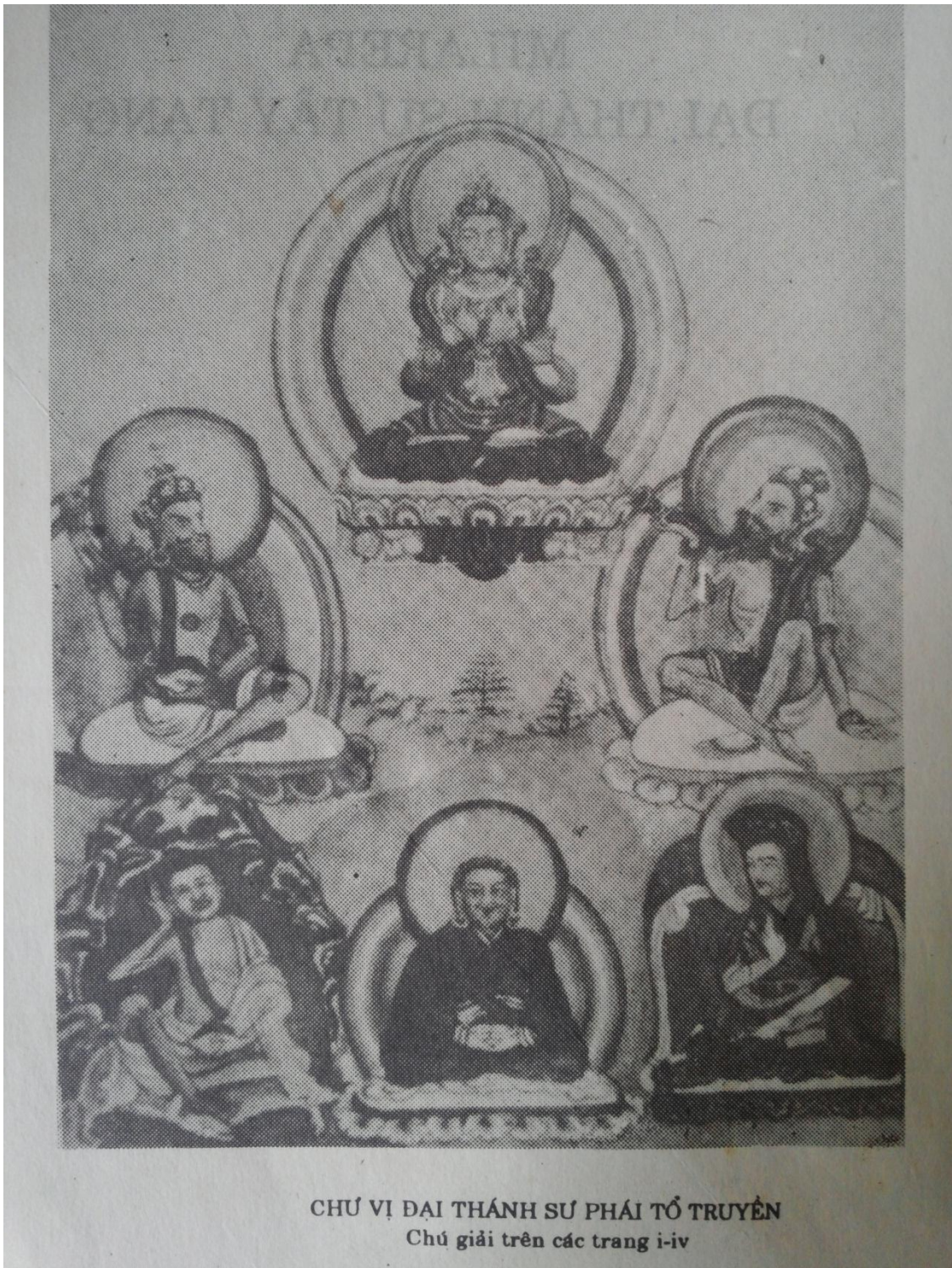




MILAREPA

ĐẠI THÁNH SƯ TÂY TẠNG





CHỮ VỊ ĐẠI THÁNH SƯ PHÁI TỔ TRUYỀN  
Chú giải trên các trang i-iv

**MILAREPA**

**ĐẠI THÁNH SƯ TÂY TẠNG**

TIỂU SỬ NGÀI JETSUN MILAREPA,  
THEO BẢN DỊCH ANH NGỮ CỦA CỐ

LẠT MA KAZI DAWA-SAMDUP

Chủ biên, giới thiệu và chú giải

W.Y.EVANS - WENTZ

M.A., D.LITT., B.SC.

Jesus College, Oxford

ẤN BẢN THỨ NHÌ

1951

NHÀ XUẤT BẢN OXFORD UNIVERSITY

LONDON OXFORD NEW YORK

Dịch sang Việt Ngữ

VIÊN THÔNG

1995

KÍNH TẶNG TIỂU SỬ NÀY CỦA NGÀI MILAREPA CHO  
NHỮNG AI CẦU TÌM TRÍ HUỆ BẰNG THỰC HÀNH CHỨ KHÔNG  
CHẤP CỨ VÀO SÁCH VỎ VÀ TRUYỀN THỐNG

# Mục Lục

Mục Lục .....	5
<b>CÁC HÌNH MINH HỌA</b> .....	6
I. TRANH ĐẦU SÁCH: CHƯ ĐẠI THÁNH SƯ PHÁI TỔ TRUYỀN (KARGYUTPA) .....	6
II. MILAREPA ĐẠI THÁNH SƯ TÂY TẠNG .....	11
III. ĐỨC PHẬT BẤT ĐỘNG (DHYANI BUDDHA AKSHOBHYA).....	12
IV. ĐẰNG VÔ THƯỢNG SƯ: ĐỨC PHẬT A - ĐỀ KIM CƯƠNG TRÌ (Adi-Buddha Vajradhara) .....	12
V. NGÀI MILAREPA THỊ HIỆN THẦN THÔNG .....	13
<b>CHÚ GIẢI CÁC BIỂU TƯỢNG</b> .....	14
LỜI DẪN DẪN NHẬP CỦA NGÀI RECHUNG, ĐỆ TỬ TỔ MILAREPA.....	17
<b>PHẦN MỘT: CON ĐƯỜNG VÔ MINH</b> .....	25
CHƯƠNG MỘT: DÒNG DỐI VÀ ĐẢN SANH.....	25
CHƯƠNG HAI: NÉM MÙI ĐAU KHỔ.....	39
CHƯƠNG BA: LUYỆN HUYỀN THUẬT .....	47
<b>PHẦN HAI: CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ</b> .....	70
CHƯƠNG BỐN: CẦU CHÁNH PHÁP.....	70
CHƯƠNG NĂM: THỬ THÁCH và TRẢ QUẢ (ĐÈN TỘI) .....	81
CHƯƠNG SÁU: NHẬP MÔN.....	121
CHƯƠNG BẢY: MINH SƯ HƯỚNG DẪN .....	128
CHƯƠNG TÁM: TỪ GIÃ MINH SƯ .....	156
CHƯƠNG CHÍN: TỪ BỎ .....	178
CHƯƠNG MƯỜI: ẮN TU TRONG ĐỘNG VẮNG.....	191
CHƯƠNG MƯỜI MỘT: NHỮNG NƠI TỔ ĐÃ ẮN TU VÀ TẾ ĐỘ QUẦN SANH .....	262
CHƯƠNG MƯỜI HAI: NIẾT BÀN .....	271
<b>PHẦN KÝ LỤC</b> .....	345
Kết Từ .....	348

## CÁC HÌNH MINH HỌA

### I. TRANH ĐẦU SÁCH: CHỮ ĐẠI THÁNH SƯ PHÁI TỔ TRUYỀN (KARGYUTPA)

#### *Hình trang đầu sách*

Hình vẽ lại bằng màu nước (khoảng một rưỡi kích thước nguyên thủy), do cố Lạt Ma Kazi Dawa-Samdub vẽ ở Gangtok, Sikkim, năm 1920, theo đúng truyền thống nghệ thuật tự viện của Tây Tạng, họa các Đại Sư Phái Tổ Truyền ( Kargyutpa, Tib. *Bkah-rgyud-pa*) của Phật Giáo Bắc Tông. Đây là quà từ biệt của Ngài Lạt Ma với vị Chủ Biên.

Hình trên hết là Đấng Vô Thượng Sư, Đấng Thánh Thiên Phật Kim Cương Trì (Dorje-Chang) (Skt. *Vajra-Dhara*), “Đấng Nắm Giữ Đạo Trọng (*Dorje*)” (Sám sét hay Quyền Trọng của Các Thần Thánh), Đấng Khai Sơn Bí Truyền của Phái Tổ Truyền. Giáo Hội Chính thống không những chỉ xem Ngài là Hóa Thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà giống như Phái Tổ truyền, tôn kính Ngài như Chủ Tể của Thánh Thiên Phật, tương tự như Đức Phật Adi (A-Đề Phật), hay Sơ Phật, Đức Phật của Cựu Phái Padma Sambhava. Ngài mặc vương phục trân bảo truyền thống của Chư Ngũ Trí Như Lai (hay Thiên Na Phật) Dòng Sambhava-Kaya của Ngài. Báu phục như vị Vua cho thấy Ngài thống trị trực tiếp lên chúng sinh hữu tình. Ngài thị hiện dung nhan an nhiên tự tại, vẻ



đẹp uy nghiêm vì Ngài vốn an nhiên tự tại và là Nguồn Chân, Thiện, Mỹ. Ngài tọa trong tư thế *Vajra-Asana*, vì tâm Ngài luôn trong Chân Định. Chiếc chuông Ngài cầm trong tay trái biểu tượng Tánh Không (Skt. *Shunyata*) cũng là Trí Huệ; đạo trượng (dorje) trong tay phải Ngài biểu tượng cho Phương Tiện vô Thượng và Quyền Năng Tâm Linh. Ngài tọa trên tòa sư tử, cho thấy Ngài vượt trên mọi sợ hãi Vô Thường, hai mãnh sư ở chân tòa biểu tượng sự Vô Úy. Màu xanh (blue) của Ngài biểu tượng tánh Thường Trụ của Ngài, như màu xanh vĩnh cửu của bầu trời. Như truyền thống của Bậc *Heruka*, Ngài đeo chuỗi xương, biểu tượng sự từ bỏ và chiến thắng Sinh Tử Luân Hồi (*Sangsara*). Do đó Ngài kết hợp trong Ngài tính du già của cả *Heruka* và Ngũ Trí Như Lai.

Bên phải của Đấng Vô Thượng Sư là Đệ Nhất *Guru* của nhân loại, Hành Giả Du Già người Thiên Trúc (hay Thánh) Tilopa, Người thọ sự trực chỉ và dạy bảo của Đấng Vô Thượng Sư. Con cá vàng Ngài Tilopa cầm giơ lên ở tay phải Ngài biểu tượng cho chúng sinh hữu tình đắm chìm trong biển sinh tử luân hồi, và biểu lộ năng lực giải thoát và cứu độ chúng sinh của Ngài. Tay trái Ngài cầm một sọ người đầy máu biểu tượng khả năng ban phát *loki-siddhi* (thần thông thế gian) như một Đấng *Heruka*, tánh *Heruka* được biểu lộ qua chiếc nón sọ người và các trang sức bằng xương Ngài dùng. Tòa sen Ngài tọa cho thấy Ngài thuộc Bậc Đạo Sư Liên Hoa Bộ. Màu đỏ của các cánh sen biểu tượng Thế Giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, Vô Biên Quang Như Lai,

Trí Huệ Quang Như Lai, có biểu tượng màu đỏ, Hỏa Đại huyền bí soi sáng và làm thanh tịnh tất cả; vì Ngài Tilopa được tin là hiện thân của Đức A Di Đà. Hào quang màu xanh lá mạ và các hào quang khác của bức hình tượng trung bình đẳng tánh trí du già, hay sự hòa hợp và sức mạnh tinh thần.

Đôi diện với Ngài Tilopa, cũng trên tòa sen tương tự, là Đệ Nhị **Guru** của nhân loại, Hành Giả Du Già người Thiên Trúc (hay Thánh) Naropa, đang thổi cây kèn làm bằng sừng cừu, tuyên dương sự vinh quang Tông Phái Ngài và tán thán Đức Bổn Sư Tilopa của Ngài. Chiếc nón sọ người và các trang sức bằng xương của Ngài Naropa giống như của Ngài Tilopa chỉ rõ Chư Vị là Đấng **Heruka**, biểu tượng bí truyền nền tảng Vũ Trụ, Pháp Thân, Vô Sanh, Niết Bàn Siêu Nhiên, chúng biểu lộ Sự Chiến Thắng Siêu Việt Sanh Tử. Các trang sức du già như Ngài Tilopa và Ngài Naropa đeo thường là sáu thứ sau: (1) nón sọ người, (2) băng đeo tay (armlet), (3) vòng đeo tay (xuyên), (4) vòng đeo chân, chỉ thấy trên hình Ngài Naropa, (5) tấm che bằng hột xương cùng đai lưng, không có trong tranh, và (6) chuỗi xương hai vòng chạy từ vai xuống ngực, có Gương Chiếu Nghiệp trước ngực phản ánh từng hành động thiện và ác. Sáu thứ trang sức này (thường bằng xương người) biểu hiện Sáu Ba La Mật (**Paramita**) (“Vô Biên Hạnh”), đó là: (1) Bố Thí hay Lòng Hỷ Xả (**Dana-Paramita**), (2) Trì Giới hay là Tịnh Giới (**Shila-Paramita**), (3) Nhẫn Nhục (**Kshanti-Paramita**), (4) Tinh Tấn (**Virya-Paramita**), (5) Thiền Định (**Dhyana-Paramita**), và (6)



Trí Huệ (*Prajna-Paramita*). Để đạt đến Phật Tánh, và để có thể cứu độ tất cả chúng sinh Bồ Tát phải tinh tấn thực hành Sáu Ba La Mật. Ngài Norapa, giống hai vị *Guru* trước, tọa trong thế du già. Tọa sen của Ngài cũng là sen đỏ, nhưng ít đỏ hơn của Ngài Tilopa; đây cũng là biểu tượng của Cực Lạc (*Sukhavati*), và cho biết ngài Naropa thuộc Phái Liên Hoa Bộ.

Đấng *Guru* Marpa, thường gọi là Marpa Bạc Dịch Giả, có nhiều tác phẩm chủ yếu về Du Già Mật Tông, Ngài đã sưu tầm được ở Thiên Trúc, trong các chuyến hành trình từ Tây Tạng, và dịch sang tiếng Tây Tạng, được họa lên ở hình giữa ở phía đáy bức tranh. Ngài mặc y phục bán cư sĩ (nghĩa là, y phục nửa Lạt Ma, nửa cư sĩ) của dân Tây Tạng thuộc dòng họ thế tộc; với Ngài, tuy là một *Guru* rất nổi tiếng của Phái Tổ Truyền, không bao giờ chối bỏ đời sống gia đình như các *Guru* khác của Phái Tổ Truyền. Ngài cũng cầm một sọ người đầy máu (được tượng trưng theo nghi thức Lạt Ma bằng nước cam lồ màu đỏ) để cho thấy ngài cũng đạt quyền năng và sức mạnh ban phát *lokic-siddhi*. Ngài tọa trên một tòa sen trắng, biểu tượng Ngài thuộc về Dòng Kim Cương (*Vajra*), hay còn gọi là Dòng ở phương Đông, màu trắng là màu của cõi trời Phương Đông.

Ngài Milarepa, tiếng Tây Tạng quen gọi là Jetsun Milarepa, được họa bên phải Thầy của Ngài, Ngài Marpa, Ngài tọa trong động trên tấm da linh dương như các hành giả du già thường dùng khi tập luyện du già. Ngài khoác một mảnh vải đơn, y phục của

người tu khổ hạnh Phái Tổ Truyền, cho thấy không cần che phủ gì khác lên thân thể, Ngài có thể chịu đựng cái giá lạnh kinh hoàng như cùng Bắc Cực của các miền cao nguyên tuyết phủ Tây Tạng. Giống như ngài Tilopa và Ngài Marpa, Ngài Milarepa cầm một sọ người đầy máu, dấu hiệu quyền năng ban phát *lokic-siddhi* của Ngài. Ngài đang ngâm một bài kệ; và do đó, giơ tay phải lên tai. Giải điều đỏ chéo ngang ngực, sánh như dây thánh của Đạo Bà La môn, là thiên điều của hành giả du già Tây Tạng dùng để giữ chân khi nhập định sâu. Ngài Tilopa và Ngài Marpa cũng mang thiên điều như vậy. Biểu tượng con mãnh sư trên đường vào động của Ngài cho biết động ở miền hoang dã cao, cô lập của rặng Hy Mã Lạp Sơn như các mãnh sư miền núi thích cô tịch thường ở; và Ngài Milarepa tự bản thân là “Mãnh Sư Vô Úy của Pháp” và động Ngài trú là “Động của mãnh sư”.

Ngài Gampopa bên trái Ngài Marpa, được họa với y phục Lạt Ma Phái Tổ Truyền, tọa trên tám ngọa cụ thêu sặc sỡ trong nhà giảng. Ngài đang thuyết giảng, qua các Thánh Thư Tây Tạng Ngài cầm, Pháp của Đấng giác ngộ - Sự Chấm Dứt Đau Khổ và Con Đường Giải Thoát Cuối Cùng. Ngài Gampopa là Đệ Ngũ Thánh Sư hiện thân tướng người để đem lại lợi lạc cho nhiều người, và là Đấng thứ sáu trong Phái Truyền Thừa khai sơn từ Thánh Thiên Đạo Sư Kim Cương Trì (Dorje-Chang), đấng các môn nhân Phái Tổ Truyền hiện nay tin tưởng vẫn còn ban phước đức cho chúng sinh trên trái đất này từ Thiên Giới Ngài ngự trị. Kể từ ngài

Gampopa, Đại Đệ Tử cao nhất của Đấng Milarepa, cho đến thời kỳ chúng ta ngày nay Phái Tổ Truyền đã truyền thừa không dứt.

## II. MILAREPA ĐẠI THÁNH SƯ TÂY TẠNG

Ở đây ngài Milarepa (hình chính giữa được vây quanh bởi các tín chúng, Nhân, thiên đàng cúng dường và đánh lễ Ngài) được họa theo truyền thống dân gian, tay phải Ngài đưa lên tai để chỉ Ngài đang ngâm bài kệ, chung quanh là các hình nhỏ xen nhau, mỗi hình minh họa một số đoạn kể trong tiểu sử. Thí dụ, cận ảnh trung tâm ngay dưới hình ngài Milarepa và dài xuống phía đáy của bức tranh, trình bày các ngôi nhà nhiều kiểu khác nhau ngài Milarepa đã dựng lên trong thời gian tự tâm sám hối thiết tha với Thánh Sư Marpa (xem các trang 84-85, 126-127); và phía bên phải ngài Milarepa, ở lề bức tranh, chúng ta thấy bốn cột trụ với các biểu tượng thú vật, bốn trụ này vây quanh ngọn núi lớn như đã mô tả trong giấc mơ của ngài Milarepa về Phái Tổ Truyền (xem các trang 142-145). Như chúng ta thấy trong bức tranh, ngài Milarepa tọa trong tư thế du già trên tấm da linh dương và khoác mảnh vải đơn (ở đây được thiêu kín) với giải thiên điều chéo ngang ngực.

Hình minh họa này là ảnh sao chụp bức tranh thường gặp trong các nhà dân khắp xứ Tây Tạng, phổ thông như tranh các Thánh Tông Đồ Ky Tô Giáo trong các nhà Ky Tô Hữu. Cho thấy sự tôn kính của mọi tầng lớp dân Tây Tạng vẫn hướng về ngài Milarepa qua chín thế kỷ từ thời đại của Ngài.

### III. ĐỨC PHẬT BẤT ĐỘNG (DHYANI BUDDHA AKSHOBHYA)

#### *Hình trang 27*

Đức Phật Bất Động (Akshobhya) là một trong Ngũ Trí Như Lai, theo Phật Giáo Bắc Tông. Ngài là Đệ Nhị, Đệ Nhất là Đức Tỳ Lô Giá Na, Vairochana, Đệ Tam là Đức Bửu Sinh Như Lai, Ratna-Sambhava, Đệ Tứ là Đức Vô Lượng Quang Như Lai, Amitaba và Đệ Ngũ là Đức Bất Không thành Tụ Như Lai, Amogha-Siddhi.

Ở đây Đức Phật Bất Động được tạc trong tư thế tọa hai chân bắt chéo, lòng bàn chân hướng lên. Tay trái Ngài kiết ấn thiên và đặt ở lòng. Tay phải với các ngón duỗi chạm Đất, lòng bàn tay úp vào trong, kiết ấn *bhumisparcha* (xúc địa ấn), theo Học Phái Phật Giáo Gandhara là ấn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kiết khi Ngài kêu gọi Thần Đất chứng minh Ngài đã chiến thắng sự cám dỗ của Ma Vương. Con mắt thứ ba (Skt. *Urna*) trên trán Đức Phật Bất Động, ở giữa hai lông mày, chứng tỏ khả năng thấu suốt tâm linh, tiên tri; và phần thịt đùn trên danh Ngài cho biết Phật Tánh của Ngài.

### IV. ĐĂNG VÔ THƯỢNG SƯ: ĐỨC PHẬT A-ĐỀ KIM CƯƠNG TRÌ (Adi-Buddha Vajradhara)

#### *Hình trang 133*

Đấng Kim Cương Trì được tạc trong tư thế thiên định du già, như một Ngũ Trí Như Lai. Hai tay Ngài bắt chéo trước ngực theo



ấn vajra-hum-kara. Tay phải Ngài cầm *vajra* biểu tượng Mật Pháp (Sấm Sét của Chư Thánh Thần, Bất Hoại) hay Ngũ Trí có thể phá tan mọi khổ đau và đưa đến làm chủ sinh tử luân hồi. Tay trái Ngài cầm chuông có chuỗi là vajra, tiếng Sanskrit gọi là *ghanta*. Như Đức Akshobhya, Ngài có các biểu tượng Đấng Giác Ngộ là *urna* và *ushnisha*.

## V. NGÀI MILAREPA THỊ HIỆN THẦN THÔNG

### *Hình trang 302*

Ở đây ngài Milarepa tọa trong thế du già, có các đại đệ tử vây quanh, trong động Nguu Thiệt (Brilche) ở Chubar, Ngài biến hóa và phóng quang trước khi nhập Niết Bàn (xem các trang 302-303, 310, 317). Ngài đang thị hiện các hình ảnh và biểu tượng của Bậc Đại Sư về Thần Thông, khi Ngài ban cho các đệ tử này lễ ban phúc cuối cùng. Bên trên Ngài có một *mandala* rực rỡ, và trong gian động nhỏ kế bên chúng ta thấy một biểu tượng Pháp Luân và Trí Hỏa, tất cả do phép thần thông.

## CHÚ GIẢI CÁC BIỂU TƯỢNG

### THẮNG PHƯỚC .....

Đây là một trong Tám Biểu Tượng Chiến Thắng của Phật giáo Bắc Tông. Thắng Phước (Tib. *Rgyal-mts'an*: Skt . *Dhvaja*) biểu tượng Sự Chiến Thắng Sinh Tử Luân Hồi, hay Toàn Giác, Niết Bàn.

CH'ORTEN CỦA TÂY TẠNG..

*Hình trang 303*

## NGHIỆP

“Duy có Chư Phật và Chư Bồ Tát thấy được bản chất thật của ta, trong cốt tủy uyên áo nhất, và đã siêu việt ta. Còn tất cả sinh linh khác đều sống dưới quy luật khắt khe nghiệt ngã của ta: Ta hành cho chết, ta hành cho sống; ta là vị thần ban cho sự giàu sang thụ hưởng, và ta khiến làm các điều thiện điều ác trong loài người. Thần, Thánh, Vua, Chúa, giàu hay nghèo, sang hay hèn, súc sinh, các linh hồn sung sướng hay đau khổ trên thế gian này hay thế giới cõi thượng, cõi hạ - tất cả mỗi mỗi ta đều tung lên hạ xuống theo nhân quả của chúng. Ta làm nhục kẻ cao hay ta nâng cao kẻ thấp tùy theo việc làm của họ. Vậy ta là Thượng Đế cai trị vũ trụ hiện tượng này.”

Trích *Karma's Proclamation of His Omnipotence*.<sup>1</sup>

(Bản dịch của LạtMa Kazi Dawa-Samdub)

“Tương lai chúng ta tùy vào những gì chúng ta tu tập ngày nay;

Nghiệp theo chúng ta như bóng với hình,

Mỗi người phải nếm cái mình đã làm.”

Trích *The Golden Rosary of the History of Padma*

[*Sambhava*],<sup>2</sup> Chương ix

<sup>1</sup> Chủ biên tìm thấy trong các giấy tờ của ngài Lạt Ma Kazi Dawa-Samdup bản dịch tiếng Anh ba trang giấy có tựa đề này (nhưng không thấy tựa nguyên bản tiếng Tây Tạng) từ đó đoạn dẫn trên được trích ra. Cuối bản dịch có chú thích như sau: “Dawa Samdup dịch theo sự giải thích của Rev. Prajna Sathi, 28.5.1917.”

<sup>2</sup> Tib. *Padma-Thangyig-Serteng*



## LỜI DẪN NHẬP CỦA NGÀI RECHUNG, ĐỆ TỬ TỔ MILAREPA

### Quy y Đấng Đạo Sư!

Ở đây, tôi nguyện thuật lại câu chuyện của một vị Đại Thánh Sư, Người đã sống ở đất nước Tây Tạng đầy tuyết phủ này.

Ngay từ thuở niên thiếu, Người đã bị ám ảnh bởi tính cách vô thường của mọi cuộc sống trong thế gian, cũng như những thống khổ mà hết thảy chúng sanh bị đắm chìm trong đó.

Đối với Người, thế gian hầu như là một lò lửa lớn, mà trong đó mọi chúng sanh bị thiêu đốt.

Với nỗi khổ thống thiết tràn ngập trong tim, Người không còn mong cầu ngay cả những phước báo mà Chư Thiên đang thụ hưởng ở các cõi trời, nói chi những hoan lạc thế gian của một đời quyền quý.

Mặt khác, Người bị thu hút bởi viễn ảnh của Chơn Tâm vô nhiễm, của Bản Tính Thuần Tịnh được mô tả về trạng thái Giải Thoát khi thể nhiệm Niết Bàn, đến nỗi Người sẵn sàng đánh đổi cả sinh mạng của mình. Bởi vậy tín tâm của Người vững chắc và sung mãn, trí huệ của Người sắc bén, tâm hồn của Người tràn đầy lân mẫn.

Người là bậc có đại phước duyên được tham học với những vị Đại Thánh Sư, đã đón nhận được dòng cam lồ tuôn ra từ miệng các Ngài. Chính Người đã nếm được mùi vị đó trong những chốn núi non cô tịch diệu kỳ. Bởi thế, Người đã giải thoát khỏi màn Vô Minh và những hạt giống Bi, Trí đã đơm hoa kết quả viên mãn trong Người.

Người là bậc đã từ bỏ ngũ dục của thế gian, với đại nguyện duy nhất là gương cao ngọn phước Hoàng Pháp, làm khuôn mẫu cho hàng tu học đời vị lai, sách tấn hàng hậu bối trên con đường Hướng Thượng.

Người là bậc được hàng Long Thiên hộ trì, đã chiến thắng mọi trở ngại trên đường Đạo và đã thể hiện Chơn Tánh. Do đó, sông Đạo trở thành bản tánh thứ hai của Người.

Người là bậc thâm tín vào dòng Tổ Truyền, nên được Chư Tổ hộ trì và ấn chứng để Người kế vị ngôi Tổ và hoàng khai Chánh Pháp. Từ đó, người hiển bày những khả năng siêu việt, bản tính bình đẳng và Trí Huệ viên mãn.

Người là bậc đầy lòng lân mẫn đối với chúng sinh, nên có đầy đủ năng lực để giáo hóa mọi người, kể cả hạng nghiệp nặng, bất tín, nhất xiển đề. Chỉ cần nghe đến tên và sự tích của Người là đủ khiến cho họ phát khởi tín tâm chân thật, gieo vào lòng họ hạt giống Giải Thoát. Người có khả năng cứu độ và hộ trì cho chúng sinh tránh khỏi mọi đau khổ của thế gian. Người là bậc lão thông các môn

Thần Bí và Huyền Học, do hàng Long Thiên Hộ Pháp truyền đạt cho Người, nên trải qua bốn cảnh giới Thiên<sup>1</sup> một cách dễ dàng.

Người là bậc đã diệt trừ hai lớp Vô Minh<sup>2</sup> đã vào biển Đại Giác, đã chứng ngộ bản tánh bất nhị của vạn pháp.

Người là bậc đã thành tựu Chân, Thiện và Mỹ, công hạnh viên mãn, đắc quả vị Phật, siêu việt mọi đối đãi nhị nguyên của các tông phái, giáo nghĩa, giống như hạt Minh Châu trên đỉnh ngọn Thẳng Phướn<sup>3</sup>.

Người là bậc đã tin nhận Kim Cương Nhất Thừa<sup>4</sup> vô nhị, tha thiết tu hành và chứng ngộ viên mãn.

Người là bậc mà công hạnh đã vang lừng mười phương cõi, hàng Long Thiên tán thán và Chư Phật ngợi khen.

Người là bậc mà thể xác đã tràn đầy ân điển nhiệm màu từ ngón chân cho đến đỉnh đầu<sup>5</sup>.

Người là bậc biện tài vô ngại về mười hai bộ Kinh và bốn Thánh Thư, đã diễn đạt chúng thành những tán ca dùng trong nghi thức của Kim Cương Nhất Thừa.

Người là bậc mà mọi ý niệm đã tiêu dung vào Chân Tâm, đã diệt trừ Vô Minh đối đãi.

Người là bậc tinh thông những môn học về Tâm và Trí, đọc ngoại giới như một cuốn sách.

Người là bậc mà Bi, Trí và Dũng viên mãn nên có thể khai hóa cho muôn loài.

Người là bậc đã siêu việt mọi đối đãi khen chê. Cho dù hàng Nhân, Thiên không ngớt tán thán, Người vẫn an nhiên bất động.

Người là bậc đại tinh tấn và đại nhẫn nại khi dụng công tu hành trên con đường Tối Thượng, siêu việt những vị Bồ Tát và Thánh Giả cùng thời đến đối chính các Ngài cũng tán thán.

Với tiếng gầm của Sư Tử, Người tuyên bố về sự huyển hóa của cái Ngã, chứng minh về cách thức thể nghiệm sự huyển hóa đó. Người thuyết phục những kẻ nặng nghiệp và chấp Ngã. Tiếng nói của Người vang động các cõi trời như tiếng rống của con mãnh sư giữa các rặng núi.

Người là bậc đã làm chủ sáu căn, chiến thắng những thế lực của Tứ Đại, điều khiển chúng theo ý muốn.

Người đã thấu triệt bản chất của ngũ uẩn, nên Người có thể đi lại, nghỉ ngơi và ngủ nghỉ giữa hư không.

Từ thân thể của mình, Người có thể hóa thành bất kỳ vật gì. Nhờ đó thuyết phục được bọn ngoại đạo và khiến họ quay về Chánh Pháp.

Người là bậc thành tựu viên mãn, nên có thể hóa thân thành vị Thánh Giả chủ trì trong tất cả hai mươi bốn Thánh Địa, nơi mà chư Thiên câu hội như mây lành<sup>6</sup>.



Người là bậc có quyền sai khiến Thiên Long Bát Bộ để họ thực hiện Từ, Bi, Hỷ và Xả.

Người là vị Họa Sư khéo mô tả về chân tánh vi diệu, cội nguồn của mọi hữu hình và vô hình.

Người là vị Y Sư lão huyệt, khéo chữa những trọng bệnh của Vọng Tâm bằng phương dược của Ngũ Trí<sup>7</sup>.

Người là bậc diễn dịch tài ba mọi thiện thanh và ác thanh của nội tâm cũng như nội giới, vì thấu triệt rằng chúng đều phát xuất từ Chân Tánh<sup>8</sup>.

Người là bậc triệt ngộ Chân Tâm, nên thấu rõ mọi ẩn tàng trong tâm thức của hết thảy chúng sanh.

Người là bậc Đại Sư về Tâm Pháp, nên liễu ngộ Chân Tâm là cội nguồn và chung cuộc của muôn Pháp. Người cũng thấu rõ Chân Tâm phát huy thành ba Thân: Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân.

Người là bậc đã đắc lục thông, nên dạo chơi vô số cõi Phật. Hàng Chư Thiên phụng thỉnh Người thuyết pháp. Chư Phật và Bồ Tát mười phương đều tán thán Người.

Tùy theo nghiệp quả của chúng sanh sáu đường, Người hóa thân để giáo huấn họ bằng những ngụ ngôn hoàn toàn tương ứng với lời dạy của Đức Phật khiến cho họ giải thoát.

Tóm lại, Người là bậc mà trong một đời đã thành tựu viên mãn Tứ Chánh Cần, Ngũ Trí của vị Kim Cương Nhất Trí<sup>9</sup> (Vajra-Dhara).

Người là bậc mà lòng từ bi lân mẫn đã nhuần thấm vô lượng chúng sinh. Người vẫn tiếp tục chuyển pháp luân để cứu chúng sinh ra khỏi vòng Luân Hồi.

Người là bậc đã đến Bảo Sở Bất Sanh Bất Diệt, đầy đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Người là bậc Thánh Sư lỗi lạc nhất trong những vị Thánh Sư, danh hiệu là Jetsun-Mila-Zhadpa-Dorje, mà tên tuổi và công đức rực rỡ như hai vàng Thái Âm, Thái Dương.

Cho dù những lợi lạc mà Người đã ban cho những ai có phước duyên được hạnh ngộ Người khó có thể nghĩ bàn, tôi vẫn nỗ lực phát họa về cuộc đời của Người.

Tiểu sử này được phân làm hai phần:

Phần một, viết về hành động thế gian của Người.

Phần hai, viết về sự tu hành của Người từ khởi thủy cho đến khi chứng Niết Bàn.

Ở phần mở đầu, tôi sẽ thuật lại những điều kỳ lạ liên quan đến họ của Người là ‘Mila’, về nguồn gốc, tổ tiên và đản sanh của Người.

Tiếp theo, tôi sẽ nói đến việc thân phụ Người qua đời khi Người còn thơ ấu. Sự kiện này đã khiến bà con của Người trở thành kẻ thù, họ đã tước đoạt di sản để lại cho mẹ con Người, đẩy bà và hai con vào nỗi cùng cực. Nhờ vậy mà Khổ Đế ăn sâu vào tâm Người.

Kế đó, tôi sẽ kể về chuyện học Huyền Thuật của Người, chuyện Người đã theo lời yêu cầu của thân mẫu, dùng tà thuật để tiêu diệt kẻ thù.

Về ba điều trên, tôi đã khá dài dòng, bây giờ tôi xin bắt đầu Phần Một.

---

*Chú thích:* (các chú thích cuối chương là của người dịch)

<sup>1</sup> Bốn cảnh giới Thiên: Theo dịch giả Tây Tạng là: (1) Tầm (Vitarka), (2) Từ (Vichara), (3) Hỉ (Priti) và (4) Duyệt (Sukha).

<sup>2</sup> Hai lớp Vô Minh: Ngã Chấp Vô Minh và Câu Sinh Vô Minh.

<sup>3</sup> Thắng Phướn: Ngọn cờ chiến thắng. Tượng trưng cho sự hưng thịnh của Chánh Pháp. Một biểu tượng của Phật Giáo Tây Tạng.

<sup>4</sup> Kim Cang Nhất Thừa (Vajra-Yana) danh từ chỉ Tông Môn ở Tây Tạng.

<sup>5</sup> Đoạn này nói về kết quả khi thành tựu môn luyện Hỏa Hầu (Kundalini Yoga) rất thịnh hành ở Tây Tạng hồi đó.

<sup>6</sup> Khả năng phân thân để câu hội với đại chúng ở các Thánh Địa.

<sup>7</sup> Theo Phật Pháp Tây Tạng có Ngũ Trí: (1) Pháp Giới Thể Tánh Trí, (2) Đại Viên cảnh Trí, (3) Bình Đẳng Tánh Trí, (4) Diệu Quán Sát Trí, (5) Thành Sở Tác Trí.

<sup>8</sup> Đây là thành tựu về Mật Chú (Mantra).

<sup>9</sup> Kim Cương Nhất Trì: Đây là một trong hai hóa thân của Phật Bất Động, theo Phật giáo Tây Tạng.

## PHẦN MỘT: CON ĐƯỜNG VÔ MINH

### CHƯƠNG MỘT: DÒNG DỐI VÀ ĐẢN SANH

*Kể lại những giấc mơ của Ngài Rechung đưa đến việc viết ra cuốn tiểu sử này về tổ tiên và đản sinh của Tổ Milapera.*

Tôi nghe như vậy: Một thưở bậc Đại Thánh Sư, hạt Minh Châu của chư hành giả thuộc Phái Vô Thượng Kim Lương Nhất Thừa (Anuttara Vajra-Yana), Đức Jetsun-Mila-Zhadpa-Dorje, ở một nơi trong động Tợ Vị của vùng Nyanam, nay là chỗ Thánh Địa linh hiển nhất.

Các đệ tử gồm có: Rechung-Dorje-Tagpa, Shiwa-Wod-Repa, Ngan-Dzong-Repa, Seban-Repa, Khyira-Repa, Bri-Gom-Repa, Lan-Gom-Repa, Sangyay-Kyap-Repa, Shan-Gom-Repa, Dampa-Gya-Phupa và Tonpa-Shakya-guna.

Đây là những vị thuộc hàng thượng thủ, họ đều thâm nhập Đại Định và Bản Tâm Thanh Tịnh.

Lại có Lesay-Bum và Shendormo, các nữ tân tu (mới tu) cùng với đại chúng thuộc cả hai phái.

Lại có năm vị thiên nữ hộ pháp Durga.

Ngoài ra, còn có nhiều vị hành giả thượng căn nam nữ, hoặc là nhân, hoặc là phi nhân, đã đắc những quả vị cao thượng.

Ở giữa đại chúng câu hội, Đức Jetsun chuyển Bánh Xe Pháp (thuyết pháp Đại Thừa).

Một đêm nọ, khi Rechung đang ngồi thiền định trong cốc của mình, ông đã mơ thấy một giấc mộng mà ông kể lại như sau:

Tôi đang đi dạo trong một quốc độ gọi là Tây Thổ Urgan, nơi cư ngụ của Chư Thiên nam nữ. Cõi nước đó cực kỳ đẹp và hỉ lạc. Nhà cửa cũng như cung điện đều được xây dựng bằng vàng, bạc và châu báu. Tôi đi qua kinh đô xứ này, dân cư ở đây đều mặc lụa là, trang điểm với những vòng hoa bằng trân châu, ngọc quý và trang sức bằng xương. Dung nhan mọi người đều thật mỹ lệ và khả ái. Tất cả đều nhìn tôi với vẻ mặt hoan hỉ ánh mắt thiện cảm, dù rằng không ai định nói chuyện với tôi cả.

Trong đám đông tôi nhận ra một người quen cũ ở Nepal, đó là bà nữ đệ tử của ngài Tiphupa, một trong những vị Đạo Sư của tôi.

Bà mặc y phục màu đỏ, đang cầm đầu đại chúng. Bà hân hoan đón tiếp tôi và nói: “Con ơi, ta lấy làm hoan hỉ là con đã đến đây!”. Rồi dẫn tôi vào một cung điện đầy những châu báu, ở đó tôi được tiếp đãi long trọng. Sau đó bà bảo: “Con à, Đức Phật Bất Động (Akshobhya) hiện đang thuyết pháp ở quốc độ



ĐỨC PHẬT BẤT ĐỘNG  
Chú giải trên trang v



Urgyan này. Nếu con muốn nghe, ta sẽ đi thỉnh ý Ngài.” Tôi tha thiết muốn được nghe nên đáp: “Xin đợi ơn bà!”

Cùng với bà, tôi đến trung tâm kinh đô, ở đó tôi thấy một pháp tòa vĩ đại được làm bằng trân châu và ngọc quý, trên đó Đức Phật Bất Động đang ngự. Tượng hảo của Ngài vượt xa hẳn những tượng tượng mà tôi đã nỗ lực quán tưởng về Ngài khi tham thiền.

Ngài đang thuyết pháp cho đại chúng nhiều mệnh môn như đại dương.

Được nhìn cảnh tượng đó, lòng tràn ngập những hỉ lạc đến nỗi hầu như tôi bị ngất đi. Bà bảo tôi: “Này con, con hãy ở đây trong khi ta đi thỉnh ý Đức Phật.”

Được phép, Bà liền trở lại dẫn tôi đến chỗ Đức Từ phụ. Trong khi đi tôi kính lễ Ngài và nhận được ân phước Ngài ban.

Sau đó, tôi ngồi xuống và lắng nghe thời Pháp. Thỉnh thoảng Đức Phật lại nhìn tôi mỉm cười, dung nhan từ ái, ánh mắt tràn đầy lân mẫn.

Đề mục mà Đức Thế Tôn đang dạy là dòng dõi, đản sinh và công đức của Chư Phật và Bồ Tát đời quá khứ.

Câu chuyện kể khiến tín tâm của tôi phát khởi sâu xa.

Cuối cùng Đức Phật kể tiểu sử các Tổ Tilopa, Naropa và Marpa, dài hơn rất nhiều so với những gì tôi được nghe thầy

Milarepa kể. Câu chuyện đã in sâu vào tâm khảm của mỗi người trong đại chúng sự khát ngưỡng chân thật.

Khi kết thúc thời Pháp, Đức Phật dạy rằng Ngài muốn kể tiểu sử của Tổ Milarepa vì nó còn kỳ diệu hơn hẳn khi so với của các vị trên, rồi Đức Phật mời đại chúng đến để dự thính.

Trong hội có vài người cho rằng, thật khó có gì kỳ diệu hơn những điều vừa được nghe kể. Nhưng Đức Phật đã dạy rằng hơn hẳn thì câu chuyện quả là quá đời phi thường. Một số khác lại nói: “Những tiểu sử mà chúng ta vừa được nghe kể là của những vị diệt trừ ác nghiệp và đắc quả vị trái qua nhiều đời kiếp, nhưng Tổ Milapera là bậc chứng quả và giải thoát không thua gì các vị kia mà chỉ trong một đời!”. Có người lại bảo: “Chà, nếu câu chuyện diệu kỳ như vậy mà chúng ta không được nghe và không chịu cầu nguyện để câu chuyện được kể lại thì chúng ta quả đắc tội!”. Một người hỏi: “Hiện nay Tổ Milapera ở đâu nhỉ?”. Có người đáp: “Người đang ở cõi trời Sắc Cứu Cánh (Akanishtha) hoặc cung trời Đệ Thích (Amaravati).” tôi bèn tự nhủ: “Lạ nhỉ! Hiện nay thầy Milapera đang sống ở Tây Tạng mà! Hình như các người này ám chỉ rằng mình phải hỏi chính thầy Milapera để Người kể về chính cuộc đời của Người. Đương nhiên mình phải làm rồi!”. Liên đó, bà ấy nắm tay tôi lắc nhẹ và nói: “Cháu hiểu rồi chứ?”

Tôi tỉnh dậy và thấy trời vừa rạng đông. Sáng đó, tâm trí tôi sáng suốt, lòng đầy những nguyện lực chân thành và tha thiết. Hồi

tưởng lại giấc mộng, tôi thấy quả là một điềm lành lớn lao và quả là đại phước duyên khi được gặp thầy Milapera trong hiện đời. Tôi nghĩ rằng nhờ từ lực của thầy Milapera mà tôi thấy được giấc mơ kia. Tôi tự trách mình thiếu tín tâm và trí huệ vì đã suy nghĩ không ra khi nghe nói rằng thầy Milapera ở cõi trời Sắc Cứu Cánh hay cung trời Đê thích. Bởi vì thầy Milapera ở đâu thì chỗ ấy há không trở thành lành thánh như các cõi trời hay sao? Bởi quá thân cận Thầy mình, tôi xem người chỉ như là một con người tầm thường ở Tây Tạng ! Quả là ngu muội! Tôi há không biết rằng thầy Milarepa đã đắc quả viên mãn, đã là một vị Phật, có thể hóa thân vô số hay sao? Tôi thấy giấc mơ này là một mệnh lệnh dạy tôi phải viết về cuộc đời của Người. Tôi quyết tâm sẽ thỉnh cầu Người kể lại mọi biến cố trong đời Người.

Trần ngập tín tâm chân thật và tha thiết vào vị thầy của mình, tôi cầu nguyện hồi lâu và sau đó nghỉ ngơi giây lát.

Tôi lại rơi vào một giấc ngủ say và thấy một giấc mơ khác, không được rõ ràng như giấc mộng trước.

Bây giờ là năm thiếu nữ trẻ đẹp, mặc năm màu áo khác nhau: Trắng, Xanh, Vàng, Đỏ và Lục. Họ tự nói là từ quốc độ Urygan đến. Họ nói chuyện với nhau trước mặt tôi. Một cô bảo: “Ngày mai, câu chuyện về cuộc đời của Tổ Milarepa sẽ được kể, mình đến dự thính, nhé!” Một cô khác liền hỏi: “Ai sẽ hỏi để Tổ Milarepa kể lại?” Cô thứ ba đáp: “Những đại đệ tử của Người sẽ hỏi chứ ai!”

Rồi cả năm cô đều liếc nhìn tôi và mỉm cười. Một cô lại nói: “Đây là một thời Pháp vi diệu rất lợi lạc cho đại chúng. Mình phải thỉnh cầu để thời pháp được ban ra chứ?” Một cô đáp: “Không, đó là bản phận của hàng đệ tử Người, còn nhiệm vụ của chúng ta là hộ pháp!”. Rồi tất cả biến mất như một cầu vồng (mống trời) khuất dạng.

Chợt tỉnh, tôi thấy mặt trời đã lên cao và hiểu rằng giấc mơ là một điềm lành từ năm thiếu nữ hộ pháp Durga.

Sau khi dùng điểm tâm trong tâm trạng hoan hỉ đó, Ngài Rechung đi đến Đức Milarepa và thấy đại chúng đã an vị chỗ ngồi.

Ngài Rechung bèn quì làm lễ trước mặt Tổ Milarepa, vấn an Người, đầu gối phải của Ngài chাম đất, chấp hai tay mà bạch rằng:

“ Bạch Thầy! Xin thầy từ bi ban ơn kể lại cho chúng con nghe về cuộc đời đầy biến cố của Thầy.”

Nghe vậy, Tổ Milarepa mỉm cười và nói rằng:

“Này Rechung! Con đã quá quen thuộc với cuộc đời của Thầy. Nhưng nếu con thỉnh cầu vì lợi ích của đại chúng, thì thầy không ngần ngại đáp ứng về nguyện vọng đó!”

Thầy thuộc giòng Josays thứ bảy của bộ tộc Khyungpo. Tên tộc của Thầy là Milarepa. Thuở niên thiếu thầy đã phạm một số điều ác, khi trưởng thành đã làm một số điều thiện. Nhưng bây giờ thầy đã dứt bỏ mọi phân biệt về thiện, ác. Đã thành tựu bản phận

chính yếu, trong đời vị lai thầy không cần phải dụng công nữa. Nếu bắt buộc thầy phải kể lại đầy đủ mọi biến cố của đời thầy, thì vài câu chuyện sẽ làm rơi nước mắt và vài câu chuyện sẽ mang lại nụ cười. Nhưng những điều đó lợi lạc không bao nhiêu, nên thầy mong các con hãy để lão già này được yên ổn!”

Ngài Rechung lại đứng lên, rồi quì xuống mà thưa rằng:

“Kính bạch thầy! Câu chuyện về phương thức mà thầy đã thể nghiệm Chơn Tâm, về những trở ngại và hi sinh lớn lao mà thầy phải trải qua để tìm ra Chân Tánh, về cách thức mà thầy đã tham thiền miên mật cho đến khi đắc quả vị Vô Thượng, về con đường mà thầy đã đi để siêu việt màn lưới nghiệp lực cũng như cắt đứt sự phát sinh của nghiệp báo đời vị lai, sẽ vô cùng lợi lạc cho tất cả những người tha thiết tu hành.”

“Thưa thầy! Thầy thuộc dòng ‘Josays thứ bảy’ của bộ tộc Khyungpo, vì sao thầy lại được gọi là Mila?”

“Lại nữa, trong thời niên thiếu thầy đã phạm những điều ác ra làm sao? Cái gì dẫn thầy đến việc làm các điều thiện?”

“Thầy dạy rằng, nhiều chuyện sẽ mang lại nụ cười và vài chuyện bi thương đến nỗi làm rơi lệ, vậy những chuyện đó xảy ra trong giai đoạn nào của cuộc đời thầy?”

“Biết được tất cả những điều này sẽ lợi ích vô cùng cho chúng sinh đời vị lai.”

“Bởi vậy, xin hãy thương xót con và đệ tử chúng con. Xin thầy từ bi, chớ do dự, làm ơn kể lại cho chúng con thật đầy đủ!”

“Tôi thỉnh cầu chư huynh đệ và đạo hữu hãy cùng thỉnh nguyện như tôi.”

Liền đó, toàn thể đại chúng đứng lên và làm lễ nhiều lần rồi thưa: “Chúng con xin thỉnh cầu như ý nguyện của huynh Rechung! Và bạch thầy! Xin thầy chuyển Pháp Luân!”

Bấy giờ, Tổ Milarepa dạy rằng:

“Lành thay! Nếu các ông nguyện như vậy thì thầy sẽ đáp ứng thỉnh cầu đó, vì không có gì cần phải che dấu trong cuộc đời của thầy!”

Về dòng dõi của thầy, thầy có thể nói thêm rằng ở miền Bắc của xứ Uru có một bộ lạc du mục lớn chăn nuôi súc vật. Trong số đó có một người thuộc bộ tộc Khyungpo trở thành một vị Lạt Ma của phái Ningmapa (Cựu phái). Ông rất tinh thông Huyền Thuật, có thể sai khiến âm binh. Trên bước đường hành hương, ông đến Huyện Chung-Wachi của vùng Tsang. Ở đây tiếng tăm ông lừng lẫy nhờ khả năng phù thủy để chữa bệnh ma quỷ.

Ông sống nhiều năm ở đó và được gọi là Khyungpo-Josay. Trong Vùng hể có ai bị bệnh ma quỷ nhập, thì liền mời ông đến chữa, nhưng có một gia đình không tin tưởng ông. Một lần nọ, gia đình đó bị một con quỷ dữ quấy phá. Con quỷ không dám lại gần Khyungpo-Josay nhưng không nể sợ ai khác. Gia đình kia đã mời

nhiều vị Lạt Ma khác đến để cầu đảo, nhưng con quý chống phá quyết liệt không chịu ra. Không những thế nó còn quấy phá dữ dằn hơn khiến cả gia đình cảm thấy hoàn toàn bất lực. Cuối cùng, vài người bà con khuyên họ mời Khyungpo-Josay, viện dẫn câu tục ngữ, ‘Hễ chữa lành bệnh thì dù mỡ chó cũng sử dụng’! Người gia trưởng nói: “Được rồi, bằng bất cứ giá nào cũng phải mời cho được ông ấy!”

Sau đó, Khyungpo-Josay được mời đến. Ông đến gần con quý và nghiêm khắc mắng ba lần rằng: “Ta là Khyungpo-Josay đến đây để ăn thịt và uống máu của tất cả bọn quý các người! Đứng lại! Đứng lại!”. Đồng thời xông tới. Con quý quá kinh hãi, nó la lớn: “Cha ơi! Mẹ ơi! Ôi người! Ôi người!” (Apa! Ama! Mila! Mila!). Khi ông đến gần, nó van xin: “Ôi Người! (Mila!) tôi không bao giờ đến chỗ có Người hiện diện, xin tha mạng cho tôi!”. Ông bèn bắt con quý thề rằng trong tương lai sẽ không quấy nhiễu ai nữa rồi tha cho nó ra đi. Liên đó, con quý liền đến một gia đình thường thờ cúng nó và kêu lên: “Ôi người! Ôi người! (Mila! Mila!) Ta chưa bao giờ thống khổ như lần này!” Khi họ hỏi nó, ai đã làm cho nó khổ sở, thì nó cho biết đó là Khyungpo-Josay, ông đã khiến nó đau đớn gần chết và cuối cùng bắt nó phải thề.

Từ ngày đó, Khyungpo-Josay được gọi là ‘Mila’ để khen ngợi khả năng phù thủy phi thường của ông, và do vậy con cháu cũng lấy họ là ‘Mila’. Về sau, người ta thấy con quý không còn làm hại



ai nữa nên họ cho rằng nó đã chết, hay nói đúng hơn là nó đã được chuyển kiếp.

Dòng họ của thầy mỗi đời chỉ có một trai, đến đời ông của thầy là Mila-Dorje-Sengé. Ông nội thầy là một người cờ bạc đam mê và chuyên nghiệp, ông thường thắng những canh bạc lớn. Tình cờ lại có một tay đánh bạc ở xứ khác đến, còn thiện nghệ bài bạc hơn cả ông, lão này thách thức ông đánh vài ván với tiền cá độ nhỏ để tìm hiểu và sau đó thắng ông những món tiền lớn. Dĩ nhiên, ông nội thầy nổi máu ăn thua. Tay đồ bạc chuyên nghiệp kia đã tìm cách dụ ông cho đến khi tiền đánh cuộc là toàn thể tài sản của mỗi đối thủ, bao gồm nhà cửa, tiền bạc và đồ đạc. Hai bên cùng ký giấy giao kèo là người thua không được quít hay khát nợ. Như các con cũng có thể đoán trước là ông nội thầy thua cuộc. Và thế là ông và ông cố phải ta đi với hai bàn tay trắng về tỉnh Gungthang và định cư ở vùng Kyanga-Tsa.

Ông cố thầy thường nghiên cứu kinh điển. Ông hay cử hành những nghi thức cầu đảo để ngăn ngừa mưa đá, cũng như luyện bùa cầu an cho trẻ con đeo. Người ta gọi ông là vị Lạt-Ma-Nghi-Thức.

Trong khi đó ông nội thầy chuyển sang nghề đi buôn. Mùa Đông, ông mua len ở miền Nam, và mùa Hè ông đi lên những cánh đồng chăn nuôi ở miền Bắc. Ngoài ra, ông cũng đi buôn những chuyến ngắn ngày giữa hai tỉnh Mang-Yul và Gungthang. Nhờ vậy hai cha con ông tích lũy được khá nhiều của cải.

Vào thời gian này, ông nội thầy lấy vợ và không bao lâu cha thầy ra đời với cái tên là Mila-Sherab-Gyaltsen. Khi cha thầy còn niên thiếu thì ông cố thầy qua đời. Tang lễ được cử hành trọng thể.

Ông nội thầy vẫn theo nghề buôn và càng giàu hơn trước. Ông mua được đám ruộng hình tam giác nằm gần Kyanga-Tsa của một người tên là Worma, và gọi nó là ‘ Tam giác Worma’. Kế đám ruộng này có một nền nhà cũ, ông mua luôn và xây một ngôi nhà lớn lên đó.

Năm hai mươi tuổi, cha thầy cưới vợ. Mẹ thầy thuộc gia đình khá giả, gốc hoàng phái, tên bà là Bạch Hoa Quan. Bà là một thiếu nữ khả ái, thông minh, khỏe mạnh, cư xử khôn khéo.

Ngoài ngôi nhà ở trên, ông nội thầy lại xây một ngôi nhà thật lớn, cao ba tầng, tọa lạc trên bốn cây trụ và tám cây cột. Đây là một trong những ngôi nhà đẹp nhất vùng Kyang-Tsa và được gọi là dinh cơ ‘Tứ Bát’.

Thời gian này, những người bà con của ông nội thầy ở Chungwachi nghe đồn cha con ông đang sống giàu có ở Tsa, nên một người cháu trai tên là Yungdung-Gyaltsen và một người cháu gái tên là Khyung-Tsa-Palden tìm đến. Ông nội thầy vốn là người thương yêu bà con, nên đã vui vẻ đón tiếp, dạy cho họ nghề buôn và chẳng bao lâu họ cũng trở nên giàu có.

Ông nội thầy qua đời và cha thầy kế nghiệp ông. Thầy ra đời khi cha thầy đang trên đường đi buôn ở phía Bắc rặng núi Taktsi.

Đó là ngày 25 tháng 8 năm Nhâm Thìn (D.L 1052). Mẹ thầy liền cho người đem thư báo cho cha thầy hay với nội dung như sau: “ Công việc của mùa Thu sắp đến rồi và em vừa hạ sinh một bé trai. Anh hãy về gấp để đặt tên và làm lễ cho con, nhé!”. Nhận được tin, cha thầy rất vui mừng, ông nói: “ Ôi lành thay! Con ta đã có tên rồi đó! Dòng họ ta mỗi đời chỉ có một người nam, nghe nó là con trai ta vui sướng xiết bao! Hãy gọi nó là Hỷ Văn (Thopaga). Việc buôn bán cũng xong rồi, ta về ngay!”. Rồi ông lên đường trở về nhà và tên thầy chính thức là Hỷ Văn. Nghi lễ đặt tên được tổ chức trọng thể và náo nhiệt.

Suốt thời niên thiếu, thầy được chăm sóc cẩn thận. Thầy có một giọng nói rất hay, ai nghe cũng hân hoan, nên người ta cho rằng đặt tên thầy là Hỷ Văn thật là thích hợp.

Khi thầy lên bốn tuổi, mẹ thầy sinh em gái thầy và đặt tên là Thùy Hộ (Gon-ma-kyit), tên cúng cơm là Peta.

Ngay hiện giờ thầy vẫn còn nhớ là anh em thầy thường cài tóc với đồ bằng vàng và bích ngọc. Gia đình thầy rất có bề thế, kết thân gia với những gia đình quý phái nhất trong vùng. Những nhà nghèo thường phải nhờ vả gia đình thầy đến nỗi gia đình thầy xem họ như là tài sản của mình. Bởi thế người dân địa phương thường thì thăm với nhau về gia đình thầy như sau:

“Chưa có ai đi tha hương cầu thực mà cần mẫn và giàu có hơn họ. Nhìn nhà họ kia! Nhìn đồ đạc trong nhà kia! Nhìn đồ trang sức họ đeo kia! Nhìn gì cũng phát ham!”.

Trong khi gia đình thầy đang bị mọi người ganh tỵ như vậy thì cha thầy qua đời. Dĩ nhiên, tang lễ của Người tổ chức rất rình rang.

Trên đây là phần đầu câu chuyện kể lại về sự đản sinh của Đức Milapera.

## CHƯƠNG HAI: NẼM MÙI ĐAU KHỔ

*Cái chết và di chúc của thân phụ Đức Milapera. Sự chiếm đoạt di sản của chú thím Đức Milapera. Hậu quả đau khổ mà mẹ con Đức Milapera phải gánh chịu.*

Ngài Rechung lại thưa rằng:

“Bạch thầy! Xin thầy từ bi kể lại chi tiết về những đau khổ và khôn khó của thầy sau khi thân phụ thầy qua đời!”

Tổ Milapera bèn kể tiếp:

“ Năm thầy lên bảy, cha thầy lâm trọng bệnh. Các vị y sư và Lạt Ma điều trị cho ông cho hay rằng không thể chữa được và cái chết đã gần kề. Tất cả những người thân của ông đều biết rõ điều này và chính ông cũng không còn thiết sống. Ông cho gọi tất cả họ hàng thân thích lại để dặn dò di chúc. Ông giao phó việc bảo dưỡng mẹ con thầy và quản lý toàn thể tài sản cho chú thím thầy! Cuối cùng ông còn cho làm một tờ di chúc viết tay, đọc lớn lên rồi ký tên và đóng dấu giữa sự chứng kiến của mọi người.

Sau cùng, ông căn dặn: “ Ta thấy rõ là không thể qua khỏi cơn bệnh này. Con trai ta còn tuổi thơ dại, ta giao phó sự săn sóc nó cho những người thân của ta, nhất là chú thím nó! Tất cả tài sản của ta, bao gồm gia súc ở những thảo nguyên trên sườn đồi, những đám ruộng lớn nhỏ, những gia súc nuôi trong nhà, những đồ gia dụng

bằng vàng, bạc và kim loại, những của cải kho tàng. Nói tóm lại, tất cả những thứ mà nhờ chúng, ta không cần phải ganh tị với ai cả, thì nay ta để lại tất cả! Hãy dùng một phần để lo đám tang cho ta. Phần còn lại ta giao phó sự trông nom cho tất cả mọi người hiện diện nơi đây, cho đến khi con ta đến tuổi có thể cai quản lấy. Nhưng đặc biệt là ta giao phó sự quản lý tài sản này cho chú thím nó! Khi con ta đến tuổi trưởng thành, hãy cưới Zesay (đã hứa hôn) cho nó. Khi cô dâu đã về nhà chồng, hãy để vợ chồng nó tự lo liệu lấy, như cha mẹ chúng trước đây. Nhưng từ nay cho đến khi con trai ta khôn lớn, ta trông cậy mọi chuyện vào các người, nhất là chú thím nó! Cầu mong mọi chuyện an lành! Hãy nhớ rằng, từ nơi suối vàng ta luôn luôn theo dõi các người!”.

Nói xong lời này thân phụ thầy qua đời.

Khi tang lễ cha thầy đã được lo xong, tất cả bà con đều nói: “Hãy để cô Bạch Hoa Quan tự quản lý toàn thể tài sản, còn mỗi người trong bọn mình sẽ gắng giúp cô ấy khi nào cần!”. Nhưng chú thím thầy tuyên bố: “ Các người muốn nói gì thì nói, nhưng chúng tôi là bà con gần nhất. Chúng tôi phải chính tay lo liệu sao cho cô ấy và mấy cháu khỏi khổ! Còn về phần tài sản, chúng tôi sẽ quản lý!”. Rồi bất chấp mọi lời bàn của cậu thầy và thân phụ Zesay, chú thím thầy đem tài sản của cha thầy ra chia nhau. Chú thầy lấy tất cả những gì thuộc phái nam, thím thầy lấy hết đồ đạc thuộc phái nữ! Họ lại bắt buộc mẹ con thầy phải ra đi và sống lần lượt ở chỗ của một trong hai người họ. Thế là mẹ con thầy đã bị tước đoạt tất cả

quyền hạn về tài sản. Không những thế, họ còn bắt mẹ con thầy về mùa Hè làm tá điền cho chú thầy, về mùa Đông về làm thợ dệt cho thím thầy!

Thức ăn của mẹ con thầy giống như đồ cho chó ăn. Áo quần thì rách nát được cột lại bằng dây. Bị cưỡng bách làm việc không ngừng, tay chân của mẹ con thầy trở nên sần sùi, chai sạn. Do thiếu ăn, trông mẹ con thầy hốc hác lắm. Trước kia, tóc mẹ con thầy thường được chải dầu bóng mượt, cài vàng hay ngọc, thì nay xù lên, cứng và đầy chí mèn!

Những người tốt bụng đã từng biết mẹ con thầy từ thuở gia đình thầy còn giàu sang, thì nay khi thấy mẹ con thầy đã không cầm được nước mắt!

Những lời bàn tán về hành vi độc ác của chú thím thầy vang sang cả vùng lân cận, nhưng họ vẫn không hề bận tâm đến.

Mẹ con thầy khổ đến nỗi mẹ thầy thường nói về thím thầy như sau: “Mụ ta không phải là Khyung-Tsa-Palden (Ứng Tộc Thiện Nhân) mà là Dumo-takden (con quỷ cái) thì đúng hơn, “bà cũng hay nhắc câu ngạn ngữ, ‘Cứ tin mà giao tài sản cho kẻ khác, rồi trở thành con chó gác cửa!’, thật đúng trong trường hợp này, rồi bà than thở: “Này các con xem đó. Hồi cha con còn sống, ai cũng trọng vọng mình. Còn bây giờ họ chỉ để ý chú thím con!”.

Người ta lại xâm xì nhau: “Ngạn ngữ có câu, ‘Chồng giàu thì vợ giỏi, len tốt thì áo đẹp’, đúng ơ là đúng! Hãy nhìn cái bà Bạch



Hoa Quan kia! Hồi chồng bà ta còn sống, bà ta được gọi là ‘Nội tướng đảm đang’, ‘tay vàng tay bạc’, còn bây giờ ông ta mất rồi, mới biết bà ta dở tệ!”. Những người trước đây thua sút gia đình thầy quả là không thiếu dịp khích bác, chê bai.

Cha mẹ của Zesay thỉnh thoảng cho thầy một mảnh vải hoặc đôi giày. Họ thường an ủi thầy: “Con ơi! Chừng nào mà người đàn ông chưa biến thành tài sản thì tài sản không vững bền, giống như hạt sương trên cỏ. Con chớ buồn vì chuyện mất tài sản. Cha mẹ con, tổ tiên con cũng làm giàu bằng chính tài sức của họ. Khi thời cơ đến, con cũng sẽ tự làm giàu. Lo gì!”.

Năm thầy được mười lăm tuổi, mẹ thầy mua được một miếng ruộng tên là ‘Tiểu Sáu Điền’. Tuy mang cái tên chẳng hay ho gì, nó cũng cho khá nhiều lúa. Cậu thầy lo canh tác thửa ruộng này, huê lợi thu hoạch được chia làm ba: một phần để mua thịt, một phần để làm bia *chhang* và một phần để làm bột.

Thầy đã đến lúc phải tranh đấu để giành lại tài sản, mẹ thầy tổ chức một buổi tiệc lớn và mời tất cả bà con lân lý, nhất là những người có hiện diện trong ngày cha thầy qua đời và biết rõ về việc di chúc của ông. Hẳn nhiên, bà cũng cho mời phe cánh họ hàng do chú thím thầy cầm đầu. Bà mượn nhiều tấm thảm và trải khắp nhà. Vợ chồng chú thím thầy được đãi nguyên một con cừu. Những người khách khác, tùy theo mức độ thân sơ, được đãi một phần tư

con cừu, hoặc gà, sườn .....Bia *Chhang* cũng được dọn ra trong những cái ly có bít miệng. Và thế là bữa tiệc bắt đầu.

Kế đó, mẹ thầy đứng lên giữa đám tiệc và nói: “Kính thưa bà con, làng xóm xa gần! Tôi xin phép mọi người để giải thích lý do tại sao tôi được hân hạnh mời bà con đến dự buổi tiệc hôm nay. Ngạn ngữ có câu, ‘Sinh con trai thì phải có lễ đặt tên. Mời bia *chaang* là có nói chuyện!’. Bởi vậy, tôi xin có vài lời về chuyện di chúc của chồng tôi, ông Mila-Sherab-Gyaltzen, cha của hai đứa trẻ này. Điều này ai cũng biết, nhất là chú thím sắp nhỏ. Bây giờ, xin bà con hãy nghe di chúc mà tôi đọc đây!”.

Liên đó cậu thầy đọc lớn lời di chúc. Sau khi ông đọc xong, mẹ thầy tiếp lời: “Kính thưa bà con! Mọi người hiện diện hôm nay cũng đã chính tai mình nghe lời trời trần của chồng tôi, bởi vậy tôi không dám lặp lại sợ phiền bà con. Nói cho đúng, mẹ con tôi cũng rất biết ơn sự bảo dưỡng của chú thím tụi nhỏ từ hồi chồng tôi mất cho đến giờ. Nay con trai tôi đã đủ sức để tự quản lý lấy, tôi yêu cầu hãy giao hoàn tài sản cho chúng tôi. Tôi cũng xin mọi người là được cưới Zesay cho con trai tôi, cô ấy sẽ ở chung nhà với mẹ con tôi thể theo ý muốn của di chúc do chồng tôi để lại!”.

Khi mẹ thầy nói xong, chú thím thầy bình thường họ kinh chổng nhau, thì nay liên kết chặt chẽ để chiếm đoạt tài sản liền phản công: “Này, cô nói tài sản ở đâu thế? Khi ông Mila-Sherab-Gyaltzen chồng cô còn sinh tiền, ông ta đã mượn của chúng tôi mọi

thứ: nhà cửa, ruộng đất, tiền bạc, của cải này. Tất cả là của chúng tôi! Chỉ đến khi chết ông ta mới giao lại cho chúng tôi. Vậy là vật hoàn cổ chủ. Cô đâu có chút của cải gì? Chúng tôi chưa hề thấy cô có gì! Nay cô lại dám ăn nói thế à! Ai viết tờ di chúc đó? Đúng ra mẹ con cô phải cảm ơn chúng tôi đã không để mẹ con cô chết đói mới phải! Ngạn ngữ có câu, ‘Thà lấy thùng mà đong nước suối còn hơn phân bua với kẻ xấu’! Quả là đúng với cô!”.

Nhiếc mắng mẹ thầy xong, họ đứng phắt dậy, giũ áo quần, dậm gót giày xuống nền nhà nói tiếp: “Đã đến nước này thì cái nhà này là của chúng tôi, nhé! Hãy rút ra khỏi đây, đồ mẹ góa con côì vô ơn bội nghĩa!”. Nói xong, họ dùng ống tay áo đánh vào mặt mẹ con thầy. Mẹ thầy chỉ còn đủ sức nói: “Ôi ông Mila-Sherab-Gyaltsen ơi! Hãy nhìn tình cảnh mà mẹ con tôi đang gánh chịu! Ông có nói, ‘Ta sẽ theo dõi các người từ suối vàng!’”. Nếu quả vậy, thì bây giờ là đúng lúc rồi đó ông ơi là ông!”. Rồi bà khóc ngất và xỉu. Anh em thầy không biết làm cách nào hơn là khóc theo mẹ!

Cậu thầy không dám đánh chú thầy vì thấy ông ta có nhiều con trai lớn đi theo. Những người tốt bụng khác chỉ còn cách khóc theo mẹ thầy và than thở: “Tội nghiệp thay cho mẹ góa con côì!”. Nhiều người thở dài, ít ai cầm được nước mắt.

Chú thím thầy lại tiếp: “ Cô đòi của cải của chúng tôi mà cô có vẻ khá giả quá! Cô dám mở một bữa tiệc lớn như thế này để đãi đằng mọi người. Cô đừng đòi hỏi gì ở chúng tôi vì chúng tôi có lấy

gì của cô đâu! Cứ việc nói! Mà dù chúng tôi có, chúng tôi cũng không trả đâu! Đồ chết tiệt! Muốn gì nào! Dám đánh nhau với chúng tao không?! Nếu biết đánh không lại thì cứ việc chửi!”.

Nói xong, họ bỏ đi, những người theo phe họ cũng về theo. Mẹ thầy vẫn tiếp tục khóc cho đến khi chỉ còn cậu thầy, cha mẹ Zesay và vài người khác ở lại để an ủi bà. Họ uống phần bia *chhang* còn lại rồi bảo: “Thôi cô nín đi! Khóc có ích gì đâu!”. Rồi họ bàn tính là sẽ tổ chức một cuộc quyên tiền với những người có dự tiệc, kêu gọi sự giúp đỡ, kể cả chú thím thầy phải đóng góp một phần. Với số tiền quyên được, sẽ gửi thầy đi học.

Cậu thầy nói với mẹ thầy: “Đúng vậy! Hãy làm thế và gửi thằng bé đi học một cái gì đó. Riêng chị và Peta thì ở lại với em rồi tự lo canh tác thửa ruộng của mình. Mình phải gắng sao làm nhục chú thím nó mới được!”.

Nhưng mẹ thầy nói: “Vì không đòi tài sản lại được, tôi không thể nuôi con tôi với của bố thím của người khác. Hơn nữa, khó mà đòi được chút gì ở chú thím nó. Đã đến cơ sự này mà còn nhờ vả họ thì sẽ mang nhục. Họ sẽ đối xử tàn tệ hơn trước. Mình phải tự lo liệu lấy thôi. Mẹ con tôi vẫn ở đây và trông trọt miếng đất của mình”.

Sau đó, thầy được gửi tới vùng Mithong-gat-kha tỉnh Tsa để học với một vị Lạt Ma thuộc Hồng Mạo Phái tên là Bát Xà (Lu-gyat-khan), rất nổi tiếng ở đó.

Suốt thời gian này, hình như bà con thầy có đóng góp tiền bạc giúp đỡ gia đình thầy. Nhất là cha mẹ Zesay, họ thường gửi cho mẹ con thầy bột, bơ hoặc nhiên liệu, lại thỉnh thoảng cho Zesay đến chỗ thầy học để an ủi thầy. Cậu thầy lo nuôi dưỡng mẹ và em gái thầy để họ khỏi phải đi ăn xin hay làm mướn, ông có cả len để dệt ở nhà. Về phần em gái thầy, cô ấy gắng làm mọi việc để có tiền tiêu dùng. Nhưng dù vậy, mẹ và em gái thầy vẫn phải sống rất chật vật, điều này khiến thầy vô cùng đau khổ, đến nỗi thầy không hề biết vui là gì!

Khi câu chuyện ngừng lại, đại chúng đang lắng nghe đều cảm động sâu xa, không cầm được nước mắt, và họ đều im lặng.

## CHƯƠNG BA: LUYỆN HUYỀN THUẬT

*Kể về các ông Pháp Sư và việc Đức Milapera luyện Huyền Thuật. Đức Milapera dùng Huyền Thuật diệt ba mươi lăm kẻ thù.*

Ngài Rechung lại đứng lên thưa với Đức Milapera: “Bạch thầy! Thầy đã nói là trước tiên thầy phạm một số điều ác. Những điều ác này là gì và chúng bị phạm như thế nào?”

Tổ Milapera trả lời: “Bằng Tà Thuật và thuật gây mưa đá thầy đã chât một đồng tội ác!”

Ngài Rechung lại hỏi: “Bạch thầy! Thầy đã phạm chuyện đó như thế nào? Tại sao thầy lại làm vậy?”

Tổ Milapera đáp: “Có lần thầy theo vị Lạt Ma đến dự một buổi lễ ở Hạ Thôn tại Tsa. Ông là vị khách quan trọng nhất của buổi lễ nên ngồi ở ghế chủ tọa. Ông được mọi người mời rượu, do uống nhiều quá, ông cực kỳ hưng phấn. Đúng lúc ấy, thầy được ông cho về nhà trước với một mớ quà tặng do người ta biếu cho ông.

Không khí bữa tiệc khiến thầy cũng bị kích động, lại được nghe nhiều người hát, khiến thầy cũng nôn nao muốn hát để khoe giọng hát mà thầy vốn lấy làm hãnh diện của mình. Bởi thế, thầy ca hát suốt dọc đường. Con đường về nhà vị Lạt Ma đi ngang qua nhà thầy và thầy vẫn tiếp tục hát khi đã đến gần nhà thầy. Khi ấy mẹ

thầy đang nướng bánh trong bếp. Nghe tiếng thầy hát, bà không tin vào lỗ tai mình dù rằng tiếng hát êm dịu khác thường của thầy thì bà đã quá quen thuộc.

Bà cho rằng thầy không thể ca hát được khi hoàn cảnh gia đình đang bi đát như thế. Nhưng khi nhìn ra đường và thấy đúng là thầy, bà hoàn toàn sững sờ.

Bà buông cái kẹp chảo xuống bên phải, thả cái chảo xuống bên trái, rồi để mặc bột cháy trong chảo, bà chạy vụt ra với cây roi trên tay phải, tay trái hốt một nắm tro.

Vội vã nhảy xuống bậc tam cấp, bà xông tới vừa ném tro vào mặt thầy, vừa quất roi lia lia vào đầu thầy rồi la lớn: “Ôi Ông Mila-Sherab-Gyaltzen ơi! Xem cậu quý tử của ông nè! Máu của ông chắc không chảy trong người thằng lêu lổng này! Ôi! Hãy nhìn tình cảnh mẹ con tôi!”. Rồi bà ngã lăn ra bất tỉnh.

Lúc đó, em gái thầy chạy ra la lên: “Anh ơi! Anh nghĩ gì thế? Nhìn mẹ, kia!” Rồi khóc òa. Điều ấy khiến thầy chột tỉnh, rồi cảm thấy hồi hận, thầy cũng khóc theo. Hai anh em thầy nắm lấy tay mẹ mà kêu réo.

Sau một hồi, bà tỉnh lại, bà nhìn sững thầy với vẻ ác cảm, mặt đầm đìa nước mắt. Bà rên rỉ: “Con ơi! Con vui sướng lắm sao mà ca hát vậy! Riêng mẹ thì mẹ cho rằng mẹ con mình là những người khốn khổ nhất trong những kẻ đau khổ! Mẹ chỉ còn biết than khóc mà thôi!” Rồi ba mẹ con thầy ôm nhau khóc lớn.



Thầy nói: “Thưa mẹ, mẹ nói phải lắm! Nhưng xin mẹ yên lòng, con xin thề sẽ làm bất cứ điều gì mà mẹ muốn. Mẹ ơi! Mẹ muốn điều gì?”

Mẹ thầy đáp: “Con ơi! Mẹ muốn thấy con mặc áo choàng móc lưới, cỡi ngựa rồi dùng chân yên ngựa tròng lên kẻ thù của mẹ con mình mà kéo lê chúng đi! Nhưng điều đó khó thực hiện và nguy hiểm quá. Do đó, mẹ muốn con sẽ học tinh thông Huyền Thuật, để con có thể giết chết kẻ thù của mình, nhất là chú thím nó, kẻ đã gây cho mẹ con mình quá nhiều tội nhục. Hãy chặt đứt gốc rễ con cháu tội nó cho đến đời thứ chín! Liệu con có làm được điều đó không?”

Thầy bèn thề là sẽ thực hiện cho bằng được ước muốn của bà, với điều kiện là bà phải lo tiền dâng cúng học phí cho các vị Pháp Sư Huyền Thuật, tiền đi đường cũng như tiền ăn cho thầy suốt thời gian học.

Mẹ thầy bèn bán một nửa thửa ruộng ‘Tiểu Sáu Điền’ để mua một viên bích ngọc tên ‘Diệu Tinh’ và một con ngựa tơ màu trắng tên ‘Mãnh Sư’ rất nổi tiếng trong vùng. Bà cũng mua hai kiện thuốc nhuộm và hai lô đường thô.

Rồi thầy lên đường đến tỉnh Gungthang ở đó có một cái quán tên ‘Tự Mãn’, thầy bèn trọ lại đó vài hôm để tìm bạn đồng hành. Chẳng bao lâu có năm anh thanh niên thuộc những gia đình khá giả của bộ tộc Ngari-Dol đến, họ định đi đến tỉnh U và Tsang để học hỏi về tôn giáo và Huyền Thuật. Thầy liền nói rõ ý định của mình

và xin cùng đi với họ, được họ đồng ý, thầy đưa họ xuống miền Hạ Thổ của Gungthang và đãi đằng họ chu đáo.

Ở đây, mẹ thầy kéo họ ra riêng và dặn rằng: “Này mấy cậu, con tôi không siêng năng lại thiếu nhẫn nại! Bởi vậy xin mấy cậu khuyên nhủ cháu học hành. Khi nào mấy cậu trở về, tôi sẽ đền đáp chứ không dám quên ơn mấy cậu đâu!”

Chất hai kiện thuốc nhuộm lên ngựa và buộc viên bích ngọc vào người, thầy lên đường. Mẹ thầy theo đưa một đoạn đường dài. Hễ bọn thầy dừng chân tạm nghỉ là bà lại đãi bia *chhang* và dặn dò những người bạn đồng hành của thầy săn sóc thầy. Thầy là con trai duy nhất nên bà không nỡ xa thầy. Bà nắm tay thầy mà nước mắt chảy ròng ròng. Cuối cùng, kéo thầy ra một bên, bà sụt sùi căn dặn: “Con yêu quý của mẹ! Hãy ghi tâm khắc cốt nỗi đau khổ của mẹ con mình mà thực hiện cho được mục tiêu đã vạch ra. Con hãy biểu lộ quyền phép của con ngay tại đây bằng cách gây ra vài sự tàn phá! Chuyện học Huyền Thuật của con không giống với mấy cậu kia đâu. Họ học là để nổi tiếng, còn con học là vì nhu cầu thực tế. Nếu con trở về mà không thi triển được những pháp thuật của con ở đây thì mẹ thề với con rằng mẹ sẽ tự tử ngay trước mặt con!!!”

Căn dặn xong, bà từ giã. Chính thầy cũng không chịu nổi cuộc chia ly này, thầy thương bà quá đỗi. Chốc chốc, thầy lại ngoảnh nhìn lui và không ngăn được giòng nước mắt tuôn rơi dù thầy đã cố hết sức kiềm chế. Mẹ thầy cũng đau khổ không kém vì thầy là con

traí duy nhất. Hai mẹ con cứ ngoảnh nhìn nhau cho đến khi khuất dạng mới thôi. Khi đó trong lòng thầy nổi lên một ước muốn khôn tả là lui về với mẹ, nhưng với một nỗ lực hầu như là phi thường, thầy đã tự chủ được.

Sau này, thầy mới hiểu ra rằng đây là điềm báo cho hay thầy sẽ không còn được gặp lại mẹ bằng xương bằng thịt. Khi thầy đã đi khuất dạng, mẹ thầy vừa trở về làng vừa khóc lóc! Và vài ngày sau người ta đồn ầm lên rằng con trai của bà Bạch Hoa Quan đã ra đi học Huyền Thuật để báo thù!

Theo con đường U Tsang, bọn thầy đến Yakde ở Tsang-rong. Tại đây thầy bán con ngựa và thuốc nhuộm cho một vị phú ông để lấy vàng cất vào người.

Vượt qua sông Tsang-po, bọn thầy đến vùng đất Thon-luk-rakha thuộc tỉnh U. Ở đó bọn thầy gặp nhiều vị Lạt Ma của tỉnh U. Thầy liền hỏi họ ai là vị Pháp Sư giỏi nhất về Huyền Thuật gây chết chóc và tạo ra mưa đá phá hủy mùa màng, thì một người trong họ cho biết có một vị Pháp Sư nổi tiếng tên là Yungtun-Trogyal ở làng Yarlung-Kyorpo, vị Lạt Ma còn cho hay chính ông là đệ tử của vị Pháp Sư đó. Nghe vậy bọn thầy bèn tìm đến.

Khi đã đến làng Yarlung-Kyorpo và gặp được vị Pháp Sư, thì những người bạn đồng hành của thầy chỉ dâng cúng tiền, nhưng riêng thầy thì thầy dâng hết những gì mình có: nào vàng, nào bích ngọc ... và ngay cả thân tâm của thầy, chỉ mong sao ông sẽ dạy cho

thầy Huyền Thuật để thầy đủ sức gây tai ương cho những kẻ đã chiếm đoạt tài sản của thầy! Một thỉnh cầu khác của thầy là mong được ông cung cấp vấn đề ăn mặc cho đến khi thầy thành tài. Vị Pháp Sư cười và bảo: “Ta sẽ xét thỉnh cầu của con!”

Từ đó, bọn thầy bắt đầu học những môn về Huyền Thuật, không hiệu quả lắm nhưng lại mang những tiêu đề rất kêu, ví dụ, ‘Thuật Hòa Hợp Thiên Địa’, ‘Thuật Đối Phó Tử Thần’ v.v...

Bọn thầy học những môn này gần được một năm, thì những người bạn đồng hành bắt đầu nghĩ đến chuyện hồi hương. Để từ giã, ông thầy cho bọn thầy mỗi người một cái áo len loại hảo hạng của tỉnh U. Nhưng thầy bán khoản quá đắt, vì nhận thấy những gì đã học được chưa đủ để gây ra một điều gì cụ thể ở làng thầy. Thầy cũng biết rõ rằng nếu thầy không làm được cái gì đó cho ngoạn mục thì mẹ thầy sẽ tự tử ngay trước mặt thầy! Bởi vậy thầy không nghĩ đến chuyện trở về. Thấy thầy có vẻ phân vân, những người bạn đồng hành bèn hỏi phải chăng thầy không muốn hồi hương. Thầy trả lời là chưa học được gì hết! Nghe vậy họ đều nói: “Tụi tụi học vậy là đủ xài rồi. Bây giờ chỉ còn phải kiên nhẫn áp dụng những gì đã học. Thầy bảo đã truyền hết nghề cho tụi mình, và tụi tụi cũng nhận thấy như vậy nhưng nếu anh muốn ở lại thì cứ ở, may ra có học thêm được gì chẳng!”

Sau đó họ bèn làm lễ từ giã, dâng lễ vật lên vị Pháp Sư và trở về cố hương. Mặc cái áo vị Pháp Sư cho, thầy đưa họ một quãng

đường phải đi hết một buổi sáng rồi trở lại. Trên đường về nhà vị Pháp Sư, thầy hốt được một mớ phân bón gặp ở dọc đường. Về đến nhà, thầy đào một cái lỗ trong vườn rồi chôn phân vào đó.

Từ trên mái nhà, vị Pháp Sư thấy hết những gì thầy làm, ông bèn nói với những đệ tử đang ở quanh ông: “Trong tất cả các đệ tử mà ta đã dạy, không có ai tình cảm và cần mẫn như cậu này. Nó đang trở lại với ta, có lẽ vì vậy mà sáng nay nó không từ giã ta. Ta nhớ lại là ngay từ khi bữa đầu gặp gỡ, nó đã nói về những người bà con đã bạc đãi nó và nó mong ta sẽ dạy cho nó Huyền Thuật để nó thi triển sở đắc ở cố hương, đồng thời dân cho ta cả thân xác và sự sống của nó. Thằng nhỏ chân thành xiết bao! Nếu những gì nó nói là sự thật, thì quả là đáng hổ thẹn nếu ta từ chối không dạy cho nó!”

Sau đó, thầy được một người bạn đồng môn kể lại chuyện trên, lòng thầy tràn ngập hân hoan khi nghĩ đến chuyện sẽ được truyền nghề thực sự.

Khi thầy vào chào vị Lạt Ma, ông hỏi: “Hy Văn! Sao con không về quê?” Thầy đã gói cái áo mà ông cho lại, và bây giờ dang lên ông như một lễ vật mới, rồi cung kính làm lễ, đầu chạm vào bàn chân ông, mà thưa rằng: “Lạy thầy tôn kính! Con là đứa trẻ mồ côi với mẹ già, em dại. Gia đình con đã bị chiếm đoạt tài sản, đối xử tàn tệ bởi bà con, do chú thím con cầm đầu. Vì gia đình con hoàn toàn bất lực, nên mẹ con gửi con đi học Huyền Thuật. Và nếu con trở về mà không đủ khả năng để báo thù những kẻ đã làm khổ gia

đình con, thì mẹ con sẽ tự tử ngay trước mặt con! Bởi vậy con không dám về. Con cúi mong thầy rộng lòng dạy cho con môn Huyền Thuật sử dụng được!”

Vị Pháp Sư bèn bảo thầy kể lại toàn bộ câu chuyện, thầy bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện, từ khi cha thầy mất cho đến nay. Khi kể, thầy không cầm được nước mắt, cứ tuôn rơi đầm đìa. Nghe xong, vị Pháp Sư cũng rơi nước mắt, ông nói: “ Nếu những gì con kể là sự thật thì gia đình con đã bị ngược đãi một cách quá bất công. Ta dư khả năng để giúp con trả thù bằng Huyền Thuật, nhưng ta cần tìm hiểu kỹ càng cái đã. Rất nhiều người thỉnh cầu ta dạy môn Huyền Thuật vô giá này. Họ đã dâng cúng cho ta nào vàng ngọc của xứ Ngari, nào là lụa và trà của xứ kham, nào là gạo, bơ và hàng kiện đồ len của xứ U Tsang, nào là lừa ngựa của xứ Tagpo chỉ để học được môn này. Nhưng chưa hề có ai nói như con là dâng cho ta cả thân xác và sự sống! Do đó, ta sẽ lưu tâm đến trường hợp con!”

Ông có một đệ tử nhanh như ngựa và khỏe như voi. Ông bèn sai anh ta về quê thầy để điều tra sự thật ra sao. Vài ngày sau, anh ta trở về và xác nhận những gì thầy kể là hoàn toàn chính xác. Vậy thì hầu như là một hành động công bằng nếu dạy Huyền Thuật cho thầy.

Sau đó, vị Pháp Sư nói với thầy: “Ngay từ đầu ta đã dấu con môn này, vì ta sợ con sử dụng nó một cách ngu muội, không có lý

do chính đáng<sup>1</sup>. Nay ta đã thấu rõ sự chân thật của con, ta sẽ dạy cho con toàn bộ môn này. Nhưng con phải đi nơi khác để học. Trước đây ta có một môn Huyền Thuật ghê gớm tên là Zadong-Marnak chuyên làm tê liệt và chết người. Ta dạy môn đó cho Yonton-Gyatso ở thung lũng Tsangpo. Vị này vừa là Y Sư, vừa là Mật Sư.

Ông ấy rất giỏi về thuật tạo ra mưa đá và điều khiển chúng bằng đầu ngón tay. Chính ông dạy ta môn đó. Ông và ta đã kết nghĩa kim bằng và giao ước với nhau rằng, hễ ai đến với ông để học về thuật mưa đá thì sẽ được chỉ đến ta, còn người đến với ta để học về thuật gây chết chóc thì sẽ được chỉ đến ông. Bởi vậy, con sẽ đến ông ấy để học điều con mong muốn, ta sẽ giới thiệu cho con.

Sau đó, ông sai người con trưởng tên là Darma-Wangchuk đưa thầy đi, mang theo thực phẩm và y phục bằng len tốt đủ để chát đầy một con Yak (loại trâu Tây Tạng) với một lá thư giới thiệu, cùng một khăn quàng<sup>2</sup>.

Sau một thời gian khá dài, bọn thầy đến Nub-Khulung trong thung lũng Tsangpo. Mỗi người bọn thầy dâng lễ vật là một miếng vải len tốt rồi trình thơ. Sau đó, thầy kể lại toàn bộ câu chuyện và thỉnh cầu được dạy môn Huyền Thuật gây chết chóc.

Vị Lạt Ma Yonto-Gyatso nói: “Thân hữu của ta luôn luôn hảo ý và trọng chữ ‘tín’. Do đó con sẽ được mãn nguyện. Con hãy làm

một cái cốc thật chắc chắn, không dễ bị kéo sập, ở chân đồi kia.” Vừa nói, ông vừa chỉ chỗ cho thầy.

“Hãy làm các cốc ba tầng ẩn dưới đất. Ở trên cùng con làm thêm một căn bằng gỗ tốt thật kín đáo. Ở những góc bên ngoài nhớ chôn đá lớn như mình con Yak. Con làm sao để không ai có thể tìm ra lối đi vào mà tự tiện đột nhập được!”

Sau đó, ông dạy cho thầy những nghi thức luyện phép.

Sau khi thầy được luyện theo lời chỉ dẫn suốt bảy ngày, ông thầy đến và bảo: “Thường thì chỉ cần luyện bảy ngày là đủ có kết quả. Trường hợp này vậy là được rồi.” Vì quê thầy ở xa quá, thầy van nài được luyện thêm bảy ngày, và ông chấp nhận.

Vào đêm của ngày thứ mười bốn, ông lại đến và bảo: “Đêm nay, ở cuối bàn thờ, con sẽ thấy những dấu hiệu về sự thành tựu của con, cũng như sự đạt thành những mong ước của con.” Và quả thế, ngay đêm đó, các Âm Binh hiện ra, mang theo những đầu lâu và trái tim đẫm máu của ba mươi lăm người, chôn thành một đống rồi hỏi: “Đây có phải là những gì mà người muốn khi kêu cầu chúng ta suốt mấy ngày qua chăng?”

Sáng hôm sau, vị Lạt Ma lại đến và nói rằng cần hy sinh thêm hai người, rồi hỏi thầy có muốn họ chết hay không. Thầy bèn xin cho họ sống để cho họ chứng kiến và kể lại quyền phép của thầy. Thế là hai kẻ thù tệ hại nhất của gia đình thầy, là chú thím thầy, được thoát nạn.



Kể đó, thầy làm lễ tạ ơn các Âm Binh và rời cốc. Hiện nay các cốc đó vẫn còn ở Khulung.

Về phương diện cụ thể của chuyện báo thù bằng Huyền Thuật của thầy, nếu các con muốn nghe thì như sau:

Người con trưởng của chú thím thầy đang làm lễ thành hôn và mọi người về phe chú thầy đều được mời đến. Tất cả đang nhóm lại trong ngôi nhà của một người con khác, cả thầy ba mươi lăm người. Có một vài người bà con thuộc phe gia đình thầy cũng được mời nhưng còn ở trên đường đi đến. Họ bàn tán với nhau: “Hạng người này quả đúng như câu ngạn ngữ, ‘Hãy tin tưởng rồi giao phó tài sản của anh cho kẻ khác, rồi bị đuổi ra cửa!’ dù cho Hỷ Văn không báo thù được bằng Huyền Thuật thì chúng cũng sẽ bị quả báo.”

Khi họ vừa thấy ngôi nhà, chưa kịp vào, thì một đứa ở gái – trước đây ở nhà thầy – đi ra lấy nước. Khi nó đi qua các sân nhốt ngựa thì nó không thấy con ngựa nào cả, mà thay vào đó thì hình như khắp nơi đầy rẫy nào bò cạp, nhèn nhện, rắn, cóc và thằn lằn. Trong đám đó có một con bò cạp khổng lồ to như một con Yak đang dương càng kẹp lấy cột cái của ngôi nhà sàn và kéo sập xuống. Thấy thế, nó điếng hồn, chỉ còn nước bỏ chạy! Trong khi đó, đám gia súc nuôi dưới nhà hoảng hốt, rống inh ỏi, dẫm lên nhau, giầy đạp âm ỉ, cho đến khi một con đạp trúng cây cột cái của ngôi nhà với một sức mạnh kinh hồn, làm cây cột gãy và cả ngôi

nhà đổ theo. Mọi người trong nhà đều chết, kể cả chú rể và tất cả con trai của chú thầy! Những đám mây khói và bụi tủa đầy trời. Xác đàn ông, đàn bà, trẻ con và ngựa nằm la liệt.

Tiếng kêu khóc inh ỏi của những người bên ngoài vọng đến tai em gái thầy và khi cô ấy chứng kiến được cảnh này, bèn chạy đến mẹ thầy mà la lớn: “Mẹ ơi! Mau ra mà xem kia! Nhà chú thím bị sụp đổ, nhiều người bị chết lắm!”

Mẹ thầy vùng dậy và chạy ra xem, không tin cả mắt mình nữa. Nhưng khi đã nhìn kỹ ngôi nhà đổ nát phủ đầy bụi và nghe tiếng khóc la âm ỉ, bà quá đỗi kinh ngạc và sung sướng một cách độc ác! Cột vải mảnh vải vào đầu một cây gậy dài, bà dương cao như một cây phướn rồi la lớn: “Tạ ơn Thầy Tổ và Quý Thần! Hỡi cái đám họ hàng, hãy mở mắt mà xem ông Mila-Sherab-Gyaltsen có đưa con trai xứng đáng hay không! Ta đã báo thù được hay không! Dù ta ăn kham khổ, mặc rách rưới, sự hy sinh của ta mới xứng đáng làm sao! Hãy xem sự trả lời của việc thách thức của thằng chú nó! Nó dám bảo: “Mạnh cứ việc đánh, yếu cứ việc rửa! À, à! Cái rửa của người yếu và cô thế cho lũ mạnh và đông là thế đấy! À, à! Hãy xem cái lũ người chết ở trên và gia súc chết ở dưới! Hãy nhìn nhà cửa đồ đạc tan nát! Ôi, thật là một cảnh vui mắt mà con trai ta đã mang lại để thỏa mãn cặp mắt già này! Chứng kiến cảnh này ta sướng biết bao! Không phút nào trong đời ta sướng bằng lúc này!”

Trước cảnh ghê rợn đó, mẹ thầy đã la lớn những lời trên khiến mọi người hàng xóm đều nghe. Vài người cho rằng bà đúng, nhưng người khác cho rằng bà làm như vậy là quá đáng. Đành rằng báo thù là phải, nhưng biểu lộ như vậy là ác quá.

Nguồn tin về nỗi vui của mẹ thầy vang đến tai những người có thân nhân bị mất trong tai nạn đó! Họ bàn với nhau: “Không những mẹ ta là nguyên nhân của tai nạn, mà còn bày tỏ sự đắc ý bằng lời lẽ không chịu được! Hãy hành hình mẹ ta! Hãy moi tim độc ác của mẹ ta ra!” Những người già và thận trọng hơn thì bảo: “Giết mẹ ta có ích gì! Thằng con trai mẹ ta sẽ lập lại chuyện đó và giết hết chúng ta. Chi bằng ta đi lũng bắt thằng đó, và giết phứt nó rồi tính con mẹ sau!”

Chú thầy nghe bàn vậy liền nói: “Tôi không còn đứa con nào để mất nữa. Chết cũng tốt thôi!” Rồi hùng hổ chạy đi giết mẹ thầy. Nhưng những người khác níu ông ta lại, bảo rằng: “Này, nghe đây! Vì theo ông mà bọn tôi gánh chịu tai họa này. Ông là tay đầu nậu. Nay ông lại định làm như cũ. Nếu không làm theo lời bàn của tụi tôi, là giết thằng con trước rồi tính con mẹ sau, thì tụi tôi đã dám. Hơn nữa, tụi tôi sẽ chống ông đấy!” Bởi thế, chú thầy không còn cách nào khác hơn là phải theo ý họ.

Họ bàn tính âm mưu giết thầy, trù liệu biện pháp hay nhất để sai vài người đi tìm và hại thầy, thì tin này đến tai cậu thầy. Ông liền đến trách mẹ thầy: “Chị vô ý vô tứ quá! Chị làm vậy chỉ tổ hại

cho đời con trai của chị! Họ hàng đang bàn tính cách chống lại chị đó! Chị tỏ ra vui sướng vậy có ích lợi chi? Tội nó khổ như vậy chưa đủ sao?!” Ông rầy la mẹ thầy một hồi lâu.

Mẹ thầy chỉ khóc và nói: “Em ơi! Em là em chị và cậu tội nhỏ. Chị đã nhận thấy là em trách chị đúng. Nhưng hãy ở địa vị của chị và nghĩ đến nỗi khổ mà chị đang gánh chịu. Tội nó đã lừa gạt để chiếm đoạt tài sản không lồ, rồi lại bạc đãi mẹ con chị. Có ai khổ như chị không?”

Cậu thầy đáp: “Chị có lý của chị, nhưng em lo cho chị. Hãy trông chừng cửa nẻo, kẻo có kẻ ám hại”.

Ngay khi ông về, mẹ thầy khóa kỹ cửa lại và suy tính phải làm gì.

Đứa ở gái thoát nạn trong tai họa kia cũng nghe được âm mưu chống mẹ con thầy. Nó không nỡ để đứa con trai của ông bà chủ cũ bị giết, nên nhờ người báo cho mẹ thầy hay và khuyên mẹ thầy tin cho thầy biết sự nguy hiểm.

Mẹ thầy cũng cảm thấy sinh mạng mình chưa bị đe dọa, nên quyết định hành động. Bà bán nửa đám ruộng còn lại để lấy bảy miếng vàng. Thấy không ai trong vùng đủ tin cậy để nhờ thông báo cho thầy nên bà định tự mang vàng đi và báo tin cho thầy.

May mắn thay, có một người hành hương từ U đi chiêm bái những Thánh Địa ở Nepal và đang trên đường về nhà. Ông ghé nhà mẹ thầy xin bố thí. Bà liền mời ông ta vào và khéo léo hỏi chuyện,

nhờ đó bà biết đây đúng là người thích hợp để nhờ thông báo cho thầy. Bà bèn mời ông ta ở lại nhà vài ngày, đãi đằng trọng hậu rồi sau đó nói rõ ý định với ông ta. Dĩ nhiên suốt mấy ngày đó, bà đã tiếp đãi ông ta cực kì chu đáo.

Sau đó bà thắp nến lên bàn thờ và cầu nguyện để biết có nên nhờ ông ta hay không. Bà vái rằng nếu thành tựu thì ngọn nến sẽ cháy lâu, nếu không nó sẽ tắt ngúm. Ngọn nến đã cháy liên tục suốt ngày đêm. Mừng rỡ, bà cho ông ta một ít da để vá giày đi đường, và tình nguyện vá kỹ lại cái áo choàng đã cũ rách của ông ta. Khi vá, bà lén nhét bảy miếng vàng vào chỗ vá lớn nhất ở sau lưng. Rồi bà trang trí chỗ vá đó thành hình chòm sao bảy ngôi, vá màu đen và hình vuông. Sau đó, bà trao thơ cho ông ta kèm theo một quà tặng đáng giá và nhờ trao thơ cho thầy.

Khi người hành hương đã ra đi, mẹ thầy muốn dọa dẫm hàng xóm, nên sai em gái Peta của thầy nói với họ rằng ông ta có mang đến cho mẹ thầy một lá thư của thầy được viết như sau: “Thưa mẹ kính yêu, con hy vọng rằng mẹ và em vẫn bình an. Chắc mọi người đã thấy quyền năng Huyền Thuật của con. Liệu còn ai dám có ác ý hoặc bực đãi gia đình mình không? Nếu có, xin mẹ cho con biết ngay tên họ và lý do khiến họ làm vậy. Con sẽ có biện pháp thích đáng! Dễ thôi, mẹ, ạ! Quả thật, hiện giờ đối với con, giết một người còn dễ hơn việc cầu nguyện trước khi ăn! Không những con có thể giết vài người mà còn có thể dứt nọc họ cho đến đời thứ chín! Nếu toàn thể bà con lân lý đối xử tàn tệ với mẹ, xin mẹ hãy đến đây, rồi

con sẽ làm cỏ cả vùng đó không còn một mống! Ở đây con sống bình an và thoải mái. Xin mẹ đừng lo gì cho con. Con vẫn tiếp tục luyện Huyền Thuật!”

Mẹ thầy đã tạo một lá thư giả hết như thật và khoe nó với những người đứng về phe gia đình thầy và cuối cùng trao cho cậu thầy để ông đưa cho mọi người xem. Mưu kế này đã làm tiêu tan mọi ý định phục thù của những kẻ theo phe chú thầy. Họ họp nhau lại và đề nghị chú thầy trả lại thừa ruộng ‘Tam Giác Worma’ cho mẹ thầy.

Sau một thời gian dò la, biết thầy ở Nub-Khulung, người hành hương tìm đến, cho thầy mọi tin tức về gia đình và trao cho thầy một lá thư. Một phần của lá thư như sau:

“Hỷ Vãn yêu quý của mẹ! Mẹ mong con được mạnh giỏi. Mẹ rất bằng lòng về con! Con đã tỏ ra xứng đáng với tên của cha con! Ước nguyện đã được thành tựu. Quyền phép Huyền Thuật của con đã được biểu lộ ở đây một cách ngoạn mục. Ba mươi lăm tên đã chết trong một ngôi nhà đổ nát. Nhưng chuyện này đã khiến mọi người chống lại mẹ con mình! Họ thù ghét mình! Mẹ mong con giáng cho chúng một trận mưa đá! Mẹ nghe rằng có chín loại mưa đá. Con gây ra loại nào cũng tốt! Nếu được vậy thì mẹ già của con sung sướng biết bao!

“Tụi nó đang đe dọa tính mạng mẹ con mình. Chúng định sai người đi giết con đó, con ơi! Vậy con hãy can trọng, nhé! Nếu con

thiếu lương thực thì hãy tìm đến thung lũng hướng Bắc, che phủ bởi một đám mây đen vuông vức và chiếu sáng bởi chòm sao bảy ngôi gọi là Pleiades. Ở đó con sẽ tìm ra bảy người bà con. Hãy hỏi họ rồi con sẽ có đủ những gì con muốn. Nếu con không tìm ra thung lũng, thì hãy nhớ rằng người hành hương liên lạc sống ở thung lũng đó. Đừng hỏi ai khác, nhé!”

Đọc xong thư, thầy rất bối rối vì không hiểu mẹ thầy muốn dặn gì đây. Thầy rất muốn trở về nhà để thăm mẹ. Thầy đang túng thiếu nên cần tiền quá đỗi, nhưng thầy không biết những người bà con nói trong thư hiện sống ở đâu. Thầy cũng không biết gì về cái thung lũng đó. Thầy hỏi thăm người hành hương thì ông ta cũng không biết gì cả! Quê ông ta là vùng U. Không biết làm sao hơn, thầy năn nỉ ông ta chờ cho ít lâu. Rồi thầy đi trình lá thư cho vị Pháp Sư, cũng như những tin tức mà thầy nhận được.

Vị Pháp Sư xem qua một lượt bức thư, rồi nói: “Này Hỷ Văn! Mẹ con hình như rất muốn gây thù chuốc oán! Đã biết bao kẻ bị chết mà bà còn muốn con gây mưa đá! Con có bà con nào ở miền Bắc không?”

Thầy thưa: “Thưa thầy, con chưa hề nghe nói! Mà thư viết khó hiểu quá! Con đã hỏi người hành hương và ông ta cũng không biết gì!”

Bà vợ của vị Pháp Sư là một người cực kỳ thông minh, vì bà là hậu thân của một vị Thiên Nữ. Bà đọc kỹ thư một lượt, và bảo thầy

gọi người hành hương đến. Bà cho đốt một đồng lửa lớn, rồi mời bia *chhang* khiến người hành hương nóng nẩy và cởi áo choàng ra. Làm vẻ bông đùa, bà khoác cái áo lên người, đi tới đi lui trong phòng và nói: “Chà! Mặc cái áo này rồi đi đâu tùy ý thì thích biết mấy!” Bà nhảy múa một lát, rồi ra khỏi phòng với cái áo trên người! Lên rằm nhà, bà tháo chỗ vá, lấy vàng ra rồi may lại như cũ. Bà trở vô phòng, trả lại áo cho người hành hương, đãi đằng rồi sai người đưa ông ta qua phòng khác.

Sau đó, bà gọi thầy vào, rồi bảo: “Này, Hỷ Văn! Con vô đây gặp thầy con, đi!” Trước mặt vị Pháp Sư, bà trao cho thầy bảy miếng vàng. Thầy hỏi bà ta lấy ở đâu. Bà cho hay là ở áo khoác của người hành hương, rồi nói: “Hỷ Văn, ạ! Mẹ con hẳn là người đa mưu túc trí! Này, nhé! Thung lũng hướng Bắc là chỉ cái áo khoác của người hành hương, mặt trời không bao giờ chiếu vào thung lũng hướng Bắc, cũng như không tia nắng nào xuyên qua nổi chiếc áo khoác. Mây đen là chỉ miếng vá màu đen hình vuông. Chòm sao ám chỉ chòm sao thêu trên miếng vá. Bảy ngôi sao là bảy miếng vàng. Bà dặn đừng hỏi ai ngoài người hành hương. Nhờ đó mà ta đoán ra!”

Nghe xong, vị Pháp Sư rất hài lòng, ông nói: “Đàn bà quả là mưu mẹo và tinh tế. Đây là một bằng chứng!”

Thầy cho người hành hương một phần mười miếng vàng, ông ta mừng lắm. Thầy dâng tặng sư mẫu bảy phần mười miếng, dâng



cúng vị Pháp Sư ba miếng vàng, và thỉnh cầu ông dạy cho thầy thuật gây mưa đá. Để học thuật này, ông chỉ thầy trở về với vị Lạt Ma Yungtun-Trogyal. Được trang bị thư giới thiệu và một cái khăn quàng, thầy lại trở về với vị Lạt Ma cũ ở Yarlung-Kyorpo.

Gặp lại ông, thầy trình thư và khăn quàng của Lạt Ma Khulung-Yonton-Gyatso, rồi dâng cúng ba miếng vàng còn lại.

Ông thăm hỏi về chuyện tu luyện của thầy. Thầy kể lại đầu đuôi mọi chi tiết, kể cả chuyện bức thư mẹ thầy yêu cầu thầy gây mưa đá, và xin ông giúp thầy mãn nguyện. Ông đáp: “Được rồi!” Và lập tức truyền Thần Chú cho thầy và ra lệnh thầy luyện phép trong một cái cốc bỏ hoang.

Sau bảy ngày, thầy thấy mây tụ lại trong cốc và sấm chớp vang rền. Thầy cũng cảm thấy có thể điều khiển trận mưa đá với ngón tay của mình. Ông chấp thuận mà rằng: “Bây giờ con có thể gây mưa đá được rồi đó!” Rồi hỏi thầy vào lúc bấy giờ thì lúa mạch ở vùng thầy đã bao lớn. Thầy bèn mô tả rõ về thời vụ trồng trọt lúa mạch ở quê thầy. Ông lắng nghe, rồi bảo thầy là còn sớm. Sau đó một thời gian ngắn, thầy thưa với ông đã đúng mùa lúa mạch chín. Ông liền bảo thầy đi gây mưa đá. Để hỗ trợ thầy, ông sai người đệ tử mạnh khỏe và nhanh nhẹn mà trước đây thầy đã đề cập, đi theo thầy.

Bọn thầy cải trang thành những người hành hương, rồi trở về quê thầy. Đến nơi, bọn thầy thấy ruộng lúa rất tốt, được mùa chưa

từng có. Bởi thế, dân làng đồng ý với nhau là sẽ thu hoạch đồng loạt thay vì gặt hái riêng rẽ.

Trên sườn đồi nhìn xuống thung lũng làng thầy, thầy dựng ống loa và bắt đầu đọc Thần Chú, nhưng chẳng có chút mây nào hiện ra. Thầy bèn kêu gọi tên các vị thần linh, đồng thời kể lễ tội ác của kẻ thù thầy. Vừa làm, thầy vừa đập áo xuống đất và khóc lóc thảm thiết!

Liền đó, một đám mây khổng lồ đen kịt xuất hiện giữa bầu trời, rồi chuyển thành một trận mưa đá dữ dội, phá hủy toàn bộ cánh đồng lúa bên dưới! Trận mưa làm lở cả sườn đồi. Trước tai họa thảm khốc, dân làng than khóc và oán hận vô cùng.

Tiếp sau trận mưa đá là cơn mưa gió phủ phàng, khiến hai đứa bạn thầy lạnh run thấu xương. Bọn thầy liền tìm một khe núi hướng Bắc, rồi đốt lửa để hơ ấm. Đột nhiên, bọn thầy nghe thấy tiếng người bàn tán, thì ra đó là những người dân làng thầy đang tổ chức đi săn dê ăn mừng vụ mùa trúng lớn! Họ bảo nhau: “Chà! Cái thằng quỷ Hỷ Văn đã tàn phá xóm làng hơn ai hết. Nó đã giết hại bao người! Trời đất quỷ thần ơi, cả cánh đồng phì nhiêu vậy mà bây giờ tan nát hết! Giá bây giờ mà chộp cổ được nó mà tưng xẻo thì há dạ biết bao!”

Họ vừa bàn cãi vừa đi ngang chỗ bọn thầy trốn mà không hay. Một cụ già nói: “Im nào! Nho nhỏ chứ! Tôi thấy khói ở hang bốc ra. Ai thế, nhỉ?” Một người đáp: “Thằng Hỷ Văn chứ ai vào đây

nữa! Hãy về gọi thêm người lên vây bắt và thịt nó, nếu không thì nó còn gieo tai họa nữa!”

Nói xong họ trở xuống làng. Bạn thầy nói: “Anh trốn trước đi, để tôi ở lại giả làm anh chọc tức tội nó chơi!” Biết rõ sức mạnh và sự nhanh nhẹn của anh ta, thầy vững tâm ra đi. Bạn thầy hẹn sẽ gặp nhau vào tối thứ tư ở quán Tingri. Dù rất thương nhớ mẹ, thầy vẫn phải cưỡng lại ý muốn gặp bà vì kẻ thù đang ở trước mắt. Thầy thoát thân bằng con lộ Nyanam. Trên đường đi thầy bị chó cắn, khiến thầy không thể đến đúng hẹn được.

Trong khi đó, bạn thầy đang trêu tức những kẻ đến vây bắt anh ta. Với sự nhanh nhẹn phi thường, anh thoát vòng vây dễ dàng. Khi họ bắt đầu bắn tên vào anh, anh tung một tảng đá lớn vào họ và la lớn: “Coi chừng! Đồ chó đẻ! Tao dùng quyền phép diệt hết tội mày bây giờ! À, tao đã giết mấy đứa rồi, nhỉ? Ôi, khoái biết bao! Tao lại phá hủy cả một vụ mùa trúng chưa từng thấy! Tuyệt quá, nhỉ! Tương lai mà tội mày cư xử không phải với mẹ và em tao, thì tao sẽ dứt nọc tội mày cho đến đời thứ chín! Tao sẽ biến vùng này thành một nơi hoang dã! Chông mắt mà xem, nhé!” Nghe vậy bọn người đuổi theo đều kinh hãi, họ bảo nhau: “Chính bọn mình đã gây ra tai họa này!” Rồi rút lui.

Bạn thầy đã đến quán Tingri trước, và hỏi thăm người chủ quán về thầy. Chủ quán đáp: “Không có ai cả. À, may cho anh là cách đây không xa có một đám cưới. Ở đó anh sẽ được tiếp đón

niềm nở. Anh có bình bát không. Nếu không có thì tôi cho mượn cái của tôi. Anh đến đó chứ?” Dĩ nhiên, bạn thầy đồng ý. Bình bát cho mượn lớn như cái đầu của Thần Chết, méo mó và cũ kỹ. Khi bạn thầy đến nơi thì đã thấy thầy ngồi hàng ghế phía sau. Anh ta đến gần hỏi: “Sao mà trễ hẹn vậy ông bạn?” Thầy đáp: “Một hôm đang đi khất thực thì bị chó cắn nên đến trễ!” Anh ta nói: “Không sao!” Từ đó, bọn thầy cùng trở về nhà.

Khi về đến Yarlung-Kyorpo, vị Lạt Ma nói: “Các con đã thành công lớn, phải không?” Bọn thầy ngạc nhiên và hỏi vì sao ông biết. Ông trả lời là các thần linh đã báo cho ông hay và ông đã cử hành lễ tạ ơn. Ông có vẻ hài lòng lắm.

Như vậy, thầy đã phạm tội ác, báo thù những kẻ gây đau khổ cho gia đình thầy, gây chết chóc cho họ.

Đây là hành động đầu tiên của Đức Milapera, hành động thế gian tiêu diệt kẻ thù.

### *Chú thích:*

<sup>1</sup> Ở Tây Tạng, một qui luật tồn tại cho đến nay là vị thầy truyền pháp cho đệ tử khi biết chắc rằng đệ tử không lạm dụng những gì được dạy. Dù về Đạo Giáo hay Huyền Thuật.

## PHẦN HAI: CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ

Bây giờ là nói đến những công hạnh của Đức Milarepa để thành tựu quả Phật. Gồm những điều sau:

1. Một: sự ăn năn sám hối và sự tha thiết đi tìm bậc Minh Sư.
2. Hai: Khi đã gặp bậc Minh Sư, vâng lời tuyệt đối theo mọi đòi hỏi của Ngài. Bất chấp mọi đau khổ phải gánh chịu để trả quả.
3. Ba: Sự thủ đắc những bí pháp để tiến đến giải thoát.
4. Bốn: Tham thiền dưới sự dẫn dắt của vị Minh Sư, hạt giống Trí – Huệ nảy mầm và tăng trưởng.
5. Năm: Khi hạt giống Trí Huệ đã tăng trưởng, được mật truyền những Tâm Pháp, nhờ những ẩn dụ trong một giấc mơ. Sau đó giã từ vị Minh Sư.
6. Sáu: Phát đại nguyện cầu thành tựu Tối Thượng Thừa khi đã chứng kiến sự phù phiếm của những mong cầu thế gian.
7. Bảy: Tuân thủ lời căn dặn của vị thầy, Người đã ẩn tu trong những chốn hoang vắng xa hẻo lánh loài người, với quyết tâm tu hành không bờ bến.
8. Tám: Nhờ đó thành tựu Trí Huệ Bát Nhã và mang lại lợi lạc lớn lao cho hết thảy chúng sinh.
9. Chín: Tiêu dung thân xác vào cõi Thái Hư như lời di huấn cuối cùng để chúng sinh tinh tiến tu hành.

## PHẦN HAI: CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ

### CHƯƠNG BỐN: CẦU CHÁNH PHÁP

*Từ già ông thầy Huyền Thuật. Gặp gỡ Tổ Marpa, bậc Dịch Sư, vị thầy của Chánh Pháp.*

Ngài Rechung lại đứng lên và thưa rằng: “Bạch thầy, thầy dạy rằng thầy đã làm một số điều thiện, dĩ nhiên, nghĩa là quy y Chánh Pháp. Thưa thầy, nhờ nhân duyên gì mà thầy cầu Đạo? Thầy nhập Đạo như thế nào? Xin thầy từ bi kể lại cho chúng con nghe?”

Tổ Milarepa đáp:

“Thầy vô cùng ăn năn về những tội lỗi mà thầy đã gây ra bằng Tà Thuật. Đó là việc gây chết chóc cho nhiều người và tạo mưa đá phá hủy mùa màng. Thầy tha thiết cầu Đạo đến nỗi quên ăn quên ngủ. Ban ngày thầy đứng ngồi không yên, ban đêm thầy không ngủ được! Lòng thầy tràn ngập sự hối hận, mà khổ thay, thầy không có quyền xin vị Lạt Ma để được sống cuộc đời tu hành! Bởi thế thầy vẫn tiếp tục hầu hạ ông, chờ cơ hội để xin ông cho thầy đi cầu học Chánh Pháp.

Đang lúc đó, có một người tín đồ giàu có thường cúng dường cho vị Lạt Ma lâm trọng bệnh và ông được mời đến chữa trị. Ba ngày sau, ông trở về với vẻ thiếu não. Thầy bèn hỏi lý do và ông

đáp: “Con ơi! Đời sống quả là vô thường! Đêm qua người tín đồ hảo tâm của ta qua đời mà ta không làm gì được ngoài việc thương tiếc! Ta đã thấy rõ đời là khổ! Thế mà, than ôi, ngay từ thuở trai trẻ, ta đã dùng hết thì giờ để luyện Tà Thuật gây chết chóc và tạo mưa đá! Và con ơi, cả con nữa, con cũng đắm mình vào cái thuật tội lỗi này ngay từ nhỏ. Con đã gây ra một núi ác nghiệp! Gánh nặng này ta phải mang, vì ta phải chịu trách nhiệm về những gì con đã làm<sup>1</sup>!.

Thầy hỏi ông có cách nào để giúp những người bị giết bởi Tà Thuật được chuyển kiếp lên những cõi giới cao hơn không. Ông nói: “Ta hiểu rằng mọi chúng sinh đều có hạt giống của Chân Tánh, và chúng ta phải giúp họ tiến hóa và giải thoát. Ta cũng biết những nghi thức để sử dụng cho mục đích đó, nhưng cần yếu là phải thấu triệt những nghi thức và ý nghĩa của Thần Chú. Nhưng ta cũng không dám đoan chắc về hiệu dụng của chúng khi phải đối đầu với hiểm nguy thực sự. Bởi thế con ơi, bây giờ ta cầu mong được tu học Chánh Pháp để có thể an nhiên bất động trước mọi nghịch cảnh! Con hãy ở đây, trông nom con cái và đệ tử của ta, ta sẽ ra đi cầu Đạo Giải Thoát cho cả ta và con! Hoặc là, con hãy đi và tu học Chánh Pháp để cứu con và ta, ngõ hầu kiếp sau ta được tinh tiến trên con đường Giải Thoát. Ta sẽ cung cấp mọi vật thực mà con cần! ”.

Thầy quá đổi vui mừng vì đây đúng là nguyện ước của thầy. Thầy liền thỉnh cầu ông cho phép thầy được sống cuộc đời tu hành. Ông chấp thuận, và nói: “Đúng vậy! Con còn trẻ, tinh lực dồi dào,

nhẫn nại mạnh mẽ và quyết tâm vững chắc. Con sẽ là người cầu Đạo chân thành! Hãy ra đi và sống cuộc đời tu hành chân chánh”.

Ông cho thầy vài len loại Yarlung tốt, nhiều đủ chớ cả một trâu con Yak, luôn cả một con Yak cái và chỉ cho thầy đến vùng Nar, trong thung lũng Tsang. Ở đây có một vị Lạt Ma nổi tiếng tên là Rongton-Lhaga thuộc Cựu phái. Người ta bảo rằng vị Lạt Ma này đã thành tựu Pháp Môn Đại Toàn Mãn của phái Ningma. Ông đòi hỏi thầy phải đến học Giáo Pháp với vị Lạt Ma này và tinh tiến tu hành. Vâng theo ý muốn của ông, thầy đi tìm vị Lạt Ma ở vùng Nar.

Đến nơi, thầy gặp vợ vị Lạt Ma và vài đệ tử. Họ cho thầy hay chỗ đó đúng là tự viện tổ đình môn phái, nhưng vị Lạt Ma không có mặt ở nhà, vì ông hiện đang ở một tự viện chi nhánh tại Rinang, thượng nguồn thung lũng Nyang. Thầy bèn nói với họ là thầy được Lạt Ma Yungtun Trogyal giới thiệu và thầy sẵn sàng trọng thưởng cho người nào dẫn thầy đến vị Lạt Ma. Nghe vậy, bà vợ vị Lạt Ma sai một đệ tử đưa thầy đi.

Ở Rinang, thầy gặp vị Lạt Ma, dâng cúng ông con Yak và kiện áo len. Kế đó thầy thưa rằng thầy là một kẻ đại nghiệp chương từ vùng Tây Nguyên đến, để tìm một Giáo Pháp đưa đến sự giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi ngay trong một đời. Rồi thỉnh cầu ông chỉ dạy cho thầy.



Vị Lạt Ma bảo: “Pháp môn của ta gọi là “Đại Toàn Mãn”, quả thật là viên mãn! Nó toàn mãn từ gốc, thân cho đến ngọn! Mang lợi lạc cho ai chưa thành tựu, đang thành tựu và sẽ thành tựu nó! Đó là Trí Huệ của thiên định! Người nào thiên quán về nó ban ngày thì ngày đó giải thoát! Ban đêm thì đêm đó giải thoát! Nếu là người thượng căn thì chỉ cần nghe Giáo Pháp này là đủ giải thoát, khỏi cần thiên quán về nó! Đây là Pháp Môn dành cho bậc thượng trí! Ta sẽ truyền cho con!”. Liền đó, ông truyền Pháp cho thầy với những chỉ dẫn quan yếu.

Đột nhiên, thầy nghĩ rằng, trước đây mình học Tà Thuật để giết người thì cần mười bốn ngày là thành công, học thuật gây mưa đá thì chỉ cần bảy ngày là thành tựu. Nay lại gặp một Pháp Môn có thể giải thoát cho mình bất kỳ khi nào, dù ngày hay đêm, miễn mình thiên quán về nó! Hơn nữa, nếu là người thượng căn lợi trí thì chỉ cần nghe là đủ giải thoát! Thầy tự nhủ: “À, mình có thể là bậc thượng căn lợi trí lắm chứ!”. Nghĩ vậy, thầy lấy làm hài lòng và không thiên quán gì cả. Thay vào đó, thầy ăn ngủ và chẳng để ý gì chuyện tu học!.

Sau vài ngày, vị Lạt Ma đến gặp thầy và nói: “Con bảo rằng con là một kẻ đại nghiệp chương từ vùng Tây Nguyên đến. Điều này thì hoàn toàn đúng. Tuy vậy, về phần mình, ta đã quá khoa trương về Pháp Môn của ta! Xét kỹ mọi mặt, ta thấy rõ là ta không thể hoán cải con nổi. Hiện nay ở Lhobrak có một tự viện gọi là Dowo-Lung (Mạch Lũng). Tại đó có một vị đệ tử của Đại Sư người

Thiên Trúc Naropa. Ông là một bậc lỗi lạc nhất trong những vị thạc học, một Dịch Sư của những dịch giả. Ông đã thành tựu về Mật Pháp Tân Phái, ba cõi không ai sánh bằng. Người ta gọi ông là “MARPA, bậc Dịch Sư”. Giữa con và vị ấy có nhân duyên với nhau từ quá khứ! Con phải đến với vị ấy!”.

Khi nghe cái tên, “Marpa, bậc Dịch Sư”, tim thầy đột nhiên tràn ngập niềm hoan hỷ vô hạn, khắp người thầy nổi gai ốc, nước mắt tự nhiên tuôn ra, tín tâm bỗng nhiên phát khởi. Bởi thế, thầy hạ quyết tâm tìm cho được vị Đạo Sư này, chỉ mang theo vài cuốn sách và một ít hành lý. Suốt cuộc hành trình, thầy không ngớt bị ám ảnh bởi ý nghĩ: “Khi nào thì mình sẽ được gặp Thầy mình? Khi nào thì mình sẽ được nhìn mặt Thầy mình?”.

Vào cái đêm trước ngày thầy đến Mạch Lũng, thì Đức Marpa đã nằm thấy một giấc mơ, trong đó Thánh Sư Naropa đến thăm Người, cử hành nghi thức Thụ Pháp và trao cho người một Dorje<sup>2</sup> bằng đá da trời (lapis lazuli) có năm góc và hơi hoen ố. Cùng với nó là một cái bình bằng vàng có chứa nước cam lồ. Khiến Người dùng nước cam lồ trong bình rửa sạch cái *chữ*, rồi treo nó lên ngọn Thảng Phướn. Thánh Sư còn thêm rằng làm vậy thì Chư Phật đời quá khứ sẽ hoan hỷ và lợi lạc cho tất cả chúng sinh, do đó thành tựu Bi Nguyện cho cả mình và người. Nói xong, vị Thánh Sư trở về cõi Thượng Giới.

Cũng trong giấc mơ, Đức Marpa thấy mình thực hiện đúng lời dặn của thầy, rửa cái *chữ* với nước cam lồ và treo nó lên trên ngọn Thẳng Phướn. Từ đó, cái *chữ* chiếu hào quang khắp Pháp Giới, soi đến hết thầy chúng sinh trong sáu đường, diệt trừ mọi thống khổ và bi thương của họ, khiến cho họ tràn đầy hỷ duyệt. Trong nỗi hoan hỷ, họ đã chiêm ngưỡng Đức Marpa và ngọn Thẳng Phướn với tín tâm chân thật. Người thì lễ bái tán thán, kẻ thì cúng dường. Trong giấc mơ, Đức Marpa lại thấy chư Phật chú nguyện cho ngọn Thẳng Phướn và cử hành nghi thức Thế Phát khiến Người cũng cảm thấy hân hoan và hãnh diện. Tỉnh dậy, Ngài rất đổi hài lòng.

Khi bà vợ của Người vào để dọn bữa điếm tâm, bà nói: “Thưa ông, hồi hôm tôi nằm mơ thấy hai người phụ nữ, họ bảo rằng từ quốc độ Tây Thổ Urgyen đến. Họ có mang theo một cái tháp nhỏ đựng xá lợi bằng pha lê hơi bản và yêu cầu tôi nói với ông rằng thầy Naropa bảo ông hãy cử hành một nghi lễ Thế Phát chính thức cho cái tháp rồi đặt nó lên đỉnh một ngọn đồi. Trong giấc mơ, tôi thấy ông đã làm theo lời dặn. Khi được đặt lên đỉnh đồi, ngọn tháp đã tỏa hào quang sáng như mặt trời và phản chiếu vô lượng cái tháp khác ở trên các ngọn đồi xung quanh. Hai người ấy thủ hộ ngọn tháp. Vậy nghĩa là sao, thưa ông?”.

Dù trong lòng rất hoan hỷ vì sự tương hợp của hai giấc mơ, nhưng Đức Marpa chỉ nói: “Tôi không biết ý nghĩa của những giấc mơ không có nguyên nhân! Bữa nay tôi xuống đường để đi cày ruộng đó. Chuẩn bị giùm, nghe, bà!” Vợ Người nói: “Ông có biết

bao tá điền cơ mà! Một vị Lạt Ma vĩ đại như ông mà đi cày ruộng, không sợ người ta bàn tán sao? Người ta đồn rùm lên bây giờ! Thôi, làm ơn ở nhà đi ông!” Nhưng gác ngoài tai lời yêu cầu của bà, Đức Marpa vẫn ra đồng, chỉ dặn: “Nhớ mang cho tôi bia Chhang kha khá!” Khi bà mang bình bia đến, người nói: “Bình này mới đủ cho tôi, hãy mang thêm cho khách nữa chứ!” Bà lại mang thêm một bình nữa, Người để lên mặt đất, lấy nón đập lại. Sau khi cày được đôi chút, Người ngồi cạnh cái bình, vừa nghỉ ngơi, vừa thưởng thức bia Chhang.

Trong khi đó thì thầy đang trên đường tiến đến. Hễ gặp ai, thầy cũng hỏi: “Đại Sư Marpa, bậc Dịch Sư, ở đâu?” Nhưng không ai biết cả. Cuối cùng, có một người nói với thầy rằng ở đây quả có một ông tên là Marpa, nhưng không có ai mang cái đại danh “Đại Sư Marpa, bậc Dịch Sư cả! Thầy bèn hỏi Mạch Lũng ở đâu, anh ta chỉ và nói: “Đằng kia, kia”. Thầy hỏi rằng ai sống ở đó và anh ta đáp đó chính là cái ông mà anh gọi là “Marpa”. Thầy bèn hỏi: “VẬY chứ người ta không gọi ông ta là gì khác sao?” Anh ta đáp: “Có vài người gọi ông ta là Lạt Ma Marpa!” Nghe vậy, thầy yên tâm vì biết mình đã đến đúng chỗ. Thầy lại hỏi tên cái dốc mà thầy đang đứng và được biết tên là Chho-la-gang<sup>3</sup> (Pháp Ngạn). Thầy tự nhủ rằng đây quả là một điều lành.

Tuy vậy, khi đi dọc theo con đường, thầy vẫn tiếp tục hỏi thăm về vị Marpa này. Thầy gặp vài chú mục đồng và hỏi luôn cả họ. Những đứa lớn trả lời là không biết. Nhưng có một cậu bé vẻ mặt

sáng sủa, ăn mặc tươm tất, trang sức hảnh hoi, tóc chải dầu bóng, nói rằng: “Chắc anh muốn nói đến cha tôi rồi! Ông hay bán đi mọi thứ trong nhà để mua vàng rồi mang sang Thiên Trúc, và trở về với vô số cuộn giấy! Nếu quả là cha tôi, thì hôm nay ông đi cày ruộng. Đó là chuyện mà trước đây ông không hề làm!” Thầy tự nhủ, đây có lẽ là người mình đang tìm, nhưng rất phân vân ở chỗ là tại sao một vị Đại Dịch Sư mà lại đi cày ruộng?!

Vừa suy nghĩ, thầy vừa rảo bước dọc theo con đường, thì gặp phải một vị Lạt Ma mập mạp, có vẻ đang phát phì, đôi mắt lớn và đầy vẻ uy nghi. Ông đang cày ruộng. Khi nhìn thấy ông tự nhiên thầy cảm thấy một niềm hỷ lạc khôn tả, đến nỗi thầy không còn ý thức về ngoại giới. Khi hồi tỉnh, thầy hỏi: “Bạch Ngài, vị đệ tử của Đại Sư Naropa, quý danh là Marpa, bậc Dịch Sư, sống ở đâu?”.

Trong một lát, vị Lạt Ma ngắm thầy chăm chú từ đầu đến chân rồi hỏi: “Anh từ đâu tới? Anh làm cái gì?” Thầy đáp rằng thầy là một kẻ đại nghiệp chương từ Tây Nguyên Tsang đến, và vì nghe đại danh của Marpa, bậc Dịch Sư, nên thầy tìm đến cầu học Chánh Pháp để được giải thoát.

Nghe vậy, vị Lạt Ma đáp: “Lành thay! Ta sẽ viết giấy giới thiệu cho anh với ông ta, nếu anh cày xong thửa ruộng cho ta!” Nói xong, ông lấy bình bia chhang ra khỏi nón và đưa cho thầy uống. Khi đón nhận, thầy rất tươi tỉnh. Ông dặn thầy cày thửa ruộng cho

kỹ rồi bỏ đi. Thầy uống cạn phần bia Chhang và hăng hái cày ruộng.

Sau một lúc thì cậu bé mà hồi nãy đã chỉ dẫn cho thầy, đi đến và chào thầy. Thầy cao hứng nói với cậu ta: “Vị Lạt Ma sẽ viết giấy giới thiệu cho anh, bởi vậy anh sẽ cày xong thửa ruộng này cho ông ta”. Rồi thầy cày xong thửa ruộng. Thửa ruộng này đã giúp thầy như là một tấm giấy giới thiệu đến với bậc Minh Sư của mình, nên sau này được gọi là “Trợ Điền”. Mùa hè thì con đường đi quanh nó, vào mùa đông thì con đường đi xuyên qua.

Cùng đi với cậu bé về nhà, thầy thấy vị Lạt Ma đang ngồi trên hai chồng gói dày, trên cùng có phủ một tấm thảm, giống như chỗ ngồi ba tầng. Thầy thấy Người đã rửa mặt nhưng lông mày và khóe mũi vẫn còn dính vết bùn. Cái bụng bự tròn trịa của Người phình ra phía trước. Dù thấy rằng đây đúng là vị hồi nãy, thầy vẫn nhìn quanh xem có vị Lạt Ma nào khác không!

Vị đang ngồi trên chồng gói bảo rằng: “Hẳn nhiên là con không biết ta. Ta chính là Marpa. Cho phép con làm lễ ta!” Lập tức thầy quì xuống, dùng trán chạm vào bàn chân Người, rồi nâng bàn chân Người đặt lên đỉnh đầu thầy. Làm lễ xong, thầy thưa: “Kính bạch thầy, con là một kẻ đại nghiệp chướng từ Tây Nguyên. Con đến đây để dâng thân, khẩu và ý lên thầy. Xin thầy ban cho con com áo và Giáo Pháp để con có thể giải thoát ngay trong hiện đời”.

Người đáp: “Chuyện con là một kẻ đại nghiệp chướng chẳng quan hệ gì đến ta! Ta có sai con đi phạm tội cho ta đâu! Mà con đã phạm tội gì vậy?” Khi đã nghe thầy kể lại đầy đủ cảnh ngộ của thầy, Người nói: “Được rồi! Ta bằng lòng chuyện con dâng thân, khẩu và ý cho ta, nhưng ta không thể cho con cả ba thứ: cơm ăn, áo mặc và Giáo Pháp. Hoặc là ta cho con cơm áo, và con tìm Giáo Pháp ở chỗ khác. Hoặc là con tìm cơm áo ở chỗ khác, và ta sẽ ban cho con Giáo Pháp mà con mong muốn. Hãy chọn lựa đi!.

Nếu ta dạy Đạo cho con, THÌ CHUYỆN CON GIẢI THOÁT TRONG HIỆN ĐỜI ĐƯỢC HAY KHÔNG, HOÀN TOÀN TÙY THUỘC VÀO SỰ THA THIẾT VÀ KIÊN NHẪN CỦA CON ĐÓ!”.

Thầy thưa: “Bạch thầy! Con ĐẾN THẦY LÀ ĐỂ CẦU ĐẠO. Con sẽ tìm cơm áo ở chỗ khác!” Rồi thầy sắp xếp những cuốn sách thầy mang theo lên trên bàn thờ. Nhưng lập tức Người ngăn cản thầy và nói: “Dẹp đi những cuốn sách cũ của con! Chúng sẽ làm ô uế xá lợi và kinh điển của ta!”.

Thầy nhủ thầm chắc Người biết trong đó có sách Tà Thuật, nên không cho để chung với Thánh Điển, Thánh Tượng và những vật khác của Người, do đó thầy để đồ đạc ở một góc dành riêng cho thầy trong vài ngày. Sư Mẫu cung cấp cho thầy thực phẩm và những nhu yếu khác.

Đây là một phần đời của thầy, kể về cách thức mà thầy đã đến với Sư Ông, tạo nên công hạnh thiện lành đầu tiên của thầy.

Chú thích:

<sup>1</sup> Ở Tây Tạng, dù là Chánh Đạo hay Tà Đạo, ông thầy chịu mọi trách nhiệm về hành động của đệ tử.

<sup>2</sup> Dorje: Chử (Chày), một Pháp Bảo Tây Tạng, hình giống như hai búp sen nối nhau, treo ở đầu cây phướn, biểu tượng cho sự hoằng khai của Chánh Pháp.

<sup>3</sup> Pháp Ngạn: nghĩa là bờ Pháp. Từ chỗ này nhìn thấy nơi Đức Marpa sống, lại có tên là “Bờ Pháp” nên Tổ Milarepa cho là một điềm lành.



## CHƯƠNG NĂM: THỬ THÁCH và TRẢ QUẢ (ĐỀN TỘI)

*Kể về sự vâng lời của Tổ Milarepa đối với những đòi hỏi của Đức Marpa. Những đau khổ mà Ngài phải gánh chịu. Ba lần vì chán nản, Ngài đã từ bỏ Đức Marpa để đi tìm vị Thầy khác, và cuối cùng trở về với Đức Marpa.*

Sau đó, thầy xuôi ngược khắp thung lũng Lhobrak để khát thực, và xin được bốn trăm hai mươi lon bắp. Với hai trăm tám mươi lon, thầy đổi được một cái bình bằng đồng lớn còn hoàn hảo, có bốn tay cầm ở bốn góc. Dùng hai mươi lon, thầy đổi thịt và bia Chhang. Còn lại một trăm hai mươi lon thầy bỏ vào một cái bao lớn, rồi để cái bình đồng lên trên, thầy vác về nhà Sư Ông.

Về đến nơi, vì khá mệt nhọc nên thầy để cái bao xuống khá mạnh tay làm căn nhà hơi rung rinh. Hình như điều này khiến Sư Ông nổi giận, vì người nhảy dựng lên la lớn: “A! Anh có vẻ là một đệ tử khỏe thật! Anh muốn giết hết chúng tôi bằng cách làm sập nhà với sức mạnh của anh à?! Cút đi với bao đồ của anh!” Rồi Người đá tung cái bao ra khỏi nhà khiến thầy phải để nó ở ngoài. Lúc bấy giờ, thầy cho rằng Sư Ông là một vị khá nóng nảy, vậy thì nên cẩn thận khi ở trước mặt Người! **NHƯNG LÒNG TIN CỦA THẦY VÀO SƯ ÔNG KHÔNG HỀ LAY ĐỘNG!**

Sau khi rót cạn bình, thầy lại mang nó vào nhà và làm lễ dâng nó lên Sư Ông. Người chấp nhận bằng cách để tay lên cái bình một

lát, rồi im lặng nhắm mắt chú nguyện. Sau đó, thầy thấy nước mắt chảy xuống mặt Sư Ông và Người nói: “Lành thay! Ta dâng nó lên Sư Ông Naropa!” Rồi lần lượt Người dùng hai tay trong cử chỉ dâng cúng. Kế đó, Người nắm những cái vòng của tay cầm mà lắc mạnh và dùng một cái roi đánh vào bình gây nên tiếng vang thật lớn. Cuối cùng, Người đặt cái bình lên bàn thờ, để ở đó, và rót bơ cúng dường để đốt trên bàn thờ vào đầy bình.

Quá tha thiết với vấn đề giải thoát, thầy lại khẩn cầu Sư Ông dạy Giáo Pháp cho, Người bèn nói: “Ta có một số đệ tử và tín đồ thuần thành ở vùng U và Tsang. Họ rất muốn đến đây nhưng dọc đường cứ bị cướp bóc hoài bởi cái đám du mục ở Yamdak và Talung cũng như Lingpas. Bởi vậy họ không còn lễ vật gì khi đến đây. Con hãy đi và giảng cho bọn cướp một trận mưa đá. Đây là một đạo hạnh. Sau đó ta sẽ dạy Đạo cho con”.

Vâng lời, thầy ra đi và gây ở mỗi vùng được chỉ một trận mưa đá khủng khiếp, rồi trở về xin dạy Đạo nhưng Sư Ông đáp: “Cái gì?! Anh muốn cầu Pháp Tối Thượng Thừa mà ta phải trăm đắng nghìn cay mới học được từ Thiên Trúc với mấy đồng mưa đá, à! Bây giờ thưa Ngài, nếu Ngài tha thiết cầu Đạo, thì xin Ngài hãy đi và dùng Huyền Thuật mà ngài vẫn cho mình là tay tổ, giết đi cái đám dân vùng núi LhoBrak vì tội này cũng cướp bóc đệ tử của ta và thỉnh thoảng làm mát mặt cả ta nữa. Nếu con làm được ngon lành thì ta sẽ dạy cho con Bí Pháp mà thầy ta, Đại Sư Naropa, đã

truyền cho ta. Pháp này giúp người ta giải thoát và thành Phật ngay trong hiện đời”.

Lại vâng lời sai khiến, thầy ra đi và dùng Tà Thuật gây hỗn loạn trong đám dân vùng núi Lhobrak, khiến họ đánh nhau và chết nhiều người. Tuy vậy, cảnh tượng đổ máu đã khiến thầy ăn năn vô cùng. Sư Ông thấy trong số những người bị chết, có nhiều kẻ trước đây đã chống Người, bèn bảo rằng: “Anh quả là tay Tở về Tà Thuật”, rồi gọi thầy là “Đại Phù Thủy” (Thuchhen). Nhưng khi thầy thỉnh cầu Sư Ông dạy Đạo, thì Người nói: “Hà! Hà! Ta phải trao cho anh Pháp Tối Thượng Thừa mà ta đã mang từ Thiên Trúc về với biết bao khổ nhục, với cơ man vàng bạc chỉ vì đánh đổi với những điều ác mà anh đã làm sao?! Ôi, thưa Ngài, điều đó nực cười quá đỗi! Nếu là ai khác chứ không phải là ta thì họ đã giết Ngài vì sự đòi hỏi như vậy! Bây giờ, xin Ngài hãy đi và hoàn nguyên những hoa màu mà Ngài đã tàn phá, hãy làm hồi sinh những người miền núi Lhobrak đã chết! Nếu Ngài làm không được, xin đừng gặp tôi nữa. Nhé!” Rồi Người hùng hổ như sắp sửa đánh thầy. Về phần mình, thầy vô cùng tuyệt vọng, thầy khóc nức nở, trong khi đó Sư Mẫu tìm cách an ủi thầy.

Sáng hôm sau, Sư Ông có vẻ hồi tâm, Người đến với thầy và nói: “Ta e rằng hôm qua ta đã quá khó với con, nhưng đừng để tâm, nghe, con! Hãy kiên nhẫn và chờ đợi, rồi con sẽ có Giáo Pháp. Nhưng ta thấy hình như con là một người khéo tay, vậy ta nhờ con làm cho Darma Doday (Pháp Đài), con trai ta, một ngôi nhà. Khi

nào con làm xong, ta sẽ dạy Đạo cho con. Không những thế, ta còn cung cấp cơm áo trong thời gian con tu học”. Thầy liền hỏi: “Nhưng bạch thầy, lỡ trong thời gian đó con chết mà chưa giải thoát thì sao?” Người đáp: “Ta cam đoan với con rằng con sẽ không bị chết mà chưa giải thoát. Giáo pháp của ta không phải là một mớ hứa hẹn suông. Và lại, con có vẻ đầy đủ năng lực và kiên nhẫn, vậy con cứ yên lòng về việc con có được giải thoát trong hiện đời hay không. Phái ta không như những môn phái khác đâu! Trong đó tiềm tàng những ân ba<sup>1</sup> và khai ngộ trực chỉ hơn mọi tông phái khác”.

Yên tâm và hoan hỷ với những lời hứa hẹn đó, thầy liền hỏi Sư Ông về chương trình dựng ngôi nhà.

Về sau, thầy biết rằng khi sai thầy làm chuyện này, Sư Ông có ba mục đích. Một, không bị trói buộc bởi giao ước với những người bà con bên nội về một địa điểm nào đó, Người muốn làm một ngôi nhà tại chỗ, vì địa điểm này rất thuận tiện, an toàn, những người giao ước không dễ gì đến. Hai, Sư Ông muốn tẩy rửa nghiệp ác của thầy. Ba, Người làm vậy để sau này những người bà con không chống đối khi Người xây ngôi nhà trên địa điểm Người muốn.

Người đã lập mưu như sau. Dẫn thầy đến một dốc núi hướng Đông, Người chỉ một khoảnh đất, vạch một vòng tròn và khiến thầy làm nhà ở đó. Thầy làm ngay lập tức. Khi thầy đã xây được phân nửa, Người đến và nói rằng khi mới sai thầy, Người chưa tính kỹ

vấn đề, vậy thầy hãy ngưng làm và phá đi, rồi mang đất đá về lại chỗ mà thầy đã lấy!

Khi thầy đã thi hành xong, có vẻ chệnh choáng, Người dẫn thầy đến dốc núi phía Tây rồi sai thầy làm một ngôi nhà khác ở đó với nền hình vòng cung. Khi thầy đã xây được đến phân nửa, Người lại đến và nói rằng ngay cả ngôi nhà này cũng không hợp, vậy thầy phải phá và đưa đất đá trở về chỗ đã lấy. Thầy lại vâng lời Người.

Một lần nữa, Người dẫn thầy đến dốc núi phía Bắc và bảo thầy: “Này cái ông Đại Phù Thủy! Vừa rồi sai ông làm nhà, hình như ta say nên ra lệnh cũng sai tuốt! Quả là sai lầm! Bây giờ ông làm cho ta một ngôi nhà thật đẹp ở đây, nhé!” Thầy đánh bạo góp ý rằng theo thầy thì quả là tốn kém cho Người, và phiền toái cho thầy khi cứ xây lên rồi phá xuống như thế này. Thầy xin Người suy tính vấn đề cho kỹ rồi hãy sai thầy làm. Người nói: “Hôm nay ta không say đâu! Mà ta đã xem xét chín chắn rồi! Chỗ ở của một ẩn sĩ Mật Pháp phải là hình tam giác, vậy ông hãy làm cho ta một cái nhà như thế. Cái này sẽ không bị phá hủy.”

Vậy là thầy tiếp tục xây một ngôi nhà hình tam giác. Khi thầy đã xây được một phần ba, thì Người lại tới và bảo: “Ai sai ông xây một ngôi nhà như thế này, hả?” Thầy thưa: “Thưa thầy, đây là ngôi nhà cho con trai thầy và chính thầy ra lệnh mà!” Người nói: “Ta không nhớ là đã ra lệnh như thế này cho ông! Nếu đúng như ông

nói, thì khi đó ta lắm cảm hay điên cũng không chừng!” Thầy van nài: “Thưa thầy, nhưng e ngại chuyện sẽ như thế này, nên con đã xin thầy suy tính kỹ và chính thầy cũng nói là thầy đã tính kỹ và lần này ngôi nhà sẽ không bị phá. Hơn nữa, hôm đó con thấy thầy hoàn toàn tỉnh táo mà!” Người đáp: “Ông có chứng cứ nào, hả? Sao, ông định diệt tội tôi với thuật phù thủy bằng cách đưa tội tôi vào trong ngôi nhà tam giác của ông, trông giống như Tam Giác Ma Thuật thế này, hả? Ôi, sao thế, hả, ông? Tôi có cướp gia sản của ông đâu! Hơn nữa, nếu quả thật ông tha thiết cầu Đạo, thì nội hình dáng của ngôi nhà này cũng đã khiến tất cả Thành Hoàng Thổ Địa ở đây chống ông! Làm ơn phá ngay lập tức và đem đất đá trả về chỗ cũ, rồi tôi sẽ dạy Pháp mà ông mong, hoặc ông cuốn xéo đi chỗ khác!” Và Người bỏ đi, có vẻ giận dữ lắm. Thầy rất đau khổ mà không biết làm sao. Thầy đang cầu Đạo nên không còn cách nào hơn là phá hủy ngôi nhà tam giác và mang vật liệu trả về chỗ cũ.

Lúc bảy giờ, thầy bị một vết thương lớn trên lưng, khoảng giữa vai và cột xương sống nhưng thầy không dám nói với Người, sợ Người khó chịu. Thầy cũng không dám nói với Sư Mẫu, sợ bà nghĩ rằng thầy muốn bà biết là thầy đã làm việc nặng nhọc cho gia đình bà. Do đó, thầy ráng chịu và chỉ xin bà nói giùm với Sư Ông dạy Đạo cho thầy.

Bà bèn vào gặp Sư Ông và nói: “Thưa ông, việc xây dựng vớ vẩn của ông làm kiệt sức thằng nhỏ tội nghiệp. Xin hãy thương xót nó và dạy Đạo cho nó đôi chút!” Người đáp: “Bà dọn giùm một

bữa ăn ngon và cho gọi nó vào đây!” Bà bèn vâng lời và gọi thầy vào. Sư Ông nói với thầy: “Này Đại Phù Thủy! Đừng trách oan ta như ngày hôm qua về những chuyện mà ta không làm! Còn về dạy Đạo, thì bây giờ ta ban cho con! Rồi Người dạy cho thầy bốn Nghi Thức Quy Y với những bài Tán, Nguyện và Giới, rồi dạy thêm: “Đây là Giáo Pháp Bất Liễu Nghĩa. Còn nếu con cầu Giáo Pháp Liễu Nghĩa, thì con còn phải làm rất nhiều chuyện để xứng đáng được dạy!” Tiếp đó, Người kể một đoạn ngắn trong cuộc đời của Sư Ông Naropa và kết luận: “Này con! Ta e rằng đạt đến lý tưởng đó sẽ quá khó khăn đối với con đó!” Nghe vậy, tín tâm trong thầy tăng trưởng mạnh mẽ đến nỗi thầy không cầm được nước mắt và trong tâm thầy tự nguyện sẽ làm bất cứ điều gì mà Sư Ông sai bảo thầy.

Sau đó vài ngày, Sư Ông mời thầy đi dạo với Người. Trên đường đi, Người đưa thầy đến địa điểm đã nói ở trên, chỗ mà chú cháu của Người đã đồng ý là không xây cất và hiện nay họ đang canh chừng. Đến đó, Sư Ông dừng lại và nói: “Bây giờ con sẽ xây ở chỗ này một ngôi nhà hình vuông cao chín tầng với một sân thượng vị chi là mười tầng. Ngôi nhà này sẽ không bị phá hủy! Và khi nó hoàn tất, ta sẽ ban cho con Giáo Pháp mà con đang ao ước và sẽ giữ gìn cho con khi con nhập thất tham thiền, cung cấp cho con đủ mọi nhu yếu vật thực! Nghe vậy, thầy đánh bạo xin Người cho phép thầy mời Sư Mẫu đến để làm chứng về những gì Người hứa. Sư Ông bằng lòng. Thế là thầy chạy đi mời Sư Mẫu, trong khi

đó Người đang tính cách làm cái nền nhà. Khi đã đủ cả hai Người, thầy thưa: “Bạch thầy, con đã xây ba ngôi nhà và phá hủy chúng! Ngôi đầu tiên thì thầy nói rằng thầy chưa suy tính kỹ lưỡng, ngôi thứ hai thì thầy cho rằng thầy ra lệnh khi thầy đang say! Và ngôi thứ ba thì thầy bảo rằng khi đó thầy lắm cảm hoặc điên khùng và không nhớ là đã ra lệnh cho con! Khi con nhắc thầy về trường hợp ngôi nhà thứ ba thì thầy bảo con lấy ai làm chứng cứ và thầy có vẻ rất bức bối. Nay thầy lại sai con làm một ngôi nhà khác. Vậy con xin Sư Mẫu làm ơn làm chứng về lần ra lệnh này của thầy.”

Sư Mẫu nói: “Dĩ nhiên, ta có thể làm chứng, nhưng thầy con, ông độc đoán lắm, ông chả lý gì đến mẹ con ta đâu! Hơn nữa, ông đang làm một việc hoàn toàn vô ích. Những chuyện xây cất này chẳng cần thiết chi cả! Thật là phiền toái vô bổ khi bắt con cứ xây lên rồi lại phá xuống! Hơn nữa, cuộc đất này đâu phải thuộc quyền mình. Bằng khoán đã ký rồi, bà con họ đang canh chừng đó. Nhưng ông ấy đâu cần nghe lời của mẹ! Mẹ chỉ còn cách ráng chịu thôi!” Sư Ông Người nói với bà: “Bà chỉ nên làm điều mà bà được yêu cầu, nghĩa là làm chứng, rồi quay trở về nhà. Hãy để tôi lo phần tôi trong công việc! Bà không cần phải hỏi những chuyện không ai cầu bà hỏi!”

Vậy là thầy bắt đầu đắp nền cho ngôi nhà tứ giác, tiếp theo là xây tường. Đang khi đó có ba Sư Huynh Ngogdun-Chudor, Tsurton-Wang-gay và Meton-Tsonpo đang chơi trò thể thao là vắn một tảng đá lớn đến chỗ thầy. Thấy tảng đá vuông vắn, thầy kê nó



vào trên nền nhà, gài cửa ra vào để làm viên đá móng. Khi thầy xây được đến tầng hai thì Sư Ông đến xem. Sau khi đi quanh xem xét lý lưỡng, Người chỉ tảng đá mà ba Sư Huynh đã mang đến và hỏi: “Này Đại Phù thủy, ông kiếm tảng đá này ở đâu vậy?” Thầy đáp: “Bạch thầy, do ba đại đệ tử của thầy tập thể thao mang lại, ạ!” “Sao, hả?!” Người nói. “Ông không lý do gì mà lại dùng tảng đá do họ đem lại cho chuyện xây nhà của ông. Hãy lấy nó ra và trả về chỗ cũ!” Thầy nhắc Sư Ông về chuyện Người đã hứa là không phá ngôi nhà xuống. Nhưng Người nói: “Nhưng ta không hứa cho phép ông sử dụng những đại đệ tử đã thụ Bí Pháp của ta như người thợ làm công. Hơn nữa, ta đâu bảo ông kéo đổ toàn thể ngôi nhà xuống, mà chỉ lấy tảng đá do các đại đệ tử của ta mang lại ra và đưa nó về chỗ cũ!”

Thế là một lần nữa thầy phải kéo xuống toàn bộ bức tường mà thầy đã xây. Lấy tảng đá ra, thầy vận nó về chỗ cũ. Vừa thấy thầy làm xong, Sư Ông liền tới và nói: “Bây giờ thì ông có thể tự mình đi lấy tảng đá đó và kê lại vào chỗ cũ!” Nỗ lực với sức mạnh bằng ba người, thầy tìm cách vận tảng đá kê vào chỗ cũ. Về sau, tảng đá này được gọi là ‘Đại lực Thạch’ để ghi nhớ sức mạnh phi thường mà thầy đã sử dụng với nó.

Khi thầy đang lo đắp nền nhà ở địa điểm bị cấm xây cất này thì có vài người trông thấy, họ bàn tán: “Hình như lão Marpa định xây nhà ở chỗ này. Ta phản đối đi chứ?” Kẻ khác bảo: “Lão Marpa quỳnh lên rồi. Lão được một gã đệ tử tân tu trẻ khỏe từ cao nguyên

tới. Mê mẩn với chuyện xây cất, lão hành thẳng nhỏ tới ngày với những cái nhà dang dở khắp mọi nơi! Hễ nhà mới làm được phân nửa, lão lại bắt thẳng nhỏ kéo sập xuống và mang vật liệu trả về chỗ cũ. Lần này chắc cũng thế thôi! Nếu không thì vẫn còn khối thì giờ để ngăn lão. Chờ xem sao!”

Tuy vậy, chẳng bao lâu, họ thấy ngôi nhà không bị kéo xuống mà được tiếp tục xây đến tầng thứ bảy và thầy lại bị một vết thương khác gần thắt lưng. Họ bèn bảo nhau: “Lão ta không kéo sập ngôi nhà này. Việc kéo đổ các căn nhà khác chỉ để đánh lừa chúng ta, khiến chúng ta không ngăn cản ngay từ đầu việc xây ngôi nhà này. Kéo sập nó đi thôi!” Rồi họ tụ tập nhau lại, nhưng Sư Ông dùng thần thông tạo ra một đội quân vũ trang canh gác cả trong lẫn ngoài ngôi nhà. Những kẻ định đến tấn công đều sợ hãi. Họ nhìn nhau và nói: “Ông Marpa, bậc Dịch Sư, lấy ở đâu nhiều người thế này?” Họ không dám tấn công, thay vì thế, mỗi người ngậm kính trọng Sư Ông và sau đó trở nên đệ tử của Người.

Vào thời gian này. Sư Huynh Meton-Tsonpo vùng Tsang-rong đến thụ Đại Lễ An Thắng Mật Pháp (Demchog Mandala), Sư Mẫu bèn nói với thầy: “Đã đến lúc mà con cũng nên cố gắng để được thụ Pháp. Chúng ta thử xem sao!” Thầy cũng nghĩ rằng thầy đã một mình xây dựng cả một ngôi nhà lớn như thế, vật liệu lại phải tự tìm lấy dù là một hòn đá, một giỏ đất hay một thùng nước mà không một ai giúp đỡ thì hẳn nhiên thầy xứng đáng được lưu ý, và thầy tin

chắc rằng mình sẽ được thụ Pháp. Bởi vậy, thầy cũng ngồi vào hàng ghế của những đệ tử thụ Pháp.

Thấy thầy ở đó, Sư Ông hỏi: “Này Đại Phù Thủy, ông có lễ vật gì?” Thầy đáp: “Bạch thầy, thầy đã hứa khi nào con xây xong ngôi nhà cho con trai thầy thì con sẽ được dạy Đạo. Bởi vậy, bây giờ con hy vọng thầy cho con được thụ Pháp”. Nghe vậy, Sư Ông la lớn: “Quả là tỵ phụ! Quả là xác láo! Chỉ vì ông gắn lại với nhau một vài khối bùn mà ta phải truyền cho ông cái kho báu mà ta đã mang từ Thiên Trúc về với biết bao gian khổ và tốn kém, à? Nếu ông có thể dâng lễ vật Thụ Pháp thì tốt thôi, đưa ra đi! Còn nếu không có, xin mời đi ra khỏi Mật Đàn này!” Rồi Người đánh thầy, nắm tóc thầy, Người quăng thầy ra ngoài. Ngay khi đó, thầy chỉ muốn chết liền tại chỗ. Thầy khóc than suốt đêm đó.

Rồi Sư Mẫu đến với thầy, bà bảo: “Thật không hiểu nổi thầy con! Ông nói rằng ông mang Pháp Bảo từ Thiên Trúc về cõi này là để lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Vậy đúng ra ông phải dạy cho cả con chó nếu nó đến cầu học với ông. Bởi thế, con chớ đánh mất lòng tin vào thầy con, nhé!” Rồi bà cố gắng an ủi thầy.

Sáng hôm sau, Sư Ông đến gặp thầy và nói: “Này Đại Phù Thủy, ông nên ngưng xây ngôi nhà mà ông đang làm và bắt đầu xây một ngôi nhà để ở có mười hai cột, gồm một phòng khách và một lễ đường để làm nhà phụ cho ngôi nhà chính mười tầng đang

xây dang dở. Khi nào ông hoàn tất, chắc chắn ta sẽ dạy Đạo cho ông!”

Thầy lại bắt đầu đắp nền cho ngôi nhà mới. Trong thời gian này, Sư Mẫu luôn luôn cung cấp cho thầy vật thực đầy đủ cũng như một ít bia *chhang*, bà cũng không ngót khích lệ thầy.

Khi ngôi nhà phụ này sắp hoàn tất, thì Sư Huynh Tsurton-Wang-gay vùng Dol đến để thụ Đại Lễ Bí Truyền Mật Pháp (Sangdu Mandala). Sư Mẫu liền nói với thầy: “ lần này mẹ sẽ giúp cho con được thụ Pháp với bất cứ giá nào!” Bà đưa cho thầy một ổ bơ, một tấm chăn vải và một bình nhỏ bằng đồng rồi khiến thầy ngồi vào chỗ của những đệ tử thụ pháp.

Nhận thấy thầy, Sư Ông hỏi: “Này Đại Phù Thủy, ông có lễ vật thụ Pháp không mà ngồi vào hàng ghế đệ tử dự lễ?” Thầy bèn dâng ổ bơ, tấm chăn và bình đồng, rồi thưa rằng đó là lễ vật của mình. Nghe vậy, Sư Ông nói rằng những món này là của Người vì đó là những lễ vật do những đệ tử khác trước đây đã dâng cúng cho Người. Vậy thì thầy phải mang đến món gì của thầy, còn nếu không thì ra khỏi Mật Đàn. Rồi có vẻ điên tiết, Người đứng phắt dậy, đá xua đuổi thầy ra với những cú đá tới tấp! Đến nỗi thầy muốn độn thổ cho rồi!

Nhiều ý nghĩ hiện ra trong đầu thầy: “Với Tà Thuật, mình đã làm biết bao người chết, hủy hoại một số mùa màng. Vậy thì bây giờ mình phải trả quả chứ! Hay là Sư Ông đã thấy mình sao đó nên

Người biết rằng mình không thể tu hành Chánh Pháp! Nhưng mình thấy khi gặp riêng mình thì Sư Ông có vẻ thương yêu và kỳ vọng ở mình kia mà! Quả là khó hiểu!” Nhưng không Đạo, cuộc đời có nghĩa gì đâu!” Và thầy bắt đầu có ý định tự tử. Bấy giờ, Sư Mẫu mang đến cho thầy một phần đồ ăn của buổi lễ và cố sức khuyên lơn thầy, nhưng thầy đã mất mọi ý thích, kể cả đồ cúng. Thầy khóc suốt đêm.

Sáng sau, Sư Ông đến với thầy và nói: “Ông phải hoàn tất cả hai ngôi nhà. Rồi ta chắc chắn sẽ dạy Đạo cho ông!”

Tiếp tục công trình, thầy đã hầu như làm sang ngôi nhà phụ thì lại bị một vết thương nữa trên lưng, cả ba vết chảy máu mủ loe loét khiến lưng thầy trở thành một vết thương lớn ! Thầy trình cho Sư Mẫu xem và nhắc bà về lời hứa dạy Đạo của Sư Ông, xin bà năn nỉ Người ban cho thầy Giáo Pháp mà thầy đang khao khát. Sư Mẫu xem kỹ vết thương của thầy, bà khóc như mưa và hứa sẽ xin với Sư Ông cho thầy.

Vậy là bà đến Sư Ông và nói: “Thằng Đại Phù Thủy đã xây cất nhà cửa đến nỗi tay chân nó tan nát cả, lưng nó bị ba vết thương lớn, lở loét máu mủ. Trước đây tôi đã nghe và cũng đã thấy vết thương ở lưng lừa, lưng ngựa, nhưng chưa hề nghe vết thương ở lưng người chứ đừng nói thấy! Thật nhục nhã cho ông nếu người ta nghe được chuyện này! Một vị Lạt Ma đáng kính và danh tiếng như ông mà ác độc như vậy! Ông phải thương thằng bé một chút chứ!

Hơn nữa, ông đã hứa là dạy cho nó Giáo Pháp mà nó khao khát khi nó xây nhà xong cơ mà!” Sư Ông đáp: “Quả thật tôi có nói vậy, tôi hứa với nó khi nào ngôi nhà mười tầng hoàn tất tôi sẽ dạy Đạo cho nó, nhưng nhà mười tầng đâu?! Nó làm xong chưa?!” Sư Mẫu phản đối: “Nhưng nó đã xây ngôi nhà phụ còn lớn hơn nhà mười tầng cơ mà!” Sư Ông cắt ngang: “Ngạn ngữ có câu, ‘Nói nhiều thì làm ít!’ Khi nào nó hoàn thành ngôi nhà mười tầng, tôi sẽ dạy cho, vậy thôi. Nhưng quả thật lưng nó bị lở loét ghê lắm, à?”

“Ôi, ông ơi, ông độc đoán quá nên ông thấy gì đâu! Nếu không thì ông đã thấy rằng không phải lưng nó có vết thương, mà đúng ra thì lưng nó là một vết thương lớn!” Nói vậy với vẻ nghiêm khắc nhất của mình, bà quày quả bỏ đi, nhưng Sư Ông gọi với theo: “Vậy thì bảo thằng nhỏ lên đây gặp tôi!”

Sau đó, thầy lên gặp Người, lòng rất hy vọng là sẽ được Người ban Pháp. Nhưng Người chỉ bảo thầy đưa lưng ra, Người xem rất kỹ lưỡng rồi nói: “Thế này chẳng nghĩa lý gì so với những đau đớn và thống khổ mà Sư Ông Naropa phải gánh chịu, Ngài đã phải mang trên người mười hai vết thương lớn, mười hai vết thương nhỏ, vị chi là hai mươi bốn vết tất cả. Còn ta, ta đâu kể gì tài sản và an toàn của thân ta, ta đã tự nguyện hy sinh tất cả để theo và hầu hạ Sư Ông Naropa. Nếu ông thực sự tha thiết cầu Đạo thì đừng khoe khoang về những việc làm của mình. Hãy tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi và gắng làm đàng hoàng cho xong công trình xây cất. Một lần nữa hy vọng của thầy tan thành mây khói.

Sư ông lấy cái áo của Người xếp thành một tấm đệm, rồi chỉ cho thầy cách lùa, ngựa được lót tấm đệm ra sao khi lưng chúng bị thương, và khuyên thầy làm theo như vậy! Khi thầy hỏi Người dùng tấm đệm làm gì nữa khi cả tấm lưng là một vết thương, thì Người lạnh lùng trả lời rằng làm vậy để đất cát khỏi dính vào vết thương và khiến nó tệ hơn! Rồi thêm rằng thầy hãy đi khuân đất sét và đá!

Tự nhủ rằng đây là ý muốn của Thầy mình, thầy cảm thấy mình phải tiếp tục và làm như đã được sai bảo. Bởi vậy, thầy tiếp tục mang vật liệu tới và xây cất.

Sư ông thấy những gì thầy đang làm, Người tự nhủ: “Đáng khen thay đũa đệ tử cao thượng, vui lòng vâng theo những sai bảo của Thầy mình!” Người ngấm ngấm rơi những giọt nước mắt sung sướng khi thấy thầy thành khẩn và một lòng tin vào Người.

Dần dà những vết thương trở nên tệ hơn và sung tấy, thầy đau đớn đến nỗi không làm việc được nữa. Thầy xin Sư Mẫu cầu Sư Ông dạy Đạo cho thầy, để nếu có bị người từ chối chẳng nữa thì thầy cũng được nghỉ làm việc cho đến khi đủ sức làm lại. Nhưng Sư Ông chỉ nói: “Nó chưa hoàn tất nhà cửa thì chưa dạy Đạo được, nhưng nếu không làm nổi nữa thì có thể tạm nghỉ vì không ai giúp đỡ đâu! Dù sao đi nữa, hãy để nó làm tới đa theo khả năng của nó!” Do đó, Sư mẫu cho thầy nghỉ và săn sóc vết thương cho thầy.

Khi vết thương vừa đỡ đôi chút ,Su Ông chả nhắc gì đến Giáo Pháp mà chỉ nói với thầy: “Này Đại Phù Thủy, ông nên làm trở lại đi và làm mau lên chứ!” Thầy sắp sửa vâng theo thì Su Mầu nói riêng với thầy: “Chúng ta phải làm gì đó để ông dạy Đạo cho con chứ!”

Sau khi bàn luận với nhau, bà và thầy quyết định rằng thầy sẽ ra đi với hành trang của thầy, với một bao nhỏ bấp bột trên lưng, và thầy sẽ nói với bà: “Ôi, để con đi cho rồi, mẹ hãy để con đi!” Ở một địa điểm trên đường đi mà Su Ông có thể thấy và nghe được từ chỗ Người thường ngồi. Khi thầy giả bộ quyết ra đi như vậy thì Su Mầu sẽ níu thầy lại và nói: “Đừng đi con! Đừng đi con! Mẹ sẽ cố hết sức để con được dạy Đạo!”

Khi Vở Kịch này được diễn ra dưới mắt Su Ông, Người gọi lớn: “Này cô Vô Ngã ( Damema, tên Su Mầu ) hai người đang làm trò gì đó?” Su Mầu đáp: “Đại Phù Thủy bảo rằng nó từ chỗ xa xôi tới, mong rằng ông sẽ dạy cho nó Đạo Giải thoát. Nhưng thay vì được dạy, nó chỉ làm ông bực bội khiến nó bị đánh đập. Và bây giờ sợ rằng sẽ chết mà chưa học được Chánh Pháp, nó muốn đi nơi khác để cầu học. Tôi đang bảo đảm với nó rằng tôi sẽ cố hết sức để nó được dạy Đạo và đang tìm cách giữ nó lại! ” Su ông nói: “Tôi hiểu!” rồi rời chỗ ngồi đến chỗ thầy, Người đánh thầy nhiều cái vừa quát lớn: “Khi ông mới đến với ta, há không phải ông dâng cho ta cả thân, khẩu và ý của ông hay sao? Bây giờ ông muốn đi đâu, hả? Ông thuộc về ta hoàn toàn! Nếu muốn ta có quyền xé ông ra trăm



mảnh mà không ai ngăn được! À, mà nếu ông muốn bỏ đi thì quyền gì mà ông lấy bột ngô của ta, hả?”. Nói xong, Người đập thầy té xuống đất và đánh đập tàn nhẫn. Rồi người mang bao bột trở vô nhà .

Bây giờ, thầy đau buốt tâm can không khác gì người mẹ mất đứa con trai độc nhất. Đồng thời thầy cũng kinh hãi bởi tính cách độc đoán của Sư Ông và tự nhủ rằng đây là hậu quả của chuyện thầy đã âm mưu với Sư Mẫu. Thầy không biết làm sao hơn là trở vô nhà và nằm khóc!

Sư Mẫu nói rằng quả không thể van xin, khẩn cầu hay mưu kế gì để Sư Ông động lòng thay đổi nhưng bà nói thêm: “Con hãy yên tâm. Thế nào cuối cùng rồi ông cũng dạy con. Còn bây giờ ta sẽ liệu dạy cho con một chút gì đó!” Rồi bà dạy cho thầy Pháp thiên quán về Kim Cương Trư (Vajra Varahi), nhờ vậy cũng thỏa mãn phần nào lòng khao khát cầu Đạo của thầy. Dù đây chưa phải là Giáo Pháp Liễu Nghĩa, thầy cũng rất biết ơn bà. Thầy tự nhủ rằng bà là vợ của Sư Ông, vậy thì những gì bà dạy sẽ rửa sạch những tội lỗi của thầy. Bởi vậy, thầy tỏ lòng biết ơn bằng cách làm những việc lặt vặt cho bà, ví dụ như làm cho bà cái ghế để bà ngồi vắt sữa bò mỗi buổi sáng, một cái khác để bà ngồi chiên bánh trước sân nhà.

Vào thời điểm này, thầy bắt đầu quyết tâm đi tìm vị thầy khác! Nhưng suy nghĩ cặn kẽ, thầy tự đi đến kết luận rằng cái Giáo Pháp

giúp thầy giải thoát ngay trong hiện đời thì chỉ một mình Sư Ông có! Thầy cũng tự thấy rằng trừ phi thầy được giải thoát trong hiện đời, còn không thì ác nghiệp mà thầy đã phạm đủ để đưa thầy xuống địa ngục! Rồi thầy tự nguyện sẽ cố gắng hết sức mình, noi gương Sư Tổ Naropa trong những thử thách đau khổ, cũng như sự cầu Đạo không mệt mỏi của Người để được giải thoát. Quyết định xong, thầy tiếp tục làm việc, lại khiêng đá và nhồi đất.

Bấy giờ, Sư Huynh Ngogdun-Chudor vùng Zhung mang theo những lễ vật quý giá cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, đến để thụ Đại Lễ Thăng Tiên Mật Pháp (Hé-Varja).

Sư Mẫu lại nói với thầy: “Con ơi, nếu thầy con không bằng lòng với lòng tha thiết và sự vâng lời mà con đã biểu lộ qua việc xây cất nhà cửa bởi một tay con, mà chỉ đòi lễ vật thụ Pháp bằng hiện vật thì chúng ta sẽ dâng cho ông một món để ông cho con được thụ pháp. Con hãy dâng nó lên, nếu ông không chịu sẽ nói giúp”. Nói xong, bà đưa cho thầy một viên ngọc bích giá trị màu xanh biếc, là món tư trang của bà.

Thế là thầy dâng viên ngọc như lễ vật thụ Pháp và ung dung ngồi vào hàng ghế đệ tử thụ lễ.

Sư ông cầm viên ngọc, lật qua lật lại, xem xét kỹ lưỡng một lúc rồi nói: “Này Đại Phù Thủy, làm sao ông có viên ngọc bích này?” Thầy đáp: “Dạ, Sư Mẫu cho con, ạ!” Người mỉm cười và nói: “Gọi Cô Damema lại đây!” Khi Sư Mẫu đã tới, Người nói:

“Này cô Damema, chúng ta có viên ngọc bích này ra sao?” Bà liền quỳ gối nhiều lần trước Người và thưa: “Thưa ông, viên ngọc bích này không thuộc tài sản chung của chúng ta. Đây là món tư trang đặc biệt do cha mẹ tôi cho tôi khi chúng ta lấy nhau. Thấy ông khá nóng nảy, các người sợ chúng ta sẽ bị đổ vỡ, do đó cho tôi viên ngọc bích này để phòng khi bị đổ vỡ thì tôi có vốn riêng mà sống. Bởi thế tôi giữ làm của riêng. Bây giờ thấy thằng bé quá tha thiết cầu Đạo nên tôi cho nó. Xin ông nhận viên ngọc và cho nó thụ Pháp. Nó đã đau khổ quá sức vì nhiều lần bị đuổi ra khỏi Mật Đoàn. Xin cho phép tôi được cầu cho nó. Và các con nữa, Ngogdun và mấy con, ta mong các con xin giùm với ta!” Nói xong, bà lại quỳ gối nhiều lần trước Sư ông.

Biết Sư Ông nóng nảy, huynh Ngogdun và các đệ tử khác không dám nói gì cả, chỉ làm lễ và thưa: “Dạ, mong được như lời Sư Mẫu!” Nhưng Sư Ông - đã gắn viên ngọc vào chiếc vòng đeo ở cổ - chỉ nói: “Này Cô Damema, sự điên rồ của cô suýt chút nữa làm mất viên ngọc quý của tôi, mà nó mất rồi đó! Đừng có điên rồ nữa! Khi chính cả cô đã thuộc về tôi thì dĩ nhiên viên ngọc này là của tôi! Này Đại Phù Thủy, ông có món gì của ông, ông có thể mang lại đây rồi ta truyền Pháp cho ông. Viên ngọc này là tài sản của ta!”

Sư Mẫu đã cho thầy một viên ngọc bích để làm lễ vật nên thầy nghĩ rằng Sư Ông sẽ cho thầy thụ Pháp, bởi vậy thầy có ý chần chờ ngồi nán lại. Lập tức Sư Ông nổi nóng, giận dữ gầm lên: “Này cái gã xác láo, ta đã bảo mà sao mi không chịu ra, hả? Mi có quyền gì

mà ở trước mặt ta!” Rồi với sức mạnh đáng kinh ngạc, Người cúi thầy té sấp thật mạnh xuống đất và vớ cây gậy, Người quát thầy thì Sư Huynh Ngogdun ngăn Người lại. Trong khi đó, quá kinh hoàng, thầy phóng qua cửa sổ, điều này khiến Sư ông lo âu dù ông vẫn làm ra vẻ giận dữ.

Khi phóng ra thầy không bị sao cả nhưng trong tâm, thầy đau khổ đến nỗi thầy quyết định tự tử. Nhưng Sư Mẫu lại đến an ủi thầy, bà nói: “Này Đại Phù Thủy con, đừng lấy đó làm điều. Không có người đệ tử nào thân yêu và trung thành hơn con! Nếu sau mọi cơ sự này, con muốn ra đi và tìm vị thầy khác, ta sẽ giúp con những lễ vật cần thiết cũng như các nhu yếu khác.” Rồi bà khuyên lơn thầy, khóc suốt đêm với thầy, quên cả những bốn phạm buổi tối của bà đối với Sư Ông.

Sáng hôm sau, Sư Ông cho gọi thầy lên. Thầy lên với hy vọng là Người sẽ thỏa mãn nỗi khao khát của thầy. Người hỏi thầy rằng chuyện Người đã từ chối không cho thầy thụ Pháp trong những tháng ngày vừa qua có làm lung lay lòng tin của thầy đối với Người hoặc khiến thầy oán Người hay không. Thầy thưa: “Bạch thầy, chuyện đó không làm lay chuyển lòng tin của con đối với thầy vì con cảm thấy rằng chính đại nghiệp chương của con đã ngăn cản không cho con được thụ pháp, và con ăn năn vô cùng!” Nói xong, thầy bật khóc, lập tức Sư Ông ra lệnh thầy ra ngoài và la lên: “À, ông khóc lóc để buộc tội ta đây, hả? ”

Khi bước ra ngoài, thầy cảm thấy tim mình hầu như tan vỡ, chẳng khác gì có một cơn gió lốc xé nát cả gốc rễ nó. Thầy nghĩ đến số vàng mà thầy đã có trong thời gian đi học Tà Thuật, và ân hận là sao hiện giờ mình không có nó khi mình muốn đi trên con đường Chánh Đạo! Ôi, giá như bây giờ mà thầy có được một nửa số vàng đó! Thì thầy có thể thụ Pháp và học Đạo! Nhưng không có vàng thì thầy thấy rõ Sư Ông sẽ không cho thầy gì cả! Thầy luôn luôn bị đòi hỏi lễ vật, ngay cả nếu thầy đi nơi khác để cầu Pháp. Không làm gì được nếu không có vàng!, không có chút của cải, thầy sẽ chết không giải thoát, vì đâu được học Pháp Giải Thoát! Thôi thà chết liền còn hơn sống mà không được học Đạo. Làm gì bây giờ đây? Đi làm công cho các phú ông, rồi tích lũy tiền bạc đủ để sắm vàng mà trả lễ vật thụ Pháp cũng như chi phí suốt thời gian sám hối và thiền định ư? Hay trở về nhà để thăm mẹ? Có lẽ ở đó mình sẽ có món tiền nhưng mình đã gây bao tang tóc cho người làng bằng Tà Thuật mà! Tuy thế, phải làm lập tức một trong hai điều. Thầy phải ra đi để kiếm hoặc vàng hoặc giáo pháp. Phải đi!

Vậy là, mang theo mấy cuốn sách và để lại bao bột, vì sợ Sư Ông không bằng lòng, thầy ra đi mà không cho Sư Mẫu hay ý định của mình. Khi đã đi được bốn hoặc năm dặm, thầy đột nhiên có ý muốn được gặp lại bà một lần nữa vì cảm thấy mình quá vô ơn, khi ra đi mà không một lời từ giã bà. Bây giờ là thời gian ăn sáng, nên thầy lấy một ít bột ngô khát thực được, mượn nồi và nhóm lửa nấu ăn. Khi ăn xong thì đã quá Ngọ. Thầy lại nghĩ rằng được Sư Ông

nuôi ăn là mình đã được trả một nửa tiền công mà mình đã làm cho Người. Khi nghĩ lại buổi ăn sáng nghèo nàn vừa qua và so sánh nó với những buổi ăn ngon ở nhà Sư Ông do Sư Mẫu chu cấp, thầy nghĩ mình quá bội bạc khi không từ già bà. Thầy phân vân muốn trở lại nhưng không thể quyết định được.

Khi thầy đi trả mấy cái nôi đã mượn để nấu ăn, một cụ già đón thầy lại và hỏi: “Chà, cậu còn trẻ quá mà, dư sức làm lưng, có sao lại đi xin? Sao cậu không mưu sinh bằng cách đọc Thánh Điển, hả? À, mà nếu cậu không đọc được, thì sao không làm chuyện gì đó thì cậu cũng có ăn và chút đỉnh tiền. Cậu đọc được không, nhỉ? Thầy trả lời rằng thầy không phải là kẻ ăn xin chuyên nghiệp và thầy đọc được. Cụ già bèn nói: “Tốt quá, hãy đến nhà già và đọc Kinh Điển cho già nghe, già sẽ trả công xứng đáng.”

Thầy sung sướng chấp nhận lời yêu cầu. Khi đọc bản tóm lược của bộ kinh Đại Bát Nhã gồm tám ngàn bài kệ, thầy gặp câu chuyện của Bồ Tát Thường Khốc, chuyện kể rằng vị Bồ Tát không một xu dính túi, đã bán cả thịt mình để cầu Pháp. Không gì quý hơn quả tim mình mà Ngài cũng định bán luôn! Dù phải chết chẳng nữa, Ngài vẫn không từ bỏ ý định của mình! Khi so sánh những thử thách của mình với của vị Bồ Tát đó, thầy thấy không thấm vào đâu cả! Một niềm hy vọng lại lóe lên trong thầy là cuối cùng Sư Ông sẽ dạy Đạo cho thầy. Thầy lại nghĩ: “Ngay cả nếu Người không dạy, thì Sư Mẫu đã hứa là sẽ giúp mình tìm vị khác cơ mà!” Thế là thầy trở lại.

Hãy nhắc lại những gì đã xảy ra ở nhà Sư ông khi thầy bỏ ra đi. Khi Sư Mẫu biết được rằng thầy đã bỏ đi thật rồi thì bà đến chỗ Sư Ông và nói: “Thưa ông, cuối cùng cái gã tử thù của ông đã bỏ đi. Ông bằng lòng rồi chứ?” Người hỏi: “Bà muốn nói ai đó?” Bà đáp: “Cái thằng Đại Phù Thủy đáng thương mà ông đối xử như kẻ tử thù chứ còn ai vào đây nữa!” Sư ông nhăn mày nhưng không cảm được nước mắt, Người kêu lên: “Hỡi Chư Vị Tổ Sư giòng Kargyutpa và hàng Long Thiên Hộ Pháp. Hãy mang đũa ĐỆ TỬ ĐỊNH MỆNH của tôi về cho tôi!” Nói xong, Người lấy áo choàng trùm đầu lại và ngồi yên một thời gian lâu.

Khi thầy trở về và ra mắt Sư Mẫu, bà rất đổi vui mừng và nói: “Quả thật con làm vậy là phải lắm. Mẹ nghĩ rằng bây giờ thế nào Thầy con cũng dạy Đạo cho con. Khi mẹ nói về chuyện con ra đi, ông đã chảy nước mắt và kêu lên: ‘Hãy mang ĐŨA ĐỆ TỬ ĐỊNH MỆNH VÀ THƯỢNG CĂN của tôi về cho tôi!’ Và mẹ cho rằng con trở về là do từ lực của Thầy con.”

Tuy vậy, thầy tự nghĩ bà nói vậy là để khích lệ mình, vì nếu quả như vậy thì tại sao Sư Ông không chịu dạy gì cho thầy cả. Không những không chịu dạy thầy, Người cũng không cho thầy đi học ở ai khác. Quả là khó hiểu!

Sư Mẫu vào và thưa với Sư ông: “Thưa ông, thằng Đại Phù Thủy đã không bỏ chúng ta! Nó đã trở về! Ông có cho phép tôi đưa nó vào để chào hỏi ông không?” Sư Ông nói: “Ồ, không phải vì

thương chúng ta đâu, thương nó thì có! Nhưng bà hãy cho nó vô đây chào tôi!” Khi thầy vào, Người nói: “Này Đại Phù Thủy, chớ dao động đối với những mục đích của ông! Nếu quả thực ông tha thiết cầu Đạo, ông phải sẵn sàng hy sinh mạng sống vì chuyện đó! Bây giờ hãy ra ngoài, trước hết là hoàn tất ba tầng chót của ngôi nhà, và sau đó ông sẽ được mãn nguyện. Nhưng nếu ông nghĩ khác thì ta sẽ vớt thực phẩm cho ông, rồi ông đi đâu tùy ý!”

Thầy đi ra mà không dám nói một lời, nhưng lại nói với Sư Mẫu: “Thưa mẹ, con đã rất mong được gặp lại mẹ, và con cảm thấy chắc chắn rằng thầy sẽ không ban Pháp cho con. Nếu quả thật con sẽ được dạy Đạo khi hoàn tất xong ngôi nhà, con sẽ rất vui lòng làm việc. Nhưng con thấy rõ là thầy đưa ra hết có này đến có nọ để không dạy Đạo cho con. Con cảm thấy chắc chắn là con không được học dù con có hoàn tất việc xây nhà chẳng nữa. Vậy xin mẹ cho con về quê. Kính chúc thầy mẹ vạn an!”

Thầy chào bà rồi ra đi thì bà bảo: “Con nói phải. Ta đã hứa là sẽ tìm cho con một vị thầy. Hiện nay có anh Ngogdun-Chodor, đệ tử Thầy con, anh ấy có Giáo Pháp giống như của Thầy con. Ta sẽ gắng hết sức để anh ấy dạy cho con. Hãy nán lại ít lâu, trong thời gian này con cứ tiếp tục làm việc”. Sung sướng với viễn ảnh được học Đạo, thầy hăng say làm việc nhiều ngày.

Hình như thuở Sư Tổ Napora còn lại thế, Ngài có thông lệ chọn ngày mừng Mười mỗi tháng làm ngày đại lễ, và do đó Sư Ông



cũng vậy. Sư Mẫu nhân ngày này để thực hiện âm mưu giúp thầy. Trong dịp lễ, ba bình lớn được dùng để đựng rượu, mỗi bình chứa hai mươi lít bia chhang. Đây là loại bia đã được chế thành rượu mạnh. Bình đầu rượu rất mạnh bà dọn cho Sư Ông, bình thứ hai rượu khá mạnh bà dọn cho đệ tử, bình thứ ba rượu rất nhẹ bà dọn cho bà và thầy. Mọi người, kể cả Sư Ông, đều uống nhiều, do đó sau khi dự tiệc, mọi người đều ngủ say! Sư Mẫu liền lén vào phòng người, lấy vòng hoa và xâu chuỗi bằng hồng ngọc của Sư Tổ Napora. Rồi bà đưa cho thầy một bức thư của Sư Ông mà bà đã làm giả sẵn, nội dung trong đó là bảo sư Bác Ngogdun-Chudor dạy Pháp cho thầy. Thư có đóng khuôn dấu của Sư Ông. Bà gói thư, vòng hoa và xâu chuỗi vào một cái khăn quàng đất tiền và chỉ chỗ của Sư Bác ở vùng Trung Thổ cho thầy. Thế là thầy ra đi với bao nỗi hân hoan!

Khoảng hai hôm sau ngày thầy ra đi, Sư ông hỏi Sư Mẫu thầy đang làm gì. Bà đáp rằng thầy đã lên đường nhưng bà không biết đi đâu. Người hỏi: “Nó đi đâu? Đi khi nào vậy? ” Bà đáp: “À, nó bảo rằng dù nó đã làm thật nhiều cho ông, ông vẫn không có ý định dạy Đạo cho nó mà chỉ la mắng đánh đập, bởi vậy nó phải đi tìm vị thầy khác. Nếu tôi nói cho ông hay về ý định của nó thì nó sẽ bị đánh nữa nên tôi không nói. Tôi đã hết sức khuyên nó ở lại mà không được. Nó đi ngày hôm qua!”

Nghe vậy, mặt Sư Ông tối sầm lại, Người hỏi: “Nó đi hồi nào?” Bà đáp: “Dạ, hôm qua!” Người ngồi yên lặng một hồi rồi nói: “Đệ tử của ta chưa thể đi xa lắm!”

Trong khi đó, thầy đã đến Riwo-kyungding ở Trung Thổ Tây Tạng và gặp Sư Bác Ngogdun, bấy giờ ông đã là một vị Thượng Tọa Lạt Ma, ông đang thuyết Pháp cho đệ tử. Ông giảng đến đoạn kinh sau, ‘Ta là Luận Sư, ta là Chân Đế và ta là Thính Chúng! Ta là Đạo Sư và ta là Đệ Tử!. Ta là bậc đã siêu việt sinh tử! Ta là bậc Đại giác!’, thì thầy tiến đến, và quỳ xuống khi còn một khoảng cách xa. Chỗ đó sau này được gọi là Quy Y Phong (Chag-tael-Kang). Sư Bác cất mũ chào lại thầy vì nhận ra đây là lời chào của người đồng môn, hơn nữa việc thầy đến đúng vào lúc ông giảng đoạn kinh trên là một điềm rất lành, đến nỗi ông huyền ký rằng sau này thầy sẽ là một Đại Sư ! ông cho đệ tử hỏi thầy là ai. Người đó nhận ra thầy và hỏi: “Ông mang gì lại đây vậy?” Thầy đáp rằng Sư Ông Marpa quá bận không dạy riêng thầy được nên gửi thầy đến đây học. Thầy cũng nói thêm là Sư Ông có gởi tín vật là vòng hoa và xâu chuỗi hồng ngọc của Sư Tổ Naropa.

Khi người đệ tử vào và trình lại cho Sư Bác như vậy, ông rất vui mừng đến nỗi ông thốt lên: “Quả thật, những trường hợp phước lành như vậy thật là hy hữu! Tự viện khiêm nhường của ta đã được ban phước và vinh dự nhờ sự hiện diện những Pháp Bảo của Sư Ông Naropa! Dịp thế này ít có như hoa ưu đàm. Chúng ta hãy đón nhận với tất cả sự long trọng tương xứng!” ông lập tức ngừng giảng

kinh và cho người trang hoàng cờ phướn, tràng phan, bửu cái và cho tấu nhạc inh ỏi.

Khi đến chỗ ông, thầy quỳ xuống và trình gói thư và Pháp Bảo. Khi đón nhận, ông rất xúc động, nước mắt chảy dài. Dỡ mũ ra, ông để Pháp Bảo lên đỉnh đầu, cầu xin được hộ trì, rồi để Pháp Bảo lên chỗ trang trọng nhất của bàn thờ.

Bức thư có nội dung như sau: “Thầy sắp sửa nhập thất. Và vì Đại Phù Thủy nôn nóng mong được truyền Pháp, thầy gọi nó đến con để làm lễ Quy Y và lễ Thế Phát. Vậy, con hãy đón nhận và dạy Đạo cho nó. Để làm tín vật, thầy gọi cho con vòng hoa và xâu chuỗi hồng ngọc của Sư ông Naropa.”

Đọc xong bức thư, Sư Bác Ngogdun nói rằng đã có lệnh của Sư Ông thì thầy sẽ được truyền Pháp. Rồi ông nói: “Ta có một số đệ tử ở Kham, Tagpo, Kongpo và Yarlung. Trên đường đến đây họ bị bọn ăn cướp Yepo và Yemo ở Dol chặn đường cướp hết của cải. Ta yêu cầu ông trừng phạt chúng bằng một trận mưa đá. Khi nào ông làm xong, ta sẽ dạy Pháp mà ông mong ước”.

Nghe vậy thầy ăn năn biết bao cái số phận đã để vào tay thầy quyền năng Huyền Thuật đáng nguyên rửa kia! Nó đã biến thầy thành một phương tiện báo oán bằng cách gây thương tổn cho đời sống và của cải! Thầy đã đến đây để tìm Đạo Giải Thoát và thầy lại bị yêu cầu làm điều ác! Nếu từ chối, vậy là thầy không vâng lời bậc Minh Sư, hay ít nhất thầy cũng nghĩ đây là Minh Sư, mà không

vâng lời vị Minh Sư là một trọng tội! Hơn nữa, làm vậy là thầy mất dịp may để học Đạo! thế là thầy quyết định thi hành vì không còn cách nào khác.

Với một số dụng cụ cần thiết, thầy ra đi đến địa điểm thích hợp và tạm trú trong nhà của một bà già ở Yepo. Khi trận mưa đá sắp xảy ra, sấm chớp vang trời và những giọt mưa đá sắp sửa rơi xuống, thì bà già chủ nhà đấm ngực than khóc và kêu lên: “Ôi trời ơi, mùa màng bị mưa đá phá hủy thì làm sao tôi sống, hở, trời?!”

Trước cảnh đó, thầy chịu không nổi lên bất kể nguy hiểm có thể xảy đến cho mình, thầy bảo bà vẽ hình đám ruộng của bà. Với giọng tuyệt vọng, bà la lên: “Nó như thế này!” Đồng thời vẽ một hình tam giác. Thầy lập tức chụp lên hình vẽ với một cái chảo sắt, trong đầu thầy nghĩ rằng che cho nó khỏi bị mưa đá tàn phá, một góc hình vẽ bị nhô ra ngoài.

Khi cơn mưa đá đã dứt, ra xem xét trên hiện trường, thầy thấy cả một vùng lúa phì nhiêu bị tàn phá, trừ cánh đồng của bà lão thì vẫn xanh tốt! Nhưng một góc cánh đồng cũng bị hư hại nhẹ, tương ứng với góc trên hình vẽ bị nhô ra ngoài! từ đó về sau, cánh đồng đó không bao giờ bị hư hại, dù mưa đá thiên nhiên xảy ra ở những cánh đồng bên cạnh.

Trên đường trở về, thầy gặp một người chẵn cừu và đưa con trai, họ đã mất hết cừu trong trận mưa đá vừa rồi. Thầy nhắn họ nói lại với người trong vùng rằng từ nay trở đi đừng cướp bóc đệ tử và

tín đồ của Lạt Ma Ngogdun nữa, nếu không, sẽ còn bị phạt tiếp. Sau chuyện này, dân ở hai chỗ đó đều sợ hãi quyền năng của Sư Bác Ngogdun và họ trở thành tín đồ của ông.

Trên đường về, thầy nhặt vài xác chim dưới chân hàng rào bị sập và vài xác chuột rải rác đây đó, cho đến khi thầy đựng đầy cả mũ và vạt áo! về đến nơi, thầy đặt thành một đống trước mặt Sư Bác và thưa: “Ôi, thưa thầy, con đến đây là để cầu Chánh Pháp nhưng lại bị bắt buộc chắt chùng thêm tội lỗi. Xin hãy thương xót một kẻ tội lỗi khủng khiếp như vậy! Rồi thầy bật khóc nức nở.”

Nghe vậy, Sư Bác đáp: “Chớ thất vọng! Không có lý gì phải sợ kỳ cục như thế! Chúng ta thuộc dòng Chư Vị Maitri (Tử Thị) và Naropa là những Bậc có các Chân Pháp, có thể cứu những kẻ đại ác nghiệp trong nháy mắt, giống như viên sỏi bắn ra từ cây ná làm sợ cả trăm con chim một lúc. Tất cả chúng sinh, cũng như các con vật này, đã bị chết vì trận mưa đá này sẽ trở thành những đệ tử đầu tiên của ông khi ông chứng quả Phật. Còn trong thời gian này ta sẽ dùng quyền năng để cứu họ khỏi rơi vào ba đường dữ. Bởi thế, hãy an tâm. Nhưng nếu ông còn nghi ngờ, thì ta sẽ chứng minh lời ta nói.” Và ông ngồi nhắm mắt, yên lặng giây lát, rồi búng ngón tay. Lần búng thứ ba, tất cả con vật chết đều sống lại và chạy, bay về ổ! Bây giờ thầy mới nhận ra rằng Sư Bác đã là một vị Phật! Hoan hỷ biết bao! Ân phước biết bao! đến nỗi thầy mong rằng có nhiều chúng sinh bị chết hơn trong trận bão mưa đá này!

Sau đó, thầy được thụ Đại Lễ Thăng Tiên Mật Pháp, thầy tìm thấy một cái động hướng Nam, từ đó thầy có thể thấy chỗ ở của Sư Bác. Thầy sửa sang chút đỉnh rồi nhốt mình trong đó, chỉ để một lỗ hờ bên cạnh để tiếp tế đồ ăn v.v...

Sư Bác dạy cho thầy Pháp Thiền Quán và thầy nỗ lực dụng công. Nhưng dù Sư Bác hết lòng hộ trì và thầy hết sức cố gắng, sự dụng công tu hành của thầy hoàn toàn không có kết quả vì thầy đâu được Sư Ông cho phép!

Một hôm, Sư Bác đến và hỏi thầy rằng có được kinh nghiệm tâm linh như vậy như vậy không? thầy thưa rằng không hề được như thế. Ông nói: “Sao vậy kia?! Trong pháp tu này, một hành giả sẽ tiến bộ rõ rệt trong thời gian rất ngắn không loại trừ ai. Nếu không, ắt phải có trở ngại gì đó nhưng trở ngại gì, nhỉ? Đâu có lý nào Thầy chưa cho phép ông thụ Pháp! Vì nếu vậy sao Người lại gửi thư và tín vật! Thôi được, cứ tiếp tục xem sao!”

Nghe vậy, thầy giật mình và đã định thú nhận sự lừa dối của mình nhưng rồi không dám. Thầy tự nhủ phải làm Sư Ông nguôi giận mới được nhưng thầy vẫn dụng công tối đa Pháp thiền quán.

Trong thời gian này, vì cái nhà của con trai Người đã hoàn tất, Sư Ông viết thư cho Sư Bác Ngogdun bảo ông gửi cho Người thật nhiều thanh cây để trang hoàng ngôi nhà. Thư viết thêm rằng khi nào nhà đã trang trí xong thì Sư Bác hãy đích thân tới để dự lễ Tân Gia cũng như lễ Thành Nhân của cậu Pháp Đài đã đến tuổi trưởng

thành. Thư cũng cho hay rằng Sư Ông đã biết là thầy hiện đang ở đây, gọi thầy là ‘thằng xấu xa’ và dặn Sư Bác khi đi nhớ dẫn thầy theo luôn!

Sư Bác đến lỗ hờ của cốc thầy ở và đọc lá thư rồi nhận xét: “Cái lối nói của Thầy khi đề cập đến ông thì rõ ràng Thầy chưa cho phép ông thọ Pháp!” Thầy thưa: “Dạ chính Thầy thì chưa cho phép, nhưng Sư Mẫu làm bức thư cho tôi cũng như cho tín vật để tôi đến đây!” Ông nói: “A! Thảo nào! Vậy thì chúng ta đang làm một việc vô ích! hiển nhiên ông phải biết rằng nếu không được Thầy chấp thuận và hộ trì thì không thể nào tu tập tiến bộ được. Thảo nào ông không có chứng nghiệm gì cả. Và Thầy bảo ông trở về đó. Ông muốn sao đây?” Thầy xin được theo ông trở về. Ông đáp rằng các thanh cây đã cho người mang đi rồi, phải chờ khi nào họ trở về mới biết đích xác ngày nào làm lễ. Thầy vẫn ở lại trong cốc.

Khi các người khuân vác trở về, Sư Bác lại đến cốc của thầy và nói cho thầy hay về buổi lễ sắp đến. Nhân cơ hội đó, thầy hỏi ở chỗ Sư ông có nói gì về thầy không. Sư Bác đáp: “Có chứ! Sư Mẫu hỏi các người khuân vác là ông đang làm gì. Khi biết ông đang nhập thất, Sư Mẫu hỏi ông đang làm gì ở đó. Được biết ông luôn luôn ở một mình, Sư Mẫu cho hay ông đã bỏ quên con súc sắc (tào cáo) và dặn người khuân vác phải đem trả lại cho ông!” Nói xong, ông trao cho thầy con súc sắc bằng đất sét, thầy kính cẩn đón nhận, và vì nó đã được Sư Mẫu chạm đến, thầy để nó lên đầu thầy.

Khi Sư bác bỏ đi, tự nhiên thầy có ý muốn chơi súc sắc. Nhưng sau một hồi, thầy lại nghĩ rằng trước đây có bao giờ mình tỏ ra mê chơi súc sắc trước mặt Sư Mẫu đâu! À, vậy thì bà muốn gì khi gởi cho thầy cái vật đã làm tiêu tan sản nghiệp của tổ tiên thầy? Hay bà muốn tỏ ra kinh bỉ thầy? Ý nghĩ này làm thầy tức điên lên. Giận dữ, thầy ném mạnh nó xuống đất, vỡ tan thành từng mảnh, thì ra trong ấy có một miếng giấy xếp nhỏ. Thầy nhặt lên xem, trong đó viết:

“Con ơi, Thầy con có ý định cho con Thụ Pháp. Hãy về với huynh con, Lạt Ma Ngogdun”.

Tin này làm thầy mừng rỡ đến nỗi thầy chạy tới chạy lui trong cốc và sung sướng nhảy nhót!

Sư Bác lại đến và nói: “Này Ông Đại Phù Thủy, sửa soạn đi về, nghe!” Thầy sốt sắng vâng theo. Để làm lễ vật, Sư Bác gom hết những gì ông có, ngoại trừ những món mà chính Sư Ông cho ông. Lễ vật gồm tượng Phật, kinh điển, xá lợi, vàng, ngọc bích, lụa là, đĩa, bình, gia súc v.v... Về gia súc, ông mang tất cả cừu và dê mà ông có, chỉ để lại một con dê cái già què vì con này không đi được theo bầy nên phải bỏ lại! Nói tóm lại, lễ vật là tất cả những gì ông có! Thầy đã giúp việc ông, và ông có lòng tốt cho thầy một cái khăn quàng bằng lụa để thầy có lễ vật trình Sư Ông. Vợ ông lại cho thầy thêm một bao đầy bột bơ để thầy dâng cho Sư Mẫu.

Thế là Sư Bác, vợ ông, thầy và một đoàn tùy tùng đông đảo lên đường về Tự Viện Tổ Đình Dowo-Loong. Khi cả đoàn đến chân



đồi (Tự Viện ở trên đồi) Sư Bác bảo thầy lên trước để báo cho Sư Ông và Sư Mẫu biết ông sắp đến và xin gửi cho ông một ít bia chhang. Thầy tuân lời, lên tự viện và gặp Sư Mẫu đầu tiên. Thầy dâng bà bao bột bơ và làm lễ bà. Rồi thầy cho bà hay Sư Bác Ngogdun đã tới và xin chút ít nước giải khát. Bà rất vui mừng gặp lại thầy và bảo thầy vào làm lễ Sư Ông đang ở trong cũng như báo cho Người hay là Sư bác đã tới.

Thầy vào nhà và thấy Sư Ông đang ngồi thiền ở căn trên cùng của ngôi nhà. Thầy dâng cái khăn lụa và quỳ xuống trước mặt Người, Sư Ông đang ngồi quay về hướng Đông. Sư Ông liền quay về hướng Tây, Thầy lại ra trước mặt Người làm lễ, nhưng Sư Ông lại quay về hướng Nam. Thầy bèn thưa: “Bạch Thầy! Dù bực bội mà Thầy không cho phép con làm lễ thầy, nhưng Sư Huynh Ngogdun đã đến ở chân đồi với lễ vật. Chắc ông cũng xứng đáng được hoan hỷ đón rước. Xin thầy cho phép gửi một ít bia chhang và đồ giải khát để giải lao”.

Rõ ràng điên tiết lên, Sư Ông búng ngón tay và quát lên: “Cái gì, hả?! Khi ta khó nhọc trở về từ Thiên Trúc với gánh nặng Pháp Bảo trên lưng, có ai đón Ta đâu? Khi ta đem về tinh yếu của Phật Pháp, có con chim què nào ra mừng đón ta đâu? Và ta, Bạc Dịch Sư, phải ra ngoài kia để đón Ngogdun chỉ vì anh ta mang đến cho ta một mớ súc vật lộn xộn, hả? Không! Không thể được! Nếu đó là điều anh ta mong thì tốt hơn hết là anh ta hãy quay về chỗ cũ!”.

Thầy vội đi ra và cho Sư Mẫu hay những gì Sư Ông nói. Bà nói: “Ồ, Thầy con thì dễ giận dữ lắm! Ngogdun là một người đáng kính trọng và phải được tiếp đón tương xứng. Chúng ta hãy đi ra đón anh ấy!” Thầy thưa: “Dạ, Sư Huynh Ngogdun không mong Sư Mẫu ra đón. Xin cho con ít bia chhang để con đem cho ông ấy”. Bà đáp: “Không, ta sẽ đi đón anh ấy!” Biểu vài đệ tử mang theo khá nhiều bia chhang, bà tự mình ra đón Sư BácNgogdun.

Khi mọi người của Lhobrak đã tụ tập đông đủ để dự lễ Thành Nhân của con Sư Ông là Pháp Đài, cũng như lễ Tân Gia ngôi nhà xây cho cậu ấy, Sư Ông cất cao giọng ngâm bài Tán Ca chúc lành đại chúng và buổi lễ như sau:

Quy mệnh Đấng Đạo Sư,  
 Nguyên cầu Giòng Phái của con,  
 Vĩnh viễn được vô nhiễm,  
 Xin nguyện từ bi thù gia hộ.

Nguyên cầu Nhứt Thừa Kim Cương,  
 Vĩnh viễn được vô ngộ (không lầm),  
 Xin nguyện từ bi thù gia hộ.

Nguyện cầu bản thân Marpa con,  
 Vĩnh viễn được tu học,  
 Duy nguyện từ bi thùy gia hộ.

Nguyện cầu Tổ Sư, Long Thiên,  
 Vĩnh viễn theo độ trì,  
 Duy nguyện từ bi thùy gia hộ.

Nguyện cầu đệ tử xuất gia,  
 Vĩnh viễn được thâm tín  
 Duy nguyện từ bi thùy gia hộ  
 Nguyện cầu đệ tử tại gia,  
 Vĩnh viễn được đạo đức,  
 Duy nguyện từ bi thùy gia hộ.

Nguyện cầu đạo hạnh phước đức,  
 Vĩnh viễn cầu giải thoát,  
 Xin nguyện từ bi thùy gia hộ.

Nguyện cầu tất cả chúng sinh,  
 Vĩnh viễn tin nhân quả,  
 Xin nguyện từ bi thùy gia hộ.

Nguyện cầu đại chúng câu hội,  
 Vĩnh viễn được an lạc,  
 Xin nguyện từ bi thùy gia hộ.

Khi Sư Ông dứt lời, Sư Bác Ngogdun đứng dậy và dâng lễ vật rồi thưa: “Bạch Thầy! Điều con xin khởi phải nói là tất cả những gì con có, kể cả thân tâm con là của thầy. Trong dịp lễ này, con xin phép để thưa rằng tất cả những gì con có trừ một con dê cái già, què đến nỗi không đi được theo đàn, do đó phải để lại, đều được mang lại đây để làm lễ vật dâng Thầy. Để đền bù lại, con chỉ mong Thầy ban cho con các Bí Pháp tôn quý và nhất là những kinh điển có ghi những Bí Pháp Mật Truyền!”

Bạch xong, Sư Bác quỳ xuống trước mặt Sư Ông. Người nói: “Lành thay! Nếu quả như vậy thì về phần thầy, thầy cũng cho các ông hay rằng các Bí Pháp và Kinh điển mà thầy có rất là hy hữu và vi diệu. Chúng thuộc về Giáo Pháp gọi là Kim Cương Thừa (Tối Thượng Thừa, Viên Đốn Giáo), nhờ chúng hành giả có thể chứng Niết Bàn ngay trong hiện đời, không phải trải qua vô số kiếp. Đây

là diệu dụng của pháp môn này. Hơn nữa, những Bí Pháp ghi chép trong các kinh điển mà ông vừa đề cập đến, được giữ gìn kỹ lưỡng bởi những đòi hỏi khắt khe của vị Thầy. Bởi vậy, trừ phi ông mang lại đây con dê cái cuối cùng, dù nó già và què, sự thỉnh cầu của ông e rằng khó được! Còn các Giáo Pháp khác thì ông đã được truyền rồi”.

Sự đòi hỏi sau chót này khiến đại chúng cười vang, nhưng Sư Bác Ngogdun nghiêm trang thưa rằng phải chăng ông sẽ được truyền Bí Pháp khi con dê cái già được mang đến. Nghe vậy, Sư Ông đáp: “Đúng vậy, nếu chính ông đi và mang nó đến!”.

Rồi đại chúng giải tán. Sáng hôm sau, Sư Bác đích thân trở về mang con dê cái đến trên lưng mình và dâng cho Sư Ông. Sư Ông rất hài lòng, Người dạy: “Một đệ tử tha thiết và trung thành của Mật Pháp phải như ông vậy. Thực ra, thầy đâu dùng gì con dê cái già. Thầy chỉ đòi hỏi vậy để nói lên sự lớn lao và giá trị của Chánh Pháp!” Và sau đó một thời gian ngắn, Sư Bác được truyền Bí Pháp.

Một hôm, trong buổi lễ dành cho vài đệ tử ở xa đến cũng như cho một vài người thân của Sư Ông. Người ngồi với cây gậy dài để bên cạnh, ánh mắt dữ tợn đăm đăm nhìn Sư Bác Ngogdun cũng đang ngồi dự lễ. Sau một lúc, chỉ tay vào Sư Bác, Người nói: “Này Ngogdun, ông giải thích sao về chuyện ông đã truyền Pháp cho cái gã Hỷ Văn xấu xa này!” Vừa nói, Người vừa liếc cây gậy! Sư Bác Ngogdun kinh hoàng. Ông lắp bắp: “Bạch Thầy! Thầy đã ký tên và

đóng dấu ra lệnh cho con truyền Pháp cho Hỷ Văn cơ mà! Cùng với thư, Thầy còn gởi cả tín vật của Sư Ông là vòng hoa và xâu chuỗi hồng ngọc! Và con vâng lệnh Thầy! Dạ, trong chuyện này con thấy mình không có gì đáng trách cả! Vậy, xin thầy đừng giận con!” vừa nói ông vừa nhìn quanh bối rối.

Sư Ông liền trở ngón tay giận dữ vào thầy và hỏi: “Ông lấy những vật đó ở đâu, hả?” Thầy cảm thấy quả tim mình như vọt ra khỏi lồng ngực và kinh hoàng đến nỗi chỉ có thể nói lắp bắp rằng Sư Mẫu đã cho thầy các vật đó.

Lập tức, Sư Ông nhảy vọt ra khỏi chỗ ngồi và lao về phía Sư Mẫu, rõ ràng là để quất bà với cây gậy. Nhưng bà đã đoán được điều này nên phóng ra xa rồi chạy vào lối đường và đóng sập cửa lại. Sư Ông cố mở cửa nhưng vô hiệu, Người trở về chỗ ngồi rồi gọi: “Này Ngogdun, ông đã làm cái việc mà ta không bảo ông làm. Ta ra lệnh cho ông mang trả vòng hoa và xâu chuỗi hồng ngọc của Sư Ông ngay lập tức!” Nói xong, Người lấy áo choàng trùm đầu và ngồi yên lặng.

Sư Bác vội chào rồi rút lui liền để về lấy các món đó. Khi ông đi ra, ông thấy thầy đang ngồi khóc ở một góc, thầy đã chạy ra khỏi phòng cùng một lượt với Sư Mẫu, thầy van xin ông cho thầy theo. Nhưng ông nói: “Nếu tôi lại đem ông theo mà không có phép của Thầy, thì hậu quả là khổ cho cả hai đứa mình! Hãy ở lại đây đi. Nếu thầy không tha lỗi cho ông, tôi sẽ cố hết sức để giúp ông!”

Thầy than vãn: “Vì những hành động xấu xa của tôi, tôi bị đã đành, Sư Huynh và Sư Mẫu cũng bị vạ lây. Tôi đã mất hết hy vọng là được thụ Pháp trong hiện đời. Càng ngày tôi càng chông chất tội lỗi! Tốt hơn hết là tôi nên tự tử! Tôi chỉ thỉnh cầu Sư Huynh một điều là dùng từ lực giúp tôi trở lại làm người và có đủ phước duyên để học Đạo!”

Nói xong, thầy quay đi, định tự tử ngay khi đó! Sư Bác giữ thầy lại, khóc và nói: “Này Đại Phù Thủy, chớ làm vậy! Bí Pháp của môn phái ta, là Pháp Viên Đôn của Đức Từ Phụ, dạy rằng mọi chi thể của thân xác ta đều lành thánh. Nếu ta tìm cách chấm dứt nó không theo dòng nghiệp cảm tự nhiên, ta sẽ phạm tội hủy diệt sự sống và phải chịu quả báo rất nặng. Không có tội lỗi nào lớn hơn tội tự sát! Trong kinh điển tự sát được mô tả như một tội lỗi ghê tởm nhất. Phải hiểu như vậy và dẹp ngay ý nghĩ tự tử. Nói cho cùng, Thầy vẫn có thể hoan hỷ truyền Đạo cho ông. Hơn nữa, nếu không thì ông vẫn có thể tìm Thầy khác cơ mà!”

Rồi ông tìm cách an ủi thầy. Những huynh khác cũng thông cảm với thầy, vài người chạy vào xem Sư Ông có bớt giận chưa, một số ngồi xuống khuyên lơn thầy. Nhưng dù tim thầy có bằng sắt đá chẳng nữa, thì cũng đã đến lúc nó phải tan vỡ vì nỗi khổ của thầy quá khủng khiếp. Cũng bởi vì ở giai đoạn đầu đời thầy đã phạm những tội lỗi ghê gớm quá mà nay thầy phải chịu những dằn xé khôn tả ngay trong bước đầu tìm kiếm Chánh Pháp để được giải thoát.

Nghe kể xong đoạn này, tất cả đại chúng đều rơi nước mắt vì thương cảm thầy, và vài người ngất đi vì xúc động!

Đây là câu chuyện về hành động thiện lành thứ hai của Tổ Milarepa, nói về sự sám hối và trả quả của Người bằng những thử thách và đau khổ trên cả thân tâm.

Chú Thích:

<sup>1</sup> Ân ba: những điển lành mà người đệ tử nhận được từ Thầy Tổ.



## CHƯƠNG SÁU: NHẬP MÔN

*Nói về sự chấm dứt thời gian thử thách của Đức Milarepa. Tổ được nhập môn. Huyền ký của Đức Marpa về Đức Milarepa.*

Ngài Rechung lại làm lễ và hỏi Đức Milarepa rằng Ngài đã được đức Marpa truyền Đạo ra sao và trong trường hợp nào.

Tổ Milarepa kể tiếp:

Như Thầy đã kể, những huynh khác chạy tới chạy lui. Một lúc sau, Sư Ông có vẻ hết giận và hoàn toàn tỉnh táo. Người nói: “Bây giờ cho mời cô Vô Ngã (Damema) vào đây!” Vài đệ tử vội chạy đi kiếm Sư Mẫu. Người lại hỏi: “VẬY CHỚ Ngogdun và những ông khác đâu rồi?” Có người thưa: “Bạch Thầy, thầy đã dạy huynh Ngogdun về lấy tràng hoa và xâu chuỗi của Sư Ông nên huynh định đi, nhưng vì gặp Đại Phù Thủy nên huynh đang khuyên can anh ấy”. Rồi họ kể lể toàn bộ câu chuyện cho Sư Ông nghe. Người rung rung nước mắt và nói: “ Đệ tử của Bí Pháp cần phải như vậy! Nó đã hóa ra đúng như ý! Thầy thương các con lắm, hãy gọi tất cả vào đây!”

Một huynh chạy ra gọi Sư bác Ngogdun: “Thầy đã bình tĩnh lại rồi! Thầy cho gọi huynh”. Thấy những huynh khác được Sư Ông thương như vậy, thầy cũng chua xót về thân phận mình. Thầy nói:

“Còn tôi, thì ngay cả khi thầy bình tĩnh tôi cũng không dám tới trước mặt Người, sợ Người lại nổi nóng đánh đập tôi!” Rồi thầy khóc nức nở. Sư Bác ở lại với thầy và yêu cầu huynh kia vào thưa với Sư Ông là thầy có được phép vào gặp Ngài không, ông nói thêm: “Nếu tôi không ở lại đây, e rằng cái tên tuyệt vọng này sẽ làm bậy!”

Huynh kia vội chạy vào trình với Sư Ông. Người nói: “Trước đây thì quả là vậy nhưng bây giờ thì không phải vậy đâu! Vị khách chính hiện nay là Đại Phù Thủy đó! Cô Damema, cô hãy đi và mời nó vô đây!” Với sắc diện hoan hỷ, Sư Mẫu đi ra và nói: “Này Đại Phù Thủy con, ta nghĩ rằng cuối cùng Thầy đã thương con. Ông vừa nói bây giờ con là vị khách chính và bảo ta ra mời con. Ta chắc rằng đây là dấu hiệu cho thấy ông đã thay đổi hẳn cách cư xử với con. Ông cũng đã hết giận ta! Hãy vui lên và theo ta vào!”

Thầy vẫn nghi ngờ nên đi vào một cách dè dặt. Khi thầy ngồi xong, Sư Ông nói: “Khi thầy nghĩ lại toàn bộ vấn đề thì hình như không ai đáng trách cả! Muốn Đại Phù Thủy được rửa sạch tội lỗi, thầy đã bắt anh xây dựng một mình những ngôi nhà. Nếu quả làm vậy vì mục đích ích kỷ của riêng thầy, thì thầy đã dễ ngọt để anh ấy làm nhiều hơn chứ! Vậy thì thầy không đáng trách. Về phần Sư Mẫu, cô ấy có đủ tình mẫu tử và lòng lân mẫn, do đó cô không thể nào chịu nổi khi thấy thầy bạc đãi Đại Phù Thủy là người mà cô thấy có chí khí, biết vâng lời và kiên nhẫn. Do đó không thể trách dù cô đã làm một việc khá hệ trọng là cho anh ấy lá thư giả và các

tín vật. Về phần ông, Ngogdun, ông không đáng trách, đúng như ông đã nói. Nhưng thầy yêu cầu ông hãy mang trả lại các tín vật nhân dịp lễ này và sau đó chúng sẽ là của ông! Còn ông, Đại Phù Thủy, ông hoàn toàn đúng trong nỗ lực để được truyền Pháp bằng bất cứ giá nào!

“Vì không biết về lá thư giả gửi cho Ngogdun và do đó ông ấy truyền Pháp cho Đại Phù Thủy, nên thầy đã làm mất cái cơ duyên là làm cho Đại Phù Thủy hoàn toàn tuyệt vọng mà đúng ra thầy phải làm! Bởi thế thầy nổi giận! Cho dù sự giận dữ vồ lên thầy như một làn sóng nhưng nó không giống như sự sân hận thường tình. Đạo Nộ là cái gì khác hẳn, cho dù hình thức của nó có sao đi nữa, thì nó cũng chỉ có một mục đích là phát khởi sự sám hối nơi người đệ tử, do đó khiến anh ta tiến bộ trên con đường Đạo. Trong tất cả đệ tử của thầy ngồi ở đây, nếu có ai đó vì không hiểu mà cảm thấy chao đảo trước những chuyện này thì thầy khuyên nên thâm tín!

“Nếu thầy có cơ duyên để dìm Đại Phù Thủy được chín lần vào sự tuyệt vọng hoàn toàn, thì anh ấy đã được rửa sạch mọi tội lỗi. Do đó, anh ấy khởi phải tái sinh, hoàn toàn siêu thoát, thể xác vĩnh viễn tiêu dung, chứng quả Niết Bàn. Vì không làm vậy được, anh ấy vẫn còn một phần nhỏ nghiệp chướng, do bởi tình thương không đúng lúc và hiểu biết hẹp hòi của của cô Damema! Tuy thế, Đại Phù Thủy đã được qua tám lần thử thách đau khổ cùng cực nên đã sạch được những tội nặng. Anh ấy đã chịu nhiều đau khổ trung bình nên cũng rửa được những tội nhẹ. Từ nay thầy sẽ chăm sóc

anh ấy, thầy sẽ truyền cho anh ấy những Bí Pháp mà thầy trân trọng như quả tim thầy. Khi anh ấy ần tu, thầy sẽ cung cấp mọi nhu yếu và chính tay thầy sẽ nhốt anh ấy vào mật thất (cốc để ần tu)! Hãy vui lên, nào!”

Thầy không biết là mình thức hay đang chiêm bao đây ! Nếu là chiêm bao thì thầy không muốn được tỉnh dậy chút nào, vì quả là giấc mộng thần tiên! Thầy khóc mùi mẫn vì quá sung sướng. Thầy bèn làm lễ Sư Ông.

Trong dịp này, Sư mẫu Damema, Sư Bác Ngogdun và các đệ tử khác quả là lúng túng, không biết nên tán thán đức tính nào của Sư Ông! Sự nghiêm khắc và cứng rắn của người khi điều luyện thầy ư? Hay lòng từ bi và lân mẫn của Người khi chăm sóc thầy ư? Hoặc trí tuệ và sự linh mẫn của Người trong mọi sự ư? Họ nhận ra Người là một vị Phật và do đó tín tâm của họ càng kiên cố. Họ nhìn Sư Ông với lòng khát ngưỡng, nước mắt tuôn trào. Tất cả đều đứng lên và làm lễ Người để tỏ lòng biết ơn về sự lân mẫn của Người đối với thầy. Hết thầy đại chúng đều hân hoan rạng rỡ, và hoan hỷ dùng bánh cúng.

Ngay đêm đó, lễ vật được bày lên bàn thờ và giữa sự hiện diện của tất cả đại chúng, thầy được cạo tóc, trở thành một vị tăng, và đắp y xuất gia.

Sư ông nói rằng trong giấc linh mộng, Sư Tổ Naropa đã ban cho thầy Pháp danh Mila-Dorje-Gyaltsen (Mila Kim Cương Phướn). Thầy được thọ giới Sa Di và sau đó thọ Bồ Tát Giới.

Khi Sư Ông chú nguyện cho Tâm Hiến tử (rượu tâm dâng), mọi người đều thấy một cầu vồng ngũ sắc phát ra từ cái chén - đầu lâu đựng rượu! Dùng rượu này, Người dâng lên Chư Tổ Sư và Long Thiên Hộ Pháp, rồi Người uống một phần và trao phần còn lại cho thầy uống cạn. Sư Ông bảo: “Đây là một điềm lành! Dù Tâm Hiến Tử của thầy siêu việt, hơn nghi thức thụ pháp của những tông phái khác, ngày mai thầy vẫn cho con thọ Đại Lễ Thụ Pháp để làm chín mùi những hạt giống Tâm Pháp sẽ được gieo vào tâm con!”

Người cho lập Lục Thập Nhị Thần Vương Thủ Hộ Mật Đàn (Mật đàn của sáu mươi hai Vị Thần Vương Thủ Hộ) và khai thị cho thầy, Sư ông chỉ khu đất Mật Đàn được vẽ bằng phấn và nói rằng nó được gọi là ‘Trung Viên’. Rồi người dùng ngón tay chỉ lên bầu trời phía trên và bảo: “Hãy xem, đây được gọi là Thẻ Tánh Mật Đàn. Ở đó, thầy nhìn thấy rất rõ Hai Mươi Bốn Thánh Địa, Ba Mươi Hai Chỗ Hành Hương, Tám nơi làm lễ Trà Tỳ, và Đức An Thắng (DemChog), cùng những vị Thần Vương Thủ Hộ Thánh Địa ngồi xung quanh Ngài. Những vị Thần Vương hòa giọng với tiếng hát của Sư Ông để ban cho thầy Pháp Hiệu Hiến Thắng Viên Khai Kim Cương (Pal-Zhadpa-Dorje).”

Tiếp đó, Sư Ông cho phép thầy được tự do nghiên cứu Bí Mật Bốn Tục (Mantrayanic Tantras). Người cũng khai thị cặn kẽ cho thầy về các phép thiền quán. Rồi, đặt tay lên đỉnh đầu thầy. Người nói: ‘Con ơi! Ngay từ đầu thầy đã biết con là một đệ tử xứng đáng. Đêm hôm trước ngày con đến đây, thầy đã thấy một giấc mơ cho biết con sẽ hoằng khai chân hưng Phật Pháp. Sư mẫu Damema cũng thấy một giấc mộng tương ứng. Hơn nữa, cả hai giấc mơ cho thấy tự viện (Chùa ở Tây Tạng) được một nữ nhân thủ hộ, vậy thì Vị Hộ Pháp cho con sẽ là một Thiên Nữ. Việc con là đệ tử quả là một ân huệ mà Sư Ông và Thiên Nữ Thủ Hộ đã ban cho thầy. Bởi vậy, thầy đã đi ra để gặp con, lấy cớ là đi cày ruộng. Con đã uống cạn phần bia chhang mà thầy trao cho và cày xong thửa ruộng báo trước rằng con là một đệ tử xứng đáng, sẽ hấp thụ trọn vẹn Bí Pháp mà thầy phải truyền cho con. Lại nữa, con đã dâng cho thầy cái bình đồng bốn tay cầm, vậy cho biết thầy có bốn đệ tử lỗi lạc. Cái bình lại hoàn toàn sạch sẽ, cho hay rằng con giải thoát mọi ái dục và con sẽ làm chủ luồng Hỏa Hào. Cái bình trống trơn cho biết rằng khi con tham thiền đến cao độ thì con phải chịu thiếu thốn! Nhưng bù lại con sẽ được phước lạc trong tuổi già và đệ tử của con sẽ tràn đầy nước Cam Lộ Tâm Pháp, vì thầy đã rót đầy bình với loại bơ để thấp cúng! Để tiếng tăm con vang xa, thầy đã lắc thật mạnh cái vòng tay cầm bình. Và để sạch tội lỗi của con, thầy đã bắt con làm thật lực bốn ngôi nhà. Bốn ngôi nhà tượng trưng cho bốn loại hành động, đó là AN, DŨNG, THIẾT, NGHIÊM (an bình, dũng mãnh,

thiết tha, nghiêm cẩn). Thầy cũng muốn tâm con đầy rẫy sự ăn năn sám hối và đau khổ hầu như tuyệt vọng, nên thầy đã làm khổ nhục con! Và con, con đã chịu tất cả thử thách này với sự kiên nhẫn và vâng lời, lòng tin vào thầy không chút chao đảo. Nhờ vậy mà sau này đệ tử của con sẽ được đầy đủ tín tâm và bi, trí, dũng ngay từ bước đầu! Và trên bước đường tu hành thiền quán họ sẽ tránh được những cám dỗ, khó khăn và khổ đau. Sau rốt, họ sẽ được triệt ngộ, tràn đầy bi, trí. Tất cả sẽ trở thành những vị Lạt Ma xứng đáng và dòng phái Tổ Truyền (Kargyutpa) này sẽ hưng thịnh, sáng sủa như ánh trăng rằm. Do đó, con hãy hân hoan lên. Đây là công hạnh thứ ba của thầy: được thụ Pháp!”

## CHƯƠNG BẢY: MINH SƯ HƯỚNG DẪN

*Kết quả sự tham thiền quán tưởng. Cuộc hành trình cuối cùng sang Thiên Trúc của Đức Marpa. Giác mơ tiên tri của Tổ Mila và lời giải của Đức Marpa. Đức Marpa truyền Pháp cho bốn đại đệ tử.*

Ngài Rechung lại thưa: “Bạch Thầy, sau khi được thụ Pháp, thầy đi ẩn tu ngay hay tiếp tục sống với Sư Ông?”

Tổ Milarepa trả lời: “Sư Ông yêu cầu thầy tiếp tục ở đó và bảo rằng Người sẽ cung cấp cho thầy mọi vật thực cần thiết. Bởi thế thầy nhập thất ở một cái động cốc tên là Lhobrak-Tak-nya. Ở đó thầy thường ngồi thiền trong tư thế kiết già với ngọn đèn thấp sáng để trên đầu cho đến khi đèn tắt, ngày cũng như đêm. Mười một tháng trôi qua. Rồi Sư Ông và Sư Mẫu đến thăm thầy, có mang theo cả đồ ăn để làm một buổi lễ. Sư Ông nói: “Này con, quả là khó tin rằng con đã tham thiền được mười một tháng không ngừng nghỉ! Bây giờ con hãy kéo đổ bức tường và ra đây nghỉ ngơi đôi chút với thầy, cũng như kể cho thầy nghe con đã thể nghiệm được gì nào!” Thật ra thì thầy không muốn tạm ngừng thiền quán nhưng vì Sư Ông đã dạy vậy nên thầy buộc lòng phải vâng theo. Thầy đang phá bức tường một cách lưỡng lự thì Sư Mẫu tiến đến và hỏi: “Này con, con ra đây à?”, thầy thưa: “Dạ, con lưỡng lự khi kéo đổ



bức tường!”, bà bảo: “Ồi chà, không sao đâu. Con đã biết rằng các Triệu Trầm Thâm Mật là rất quan trọng. Hơn nữa, tánh thầy con thì nóng nảy. Nếu vì sự chậm trễ mà xảy ra điềm (triệu trầm) gì xấu thì không hay đâu! Ta sẽ giúp con phá bức tường mà ra nhanh, đi!” Nói xong, bà kéo bức tường xuống và thầy bước ra mà cảm thấy hoàn toàn mất mát.

Sư Ông nói: “Trong khi cha con chúng tôi lo một vài nghi thức có liên quan đến việc tham thiền này thì bà sửa soạn bữa ăn giùm, đi!” Sau đó, khi đang ăn thì Người hỏi:

“Con ơi, đối với các Chân Pháp, con đã tin được đến đâu rồi? Con đã thể nghiệm được điều gì? Hãy chậm rãi kể lại cho thầy nghe!”

Nghe vậy, với lòng thành kính sâu xa, thầy quì xuống, chấp tay, rung rung nước mắt, ứng khẩu ngâm bảy bài kệ loại bốn câu để tán thán Người, trước khi kể lại những kinh nghiệm tâm linh vừa qua.

1

Kẻ mê muội thấy Thầy tu để giải thoát,  
Rằng Thầy thế này, rằng Thầy là thế nọ,  
Đối với những đệ tử thật sự của Thầy,  
Thì Thầy là Vị Phật: Xin qui mệnh người.

2

Với giọng như Phạm Thiên, âm vang thánh thót,  
 Người diễn xướng Chánh Pháp với tiếng viên âm,  
 Tuyên thuyết về sáu mươi bốn ngàn Pháp Môn,  
 Hãy để thính vì lời Người là Chân Tánh.

3

Pháp Giới Thử Tánh Trí cùng khắp viên mãn,  
 Thuần tịnh vô nhiễm không chút dấu vết gì,  
 Nhưng ngậm chứa hết thảy muôn Pháp muôn vật,  
 Xin quy mệnh Chân Tánh Diệu Trạng Bất Động.

4

Trong cõi giới Tịnh Độ thuần khiết sáng ngời,  
 Người hiện huyền thân nhưng Chân Thường,

Vô Ngã!

Ôi mẹ Damema, dưới chân Người con

đảnh lễ,

Mẹ chư Phật Ba Đời, quá hiện vị lai!

5

Bạch thầy, đệ tử của Người,

Đang phụng hành lời người dạy,

Họ và đệ tử của họ,  
Con cũng xin quy mệnh họ!

6

Tất cả bảo vật trong hăng sa thế giới,  
Con xin dâng như lễ vật thiêng liêng  
Cùng với nhục thân này của con,  
Và tội lỗi để cho con được Giải Thoát.

7

Con xin tùy hỷ mọi công đức,  
Để xin Thầy Đại Chuyển Pháp Luân  
Nếu chúng sinh còn trầm luân đau khổ,  
Ôi xin Thầy chớ vội nhập Niết Bàn!

Nguyện đem công đức này,  
Hương về khắp tất cả!

Sau khi ngâm bảy bài kệ trên, thầy thưa:

“Bạch Thầy, dù có vợ, có con, Thầy không hai với Đấng Kim Cương Trì (Dorje Chang). Chính nhờ ân đức cao cả, từ lực linh ba không thể nào đền đáp nổi của thầy, con đã thể nghiệm được một ít

Trí Huệ mà nay con xin trình lên Thầy. Từ Chân Tánh Diệu Trạng Bất Động, xin Thầy vui lòng nghe con!

“Con đã hiểu rằng thân xác này của con là sản phẩm của Vô Minh, vận hành theo Thập Nhị Nhân Duyên, được thắp sáng bởi Nghiệp Thức. Đối với những người có phước duyên biết cầu giải thoát, thì



ĐỨC VÔ THƯỢNG SƯ  
ĐỨC PHẬT A-ĐỀ KIM CƯƠNG TRÌ (VAJRA-DHARA)  
Chú giải trên trang vi

Thế xác sẽ là một phương tiện lớn lao đưa họ đến bên bờ giác ngộ. Còn đối với những kẻ còn nghiệp duyên nặng nề, thì nó sẽ đưa họ đến những cõi giới đau khổ (ba đường dữ). Vậy thì đời sống này là lần ranh mà từ đó ta có thể đi lên hay đi xuống! Hiện tại là thời gian quý báu nhất, chính thời điểm này đây là lúc mà mỗi chúng ta phải quyết định để hướng thượng hay hướng hạ. Con đã hiểu rằng đây là mục đích chính của hiện kiếp. Ôi, bạch Thầy, đáng Từ Phụ của chúng sinh, nhờ Thầy mà con hy vọng sẽ vượt qua biển Sinh Tử đầy đau khổ khôn lường. Để được vậy, điều cần yếu đầu tiên là con phải quy y Tam Bảo và giữ gìn Ngũ Giới Cấm. Và ngay cả chỗ này, con cũng thấy rõ rằng *Vị Thầy* là cội nguồn, là hiện thân của mọi phước lạc mà con có thể thụ dụng!

Bởi vậy con thật sự nghiêm ra rằng điều quan yếu tối thượng là tuân theo mọi đòi hỏi, mệnh lệnh của *Vị Thầy* và giữ lòng tin tuyệt đối vào Người. Khi đã thể nghiệm điều trên, con lại thiên quán về sự khó được của thân người, về sự vô thường của kiếp sống, về nỗi khổ vô cùng của giòng sinh tử luân hồi, về Đạo Đế (con đường Giải Thoát). Rõ ràng phải theo Bát Chánh Đạo nếu muốn giải thoát. Rồi từ nền tảng này ta sẽ tiến lên, luôn luôn giữ gìn lời phát nguyện của mình như chính con mắt mình. Con cũng hiểu rằng nếu chỉ cầu giải thoát và an lạc cho riêng mình thì đó là Tiểu Thừa (Hinayana). Còn những người mà ngay từ đầu đã hồi hướng mọi công đức cho tất cả chúng sinh thì đó là Đại thừa (Mahayana). Từ Tiểu Thừa hồi hướng



về Đại Thừa thì cần kiến giải minh bạch của Kim Cương Thừa (Vajra-Yana).

Lại nữa, để được kiến giải minh bạch về CHÂN TÁNH VIÊN MÃN thì cần yếu phải có một BẠC THẦY triệt chứng, người hiểu rõ ngành ngọn của bốn nghi thức thụ Pháp không chút nghi ngờ (lầm lẫn, nghi ngờ), chỉ có người mới có thể chỉ thẳng cho đệ tử. Nghi thức thụ Pháp ban cho người đệ tử cái năng lực làm chủ các chánh niệm có liên quan tới CHÂN TÁNH VIÊN MÃN. Trong khi thiền quán về PHÁP GIỚI TÁNH, từng bước một, hành giả phải vận dụng mọi trí lực để thể nghiệm sự hư giả của cái Ngã (cái Tôi), và do đó nhận ra sự sai lầm của ‘Chấp Ngã’. Để thể nghiệm được điều này, tâm thức phải thanh tịnh. Bằng những phương tiện khác nhau, hành giả có thể đặt tâm thức vào trạng thái thanh tịnh đó, và hậu quả tất yếu là mọi ý niệm đều dừng lại. Hành giả sẽ thể nghiệm cái trạng thái cực kỳ khinh an, hoàn toàn không ý thức về thời gian đang trôi qua. Do đó, phải có người hộ thất lo liệu giùm mọi sự. Trạng thái này gọi là Tịch Tĩnh (Shi-nay). Nếu vận dụng trí lực, ở trạng thái này hành giả rất thanh tịnh sáng suốt.

Chừng nào cái Ngã còn vận hành thì không thể nào thể nghiệm được trạng thái Đại Định (Lhag-tong). Con tin rằng phải bậc Sơ Địa mới chứng được trạng thái này. Vậy thì nhờ thiền quán, hành giả tinh tiến trên con đường đạo. Trong khi thiền định, hành giả sẽ có những linh kiến do hành giả đã quán tưởng. Những linh kiến này

chỉ là những dấu hiệu cho thấy sự nỗ lực dụng công, chứ tự chúng không có giá trị chân thực.

“Tóm lại, những điều cần yếu khi thiền quán là: một trạng thái tâm thức thanh tịnh, sáng suốt, không chấp trước. Đây là những bậc thang quan trọng, nền tảng để leo lên cao hơn. Nhưng trong quá trình thiền quán về trạng thái Tịch Tĩnh (Shi-nay) bằng cách quán về sắc tướng hay vô sắc tướng, thì bước đầu dụng công cần phải phát tâm hồi hướng công đức cho cả pháp giới chúng sinh. Thứ hai, nguyện lực phải chân chánh và minh bạch, nghĩa là vì cầu Tối Thượng Thừa. Cuối cùng là nguyện cầu cho tất cả chúng sinh đều trọn thành Phật Đạo. Những điều này theo con hiểu là Phật Pháp.

“Lại nữa, tên món ăn không thể làm cho một người đang đói no được, anh ta cần phải ăn. Cũng vậy, một người đã học về Chân Tánh, cần phải tham thiền để chứng nghiệm chứ không chỉ học suông. Hơn nữa, để thể nghiệm trạng thái Đại Định (Lhag-tong), hành giả cần dụng công miên mật, không gián đoạn.

“Tóm lại, sự thiền quán về Chân Tánh, về Pháp Giới, về Bất Khả Thuyết, về Bất Khả Tri đã tạo ra bốn giai đoạn của bốn tầng bậc Thụ Pháp (những bước thứ lớp để đến Cứu Cánh Tối Hậu của Kim Cương Thừa).

“Để thấu triệt được những điều trên, hành giả phải hy sinh những an vui của thân xác, sẵn sàng vượt qua những chướng ngại,



nếu cần thì xả bỏ cả thân này, chuẩn bị cho những thử thách bất ngờ nhất!

“Bạch Thầy, riêng phần con, con không có phương tiện để đền đáp ân sâu của Thầy Cô. Lòng lân mẫn của Thầy Cô quả thật con không thể báo đáp nổi, dù bằng bảo vật gì! Bởi vậy, con chỉ nguyện đền đáp bằng cách suốt đời tu hành (tham thiền). Con sẽ hoàn tất những gì thầy dạy ở cõi trời Sắc Cứu Cánh (Og-min Heaven)!

“Lạy Thầy, Đức Kim Cương Thượng Sư!

Lạy Cô, mẹ của Chư Phật!

Lạy Chư Long Thiên Hộ Pháp!

Những lời kể này là lễ vật dâng lên chư vị!

“ Nếu lời con có gì sai lầm,

Cúi xin Chư Vị từ bi tha thứ!

Và hướng dẫn con trên Chánh Đạo.

“Bạch Thầy! Từ hào quan lân mẫn của Thầy,

Những yển sáng đã soi chiếu,

Khiến Liên Hoa Tâm của con nở lớn,

Và tỏa ngát hương thơm Trí Huệ  
 Nhờ vậy con mãi mãi thân cận Thầy,  
 Con thờ kính Thầy bằng tham thiên miên mật!

“Xin gia bị con tinh tiến tu hành,  
 Xin hồi hướng công đức cho Pháp Giới chúng sinh  
 Xin tha thứ cho sự đa ngôn của con!

Sư Ông hoan hỷ và nói: “Con ơi, thầy đã hy vọng nhiều vào con. Và thầy đã được hài lòng!” Kế đó, Sư Mẫu nói: “Tôi biết con tôi đủ Trí, Dũng để thành tựu!” Cả hai vị đều hân hoan và cùng thầy bàn chuyện Đạo hồi lâu. Sau đó họ ra về và thầy nhập thất trở lại như cũ.

Khoảng thời gian này, trong một chuyến đi các làng phía Bắc Uru, khi đang cử hành một nghi lễ ở nhà một cư sĩ tên Marpa Golay, thì Sư Ông có một linh thị (linh kiến, thị kiến). Trong cơn linh thị, Chư Thiên hiện ra và nhắc nhở Người về vài mật chỉ của Sư Tổ Naropa mà khi được truyền Người chưa hiểu. Chư Thiên giải thích cho Người rõ. Bởi sự kiện này, Người quyết định sang Thiên Trúc gặp Tổ Sư Naropa.

Vài ngày sau khi Sư Ông đã trở về Lũng Mạch, một đêm nọ, thầy nằm mộng thấy một nữ nhân hầu như màu xanh sẫm, mặc đồ lụa, trang điểm thật đẹp với sáu khúc xương, lông mày và lông mi

màu vàng hiện ra và bảo với thầy: “Con ơi, nhờ nỗ lực thiền quán lâu ngày con đã thành tựu Đại Thủ Ấn Pháp, nhờ đó con sẽ chứng Niết Bàn. Con cũng đã thể nghiệm lục pháp<sup>1</sup>. Nhưng con thiếu Bảo Pháp Drong-jug<sup>2</sup>, Pháp này có thể khiến con thành Phật trong nháy mắt! Con phải tìm Pháp này!”

Thầy tư duy về giấc mơ và kết luận rằng nữ nhân đó là một vị Thiên Nữ. Tuy thế thầy lại phân vân không biết linh mộng này là do Chư Thiên mách bảo hay là do thiên ma quấy phá! Nhưng dù sao đi nữa, thầy tin rằng Sư Ông, hiện thân của chư Phật ba đời, sẽ biết rõ vì không gì mà Người không biết! Nhất là những gì liên quan đến giáo nghĩa, kiến thức hiểu biết thì Sư Ông rất rành, từ các Tâm Pháp Thượng Thừa cho đến cách vá một cái bình đất bị vỡ! Nếu quả đây là giấc mơ báo điềm thì chắc chắn thầy sẽ được Mật Pháp Drong-jug. Bởi thế, thầy kéo đồ bực vách ngăn gắn bằng bùn và đi tìm Sư Ông.

Người có vẻ ngạc nhiên và hỏi: “Sao con lại đến đây mà không nhập thất? Con đã phạm một lỗi lầm không sửa được rồi đó!”

Thầy trình với Người về giấc mơ và thưa rằng thầy muốn biết đó là mật khải hay thiên ma cám dỗ. Nếu là mật khải thì xin Người ban cho thầy Bí Pháp đó. Người ngồi yên lặng giây lâu rồi nói: “Con à, đây là mật khải từ chư Thiên. Khi thầy từ Thiên Trúc sắp sửa trở về, Sư Ông có nói về Drong-jug này, nhưng thầy không nhớ

là đã có Bí Pháp chưa! Thầy sẽ lục trong các kinh điển đã mang về xem sao!”

Sau đó, hai thầy trò đã bỏ ra suốt một ngày đêm để lục lại toàn bộ kinh điển do Sư Ông mang từ Thiên Trúc về. Nhưng chỉ tìm được một số lớn tài liệu về Chuyển Thức (Pho-wa) mà không có một chút gì về Pháp Drong-jug cả ! Bởi thế Sư Ông nói: “À, giấc mơ mà thầy có ở Bắc Uru chỉ dẫn cho thầy phải đi để lấy tài liệu về Pháp Drong-jug này. Hơn nữa thầy không rõ còn bao nhiêu kinh điển khác nữa. Vậy thì thầy sẽ đi Thiên Trúc để tìm!”

Dù các đệ tử thỉnh cầu Sư Ông đừng đi vì người đã già rồi mà đường đi thì khó khăn cách trở, Sư Ông vẫn quyết định ra đi. Các đệ tử bèn chung lo lộ phí cho Người, lễ vật đựng được một tô vàng. Khi Sư Ông đến Thiên Trúc thì đúng lúc Sư Tổ Naropa viên tịch<sup>3</sup>.

Người bèn quyết định phải gặp cho bằng được Sư Tổ Naropa dù phải hy sinh cả tính mạng. Căn cứ vào các linh thùy (điềm lành), Người cho rằng cuối cùng thầy sẽ đạt thành ý nguyện.

Không ngớt cầu nguyện Sư Tổ, cuối cùng Người gặp Ngài trong một cánh rừng. Người liền đón Tổ về tự viện Phulahari và thỉnh cầu mật Pháp Drong-jug. Tổ Naropa hỏi Người: “Con tự nhớ ra chuyện này hay nhờ Chư Thiên mách bảo? “Người thưa: “Không phải tự con nhớ ra, mà cũng không phải mật khải cho con. Con có một đệ tử tên Hỷ Văn (Thopaga), chính anh ta được mật khải và vì vậy mà con sang đây!”. Tổ nói: “Lành thay! Trong cái cõi Tây

Tặng tôi tâm mà có được những đạo tâm sáng suốt , giống như vàng dương soi chiếu các đỉnh núi! “Rồi Tổ chấp tay ngâm bài kệ sau:

Trong những miền đất Bắc tâm tôi,  
 Hiện ra người tên gọi Hỷ Văn,  
 Tợ vàng dương soi chiếu đỉnh cao,  
 Xin qui mệnh cùng đấng Đại Giác !

Rồi Tổ cung kính nhắm mắt, cúi đầu ba lần về hướng Tây Tạng! Và tất cả rừng núi Thiên Trúc cũng cúi đầu ba lần về hướng Tây Tạng! Người ta cho rằng, ngay cả hiện nay, đỉnh núi và ngọn cây chung quanh tự viện Phulahari vẫn còn hướng về Tây Tạng!

Tổ ban cho Sư Ông chân ngôn Chư Thiên Nhĩ Truyền (Dakinis-Karna-Tantra) và huyền ký một số chuyện. Ví dụ, qua cung cánh vâng lời của Sư Ông, Tổ cho biết trước chuyện yếu mệnh của con ruột Sư Ông (là Pháp Đài), và giòng phái Tổ Truyền sẽ được miên trường (lâu dài) qua thầy. Quả nhiên, sau khi Sư Ông trở về Tây Tạng thì con ruột Người, Pháp Đài (Drama Doday) qua đời.

Vào ngày giỗ năm đầu tiên con Người qua đời, sau khi buổi lễ kết thúc, Sư Ông ngồi giữa đại chúng. Các đệ tử chúc thọ Người và thưa rằng giá như Pháp Đài còn sống thì anh ấy sẽ là người kế thừa

xứng đáng Sư Ông. Họ thưa: “Bây giờ chúng ta tìm xem cách hay nhất để giòng phái Tổ Truyền được hưng thịnh lâu dài. Chúng con cũng xin thầy từ bi chỉ riêng cho mỗi người đệ tử một Pháp Môn đặc thù để tu mà hiển nhiên chúng con sẽ hoan hỷ phụng hành!”

Người nói: “Thầy là đệ tử kế thừa của Đại Sư Naropa, thầy dựa vào những hướng dẫn thần bí của linh thù (điềm lành) và linh mộng (mộng lành). Giòng phái Tổ Truyền đã được Đại Sư Naropa chú nguyện. Hỡi các đại đệ tử của thầy, hãy về và chờ các linh mộng rồi trình lại cho thầy!”

Sau đó các đại đệ tử chú tâm vào các giấc mộng và sau đó kể lại trình Sư Ông. Tất cả, hay nói đúng hơn, hầu như tất cả giấc mơ của họ đều thiện lành, nhưng không có giấc mộng nào dự tri về tương lai của giòng phái Tổ Truyền. Riêng Thầy, Thầy nằm mơ về Tứ Đại Trụ (Bốn Cột Lớn) mà Thầy trình lại với Sư Ông bằng bài kệ sau:

Vâng lời đấng Kim Cương Thượng Sư,  
 Con xin kể lại giấc mơ như vậy,  
 Kính xin kể đúng những gì con mơ,  
 Kính mong Thầy nghe với lòng Từ!  
 Trong cõi nước miền Bắc Thế Giới,  
 Con thấy rành một đỉnh núi cao,

Ngọn non chụm các tầng trời,  
Vòng quanh đỉnh núi hai vàng Âm, Dương  
(mặt trời và mặt trăng)  
Soi chiếu các cõi trời thiên thượng,  
Chân núi kia bao cả địa cầu.  
Bốn chân núi suối nguồn tuôn chảy,  
Giải khát cho hết thầy chúng sinh,  
Rồi nhập vào đại dương bát ngát.  
Trên bờ suối, muôn hoa đua nở  
Nội dung đó, thưa con đã thấy,  
Vâng lời thầy, con kể như trên.  
Hướng Đông ngọn núi đẹp kia,  
Trên đỉnh trụ cao, con thấy,  
Một con sư tử đang chồm,  
Bờm sư tử, rục rĩ thay!  
Giương bốn móng, vồ vách núi,  
Mắt ngược lên, nhìn thiên thượng.  
Rồi dạo chơi, khắp rặng núi.  
Bạch cùng thầy, con đã thấy như trên.

Hướng Nam ngọn núi đẹp kia,  
Trên đỉnh trụ cao, con thấy,  
Một con mãnh hổ đang gầm,  
Vằn của nó đẹp làm sao!  
Giương bốn móng, vồ rừng núi,  
Mắt ngược lên nhìn thiên thượng,  
Rồi dạo chơi khắp rừng núi,  
Đi qua rừng rậm và bình nguyên,  
Bạch cùng thầy con đã thấy như trên.

Hướng Tây ngọn núi đẹp kia  
Trên đỉnh trụ cao, con thấy,  
Một con đại bàng bay vút,  
Đôi cánh của nó giương rộng,  
Mỏ hướng lên các tầng trời,  
Mắt ngược lên nhìn thiên thượng,  
Rồi vỗ cánh bay ngút ngàn,  
Bạch cùng thầy, con đã thấy như trên



Hường Bắc ngọn núi đẹp kia,  
 Trên đỉnh trụ cao, con thấy,  
 Một con linh thú dang cánh,  
 Tổ chim (linh thú) con nằm trên đá  
 Một chim con đủ lông cánh,  
 Bầu trời đầy các chim nhỏ,  
 Linh thú ngược lên nhìn trời,  
 Rồi bay vút lên thiên thượng,  
 Bạch cùng Thầy con đã thấy như trên

Con cho rằng đây là những điềm lành,  
 Rồi dạo chơi khắp rừng núi,  
 Đi qua rừng rậm và bình nguyên,  
 Bạch cùng Thầy, con đã thấy như trên.

Khi Thầy kể xong, Sư Ông rất đổi hoan hỷ và nói: “Giấc mơ lành thay! “Rồi người bảo Sư Mẫu: “Này Cô Vô Ngã (Damema) sửa soạn một bữa ăn thơm tât, nghe!” Khi bà đã lo xong, tât cả đại chúng được mời đến dự. Sư Ông bèn nói với đại chúng: “Anh Mila

Kim Cương Phướn (Hỷ Văn) đã mơ thấy giấc mơ như vậy là một điềm lành! “Các đệ tử thỉnh cầu Người giảng giải giấc mơ và đào sâu các mật chỉ cho đại chúng nghe. Sư Ông bèn ngâm bài kệ giải thích giấc mơ, nói lên tương lai của giòng phái Tổ Truyền:

Kính lạy Đấng Đạo Sư, chỗ qui mệnh của  
hết thầy chúng sinh.

Ôi Naropa, con qui xuống dưới chân Thầy,

Ôi các con, đại chúng tụ hội nơi đây!

Hãy để thính lời giải giấc linh mộng tiên tri này.

Cõi nước phong quang miền Bắc Thế Giới,

Tượng trưng sự hưng thịnh Phật Pháp ở Tây Tạng,

Ngọn núi lớn là giòng phái Tổ Truyền,

Sáng lập ra bởi ta, Dịch Sư Marpa.

Và kế thừa bởi đệ tử của ta.

Đỉnh núi chạm đến các tầng trời,

Tượng trưng cho Thế Tánh bất nhị.

Hai vàng Dương Âm xoay quanh,

Ấy là đầy đủ Trí và Bi.

Hào quang tỏa sáng các cõi trời,

Là viên giác soi chiếu Vô Minh,  
 Chân núi bao trùm quả đất,  
 Là công hạnh sẽ khắp cả thế gian  
 Bốn giòng suối ở bốn phía,  
 Là nghi thức Thụ Pháp và Truyền Pháp.  
 Giòng nước giải khát cho mọi chúng sinh  
 Cho thấy hết thảy sẽ được cứu độ.  
 Giòng nước chảy vào đại dương sâu thẳm,  
 Là viên dung giữa Thể và Dụng.  
 Các đóa hoa nở rộ ở hai bờ,  
 Là các quả vị giải thoát.  
 Ôi đại chúng các đệ tử của ta  
 Giác linh mộng thật lành thay!

Cây đại trụ phía Đông quả núi,  
 Là Tsurton-Wang-gay ở Dol.  
 Con sư tử chồm trên đỉnh trụ,  
 Cho thấy Tsurton có bản tính sư tử.

Bờm sư tử đẹp rực rỡ,  
 Là anh ấy thâm nhập Mật Pháp.  
 Bốn móng sư tử vồ vách núi,  
 Là anh ấy tha thiết với bốn đại nguyện.  
 Mắt sư tử nhìn thiên thượng,  
 Là anh ấy đã khỏi vòng sinh tử  
 Sư tử dạo chơi tự do trên rặng núi cao  
 Cho thấy anh ấy đã Giải Thoát.  
 Ôi đại chúng, đệ tử của ta,  
 Giác linh mộng thật lành thay!

Cây đại trụ phía Nam quả núi,  
 Là Ngogdun-Chudor, ở Zhung.  
 Con mãnh hổ gầm trên đỉnh trụ,  
 Cho thấy Ngogdun có bản tính mãnh hổ  
 Các vằn lông đều đặn và đẹp,  
 Là anh ấy thâm nhập Mật Pháp.  
 Các vằn uốn tròn ba lần,  
 Là anh ấy đã thân chứng Tam Bảo.

Bốn móng cạp vồ rừng núi,  
 Là bốn đại nguyện sẽ hoàn mãn.  
 Mắt mãnh hổ ngược nhìn thiên thượng,  
 Là vĩnh viễn giải thoát luân hồi.  
 Mãnh hổ dạo chơi khắp rừng núi  
 Là anh ấy đã Giải Thoát.  
 Mãnh hổ đi qua rừng và đồng bằng,  
 Cho thấy Pháp Hệ của anh sẽ miên viễn.  
 Ôi đại chúng, đệ tử của ta,  
 Giác linh mộng thật lành thay!

Cây đại trụ phía Tây quả núi  
 Là Meton-Tsonpo ở Tsang-rong.  
 Con đại bàng bay vút trên đỉnh trụ,  
 Cho thấy Meton có bản tính đại bàng,  
 Đôi cánh đại bàng dang rộng,  
 Là anh ấy thâm nhập Mật Pháp.  
 Mỏ đại bàng hướng về trời,  
 Là anh ấy đã qua khỏi thiên bệnh.

Mắt đại bàng ngược nhìn thiên thượng,  
 Là vĩnh viễn giải thoát luân hồi.  
 Đại bàng bay vút tầng không,  
 Là anh ấy đã giải thoát.  
 Ôi đại chúng, đệ tử của ta.  
 Giác linh mộng thật lành thay!

Cây đại trụ phía Bắc quả núi,  
 Là Mila-Repa của Gungthang;  
 Con linh thú bay vút trên đỉnh trụ,  
 Cho thấy anh ấy có bản tính linh thú;  
 Đôi cánh linh thú trải rộng,  
 Là anh ấy thâm nhập Mật Pháp;  
 Tổ linh thú ở trên một tảng đá,  
 Là đời anh ấy sẽ cứng như đá;  
 Trong tổ có một con chim con,  
 Là anh ấy sẽ có một đệ tử lỗi lạc;  
 Trên bầu trời đầy chim nhỏ,  
 Là giòng phái Tổ Truyền hưng thịnh.

Linh thú ngược nhìn thiên thượng,  
 Là vĩnh viễn giải thoát luân hồi.  
 Linh thú bay vút lên trời cao,  
 Là anh ấy đã giải thoát.  
 Ôi đại chúng, các đệ tử của ta,  
 Giác linh mộng thật lành thay!  
 Nay nguyện lực (bốn phận) của ta đã hoàn mãn;  
 Áo choàng ta đã phủ lên các con,  
 Nếu lời huyền ký của ta hiện thực,  
 Thì giòng phái Tổ Truyền này sẽ,  
 Hưng thịnh và miên viễn vô cùng!

Nghe Sư Ông dạy như vậy, các đệ tử đều hoan hỷ. Sư Ông lại cho họ xem tất cả bí điển Mật Pháp mà ông đã mang từ Thiên Trúc về. Ban ngày Người truyền Pháp cho họ, ban đêm Người cổ vũ họ tham thiền. Mỗi người đều tiến bộ rõ ràng.

Một đêm nọ, trong một nghi lễ Thụ Pháp thù thắng về Mẫu Vương, Sư Ông tư duy rằng Người phải dùng Trí Huệ để tìm ra Pháp Môn khế cơ cho mỗi một người trong bốn đại đệ tử đã được huyền ký. Do đó, người quyết định quan sát các điềm lành của buổi

bình minh. Và ngay buổi bình minh sáng hôm sau người đã quyết định xong.

Người thầy Ngogdun-Chudor khế hợp Pháp Gaypa-Dorje (Ngọc Quang Chử), Tsurton-Wang-gay khế hợp với Pháp Pho-Wa (Chuyên Thức); Meton-Tsonpo khế hợp với Pháp Minh Quang (Od-Sal), và riêng thầy khế hợp với Pháp Hỏa Hầu (Tum-mo).

Người bèn mật chỉ cho mỗi đệ tử về căn cơ và Pháp môn khế hợp của họ để họ nỗ lực dụng công.

Vậy là đối với mỗi đại đệ tử, Sư Ông đã ban cho họ Pháp Môn khế hợp nhất. Với Lạt Ma Ngogdun, Người giải thích cặn kẽ về Chân Ngôn, rõ ràng không khác gì các hạt châu xâu thành một chuỗi. Người lại ban cho ông sáu món trang sức, một cái thìa (muỗng) pháp và xâu chuỗi hồng ngọc của Sư Tổ. Người cũng cho ông các chú giải Phạn văn liên quan đến Pháp Gaypa-Dorje và cổ vũ ông hoằng pháp cho hết thảy chúng sanh.

Với Lạt Ma Tsurton-Wang-gay, Sư Ông ban cho ông bản văn về Chuyên Thức, nói về cách đưa Thần Thức ra khỏi thể xác qua Thiên Môn (Brahma randhra) ở đỉnh đầu. Người cũng cho ông các xá lợi của Sư Tổ như tóc, móng và đạo dược (thuốc uống trị tâm bệnh, thiền bệnh), một pháp y có họa Ngũ Trí Như Lai và các chỉ dẫn để tu Pháp Chuyên Thức.

Với Lạt Ma Meton-Tsonpo, Sư Ông ban cho ông một văn bản văn về Pháp Minh Quang (Od-Sal) nói về Chân Trí chiếu phá Vô



Minh. Người cũng cho ông cái chày (dorje) và chuông, trống nhỏ, ly rượu cúng hình con sò của Sư Tổ. Người lại dạy ông hãy nỗ lực vượt nhanh qua cõi Trung Âm.

Với thầy, Sư Ông ban cho bản văn về Hỏa Hầu (Tum-mo), một cái mào Từ Thị (mào Tỳ Lư), y hậu của Sư Tổ và dạy thầy hãy rút về tham thiền ở các nơi hoang vắng như núi cao, động đá.

Rồi trước toàn thể đại chúng, Sư Ông dạy các đại đệ tử như sau: “Thầy đã trao cho mỗi con một Pháp Môn cũng như bản văn (kinh điển) thích hợp. Và thầy huyền ký rằng các pháp môn này cũng thích hợp cho Pháp Hộ của mỗi người. Pháp Đài, con trai thầy đã qua đời, nên thầy phó chúc toàn thể kinh điển Mật Pháp và xá lợi cho các con. Các con hãy là những vị Hộ Pháp đắc lực để Chánh Pháp hoằng khai!”

Sau đó, các đại đệ tử từ giã và trở về chốn cũ của họ, với thầy Sư Ông bảo: “Riêng phần con, con sẽ ở lại đây với thầy vài năm. Thầy còn nhiều Bí Pháp để truyền cho con! Hơn nữa, có sự hiện diện của thầy, con sẽ tiến bộ vững chắc.”

Thế là vâng lời dạy của Sư Ông, thầy ẩn tu trong một cái động đã được Sư Tổ Naropa huyền ký đó là Động Động (Zang-phug), Cả Sư Ông lẫn Sư Mẫu đều thường xuyên gửi cho thầy những thức ăn mà họ có, kể cả những lễ vật nhỏ nhất từ các buổi cúng ở tự viện,

Vậy là thầy đã tham thiền miên mật dưới sự chứng minh của Sư Ông trong vòng vài năm, cho đến khi những hạt giống Trí Huệ tăng trưởng trong tâm thầy.

Chú thích:

<sup>1</sup> Lục pháp: sáu Pháp Môn vi diệu của Mật Tông Tây Tạng:

1. Hỏa hầu (Gtum-mo): giúp hành giả chịu được cái lạnh ghê hồn ở Tây Tạng cũng như khai mở tâm linh.

2. Huyền Thân (Sgyu-lus): giúp hành giả thể nghiệm muôn pháp đều huyền hóa.

3. Huyền Mộng (Rmi-lam): giúp hành giả thể nghiệm thức ngủ đều là huyền mộng.

4. Minh Quang (Hod-gsal): giúp hành giả thể nghiệm Thực Tướng.

5. Trung Âm (Bardo): giúp hành giả qua giai đoạn Trung Âm một cách sáng suốt.

6. Chuyển Thức (Hpho-va): giúp hành giả di chuyển Thần Thức (mình hay người) theo ý muốn.

<sup>2</sup> Drong-jug: đây là Đại Bí Pháp Mật Tông, tiếc thay là ngay chính nguyên bản do Đại Sư người Tây Tạng Kazi Dawa-Samdub dịch cũng không ghi rõ hay chú thích gì cả. Xin tôn nghi, chớ sự bỏ túc của độc giả.

<sup>3</sup> Naropa viên tịch: Đức Naropa viên tịch bằng một lối khác thường là cả thể xác cũng biến mất luôn. Ở Trung Hoa thỉnh thoảng cũng có cách này, ví dụ, như Phổ Hóa, đệ tử của Lâm Tế.

## CHƯƠNG TÁM: TỪ GIÃ MINH SƯ

*Đức Mila nằm mộng về cố hương. Những lời dạy cuối cùng của Tổ Marpa. Đức Mila về quê cũ.*

Rồi ngài Rechung hỏi Tổ Mila:

“Bạch thầy, điều gì khiến thầy từ giã Sư Ông? Thầy đã ần tu trong bao nhiêu năm?”

Tổ Mila Repa trả lời:

“Thầy không ở đó với Sư Ông nhiều năm. Nguyên do khiến thầy về quê cũ là như vậy. Trong khi ần tu, thầy tiến bộ rõ rệt. Hầu như thầy không hề ngủ, nhưng một sáng sớm kia thầy đã thiếp đi rất lâu và nằm thấy một giấc mơ. Trong giấc mơ, thầy thấy ngôi nhà ‘Tứ Bát’ của mình trong tình trạng xiêu vẹo, hư nát như tai một con lừa già. Sách vở kinh điển đã bị mối xông. Cánh đồng ‘Tam giác Worma’ có vẻ mọc đầy cỏ dại. Mẹ thầy đã chết và người em gái duy nhất của thầy đang lang thang một mình giữa chợ đời. Từ khi xa mẹ nhiều năm về trước trong những hoàn cảnh đau khổ, thầy không gặp lại bà. Điều này khiến cho tim thầy thắt lại mỗi khi nghĩ đến. Trong giấc mơ thầy gọi to mẹ và em gái rồi khóc nức nở.

Khi tỉnh dậy, thầy thấy chiếc gối ướt đẫm nước mắt. Càng suy nghĩ, nỗi thương nhớ mẹ càng tăng thêm mãi. Thầy không cầm được nước mắt và quyết định phải về thăm mẹ với bất cứ giá nào.

Sáng ra, thầy phá bức tường của cốc ản tu và đi xin phép Sư Ông. Khi thầy đến chỗ Sư Ông thì người đang ngon giấc, thầy bèn ngồi ở gần đầu giường Người nằm và ngâm bài kệ thỉnh cầu sau:

Ôi bậc Đạo Sư Đại Từ Đại Bi,  
 Xin cho con lại được về quê cũ,  
 Về đất Tsa thù nghịch của con.  
 Nơi gia đình con bị họ hàng bạc đãi,  
 Nên phải xa nhau vô số năm trường.  
 Bây giờ lòng con nhớ thương khôn xiết,  
 Xin hãy cho con về một lần này nữa,  
 Rồi con sẽ nhanh trở lại đây!

Khi thầy vừa ngâm xong, Sư Ông tỉnh dậy. Tia sáng mặt trời chiếu qua một khe hở trên trần, rọi lên gối Người kê đầu, khiến quanh đầu Người như có vàng hào quang. Cùng lúc đó, Sư Mẫu mang bữa ăn sáng vào. Cả ba chuyện này xảy ra cùng một lúc. Chúng báo trước chuyện xảy ra trong tương lai. Sư Ông liền hỏi thầy: “Này con, sao con dám đột nhiên ra khỏi cốc vậy? Hay con đã

bị Ma Vương cám dỗ? Con sẽ gặp tai họa lớn lao, hãy về cốc ngay lập tức! “Nhưng thầy van xin Người bằng bài kệ sau:

Ôi thầy, hỡi Đấng Đại Từ Bi,  
 Xin cho con lại về quê cũ,  
 Ở vùng đất hẻo lánh Tsa.  
 Dù ở đó của tiền không còn nữa,  
 Những điều sau con hẳn phải lo:  
 Ấy là ngôi nhà có tên ‘Tứ Bát’.  
 Thật đau lòng khi thấy nó ngã nghiêng.  
 Con cũng muốn thấy thơ phòng kinh điển,  
 Ra sao rồi hay vẫn như xưa?  
 Lại còn thừa ruộng Worma nổi tiếng!  
 Cớ sao lại cỏ dại mọc hoang?  
 Còn người mẹ đã sinh con đó,  
 Mẹ ra sao hỡi mẹ của con?!  
 Còn em nữa, Peta rất yêu dấu,  
 Lạc đâu rồi em của tôi ơi!  
 Cô Zesay, người hứa hôn thuở bé

Lấy chồng chưa cô bé ngày xưa!  
 Và Ông chú Yung-gyal tôi nữa,  
 Còn sống chẳng hay đã chết rồi.  
 Lại bà thím, hỡi ‘Con Cọp Cái’!  
 Sống ra sao hay đã tịch rồi!  
 Kungchog, vị gia sư khả kính,  
 Còn khỏe không hay đã thác rồi!  
 Và trên cả mọi điều vừa kể,  
 Lòng con mong gặp mẹ làm sao!  
 Nỗi thương nhớ con không chịu nổi,  
 Kính bạch Thầy xin xót thương con.  
 Xin cho con được thăm quê cũ,  
 Lẹ làng con lại quay về, Thầy ơi!

Nghe xong, Sư Ông bảo: “Con ơi! Khi con mới đến đây con đã nói rằng con sẽ không viện lý do gì để thương nhớ gia đình, nhưng nay thì con đã thương nhớ quá nhiều thứ! Ngay cả nếu con trở về nhà, e rằng con không gặp mẹ con còn sống. Còn những người khác, e rằng họ cũng không được khỏe lắm. Con đã sống mấy năm ở trong vùng U và Tsang, và nhiều năm ở đây. Nhưng nếu con muốn đi thì thầy chấp nhận. Con có ý định trở lại đây thì, con ơi, khi con vào xin thầy thì thầy còn đang ngủ, đó là điềm báo trước

cho biết thầy trò mình sẽ không bao giờ gặp lại trong hiện đời! Nhưng ánh sáng ban mai của vàng dương đang chiếu sáng ngôi nhà thầy cho biết con sẽ là một yến sáng rực rỡ giữa các Tông Phái Phật Giáo, con sẽ hoằng dương Phật Pháp. Tia sáng mặt trời tỏa chiếu đầu thầy cho biết giòng phái Tổ Truyền này sẽ hưng thịnh và quảng bá. Hơn nữa, bà Damema lại mang bữa ăn sáng vào, cho hay con sẽ được duy trì bởi thực phẩm tâm linh.

Bây giờ thầy có thể cho con đi. Này Damema, dọn lễ vật lên bàn thờ giùm!”

Khi Sư Mẫu lo dọn bàn thờ, thì Sư Ông sửa soạn Mật Đàn. Sau khi đã truyền cho thầy lễ Thụ Pháp Tối Thượng và tất cả Bí Pháp về Huyền Mộng cũng như các Mật Chú Khẩu Truyền mà Sư Tổ đã truyền mộng cho Người, Người nói: “Con hãy chú tâm lắng nghe, các Bí Pháp này thầy chỉ truyền cho một mình con vì Sư Ông Naropa đã căn dặn như vậy. Đến lượt con Chư Thiên sẽ mách bảo cho con biết phải truyền cho đệ tử nào của con! Và thầy dặn dò con phải truyền đúng cho họ, với điều kiện là các Bí Pháp chỉ được truyền từ một thầy cho một trò liên tiếp trong mười ba đời! Nếu vì tâm thế gian hay vì lợi dưỡng mà truyền các Bí Pháp này thì Chư Thiên phạt ý và hậu quả sẽ khủng khiếp! Do đó, phải giữ gìn cẩn trọng tuyệt đối! Khi con gặp người đệ tử đủ căn cơ để thụ lãnh các Bí Pháp này thì hãy truyền cho người đó, dù anh ta không có được món lễ vật gì để dâng cho con cả! Người đệ tử đó con phải trông nom đặc biệt, hãy canh chừng và giữ gìn họ, khai mở họ và để cho



họ hoằng dương Chánh Pháp. Phương cách điều luyện (rèn luyện) mà Khai Tổ Tilopa dùng với Sư Ông Naropa, cũng như của thầy dùng với con sẽ không còn thật thích hợp với căn cơ chúng sinh đời vị lai. Vì tâm họ hẹp hòi và không đủ sức để thấu triệt Vô Thượng Bồ đề. Do đó, con phải cẩn thận khi dùng phương cách điều luyện trên.

Ở Thiên Trúc hiện còn chín bản văn về loại này, dù rằng đôi khi chúng cũng có những điều kiện nhẹ nhàng hơn. Bốn văn bản thầy đã truyền cho con, vậy là ở Thiên Trúc còn năm bản. Một đệ tử của thầy sẽ sang đó để lấy về từ một đệ tử của đệ tử của Sư Ông. Phần con, con cũng phải cố gắng hết sức để có đủ năm bản văn đó, vì chúng chắc chắn sẽ vô cùng lợi lạc cho nhân loại. Và bây giờ, nếu con nghĩ rằng vì con không có lễ vật đáng giá dâng cho thầy mà thầy còn dấu con vài bí điển thì chớ nghĩ như vậy! Những của cải, tình cảm thế gian không làm thầy hài lòng đâu! Nhưng thầy hài lòng vì sự tha thiết và thành khẩn của con! Con ơi, hãy giương cao ngọn phướn ‘Linh Thành’ (Tha Thiết Tu Hành).

Thầy đã truyền cho con các Mật Pháp Tối Thượng do Chư Thiên mách bảo và Sư Ông khẩu truyền cho thầy. Thầy không truyền cho đệ tử nào khác ngoài con, trước đây cũng như sau này! Thầy đã truyền chúng cho con trọn vẹn và hoàn hảo, giống như rót đầy đến miệng bình!”

Rồi Người thỉnh cầu Long Thiên Hộ Pháp chứng minh cho lời của Người! Và Người ứng khẩu ngâm bài kệ sau:

Qui mệnh! Xưng tán Đấng Đại Từ Đại Bi!

(Về Sư Tổ Naropa)

Ôi, cuộc đời Người là một bộ kinh lớn!

Hễ đa dục thì tâm vọng động (phiền não).

Hãy ghi khắc lời dạy dỗ sau:

Nhiều *hình như* ‘Cái Đó’ thì không phải ‘Cái Đó’!

Nhiều cây thì không quả,

Mọi môn học không phải là Trí Huệ,

Học được chúng không phải là Phát Huệ

Đa ngôn thì đa quá!

Kho báu chân thật ở trong Tâm.

Muốn thật giàu? Hãy cất ở đó!

Pháp diệt dục ấy là Chánh Đạo,

Người khôn thời phải bước đi ngay.

Tâm an là vị Vua lớn nhất

Hiểu như vậy thì quả khỏe ngay!

Hãy từ bỏ thế gian đau khổ,  
 Lấy động sâu, nhà ở của mình.  
 Chốn hoang vắng, Niết Bàn tại thế,  
 Tinh tiến tu, chiến mã của con.  
 Thân xác con đền thờ linh hiển,  
 Hãy tha thiết , đó là lương dược.  
 Hỡi đệ tử xứng đáng của ta,  
 Ta đã truyền tất cả cho con  
 Niềm Tin (của con), (Giáo) Pháp và Ta là Một.  
 Hạt giống này con đã được gieo,  
 Xin hãy đơm hoa, kết trái.  
 Đừng thôi, đừng hư và đừng héo!

Ngâm xong, Sư Ông đề tay lên đầu thầy và nói: “Con ơi, sự ra đi của con làm tim thầy tan nát, nhưng muôn pháp hễ có hợp thì có tan là đương nhiên. Nhưng con hãy ở đây với thầy vài ngày nữa, xem lại các bản văn, có chỗ nào không rõ thì hỏi thầy!”

Thầy vâng lời, và nhờ vậy trong mấy ngày đã thông suốt những phần chưa rõ trong các bản văn.

Sau đó Sư Ông bảo Sư Mẫu chuẩn bị đồ cúng và bàn thờ, bà sửa soạn rất trọng thể. Nào là lễ vật cho Long Thiên Hộ Pháp, nào là bánh dâng cúng cho Chư Thiên và một buổi tiệc lớn khoản đãi lân lý.

Suốt buổi lễ, Sư Ông chính mình hiển lộ hình tướng của Đức Kim Cương Thượng Sư (Gaypa-Dorje),

Cũng như một số vị Bồ Tát khác, cùng các món Pháp Khí tương ứng như cái Chử (dorje), chuông, bánh xe, ngọc, hoa sen, kiếm v.v.. Người cũng thi triển các các Mật Tự ‘Om’, ‘Ah’, ‘Hum’ Trong các màu khác nhau. Khi đã hiển lộ những khả năng của một Đại Sư Mật Tông, Người dạy: “Đấy gọi là thần thông, không bao giờ được biểu lộ để khoe tài. Thầy làm như vậy là một món quà tặng cho con khi từ giã đó, Milarepa, à!”

Quả thật thầy đã thấy Sư Ông là một vị Phật và hoan hỷ khôn xiết. Lòng thâm nguyện noi gương ngài để cũng được như vậy!

Sư Ông lại hỏi thầy: “Này, con, con đã thấy và con có tin không, nhỉ?”

Thầy thưa: “Bạch thầy, làm sao mà có thể không tin được! Con nguyện noi gương thầy để được như vậy!”

Người dạy: “Lành thay! Con ơi! Bây giờ con ra đi được rồi đó, vì ta đã khai thị cho con sự hư huyền của muôn pháp. Hãy tự mình thể nghiệm điều đó! Hãy đi vào núi sâu, động vắng, chỗ hoang vu mà ẩn tu. Trong các núi non, hãy chú ý các nơi sau: núi Gyalgyi-

Shri-La là nơi đã lưu dấu chân của biết bao Đạo Sư và hành giả; núi Kailasa đã được chính Đức Phật lưu tâm, là chỗ ẩn cư của Đức An Thắng (Shamvara), rất thích hợp để thiền định; hãy tham thiền ở đó! Trong Hai Mươi Bốn Chốn Thánh Địa hành hương thì Lapchi-Kang là linh hiển nhất. Ở Nepal thì hai nơi Riwo-Palbar và Yolmo-Kangra là chỗ nên thiền định. Chubar ở Brin là nơi mà Chư Thiên ngụ cư. Tóm lại, bất kỳ hang động hoang vắng nào có vật thực và nước gần bên là thích hợp để tham thiền. Ở phía Đông có hai hang Devi-kot và Tsari nhưng bây giờ chưa đúng lúc để mở chúng, sau này một đệ tử của con sẽ có trách nhiệm này. Con hãy dâng cả đời mình cho việc tham thiền ở các nơi đã kể trên. Nếu con tinh tiến tu hành, thì như vậy con đã trả ơn Thầy, Cô và cứu độ chúng sinh. Nếu con bỏ tu nửa chừng thì dù sống lâu con càng chồng chất thêm nghiệp ác. Hãy từ bỏ mọi ái dục thế gian, đừng mất thời giờ nói chuyện với đám đông là những người chỉ biết đi tìm danh lợi! Hãy lập tức hiển mình cho sự tu hành!”

Với nước mắt rung rung và tuôn dài trên má, Sư Ông nói tiếp: “Con ơi, thầy trò mình sẽ không gặp lại nhau trong hiện đời! Thầy sẽ mang con trong tâm thầy và chắc con cũng vậy! Nhưng chắc chắn mình gặp nhau ở cõi Thiên Thượng. Hãy vui lên! Thầy cũng thấy rằng trong thời gian ẩn tu, con sẽ gặp một nguy hiểm lớn lao về thân xác. Khi gặp tai ương đó, hãy nhìn vào trong cuộn giấy này, nhưng chớ mở trước ra trước, nhé!” Rồi người trao cho thầy một cuộn giấy niêm phong. Mỗi lời Sư Ông nói ra lúc bấy giờ đều

ghi sâu trong tâm khảm thầy và mỗi lời đều giúp thầy trên bước đường tu hành của thầy sau này.

Sau đó, Sư Ông nói: “Này cô Damema, ngày mai Milarepa sẽ đi rồi đó, hãy chuẩn bị giùm, nhé. Dù hẳn nhiên là làm phiền các thần linh thủ hộ, tôi cũng sẽ đưa anh đi một đoạn đường!” Rồi Người bảo thầy: “Tối nay con ngủ gần thầy. Chúng ta sẽ trò chuyện!” Và thầy vâng lời. Khi Sư Mẫu đến, thì bà lập tức sụt sùi rơi lệ và sau đó khóc nức nở. Sư Ông nói với bà: “Sao cô lại khóc, nhỉ? Con đã được truyền thụ trọn vẹn Bí Pháp và đi ẩn tu để thiên quán về chúng, vậy có sao bà lại khóc? Nếu cô biết rõ rằng hết thảy chúng sinh dù có Phật Tánh, mà vì vô minh và nghiệp lực lôi kéo nên phải chịu đau khổ, và nhất là đã được làm người nghĩa là có phước duyên rất lớn để giải thoát mà lại cam sống và chết u mê thì bà còn khóc đến đâu nữa!” Sư Mẫu nói: “Ông nói đúng, nhưng khó mà kềm chế nổi tình cảm ở những phút giây như thế này. Tôi khóc vì không thể nào chịu nổi! Tôi đã bị mất một đứa con rất xứng đáng về mọi mặt kể cả Đạo lẫn Đời, có khả năng đáp ứng mọi kỳ vọng của chính nó cũng như của mọi người. Và nay lại sắp phải xa đứa con trung tín, thông minh, giỏi giang, tốt bụng, đầy chí khí, phương diện nào cũng hoàn hảo, thì hỏi tôi không khóc sao được?” Rồi bà còn khóc to hơn, thầy cũng khóc vui và cả Sư Ông cũng thế!

Đêm đó trôi qua với những nỗi bi lụy, do đó Sư Ông, Sư Mẫu và thầy không nói được chuyện gì nghiêm túc.

Sáng hôm sau, một đoàn gồm mười ba người đưa tiễn thầy đi khoảng bốn hay năm dặm. Tất cả đều buồn bã và rơi lệ. Khi đến ngọn đồi Đạo Phong, từ đây có thể nhìn toàn cảnh vùng này thì tất cả dừng lại và ăn sáng. Xong bữa ăn, Sư Ông nắm tay thầy và nói: “Con ơi! Đúng ra, thầy phải cho vài người đồng hành với con vì con phải đi qua vùng U và Tsang, mà nghe ở xuyên lộ Silma cướp bóc dữ lắm, nhưng thầy thấy số con phải đi một mình! Thầy sẽ chú nguyện cho con và phái các Thần Vương thủ hộ bảo vệ con đi yên ổn. Hãy cẩn trọng lúc đi đường! Trước hết, con hãy ghé anh Ngogdun để đối chiếu các bản văn mà con đã có và ghi lại những điểm dị biệt. Làm xong chuyện này con có thể về thẳng quê nhà. Đừng ở lại nhà quá bảy ngày. Sau đó, lui về chốn hoang vắng mà ẩn tu tham thiền. Đó phải là môn phận duy nhất của con! Với sự cô tịch đó, con sẽ mang lại lợi lạc cho chính con và cho hết thầy chúng sinh!”

Thầy liền ứng khẩu ngâm bài kệ sau:

Bạch Thầy, Đấng Kim Cương Trì Bất Động,

Lần đầu tiên như người khát sĩ hèn mọn,

con đến Tsang,

Lần đầu tiên như người đệ tử hèn mọn,

con đến Thầy,

Ôi Thầy và cha con, Đấng Từ Bi lân mẫn,  
 Ở Lộ Shima, mười hai Thủ Hộ Thần Vương,  
 Xin xưng tán Người, Đấng Đại Từ Bi.

Nương tựa uy lực của Tam Bảo,  
 Cây nhờ thủ hộ của Thần Vương,  
 Đồng hành là tấm lòng thành khẩn,  
 Con sợ gì cái lũ u mê!  
 Nhưng con vẫn có lời khẩn nguyện,  
 Cúi xin Thầy mãi dẫn con đi!  
 Đời này cho đến kiếp vị lai.  
 Chú nguyện cho con: Thân, Khẩu, Ý.  
 Chẳng bao giờ bị còn mê hoặc.

Xin chấp nhận cho lời cầu thỉnh,  
 Ân khả bằng năng lực huyền vi.  
 Cho con được khế chứng Chân Tánh.  
 Cầu mong thầy sống lâu khỏe mạnh,  
 Số phận con xin ở tay Người,



Nguyện cầu (cho con) sớm ở nơi thanh vắng!

Khi thầy ngâm xong, Sư Ông bảo: “Con ơi, lời con thật vui lòng thầy. Bây giờ thầy sẽ trao cho con những bài học cuối cùng và đắt giá nhất, hãy ghi tâm khắc cốt! “Rồi để tay lên đầu thầy, Người ngâm bài kệ sau:

Kính lễ Chư Vị Tổ Sư!

Hồi đệ tử thượng căn lợi trí,

Nguyện cho con chứng Phật Pháp Thân,

Qua lời lẽ mà con vừa nói,

Nguyện cho con chứng Phật Báo Thân.

Tâm của con từ bi trong sạch,

Nguyện cho con chứng Phật Hóa Thân.

Những lời dạy cuối cùng quý báu,

Không sai lầm, Chánh Pháp ngàn xưa.

Con phải nhớ ghi tâm khắc cốt,

Hàng Long Thiên Hộ Pháp giữ gìn

Gia bị thân tâm con an lạc.

Nguyện lời ta chóng thành hiện thực,  
Nguyện người lành mãi mãi thương con,  
Mười hai vị Thần Vương Thủ Hộ,  
Đang chờ con ở lộ Silma.

Và Hộ Pháp gia trì con nữa,  
Suốt chặng đường còn lại của con.  
Cảnh nhà cửa u buồn con đó,  
Dạy cho con vạn pháp vô thường.

Cảnh em gái, bà con lân lý  
Tất cả đều huyễn mộng mà thôi.

Giữa hang động hoang vu sâu thẳm,  
Ấy là nơi con đôi Vô Thường,  
Để mà lấy Chơn Thường Bất Diệt.

Trong thân xác, đền chùa con đó.  
Nơi thần linh câu hội cùng nhau

Rau tâm ma làm thành đại tiệc,  
*(Tiên tri về sinh hoạt của Mila ở động vắng sau này.)*  
Món cúng dường chư vị hân hoan.

Trong Bí Pháp bản văn con có,  
Đầy hoa thơm trái ngọt cho con.

Còn những kẻ cừu xưa oán cũ,  
Ấy là nguồn thúc đẩy con tu.

Giữa hang động thâm sâu hoang vắng,  
Ấy là nơi con đắc thần thông.  
Phải tự lo tự liệu một mình,  
Con sẽ rõ Chân Tâm vi diệu.

Những Thánh Địa ngàn xưa linh hiển,  
Ấy là nơi dụng lực tu hành.

Lòng tha thiết tu hành miên mật,

Sẽ phát sinh kết quả cao siêu

Lòng tin thầy không gì lay chuyển,  
Là kho tàng của mọi thành công.

Lằn ranh giữa Luân Hồi, Giải Thoát,  
Nó là sao , hãy hiểu cho ra.

Cái giọng phái Tổ Truyền ta đó,  
Là cội nguồn của mọi bình an.

Này Milarepa con hỡi,  
Con sẽ là rường cột Chư Tăng,  
Cầu chư vị Tổ Sư gia bị,  
Hàng Long Thiên Hộ Pháp giữ gìn.  
Demchog, Gaypa-Dorje, Sang-du  
Xin chư vị từ bi gia hộ.  
Lại cầu Đức Địa Mẫu Kali,  
Xin lân mẫn từ bi gia bị.

Nguyện rằng lòng tha thiết, sự vâng lời,  
 Sẽ kết quả trên hàng con cháu.  
 Nguyện rằng con mãi mãi nhớ ghi,  
 Vào tâm khảm những gì ta nói.

Ngâm xong, Sư Ông rất hoan hỉ. Kế đến, Sư Mẫu cho thầy các món quà hiện vật, gồm có y phục, giày ống và vật thực cần thiết, bà nói: “Con ơi, đây chỉ vài món đồ như là quà tặng nhỏ bé của ta khi phải xa con. Ta chúc con thượng lộ bình an và nguyện gặp lại con ở cõi trời Urgyen. Đừng quên những quà tặng, tâm linh cuối cùng này, nghe, con. Ta sẽ cầu nguyện cho con! Rồi trao cho thầy một sọ người đầy rượu cúng, bà ngâm bài kệ sau:

Kính lễ Đức Marpa tôn quý!

Con của ta, tràn đầy trí dũng  
 Lại luôn luôn đau khổ không thôi.  
 Hỡi người con định mệnh ta ơi,  
 Hãy uống trọn Cam Lô Chân Trí,  
 Và ra đi viên mãn đường con.

Cõi Thiên Thượng, vị lai ta gặp lại,  
Hãy vui lên, người bạn tương lai!  
Con chớ quên mẹ cha con, nhé,  
Hãy luôn luôn cầu nguyện cho Người,  
Hãy thâm nhập vào trong kinh điển,  
Và tinh tu với cả tấm lòng.  
Hãy ra đi viên mãn đường con.  
Cõi Thiên Thượng, vị lai ta gặp lại,  
Vui lên con, người bạn tương lai.

Con chớ quên cha mẹ con, nhé,  
Hãy khắc ghi kỷ niệm tuyệt vời!  
Con hãy nên gắng luyện Hỏa Hầu,  
Xem như là y phục của con!  
Hãy ra đi viên mãn đường con.  
Cõi Thiên Thượng, vị lai ta gặp lại,  
Vui lên con, người bạn tương lai.

Hãy nghĩ đến chúng sinh đau khổ,

Mà siêng tu Vô Ngã, nghe, con!  
 Phát đại tâm con hãy gắng lên,  
 Đại nguyện đang chờ con đây, nhé!  
 Hãy ra đi viên mãn đường con.  
 Cõi Thiên Thượng, vị lai ta gặp lại,  
 Vui lên con, người bạn tương lai.

Ta, Damema, duyên con đã gặp,  
 Trao cho con lời dạy cuối cùng.  
 Con hãy nhớ ghi tâm khắc cốt,  
 Lòng ta đau quặn thắt, con ơi.  
 Cõi Thiên Thượng, vị lai ta gặp lại,  
 Vui lên con, người bạn tương lai.

Mong lời này sớm đơm hoa kết trái  
 Hãy tinh tu đáp lại dạ mong cầu.

Khi bà ngâm, giọng bà đầy nước mắt và tất cả mọi người đều bi thương rơi lệ. thầy làm lễ Sư Ông và Sư Mẫu lần cuối cùng và ra đi, mặt vẫn hướng về họ khi mà thầy vẫn còn nhìn thấy hình dáng

Sư Ông. Thấy họ đứng kia với vẻ mặt sầu thảm, lòng thầy cứ muốn quay trở lại. nhưng khi đã khuất tầm mắt họ, thầy đi như bình thường cho đến khi gặp một ngọn đồi mà từ đó thầy lại thấy họ như một mảng màu xám, thầy cảm thấy khát khao gặp lại họ, và phải đau khổ lắm thầy mới cố đi luôn được!

Thầy tự nhủ mình đã được truyền thụ trọn vẹn Bí Pháp, vậy thì từ nay mình đã khỏi lo bị lạc đường tà. Còn về Sư Ông thầy có thể quán tưởng dễ dàng hình ảnh của Người trên đỉnh đầu mình và hơn nữa Người đã hứa rằng hai thầy trò sẽ trùng phùng ở cõi Thiên Thượng. Ngoài ra, thầy chỉ về quê một thời gian ngắn để thăm mẹ rồi quay về với Người ngay mà!

Vậy là trong tâm trạng sầu thảm, thầy vừa đi vừa tự trò chuyện với chính mình cho đến nhà Sư Bác Ngogdun. Ở đó, sau khi ông và thầy so sánh kỹ lưỡng các ghi chú với nhau, thầy thấy ông hơn thầy về cách sử dụng các chân ngôn, nhưng về phương diện áp dụng các nghi thức, pháp môn có liên quan đến Giáo Pháp, cũng như sự ứng dụng chúng vào đời sống thường nhật thì thầy không thua ông lắm. Và lại thầy hơn ông về phương diện thủ đắc những Bí Pháp Khẩu Truyền.

Sau khi làm xong chuyện trên, thầy kính cẩn làm lễ ông rồi từ giã về quê sau khi đã hứa là sẽ gặp lại. Thầy đi về nhà chỉ mất ba ngày, thầy hân hoan vì thấy mình đã tiến bộ trong việc điều khiển hơi thở để đi nhanh. (Nếu đi bình thường phải mất hàng tháng trời)



Sự việc là vậy đó: thầy được truyền trọn vẹn Bí Pháp, thầy dụng công tu hành thì mơ thấy một giấc mộng khiến thầy từ giã Sư Ông và trở về nhà.

Đến đây là chấm dứt công hạnh thứ tư của Tổ Milarepa.

## CHƯƠNG CHÍN: TỪ BỎ

*Cảnh quê nhà khi Đức MilaRepa trở về. Lời nguyện ẩn tu.*

Ngài Rechung lại thưa rằng: “Bạch thầy, khi thầy đã về đến nhà, thì thực tế có giống như giấc mơ thầy đã thấy không? Thân mẫu thầy còn hay mất rồi?”

Tổ Milarepa trả lời: “Giấc mơ báo điềm quả là chính xác. Số thầy không được thấy lại mẹ thầy!”

Ngài Rechung bèn thưa: “Bạch thầy, xin thầy kể cho chúng con biết rằng khi thầy trở về nhà, thầy đã gặp ai và họ đã đón tiếp thầy như thế nào!”

Tổ Milarepa kể tiếp:

“Thầy gặp một nhóm mục đồng ở một địa điểm cao trong thung lũng mà từ đó có thể thấy ngôi nhà thầy. Thầy giả bộ không biết, hỏi han họ về những ngôi nhà cũng như những người sống ở đó. Họ trả lời thật chi tiết. Cuối cùng, thầy chỉ ngôi nhà của mình và hỏi thăm. Họ bèn cho biết đó là ngôi nhà “Tứ bát”, hiện nay là chỗ ma quỷ trú ngụ vì không còn ai ở cả! Khi thầy hỏi kỹ hơn, họ cho biết như sau: “Trước đây, đó là một gia đình giàu, có được một cậu con trai và một cô con gái. Vì người cha mất sớm và tính toán lầm trong việc để lại di chúc, hậu quả là bà con bên nội đã chiếm

đoạt gia sản của cậu bé. Khi đến tuổi trưởng thành, cậu ấy đòi lại không được nên đã bỏ đi học Huyền Thuật. Cậu ta đã gây nhiều tai họa cho vùng này! Bây giờ, ai ở đây cũng ngán cậu ta! Đến nỗi không ai dám đi về phía ngôi nhà đó một mình, mà nhìn thôi cũng đã ngại! Vì trong nhà có chứa hài cốt của bà mẹ cũng như vài vong linh khác! Cậu ấy có cô em thì đang đi ăn xin lang thang đây đó không về nhà. Cậu ấy chắc cũng chết rồi vì không nghe tin tức gì cả! Nay ông khát sĩ ơi, nếu ông dám vào nhà đó, không chừng ông vớ được một số kinh điển đó! “Thầy hỏi cứ sự như vậy đã bao lâu rồi thì được cho biết là đã tám năm kể từ ngày bà mẹ chết. Còn các chuyện cũ thì thật ra người kể được nghe nói lại vì hồi đó anh ta còn quá nhỏ.

Nghe vậy thầy vững tâm vì người làng sợ thầy chắc họ không dám hại thầy. Chuyện mẹ thầy đã mất, em gái thì đi ăn xin đây đó khiến lòng thầy đau như dao cắt. Thầy tìm chỗ ẩn núp và khóc vùi cho đến trời tối. Khi trời đã chạng vạng tối, thầy vào làng và lạ lùng thay thầy thấy nhà mình ở trong tình trạng y hệt như đã thấy trong giấc mơ báo điềm.

Ngôi nhà trước đây nguy nga là thế mà bây giờ xiêu vẹo hoang tàn. Số kinh điển đã bị mối ăn khá nhiều vì nước mưa lọt vào, cả một lớp đất, bụi phủ đầy lên chúng, và chúng trở thành tổ chim, ổ chuột!

Nhìn vào đâu cũng thấy đồ nát hư hại khiến thầy rất chán nản. Khi lần mò đi ra các phòng ngoài, thầy gặp một đồng đất và rác rưởi mà trên đó đã mọc đầy cỏ dại. Bởi đồng này ra thầy gặp một bộ xương người mà thầy linh cảm là của mẹ thầy. Lòng thương mẹ khôn xiết, thầy suýt ngất đi khi nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ được thấy lại bà! Thầy chợt nhớ đến các Bí Pháp của Sư Ông, thầy bèn chú nguyện cùng chư vị Tổ Sư về mẹ thầy, và xếp xương bà thành một cái gói, thầy nhập định. Trong cơn thiền, thầy thể nghiệm thật sự đã cứu độ cha mẹ thầy thoát khỏi đau khổ của vòng luân hồi sinh tử. Sau bảy ngày đêm thầy mới xuất định.

Từ đó, qua tư duy, thầy đến kết luận rằng không có nơi nào an ổn trong vòng sinh tử luân hồi. Bởi thế thầy quyết định tán nát xương của mẹ thầy, trộn với đất sét và nặn thành những cái tháp xá lợi nhỏ. Thầy sẽ phải đổi một số kinh điển để lo chuyện này. Còn thầy sẽ đi đến động Bạch Mã Nha (Dragkar-Taso) để thiền định. Thầy quyết định sẽ ngồi thiền cho đến chết! Thầy nguyện rằng nếu bị một ý niệm thế gian cám dỗ, mà nghe theo, thì thầy sẽ tự tử ngay! Thầy cũng nguyện rằng, nếu thầy giải đãi trên bước đường tu thì xin Long Thiên Hộ Pháp vật chết thầy ngay!

Khi đã lập đi lập lại các lời nguyện trên, thầy gom xương mẹ thầy lại. Khi phủ lớp đất bụi phủ trên kinh điển đi, thầy thấy chữ vẫn còn rõ. Ôm xương mẹ vào lòng, kinh điển thì vác trên lưng, thầy ra đi! Tâm thầy khổ não không tả xiết. Từ đây, thế gian không còn gì để thu hút hay ràng buộc thầy nữa. Thầy lập lại những lời

nguyện sẽ hiến trọn đời cần khổ tu hành để thể nghiệm Chân Tánh.  
 Trong trạng thái hầu như xuất thân, thầy ngâm bài kệ sau:

Ôi Bảo Sư, Bất Động Tôn!

Ôi Marpa, Đấng Dịch Sư!

Đúng như lời mà thầy đã dạy,  
 Về đến quê con gặp Huyền Sư,  
 Đội ân đức của thầy khôn xiết,  
 Cho nên con học được vị này.

Kìa vạn pháp nhân duyên giả hợp  
 Có rồi không vô ngã, vô thường.  
 Thế gian này phù ảo xiết bao,  
 Không tự thể, chẳng gì chân thật.  
 Vậy thay vì đã tràng xe cát,  
 Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.

Cha tôi sống thì tôi còn bé,

Tôi lớn khôn, cha đã chết rồi!  
Nhân duyên gặp cũng như không gặp,  
Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.

Động Bạch Mã Nha tôi sẽ tới,  
Và tham thiền nhập định không thôi.

Mẹ tôi sống thì tôi xa vắng,  
Khi tôi về, hỏi mẹ, còn đâu ?!  
Nhân duyên gặp cũng như không gặp,  
Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.  
Động Bạch Mã Nha tôi sẽ tới,  
Và tham thiền nhập định không thôi.

Em ở nhà thì tôi lưu lạc,  
Tôi trở về em lại lang thang.  
Nhân duyên gặp cũng như không gặp,  
Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.  
Động Bạch Mã Nha tôi sẽ tới,

Và tham thiên nhập định không thôi.

Kinh điên đó, không ai tôn kính,

Có người xem kinh điên lại hư.

Nhân duyên gặp cũng như không gặp,

Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.

Động Bạch Mã Nha tôi sẽ tới,

Và tham thiên nhập định không thôi.

Nhà còn tốt, chủ nhân đi vắng,

Chủ nhân về nhà đã cột xiêu.

Nhân duyên gặp cũng như không gặp,

Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.

Động Bạch Mã Nha tôi sẽ tới,

Và tham thiên nhập định không thôi.

Khi ruộng tốt, nông phu đi vắng,

Nông phu về, ruộng mọc cỏ hoang

Nhân duyên gặp cũng như không gặp,

Tôi đi tìm Chân Tánh Trạm Nhiên.  
 Động Bạch Mã Nha tôi sẽ tới,  
 Và tham thiền nhập định không thôi.

Này đất, này nhà, này cửa cái,  
 Cả lũ mày một mớ trống không.  
 Ai mê muội thì còn say đắm,  
 Riêng phần tôi Chân Tánh đi tìm!

Ôi Marpa Dịch Sư tôn quý!  
 Gia hộ con thanh tịnh ần tu!

Sau khi ngâm bài kệ với sự hưng phấn tâm linh kỳ lạ, thầy đi đến nhà của vị gia sư ngày trước, nhưng ông đã qua đời. Con trai ông còn sống và thầy trao mớ kinh điển cho anh ta để anh ta lo cho bộ xương của mẹ thầy. Anh ta bảo rằng nếu anh ta nhận lãnh mớ kinh điển này, thì e rằng mấy vị Thần Linh Thủ Hộ của thầy sẽ quấy nhiễu anh ta. Thầy bèn nói với anh ta rằng, vì đây là do tự ý thầy đưa nên sẽ không có chuyện gì đâu! Nghe vậy, anh ta nhận và nói: “Dạ, vậy thì được!” Với sự phụ giúp của thầy, anh ta làm xong mấy cái tháp xá lợi nhỏ bằng bột xương trộn đất sét, rồi làm lễ chú



nguyện lên đó. Khi mọi việc xong xuôi, thầy định từ giã ra đi thì anh ta giữ thầy lại để hàn huyên về chuyện hồi trước, nhưng thầy bảo rằng thầy phải đi nhập cốc, thiên định ngay và không có thời giờ trò chuyện. Anh ta bèn nài nỉ thầy hãy ở lại ít nhất một đêm để anh ta có thời giờ chuẩn bị cho thầy một mớ vật thực để thầy dùng trong thời gian ăn tu.

Nghe vậy thầy đồng ý, và tiếp tục câu chuyện, anh ta nói: “Thuở thanh xuân ông đã dùng Huyền Thuật để trừng phạt kẻ thù. Nay đến tuổi trưởng thành, ông đã trở thành một nhà tu, điều này quả đáng ngưỡng mộ. Trong tương lai, chắc chắn ông sẽ là một vị Bồ Tát. Ông đã gặp được những vị thầy nào và được truyền kinh điển gì?” Anh ta hỏi thầy những điều này với vẻ tha thiết và thầy cho anh ta hay rằng thầy đã được Giáo Pháp Đại Toàn Mãn, cũng như thầy đã được gặp Sư Ông như thế nào. Anh ta chúc mừng thầy và góp ý rằng vậy thì thầy nên sửa sang nhà cửa, cưới cô Zesay và sắp xếp để trở thành một vị Lạt Ma Cựu Phái (Hồng Mạo). Thầy bảo với anh ta rằng Sư Ông Marpa lập gia đình là để độ sinh, nhưng nếu thầy bắt chước theo Sư Ông mà không có được công đức hạnh nguyện như Người thì chẳng khác gì con thỏ bắt chước cái nhảy của sư tử, hậu quả đương nhiên là sa vào địa ngục. Thầy nói thêm: “Tôi cho rằng tôi không mong muốn gì cả, ngoại trừ được sống một cuộc đời tu hành. Sống như một nhà tu khổ hạnh ở nơi hoang vắng và hiến trọn đời mình cho việc dụng công tham thiền, đó là cốt tủy của lời dạy của Thầy tôi. Bởi thế tôi nguyện

sống như vậy để Người hài lòng, để cứu độ hết thầy chúng sinh, cũng như làm rạng rỡ Tông Môn. Và cũng nhờ vậy mà tôi cứu độ được cha mẹ ra khỏi vòng luân hồi, và lợi lạc cho chính tôi! Tôi không biết gì ngoài việc thiên định, mà tôi cũng không muốn làm cái gì khác. Hơn nữa, sau khi đã chứng kiến sự điêu tàn của căn nhà và của cải mà cha mẹ để lại với biết bao công khó, tôi thực sự cảm thấy mọi ước muốn thế gian đều phù phiếm và ước nguyện tu hành bùng cháy trong tôi. Một cuộc sống dễ dãi hẳn thích hợp cho những người chưa bị đau khổ như tôi, cho những ai mà ý nghĩ về cái chết và địa ngục chưa gọi trong họ điều gì cả! Riêng phần tôi, hoàn cảnh đã dạy tôi rằng hãy hiến mình trọn vẹn cho việc tu hành bất chấp bệnh tật nghèo đói.”

Với mắt đẫm lệ, thầy ngâm bài kệ sau:

Kính lạy thầy Marpa của con hồi!

Nhờ ơn thầy, con biết đường tu.

Đáng thương thay những kẻ mê mờ,

Chỉ biết bám thế gian hư ảo.

Ôi, đau thương tôi đã nếm rồi,

Và còn mãi nếu mà chưa tỉnh.

Giòng nghiệp lực lạnh lùng lôi cuốn,  
Nếu biết tu sung sướng biết bao.

Kim Cương Thượng Sư, Bất Động Tôn!

Xin gia bị cho con tu ần.

Hỡi những ai tha phương cầu thực,

Hãy trở về quê cũ đi thôi.

Ơi thảo nguyên Gungthang xanh tốt,

Nơi đầy đầy dê, ngựa của tôi.

Còn đâu nữa cái hình ảnh đó,

Lẽ vô thường nuôi tiếc làm chi!

Từ nay tôi chỉ nguyện tu trì!

Ơi ngôi nhà khang trang ‘Tứ Bát’,

Nay điêu tàn mái dột, cột xiêu,

Lẽ vô thường nuôi tiếc làm chi!

Từ nay tôi chỉ nguyện tu trì!

Ôi cánh đồng tam giác Worma,  
 Nay đây rẫy toàn là cỏ dại.  
 Ôi bà con lân lý gần xa,  
 Chực hại tôi như ma, như quỷ.  
 Lẽ vô thường nuôi tiếc làm chi!  
 Từ nay tôi chỉ nguyện tu trì!

Ôi Shergyal, phụ thân yêu quý,  
 Dấu vết người nay kiếm ở đâu!  
 Ôi Kargyen, mẫu thân khả ái,  
 Còn có chẳng một đồng xương khô.  
 Lẽ vô thường đã bày ra đó,  
 Lo tu đi còn đợi chờ gì!

Ôi Kunchog, gia sư khả kính  
 Cũng trở thành cát bụi còn đâu!  
 Lại một kho kinh sách quý báu,  
 Nay trở thành ổ chuột, tổ chim!  
 Lẽ vô thường đã bày ra đó,

Lo tu đi còn đợi chờ gì!

Ôi Yung-gyal, người chú lọc lừa,  
 Cũng phải chết như bao người khác,  
 Ôi Peta, em gái của tôi ơi,  
 Đã lưu lạc phương trời nào hồi.  
 Lẽ vô thường tiếc nuôi làm chi!  
 Từ nay tôi chỉ nguyện tu trì!

Ôi Bảo Sư, Đấng Bất Động!  
 Xin gia bị cho con tu ẩn.

Nghe thầy ngâm bài kệ buồn thảm trên, anh ta thở dài và nói: “Lành thay! Ông quả chí lý!” Còn vợ anh ta thì khóc ròn. Cảnh tượng hoang tàn của ngôi nhà ‘Tứ Bát’ đã tác động lên thầy rất mạnh, đến nỗi thầy lập đi lập lại mãi lời nguyện là sẽ sống một cuộc đời ẩn tu ở nơi hoang vắng. Tâm thầy đã quyết định như vậy. Và thực tế, thầy không có lý do gì để trách mình là đã hiến thân cho cuộc đời tu hành, thay vì theo đuổi những mục đích thế gian.”

Đây là Công Hạnh Thứ Năm của Tổ Milarepa, kể lại như thế nào nhờ nghịch cảnh mà Người đã phát tâm trọn đời tu hành.



## CHƯƠNG MƯỜI: ẨM TU TRONG ĐỘNG VẮNG

### *Tổ Milarepa ẨM tu như thế nào. Những kết quả.*

Ngài Rechung bèn hỏi Tổ Milarepa rằng Người đã ẨM tu ở những nơi nào. Tổ Milarepa đáp: “Sáng hôm sau, anh ta (con vị gia sư quá cố) cung cấp cho thầy một bao bột mì, một ít bơ, pho mát với vài thực phẩm khác, và nói: “Xin cúng các vật thực này để ông dùng trong thời gian ẨM tu và cũng xin cầu nguyện cho chúng tôi với.” Với số lương thực đó, thầy bắt đầu ngay, thầy đến một cái động vắng ở trên sườn đồi sau lưng nhà thầy để ngồi thiền. Số vật thực này thầy dùng rất tiết kiệm, do đó cơ thể thầy yếu hẳn đi nhưng thầy tiến nhanh trên đường tu. Thầy dùng được vài tháng. Khi thực phẩm đã hết nhẵn, thầy không thể cứ tiếp tục nhịn ăn mãi, nên thầy suy nghĩ rằng mình phải đi khát thực ở những người chăn cừu đang sống trên các ngọn đồi, cũng như những nông dân sống ở dưới chân đồi. Nếu không thì thầy sẽ chết đói mất, chứ không thể vừa đói khát vừa tham thiền được.

Tìm đến những người chăn cừu để khát thực, thầy ngẫu nhiên đến một cửa lều làm bằng lông con ‘yak’ và đứng đó thầy thỉnh cầu những người trong lều bố thí cho kẻ tu hành một ít bơ, pho mát và gia vị.

Tai họa quả không bao giờ biết trước, vì cái lều này hóa ra là của thím thầy! Bà liền nhận ra thầy! Nổi giận, bà thả đàn chó ra, làm thầy vội xua chúng lia lịa với cây gậy mang theo, cũng như lấy đá ném chúng. Lập tức bà xông ra, tay cầm một cây cọc lều và la lớn: “Ôi! Mi làm nhục người cha khả kính của mi! Ôi! Cái đồ bán thịt người thân! Cái thứ phá hoại cổ hương! Mi còn đến đây làm chi, hở? Người cha khả kính của mi lại có thằng con như mi!?” Vừa nói, bà vừa quát thầy túi bụi. Thầy quay lại bỏ chạy, nhưng vì quá yếu do thiếu ăn, thầy vấp một hòn đá, ngã tòm vào một ao nước và suýt chết! Nhưng bà vẫn cứ điên tiết! Thầy gắng hết sức để chỗi dậy, rồi tựa người vào cây gậy, thầy ngâm bài kệ sau với bà:

Ôi Đấng Từ Phụ Marpa tôn quý,  
 Con xin đánh lễ dưới chân người.  
 Chôn quê cũ Tsa buồn thảm đó,  
 Mẹ con tôi cả thầy ba người,  
 Phải tan tác mỗi người một ngã,  
 Bởi vì ai, người thím của tôi?!  
 Xin nghĩ lại hỏi người chú, thím!



Khi tôi phải phương xa lưu lạc,  
Mẹ tôi mất bởi nỗi đói nghèo!  
Còn em gái lang thang khát thực,  
Ôi khổ nào hơn vậy nữa không?!

Lòng thương em, nhớ mẹ khôn cùng,  
Nên tôi đã trở về quê cũ.

Mẹ tôi hỡi, thiên thu vĩnh biệt,  
Còn em tôi đau khổ ra đi!  
Tâm can tôi tan nát rồi bởi,  
Ôi thống khổ khó bề tả xiết  
Tấn bi kịch của tôi vừa kể,  
Lỗi do ai, chú thím của tôi?!

Nhờ đau khổ mà tôi biết Đạo,  
Biết lo tu, tìm lại cội nguồn.  
Theo lời dạy của thầy đã chỉ,  
Tôi ẩn tu ở chốn hang sâu.  
Nhưng nay vật thực đã cạn rồi,

Nên tôi phải đi xin bố thí.

Như xác trùng trước hang loài kiến,  
Ngay lều này tôi lại xin ăn!  
Để giết tôi thím xua bày chó,  
Rồi quát tôi chẳng chút nương tay!

Thím rửa xả, mắng tôi thậm tệ,  
Làm rách thêm những vết thương lòng.  
Tâm thân tôi bầm tím khó trông,  
Bởi cột lều thím vung lia lia!

Quả thật đáng cho tôi nổi giận,  
Nhưng hồi Thầy, Thầy đã dặn con!  
Thím ơi, thôi hãy hết giận hờn,  
Và bố thí cho tôi tu ần.

Kính lạy Thầy Marpa tôn quý,  
Xin từ bi gia bị cho con.

Thầy vừa ngâm vừa khóc như trên khiến cô gái đi sau thím thầy không cầm được nước mắt. Bà thím cũng có vẻ hồi hận ăn năn, bà bỏ vào trong lều và sai cô gái mang cho thầy một cuộn bơ và một ít bột pho mát.

Đi sang những lều khác để khát thực, thầy không nhận ra có ai là người quen cũ, nhưng hình như tất cả bọn họ đều nhận ra thầy! Họ nhìn thầy gườm gườm, mỗi người cho thầy một số vật thực khá khá và thầy trở về động.

Cách cư xử của người thím khiến thầy suy ra tình cảm của người chú đối với mình, nên thầy quyết định sẽ không lai vãng đến chỗ ông ta ở cho yên chuyện. Nhưng tình cờ khi đi khát thực ở chỗ những người trồng tía ở vùng thượng thung lũng Tsa, thầy lại đến ngay cửa ngôi nhà mới của ông ta mà không hay! Vừa thấy thầy, ông hùng hổ xông tới, quát lớn: “A! Tao già cả thiệt nhưng gặp mi thì quả là oan gia đối đầu!” Rồi cố giết thầy, ông ta ném một viên đá lớn suýt nữa trúng thầy. Thầy quay lại bỏ chạy thì ông ném đá tới tấp với tất cả sức lực. Thầy đang chạy thì ông quay ra với cây cung và bó tên rồi la lớn: “Đồ bán thịt người! Đồ khát máu! Đồ phá hoại quê hương! Ôi, bà con ơi! Ra nhanh lên để bắt kẻ thù đây nè!” Vừa la, ông vừa giương cung bắn thầy, một vài cậu thanh niên bắt đầu ném đá thầy. Về phần mình, thầy than thầm rằng phen này mình sẽ là nạn nhân của sự trả thù về những tai họa mà thầy đã gây

ra bằng Huyền Thuật. Tương kế tựu kế, thầy la to: “Ôi, Chư Vị Tổ Sư Tông Phái Tổ Truyền ơi! Ôi, Chư Vị Thần Vương Thủ Hộ khát máu ơi! Đệ tử đang bị kẻ thù bức tử đây nè! Giúp đỡ con trị chúng với! Dù con có chết thì đã có Chư vị!”

Nghe thầy la vậy, tất cả bọn họ khiếp đảm. Họ vội níu chú thầy lại, một số người có vẻ thông cảm với thầy, họ đứng ra hòa giải, còn số đã ném đá thì xin thầy tha thứ! Chú thầy không chịu bó tay cho thầy gì cả, nhưng những người khác thì cho kha khá. Thầy lại trở về động. Thầy suy nghĩ rằng nếu mình còn sống ở đây thì chỉ gây ra sự tức giận của mọi người nên quyết định đi chỗ khác. Nhưng ngay đêm đó, thầy thấy một giấc mơ dạy thầy hãy ở lại thêm vài ngày và thầy tuân theo.

Cô Zesay (người mà thầy đã được hứa hôn từ thuở nhỏ) nghe được thầy đang ở đây nên tìm đến với một số đồ ăn thức uống. Gặp thầy, cô ôm chầm thầy và khóc nức nở. Rồi cô kể lể cho thầy nghe về cái chết của mẹ thầy, cũng sự lưu lạc của em gái thầy. Lòng thầy đau như cắt, nước mắt của thầy cứ tuôn như suối.

Thầy hỏi cô: “Sao cô chung thủy quá vậy! Cô chưa chịu lập gia đình ư?” Cô đáp: “Người ta sợ các vị Thần Linh của anh đến nỗi không ai dám đi hỏi tôi. Mà dù có người đi hỏi đi chẳng nữa thì tôi cũng không lấy đâu! Chuyện anh đã đi tu như vậy thật đáng ngưỡng mộ, nhưng anh định tính sao với ngôi nhà và thửa ruộng đây?! Thầy hiểu ý cô và thầm nhủ rằng nhờ lòng từ bi của Sư Ông

mà thầy đã được xuất gia, thầy đâu còn tâm niệm thế gian, nhưng thầy cũng cần nói để cô yên tâm, bởi thế thầy bảo cô: “Nếu cô gặp em tôi, xin cô giao cho nó. Còn từ bây giờ cho đến ngày đó cô cứ việc sử dụng. Nếu em tôi đã chết thì đó là phần của cô!” Cô hỏi thầy: “Vậy anh không muốn sở hữu chúng ư?” Thầy đáp: “Tôi sẽ tìm kiếm vật thực như cách các loài chim, chuột tìm thức ăn, hoặc là tôi sẽ chết đói! Do đó tôi không cần thừa ruộng nữa! Tôi sẽ ở nơi hang sâu, động vắng vậy thì tôi không cần ngôi nhà nữa! Tôi thật sự nhận ra rằng dù tôi có cả thế gian, thì khi chết tôi cũng phải bỏ lại tất cả. Vậy nếu tôi buông bỏ mọi sự ngay bây giờ thì tôi sẽ được hạnh phúc trong đời này, và luôn cả đời vị lai! Do đó tôi đã sống một cuộc sống nghịch hẳn với lối sống của người thế gian. Hãy xem tôi như đã chết rồi!”

Cô bèn hỏi thầy: “Lối tu hành của anh cũng nghịch hẳn lối tu của những người tu khác sao?” Thầy đáp: “Dĩ nhiên, tôi nghịch hẳn với những người khoác áo tu vì động cơ danh lợi. Họ thành công bằng cách thuộc nằm lòng vài cuốn kinh, có óc bẻ phái mạnh mẽ, sẵn sàng đấu tranh để phe nhóm họ thắng lợi. Nhưng đối với những người chân thật tu hành, thì dù họ thuộc những Tông Phái khác nhau đi nữa, thì họ vẫn không giống như hạng trên, mục đích của họ vẫn là một, đó là Giải Thoát. Vậy thì tôi không nghịch gì với họ.”

Nghe thầy nói vậy, cô hỏi: “Vậy tại sao lối tu của anh lại nghèo nàn và khổ sở quá vậy. Trông còn tồi tệ hơn gã hành khát

khôn khổ nhất! Thật tôi chưa hề thấy ai như anh. Anh theo Tông Phái Đại Thừa nào vậy?” Thầy cho cô biết rằng đây là Viên Đôn Giáo của Đại Thừa, còn gọi là Tối Thượng Thừa mà mục đích là thành Phật trong một đời. Và để thành tựu Phật Quả thì phải vất bỏ những mục tiêu thế gian.

Cô nói: “Quả thật tôi thấy lối tu của anh và của người khác là hoàn toàn tương phản. Và theo những gì anh nói, thì tu hành Chánh Pháp không phải là chuyện dễ dàng. Lối tu của người khác coi bộ dễ theo hơn!”

Thầy nói: “Một hành giả mà còn mê đời thì theo tôi không thể là một người tu chân chánh. Theo ý tôi, ngay cả những người cầu chân lý mà còn giữ cái y (áo) vàng thì họ còn háo danh. Mà cho dù họ có bỏ đi nữa, thì giữa tôi và họ vẫn có cách biệt lớn lao về phương diện thể nghiệm Phật Tánh. Tuy nhiên bây giờ thì cô chưa có thể hiểu điều này. Vậy cô hãy suy nghĩ kỹ, nếu thấy thích hợp thì xuất gia, còn nếu không thì hãy giữ lấy ngôi nhà và thửa ruộng như tôi đã nói. Tốt hơn hết là cô nên trở về nhà!” Cô đáp: “Tôi không thể nhận nhà và ruộng của anh, vì anh phải trao lại cho em gái mình. Tôi cũng muốn là một người tu, nhưng tu kiểu như anh thì tôi chịu thua!” Nói xong cô bỏ đi.

Thím thầy nghe được rằng thầy không lý gì đến nhà và ruộng của mình vì theo lời dặn của Sư Ông, bèn nghĩ cách để chiếm hữu. Do đó, bà đến thăm thầy, mang theo một số bột gạo, bơ, bia

chhang, và một ít thực phẩm khác. Bà nói: “Trước đây thím cư xử không phải với con, đó là vì thím u mê. Nhưng con ơi, con là người tu, con phải tha thứ cho thím! Nếu con đồng ý, thím sẽ lo canh tác thửa ruộng của con và cung cấp thực phẩm cho con.” Nghe vậy, thầy bảo: “Được rồi, hãy cung cấp cho tôi mỗi tháng hai mươi lít bột gạo, phần còn lại là của thím. Thím cứ việc canh tác thửa ruộng.” Bà ta ra về, ý nguyện thỏa mãn. Trong vòng hai tháng, bà cung cấp bột gạo như đã giao ước. Rồi sau đó lại đến và nói: “Người ra bảo rằng, nếu thím canh tác ruộng của con thì có lẽ các vị Thần Linh Thủ Hộ của con sẽ trừng phạt thím. Thầy an ủi: “Bây giờ tôi không luyện Huyền Thuật nữa. Thím sẽ được phước báo nếu thím canh tác thửa ruộng của tôi và cung cấp thực phẩm cho tôi như thím đang làm.” Bà liền nói: “Nếu quả vậy, con chịu phiền thề rằng con sẽ không sử dụng Huyền Thuật nữa. Con làm vậy được chứ?!” Thầy không rõ là bà có ý định gì, nhưng với ý nguyện ban vui cho kẻ khác, thầy bèn thề như bà yêu cầu. Nghe xong bà sung sướng mãn nguyện ra về.

Trong thời gian này, dù thầy nỗ lực dụng công về thiền quán, không có dấu hiệu gì cho thấy có sự tiến bộ trong Pháp môn Hỏa Hầu. Và thầy đâm ra phân vân không biết sẽ làm sao đây! Một đêm nọ, thầy nằm thấy một giấc mơ trong đó thầy đang phải cày một khoảnh đất cứng như đá, mọi nỗ lực của thầy hầu như vô vọng. Và không còn hy vọng gì có thể cày được, thầy nghĩ đến chuyện bỏ cuộc. Ngay đó, Sư Ông hiện ra giữa tầng trời và sách tấn thầy:

“Này con! Hãy nỗ lực hết sức cày đi. Chắc chắn con sẽ thành công dù đất cứng đến mấy chẳng nữa!” Rồi chính Người hướng dẫn buổi cày và đất được xới lên dễ dàng. Mảnh đất đã cho một vụ mùa trúng lớn. Khi tỉnh dậy, nhớ lại giấc mơ thầy rất đổi hoan hỷ.

Thầy lại chợt nghĩ như thế này, mộng mơ là sản phẩm của vọng niệm, ngay cả những người u mê dốt nát cũng không chấp vào chúng, vậy nếu thầy để chúng ảnh hưởng đến tâm mình thì hóa ra thầy là kẻ đàn độn nhất sao! Nhưng hình như giấc mơ này báo cho thầy biết là nếu thầy nỗ lực thiền quán thì thầy sẽ thành tựu, do đó thầy hân hoan. Trong tâm trạng đó thầy ngâm bài kệ sau diễn lại giấc mộng:

Kính lạy Thầy, hồi Đấng Tôn Sư,  
Xin gia hộ đệ tử ần tu.

Trên thửa ruộng ‘Tâm Thức Thanh Tịnh’,  
Tôi gieo vào: phân, nước ‘Tín Tâm’.  
Và kè đó hạt mầm ‘Vô Nhiễm’,  
Rồi ngân vang thành khản ‘Nguyện Cầu’.

Cùng với cả trâu, cày ‘Nhất Niệm’,  
Tôi tra vào ‘Phương Tiện’ lưỡi cày.



Nông phu cả quyết đánh trâu đi,  
 Với chí nguyện vững vàng kiên cố.  
 Vung chiếc roi ‘Quyết tâm tha thiết’,  
 Vỡ luống đất ‘Ngũ Dục Vô Minh’.  
 Hãy nhớ ghi chân cứng đá mềm,  
 Dẹp cho sạch những gì điên đảo.  
 Với chiếc liềm Nhân Quả trong tay,  
 Tôi đã gặt ‘Nhân nào Quả đó’.  
 Quả chín đó Bồ Đề Vô Thượng,  
 Chân Tánh kia đâu thể nghĩ bàn.

Khi đơn độc tìm cầu Chân Đế,  
 Có Chư Thiên lo việc cúng dường.

Giác mơ đó tôi xin diễn dịch:  
 ‘Chớ nói suông có ích gì đâu.  
 Hãy tinh tu tha thiết tham thiền,  
 Gặp trở ngại lại càng tinh tiến.  
 Nếu quả thật thủy chung như vậy,

Quả Niết Bàn ắt hẳn có ngày.’

Mong những ai tinh tu tha thiết,

Xin chớ vì trở ngại mà lui!

Ngâm xong thầy quyết định là sẽ tiếp tục thiền quán ở động Bạch Mã Nha. Khi thầy sắp sửa đi thì bà thím đến, mang theo sáu mươi lít bột gạo, một cái áo da rách, một miếng vải tốt và một ít bơ trộn mỡ vê tròn lại. Bà nói: “Con ơi! Đây là hiện vật thím trả cho thừa ruộng của con, vậy là xong xuôi rồi đó. Con hãy lấy những thứ này và đi thật xa sao cho thím khỏi nhìn thấy hay nghe nói về con! Vì bà con lân lý cứ nói hoài với thím: “Trước đây cái thằng Hỷ Văn đã gieo bao tai họa cho chúng ta. Nếu bà cứ tiếp tục giao thiệp và lo lắng cho nó, thì tụi tôi đoán chắc rằng nó sẽ còn gieo tai ương nữa và giết hết những người còn lại không chừng! Tốt hơn hết, tụi tôi thanh toán cả bà lẫn nó cho rồi!” Vậy thì con nên bỏ đi một nơi xa xôi nào đó thì hơn. Nếu con không đi, thì thím chắc chưa đến nỗi nào, nhưng chắc chắn họ sẽ giết con!”

Thầy biết là người ta không nói như vậy, nên trả lời bà rằng: “Này thím, nếu tôi không giữ lời nguyện tu hành, thì có lẽ tôi đã dùng Huyền Thuật để lấy lại thừa ruộng rồi, bởi vì tôi đâu có thể với thím như thế này đâu! Nói thật, với quyền năng Huyền Thuật, tôi có thể làm thím trở thành một cái xác không hồn trong nháy

mất, nhưng tôi sẽ không làm vậy, vì tôi tu hạnh nhẫn nhục với ai đây, nếu không phải với chính kẻ làm hại mình? Nếu đêm nay tôi chết, thì tôi sẽ làm gì với thừa ruộng hay với một mớ những thứ lật vạt này, hả, thím? Nhẫn nhục là con đường ngắn nhất để thành Phật, và thím chính là cái người tôi phải tu hạnh nhẫn nhục. Hơn nữa, chính chú và thím là phương tiện đưa tôi vào con đường tu, tôi chân thành biết ơn chú thím, và để đền đáp ơn này, tôi nguyện rằng thím sẽ thành Phật trong đời vị lai. Không những đưa cho thím thừa ruộng, tôi cho thím luôn ngôi nhà đó!” Rồi thầy giải thích mọi sự rõ ràng cho bà và kết luận: “Riêng phần tôi – đã nguyện xả thân cầu Đạo – tôi chỉ cần lời dạy của Thầy tôi và không cần gì khác. Vậy thì thím cứ lấy nhà và ruộng!” Rồi thầy ngâm bài kệ sau:

Kính lạy Thầy, từ bi cao cả,  
Nhờ ơn Thầy con đã ần tu.

Vòng luân hồi mấy ai ra nổi,  
Con nói chi những kẻ u mê!  
Mấy ai chịu nghĩ chuyện đi về,  
Nhân địa ngục đã bày ra đó.

Tình máu mủ, thành quách (của) Ma đó,  
Ôm ghì đi rồi khổ vô cùng.

Lo tích lũy là cho kẻ khác,  
Bởi mình giàu kẻ khác mới tham.

Đã hưởng thụ rượu chè cho đã,  
Còn nói chi Giải Thoát cho phiền.

Những hiện vật thím tôi mang đến,  
Ấy là nhân ngạ quỷ biết không?  
(Gieo nhân tham lam đọa vào ngạ quỷ)

Thím ngon ngọt nhưng nghe cay đắng,  
Gieo làm chi nhân xấu thím ơi!  
Thím hãy lấy cả nhà lẫn ruộng,  
Và ra về sung sướng hân hoan.

Tôi đã nguyện xả thân cầu Đạo.

Khiến Chư Thiên rất đỗi vui mừng.

Lòng từ bi quý ma đều phục.

Xá gì đâu những chuyện thị phi.

Hiên ngang nào quản ngại gì.

Xin quy mệnh, Đạo Sư tôn kính hỡi,

Cúi xin Người, gia bị con tu.

Nghe thầy ngâm vậy, thím thầy bảo: “Con ơi, con quả là một người tu hành chân chánh, rất đáng được tán thán!” Rồi bà ra về mãn nguyện!

Chuyện xảy ra như vậy khiến thầy rất khổ tâm, nhưng về mặt khác thầy cảm thấy dễ chịu vì khỏi còn phải bận tâm với nhà cửa ruộng vườn. Thầy quyết định thi hành ngay dự định đi đến động Bạch Mã Nha để thiền quán.

Sáng hôm sau, với số vật thực do thím thầy mang tới cùng vài món còn dư lại, thầy đi đến động Bạch Mã Nha. Ở đó thầy cảm thấy rất yên ổn nên trú ngụ luôn. Sau khi trải tấm tọa cụ cứng và sắp xếp chỗ nằm, thầy phát những lời nguyện như sau:

“Tôi sẽ ở chỗ này cho đến khi Thành Tựu (siddhi)!”

“Dù phải chết vì đói chǎng nữa, tôi cũng không rời đây để đi khát thực!”

“Dù phải chết vì lạnh chǎng nữa, tôi cũng không rời đây để đi khát thực!”

“Dù phải chết vì khổ sở đau đớn chǎng nữa, tôi cũng không rời đây để đi tìm an lạc của thế gian!”

“Dù phải chết vì bệnh tật chǎng nữa, tôi cũng không rời đây để đi tìm thuốc men!”

“Tôi nguyện dâng hết thân, khẩu và ý để cầu quả Phật.

“Nguyện Chư Vị Tổ Sư, Long Thiên Hộ Pháp và Thần Vương Thủ Hộ chứng minh gia bị cho tôi giữ trọn lời nguyện.”

Thầy khẩn thêm:

“Nếu tôi không giữ trọn những lời nguyện này. Cầu xin chư vị Long Thiên Hộ Pháp vật tôi chết ngay. Và cầu xin Chư Vị Tổ Sư và Chư Thiên từ bi gia hộ cho tôi được tái sinh có đầy đủ tâm kiên cố và trí huệ để vượt qua mọi trở ngại trên đường Đạo.”

Phát nguyện xong, thầy ngâm bài kệ sau:

Kính lạy Naropa, Sư Ông tôn quý,

Pháp diệt này xin nguyện ần tu.

Xin ái dục không còn cảm dõ,  
Nguyện tham thiền, thanh tịnh ngày tăng.

Nguyện chẳng lạc vào Thiên Khô Héo,  
Nguyện Tâm Hoa chóng nở trong tôi.

Nguyện vọng tưởng chẳng còn khuấy động,  
Quả Bất Sinh Bất Diệt nở ra.

Nguyện ẩn tu chẳng chút phân vân,  
Nguyện được quả Từ Bi, Trí Huệ.

Nguyện Ma Vương cùng bè quyến thuộc,  
Chẳng khuấy rầy, tôi được tịnh tu.

Nguyện chẳng nghi Pháp Môn Vô Thượng,  
Theo dấu chân Chư Vị Tổ Sư.

Ôi Đạo Sư, Hóa Thân Bất Động,  
 Nguyện từ bi gia hộ cho con.

Ngâm xong, thầy tiếp tục tham thiền. Mỗi ngày thầy chỉ dùng một ít bột gạo độn thêm bất kỳ thức ăn gì mà thầy tìm thấy. Thầy thể nghiệm được Bí Pháp ‘Đại Thủ Ấn’ (Maha-Mudra). Nhưng thân thể thầy lại quá yếu do thiếu ăn nên không thể điều khiển được luồng *Khí* (vayu), do đó vẫn chưa thể vận luồng Hỏa Hào. Bởi vậy thầy vẫn còn cảm thấy lạnh lắm.

Thầy thành khẩn cầu nguyện với Sư Ông; và một đêm nọ, thầy nằm thấy một giấc mơ rõ ràng là một số nữ nhân đến, mang theo đủ loại thực phẩm và cử hành lễ ‘Puja’, họ cho biết là Sư Ông bảo họ dạy cho thầy cách tu về thân xác.

Tỉnh dậy, thầy bắt đầu thiền quán ba thiền mục về thân, khẩu và ý và vận được luồng Hỏa Hào. Một năm trôi qua và một hôm đột nhiên thầy có ý định đi dạo đây đó để giải khuây. Khi sắp sửa đi, lập tức thầy nhớ đến các lời nguyện của mình và thầy ngâm bài kệ sau để tự khiển trách mình:

Ôi Marpa, hiện thân Đấng Kim Cương Trì,  
 Nguyện xin gia bị cho con được ần tu.



Ôi Milarepa, hỡi con người xa lạ!  
Ngâm cho anh một ít lời răn.  
Anh đã xa với cả loài người,  
Không một kẻ cùng anh trò chuyện.  
Nay cô đơn lại dục anh đi,  
Anh lại muốn tìm gì, anh hỡi!

Đề Tâm an, quấy động làm chi?  
Hay lại muốn tư duy vòng luẩn quẩn!  
Ái dục gọi, hãy vung gươm Huệ,  
Nếu theo lời, đại nguyện còn chi!  
Hãy tọa thiền, chớ đi đâu nữa,  
Nếu cứ đi, ắt vương phải gai!

Chớ ngẩng đầu mà nên cúi xuống,  
Chớ trông tìm những thứ phù vân.  
Hãy đừng ngủ mà nên tỉnh tọa,  
Còn nếu không, ngủ dục kéo lôi!

Sau khi ngâm bài kệ ‘Tự Sách Tấn’, thầy tiếp tục thiền quán miên mật suốt ba năm, cả ngày lẫn đêm, và thầy cảm thấy mình tiến bộ rất nhiều trên đường Đạo. Nhưng kho bột gạo dự trữ thì hết hẳn. Tính ra mỗi năm thầy chỉ dùng một lượng thực phẩm ‘chết đói’ là hai mươi lít bột gạo, thế nhưng bây giờ cũng hết! Thầy sẽ phải chết mà chưa chứng Phật Quả ư! Nếu vậy thì đáng buồn quá! Người đời sung sướng hay đau khổ khi được hoặc mất vài lượng vàng. Nếu so ra, thì cuộc đời xả thân cầu Đạo như thầy quý hơn nhiều chứ! Cả pháp giới chứa đầy vàng cũng không quý bằng một cuộc đời tha thiết cầu Đạo Vô Thượng cơ mà! Nhưng thà chết còn hơn là không giữ trọn lời nguyện! Thầy phân vân quá đôi! Một ý nghĩ chợt hiện ra với thầy là thầy hãy đi tìm thức ăn mà đừng đến chỗ có người để khát thực, vậy là thầy sẽ khỏi phạm lời nguyện! Hơn nữa mục đích là để tiến tu mà. Do đó, thầy mò ra trước cửa động Bạch Mã Nha và ở đó thầy thấy một chỗ có nắng mặt trời và dòng suối trong, xung quanh có cây tầm ma mọc đầy. Quả là một nơi tuyệt diệu về mọi mặt! Thầy đến đó.

Chỉ với món xúp rau tầm ma, thầy tiếp tục thiền quán. Ngoài thân thể thầy không mảnh vải che, trong thân thể thầy không có thức ăn! Người thầy gầy rộc đi như bộ xương, da thầy xanh màu lá cây, y như màu cây tầm ma, cả lông trên người cũng có màu đó!

Thầy hay chiêm ngưỡng cuộn giấy niêm phong mà Sư Ông ban cho từ khi từ giã. Để tỏ lòng tôn kính, đôi khi thầy để nó lên đầu và vuốt ve nó. Làm vậy khiến thầy cảm thấy đỡ đói dù bụng

vẫn xépvề! Có lúc thầy lại ợ như đã ăn quá no! Một vài lần, cảm lòng không được, thầy định mở ra xem nhưng thầy có linh cảm là chưa phải lúc để mở ra và do đó thầy cứ để vậy.

Sau đó một năm, một nhóm thợ săn từ vùng Kyeedrong tình cờ bắt gặp thầy. Ban đầu họ bỏ chạy vì cho rằng đã gặp quỷ. Khi thầy trấn an và cho họ hay rằng thầy là con người, lại là một hành giả, họ mới bình tĩnh quan sát thầy. Họ lục lọi khắp nơi trong cái hang thầy ở. Cuối cùng họ nói: “Chỗ để lương thực của ông ở đâu? Cho tụi tôi mượn đỡ ít nhiều, tụi này sẽ trả lại hậu hỹ. Nếu không thì tụi này sẽ ‘thịt’ ông!” Thầy trả lời rằng thầy chỉ có rau tầm ma, vả lại nếu thầy có gì chẳng nữa thì họ không thể ép thầy đưa bằng vũ lực được. Họ trả lời rằng nếu họ không cướp giạt của thầy, và không xúc phạm thầy, họ được lợi lộc gì. Thầy đáp rằng họ có thể được phước! Nghe vậy, họ nói: “Được thôi! Tụi này sẽ nhắc ông lên nhé!” Rồi họ xúm lại nhắc bổng thầy lên và thả thầy rớt xuống đất nhiều lần. Điều này khiến thầy vô cùng đau đớn vì thể xác thầy đã quá bạc nhược. Nhưng dù vậy, thầy vẫn chân thành thương xót họ và thầy rơi nước mắt! Một người trong bọn họ cảm thấy bất nhẫn quá, bèn nói: “Này, mấy ông ơi! Đây hình như là một hành giả chân chánh, mà dù nếu không vậy chẳng nữa, hành hạ một người yếu đuối như thế này có hay ho gì đâu! Ông ấy đâu có bắt chúng ta phải bị đói đâu! Không nên làm vậy!” Rồi anh ta nói với thầy: “Thầy ơi, thầy thân nhiên chịu sự xúc phạm như vậy thật đáng ca ngợi! Riêng phần tôi, tôi không có làm gì thầy, xin thầy nhớ cầu

nguyện cho tôi.” Mấy tên khác giễu cợt thêm vào: “A! Tội này có nhắc ông lên, nhớ cầu nguyện cho tội này luôn, nhé!” Người kia nói: “Chắc chắn rồi, mấy ông khỏi lo. Có điều là cầu nguyện cách khác!” Họ bỏ đi, cười nói âm ỉ. Thầy không hề có ý định trù ẻo họ. Nhưng hình như Long Thiên Hộ Pháp đã làm việc, vì sau này thầy được biết rằng cả đám thợ săn đó bị quan tri phủ Kyeedrong bắt. Tên đầu đảng (cầm đầu) bị tử hình và đám còn lại bị xử móc mắt, chỉ trừ người đã can gián cho thầy là được tha bổng!

Một năm lại trôi qua, áo quần thầy đã rách tả tơi, chỉ còn mớ vải rách do thím thầy đưa thế cho thừa ruộng và cái bao đựng bột gạo. Có lần thầy đã định nôi các miếng giẻ lại để làm tấm trải chỗ nằm nhưng rồi lại nghĩ rằng nếu đêm nay mình chết thì may làm gì, tốt hơn hết là dùng thì giờ đó mà thiền quán. Bởi vậy, thầy trải tấm áo da rách làm nệm và cột nó che phần hạ thể được chút nào hay chút ấy. Còn phía trên thân thể, thì thầy đắp cái bao bột gạo. Mấy miếng giẻ rách thì hễ lạnh đâu thầy che đó. Cuối cùng chúng rách quá đến nỗi không biết che ra sao nữa! Thầy cũng tự cảm thấy vậy là khổ hạnh quá nên định may lại nhưng kim chỉ có đâu! Vậy là thầy thắt chúng lại từng gút. Cứ như vậy thầy tiếp tục dụng công. Dù sao chúng cũng giúp thầy đỡ lạnh khi đêm đến.

Thầy lại tiếp tục thiền quán thêm một năm. Một ngày kia, thầy nghe thấy tiếng ồn ào của nhiều người. Lén nhìn ra, thầy thấy một đám thợ săn khác có mang theo khá nhiều thịt, đang tiến đến miệng hang. Vừa thoáng thấy thầy, họ la lớn: “Ôi, có quý!” Và bỏ chạy.

Những người đi sau cho rằng quỷ đầu có hiện giữa ban ngày, rồi nói: “Coi lại xem con quỷ còn đó không!” Nghe rằng vẫn còn ở đó, ngay mấy lão già cũng bắt đầu sợ. Thầy bảo họ rằng thầy không phải là ma quỷ mà là một hành giả, sở dĩ trông như vậy là vì thiếu ăn quá. Họ muốn kiểm chứng lại nên lục soát lại mọi hóc hẻm của hang đá. Dĩ nhiên họ không thấy gì ngoài rau tầm ma, họ bèn tỏ lòng tôn kính. Họ cho thầy một ít thực phẩm, một lượng thịt khá nhiều, rồi thưa rằng: “Thầy khổ tu như vậy quả đáng tán thán! Xin cầu thầy cầu cho các con vật mà tội này đã giết được chuyển kiếp và tội lỗi tội này được tiêu trừ.”

Thầy hân hoan trước viễn ảnh có thực phẩm như một người bình thường vẫn ăn! Và khi ăn thầy cảm thấy một sự dễ chịu và khoan khoái trên thân xác và tâm thầy cũng hoan hỷ khiến thầy càng tinh tấn dụng công! Thầy thể nghiệm một sự hỷ duyệt chưa từng có. Thầy nghĩ rằng cúng dường một ít thực phẩm cho người ẩn tu nơi hoang vắng sẽ được phước báo hơn nhiều so với cúng dường thật trọng hậu cho một người đang tu giữa chốn đô thị có đầy đủ vật thực. Số thịt này thầy cũng dùng rất tiết kiệm, đến nỗi cuối cùng nó đầy giò. Thầy đã định gắp giò ra và tiếp tục ăn thịt, nhưng thầy suy nghĩ rằng làm vậy là tranh ăn với giò, có khác nào ăn cướp! Mà ăn cướp cho một bữa ăn thì quả đáng hổ thẹn, vậy là thầy nhường thịt cho giò và trở về với món canh tầm ma cố hữu.

Một đêm nọ, có người lên vô động vì cho rằng thầy có của cải. Anh ta lục lọi kỹ lưỡng mọi ngõ ngách. Khi nhìn thấy vậy, thầy cười ha hả và nói: “Gắng thử xem vào ban đêm anh có tìm được cái món mà ngay ban ngày tôi kiếm cũng không ra không!” Nghe vậy anh ta cũng bật cười và bỏ đi.

Sau đó một năm, tình cờ lại có vài người thợ săn vùng Tsa (quê của Đức Milarepa) đi ngang qua động thầy. Thầy thấy ngồi kiết già, trên người là mấy miếng giẻ rách thắt làm ba gút, họ dùng đầu cây cung đụng vào thầy để xem thử là người hay quỷ. Thấy tình trạng của thầy họ đoán chừng là quỷ! Khi họ đang bàn tán thì thầy mở miệng và nói: “Các ông có thể bảo đảm rằng tôi là người!” Nhờ hàm răng, họ nhận ra thầy và hỏi rằng phải chăng thầy là Hỷ Văn. Khi thầy xác nhận là phải, họ hỏi mượn thầy một số thực phẩm và hứa sẽ trả lại hậu hỷ. Họ nói: “Tụi tôi nghe rằng nhiều năm trước đây có lần ông đã về nhà. Sau đó ông lại ở đây luôn sao?” Thầy đáp: “Đúng vậy. Nhưng tôi không thể cho các ông bất kỳ thức ăn gì mà các ông có thể ăn được!” Họ nói rằng thứ gì thầy ăn được là họ ăn được. Thầy bèn bảo họ nhóm lửa để nấu rau tầm ma. Họ nghe theo nhưng hỏi thầy có gì để bỏ thêm vào rau như thịt, xương hay mỡ chẳng hạn. Thầy đáp: “Nếu tôi có mấy thứ đó thì tôi đã có món ăn thượng hạng rồi! Nhưng đã nhiều năm rồi tôi không có chúng! Các ông chịu khó nếm bằng rau tầm ma vậy.” Họ bèn hỏi thầy có chút gạo hay bột để món canh rau đặc thêm một chút không, thầy lại trả lời như trên! Cuối cùng họ hỏi xin muối, thầy lại

đáp rằng muối đã ban cho thức ăn của thầy có mùi vị nhưng thầy cũng đã không có nó từ lâu lắm rồi! Thay vì nêm muối thì xin thêm rau tầm ma vào! Họ nói: “Ông ăn mặc như vậy thảo nào thân tàn ma dại thế kia! Bộ dạng của ông không còn ra con người nữa. Sao vậy, hở, ông? Nếu ông đi làm thuê, ở mướn thì ông cũng được ăn no mặc ấm cơ mà! Trong đời, có lẽ ông là người khôn khổ đáng thương nhất! Thầy đáp: “Hỡi các bằng hữu, chớ nói như vậy! Tôi là một trong những người có phước duyên nhất của cả thế gian. Tôi có nhân duyên gặp Đức Marpa, Bạc Dịch Giả của vùng Lhobrak và đã được truyền thụ Bí Pháp để thành Phật trong một đời. Bây giờ tôi đã từ bỏ mọi ý niệm thế gian, tôi đang khổ hạnh tinh tu ở những chốn hoang vắng xa hẻo lánh loài người như vậy. Tôi đang thể nghiệm Chân Tánh bất sinh bất diệt. Tự mình buông bỏ những dục lạc thế gian phát xuất từ ăn, mặc và danh lợi, tôi đang chế phục Vô Minh trong chính hiện đời. Trong cả loài người, tôi là một trong những người can đảm nhất, tha thiết nhất. Còn các ông! Các ông được sinh ra trong một xứ sở mà Chánh Pháp đang hưng thịnh, thế mà các ông chưa hề được nghe một bài Thuyết Pháp! Thay vì lo tu hành, các ông lại cố gắng tạo nghiệp ác để tương lai đọa vào địa ngục! Các ông tranh nhau làm điều ác! Những mục đích trong đời các ông quả là mê muội sai lầm! Tôi không phải chỉ vui với viễn ảnh Giải Thoát, mà cũng tự hỷ duyệt với những gì đang có!”

Rồi thầy ngâm cho họ bài kệ ‘Ngũ Tiệm Nghi’ (Năm món tiệm nghi):

Hỡi Đức Marpa Đạo Sư Tôn Quý,  
 Người giúp con từ bỏ Thế Gian.

Ở chốn này, giữa động Mã Nha,  
 Chỗ cao nhất của gian động giữa.  
 ‘Repa’, hành giả Tây Tạng là tôi,  
 Không còn nghĩ về ăn hay mặc.  
 Đang diệt trừ vọng niệm thế gian,  
 Và quyết định sẽ đắc quả Phật.

Tiện nghi là tọa cụ cứng ngắc,  
 Tiện nghi là vải rách che thân,  
 Tiện nghi là thiền điều<sup>1</sup> ràng gối,  
 Tiện nghi là cơ thể đói quen!  
 Tiện nghi là Chân Tâm sáng suốt!  
 Tiện nghi trong tất cả, người ơi!

Làm được không, hỡi người bằng hữu,



Chưa muốn tu, bắt chước không xong.  
 Đang lầm lạc trong vòng chấp ngã,  
 Mà thương tôi, thương chẳng đúng đâu!  
 Xin hoan hỷ nói cho người rõ,  
 Đường Vô Sanh hành giả tôi đi.

Ánh tà dương đã qua đỉnh núi,  
 Hãy lui về chôn cũ của anh.  
 Còn riêng tôi, sinh tử vô thường,  
 Ý đã quyết chứng liền Chân Tánh.  
 Thôi chẳng có thời giờ bàn luận,  
 Xin để tôi nhập định tham thiền.

Nghe xong, họ nói: “Ông ngâm về năm món Tiện Nghi và quả thật ông có giọng ngâm tốt quá. Tụi tôi không thể làm như ông được.” Rồi họ bỏ về quê cũ.

Vào một ngày lễ thường niên ở Kyanga-Tsa quê thầy, những người thợ săn trên đã ngâm lại bài kệ Ngũ Tiện Nghi. Tình cờ, Peta em gái thầy cũng có mặt ở đó để ăn xin. Nghe xong bài kệ, cô bảo: “Thưa các ngài, bậc đã ngâm bài kệ này hẳn phải là một vị Phật!”

Một người trả lời: “Hà! Hà! Hãy xem cô ta tán tụng anh mình kìa! Không rõ ông ta là Phật hay chúng sinh, nhưng quả thật đây là bài kệ của người anh sắp chết đói của cô đó!” Nghe vậy, Peta nói: “Ôi, cha mẹ tôi đã khuất bóng từ lâu! Bà con tôi thì trở thành những kẻ thù! Anh tôi thì lưu lạc phương xa! Tôi thì phải đi ăn xin qua ngày! Các ngài còn đùa cợt trên nỗi đau khổ của tôi làm chi!” Rồi cô òa khóc nức nở. Vừa khi ấy, cô Zesay đến và an ủi Peta: “Khóc làm chi! Đó có thể là anh của em lắm. Trước đây chị cũng có gặp anh ấy. Em hãy đến động Bạch Mã Nha tìm anh ấy xem. Nếu anh ấy ở đó thì hai chị em mình sẽ cùng đến gặp.”

Thế là Peta đến động Bạch Mã Nha với một bình bia *Chhang* và một hũ nhỏ đầy bột. Từ cửa động, vừa nhác thấy thầy, cô có vẻ sợ hãi. Thân thể thầy gầy ốm tiêu tụy quá. Hai hố mắt sâu hóm. Xương xẩu nhô ra. Da dẻ thì màu xanh lá cây. Bắp thịt thì teo lại và nhão nhoét. Lông lá cũng màu xanh mọc đầy người. Tóc bù xù chĩa ra như tổ quạ. Tay chân thì khẳng khiu như sắp gãy đến nơi. Quả thật cô ấy thấy thầy dễ sợ quá, không khác gì một con quỷ. Sở dĩ cô còn trấn tĩnh được vì đã biết trước thầy sắp chết đói đến nơi. Cuối cùng, thu hết can đảm cô hỏi thầy: “Ông là người hay quỷ?” Thầy đáp: “Tôi là Mila Hỷ Văn.” Nhận ra giọng nói của anh mình, Peta nhào tới, ôm chầm thầy, chỉ kêu được, “Anh ơi!”, rồi ngất xỉu. Thầy cũng nhận ra em mình, lòng cảm thấy buồn vui lẫn lộn. Có hết sức, thầy mới giúp Peta tỉnh lại được. Cô ấy kê đầu giữa hai đầu gối thầy rồi ôm mặt khóc ngất, sau đó cô sụt sùi: “Anh ơi, mẹ chết

vì quá thương nhớ anh! Không ai lại gần gia đình mình nữa. Còn một mình, không chịu nổi cảnh đơn chiếc và thiếu thốn, em đã bỏ đi ăn xin ở phương xa. Em nghĩ rằng anh đã chết rồi. Và lại nếu anh còn sống, em cứ ngỡ là anh sẽ khá hơn thế này nhiều chứ! Nào ngờ anh đến nông nỗi này! Ôi, cái số kiếp của em! Trời ơi, trên trần đời này còn ai khổ hơn tụi mình không!” Rồi cô ấy không ngớt kêu cha kêu mẹ, khóc than âm ỉ. Thầy cố hết sức để an ủi cô ấy. Cuối cùng, cảm thấy quá buồn thảm, thầy ngâm bài kệ sau cho cô ấy:

Xin quy mệnh Chư vị Tổ Sư,  
 Nguyện gia bị cho con tu ần!

Hỡi người em, tâm niệm thế gian,  
 Sương hay khổ đều là hư ảo.  
 Ở một mình anh nguyện khổ tu,  
 Và sẽ được quả Chân Thường Lạc.  
 Hãy nghe lời anh nói cho em:

Để trả ơn hết thầy chúng sinh,  
 Họ là phụ mẫu bao đời trước.  
 Anh nguyện tu hoang dã như vậy,

Dù kẻ khác lấy làm xấu hổ.

Hãy nhìn anh mình gầy vóc ốm,  
Ngay kẻ thù cũng phải xót thương.

Hãy nhìn xem thực phẩm anh ăn,  
Nào khác gì đồ ăn cho chó!

Sống như vậy quả giống người điên,  
Em đau khổ buồn rầu cũng phải.  
Nhưng em ạ, Tâm anh thanh tịnh,  
Khiến ba đời Chư Phật đều vui.

Trên đá lạnh, dụng công tha thiết  
Dù xương tan thịt nát hề chi!  
Thân thể anh, trong cũng như ngoài,  
Cùng một dạng rau tầm ma đó!

Chôn này đây giữa nơi động vắng,

Dù đau buồn còn buộc tâm anh,  
 Vẫn một dạ quy y Thầy Tổ,  
 Đáng hóa thân Chư Phật ba đời!

Anh đã quyết dụng công miên mật,  
 Quả Niết Bàn Vô Thượng trong tay.  
 Anh đã nguyện một đời phải chứng,  
 Quả Phật Đà Vô Thượng, em ơi!

Này em hỡi, Peta yêu quý,  
 Đừng bi thương mà hãy hân hoan,  
 Và em nên thành tâm sám hối!

Khi Peta nghe ngâm xong, cô ấy nói: “Những gì anh ngâm quả đáng tán thán, nhưng cũng khó mà tin nổi đó là sự thực! Anh cho rằng phải như vậy, những người tu khác cũng khổ hạnh nhưng không quá đáng như anh! Thật em chưa thấy ai khổ tu như anh!” Nói xong, cô ấy đưa cho thầy bìa *Chhang* và thực phẩm mà cô mang theo. Khi dùng xong, thầy cảm thấy rất khỏe khoắn, tươi tỉnh và đêm đó thầy dụng công rất hiệu quả!

Sáng hôm sau, khi cô Peta đã ra về, thầy cảm nhận một cơn đau mãnh liệt có tính chất kích thích trên thân xác, còn trong tâm thầy các vọng niệm thiện ác không ngớt phát sinh! Thầy dụng công tối đa để nhập định mà không được! Vài ngày sau, cô Zesay đến thăm thầy, có Peta đi theo, cô mang theo thịt đã được nấu nướng cẩn thận, bơ, khá nhiều bia Chhang và bột gạo. Họ gặp thầy khi thầy đang lấy nước. Thầy đang mình trần như nhộng (vì thầy đâu có áo quần) nên cả hai cô đều hổ thẹn, nhưng dù xấu hổ họ đều không cảm được nước mắt thầy khổ quá. Họ dâng thực phẩm cho thầy. Khi thầy đang uống bia thì Peta nói: “Ôi, anh ơi! Nhìn về phương diện nào đi nữa, anh cũng không giống một người bình thường. Anh hãy làm ơn đi khát thực và nhận của bố thí. Em sẽ cố gắng kiếm cho anh một ít vải.” Cô Zesay cũng nói: “Anh hãy đi khát thực, em cũng sẽ biếu anh một ít vải.” Nhưng thầy đáp: “Tôi đâu biết khi nào tôi chết, do đó tôi thấy không cần phải đi khát thực, mà tôi cũng không có thì giờ để làm vậy! Nếu tôi có chết vì lạnh thì đó cũng là vì cầu Đạo, do đó tôi không có gì để hối tiếc! Tôi sẽ không thỏa lòng, với lối tu hành giữa bà con và thân hữu vui vẻ, với thức ăn uống thỏa thuê, áo quần mịn ấm. Tôi cũng không cần cả áo quần và sự thăm viếng của các cô! Chuyện các cô khuyên tôi đi khát thực tôi cũng không nghe đâu!” Peta nói: “Vậy thì sao mới vừa lòng anh, hở? Theo em, hình như phải cái gì đó tồi tệ hơn thế này nữa mới vừa lòng anh! Nhưng hình như khả năng sáng chế ra những lối khôn khổ này cũng đã hết đường!” Thầy đáp rằng nổi

khổ trong ba đường Ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh) còn ghê gớm hơn thế này nhiều, vậy mà phần đông chúng sinh đang cố gắng để được những nỗi khổ trong ba đường Ác ! Riêng thầy, thầy bằng lòng với những nỗi khổ hiện tại.” Rồi thầy ngâm bài kệ ‘Hài Mãn’ (Bằng Lòng, Thỏa Ý):

Quy mệnh Đấng Tôn Sư Tôn Quý,  
 Gia bị cho con được ân tu.

Tôi hỷ duyệt, người thân đâu biết,  
 Tôi khổ đau, thù địch đâu hay.  
 Nếu tôi chết giữa nơi hoang dã,  
 Cũng thỏa lòng hành giả tôi thôi!

Tôi già đi hôn thê đâu rõ,  
 Tôi bệnh đau em gái nào hay.  
 Nếu tôi chết nơi này hoang dã,  
 Cũng thỏa lòng hành giả tôi thôi!

Tôi chết đi nào ai hay biết,

Đông xương khô vùi lấp hang sâu.  
Nếu tôi chết giữa nơi hoang dã,  
Cũng thỏa lòng hành giả tôi thôi!

Máu thịt thối mùi ruồi nhặng,  
Thây rã ra trùng bọ ăn dần.  
Nếu tôi chết chốn này hoang dã,  
Cũng thỏa lòng hành giả tôi thôi!

Dấu chân người chỗ tôi không có,  
Cùng tuyệt tích mọi thứ trần gian.  
Nếu tôi chết chốn này hoang dã,  
Cũng thỏa lòng hành giả tôi thôi!

Nếu tôi chết không ai có mặt,  
Để khóc than cũng vậy mà thôi.  
Nếu tôi chết chốn này hoang dã,  
Cũng thỏa lòng hành giả tôi đây!



Không ai rõ từ đâu tôi tới,  
Chẳng ai hay tôi sẽ về đâu!  
Nếu tôi chết chốn này hoang dã,  
Cũng thỏa lòng hành giả tôi thôi!

Nguyện những gì tôi vừa giảng giải,  
Lợi cho khắp hết thầy chúng sinh.  
Khiến cho họ phát tâm cầu Đạo.  
Thì chết đi tôi cũng thỏa lòng.

Nghe xong cô Zesay nói: “Lời nói trước đây và việc làm hiện nay của anh hợp nhau. Do đó quả đáng tán thán!” Rồi Peta bảo: “Dù anh nói gì đi nữa thì đối với em, em cũng không thể nào chịu nổi khi thấy anh thiếu thốn quá sức vậy. Em sẽ cố kiếm cho anh một mảnh vải. Nếu anh đủ ăn đủ mặc thì chuyện tu của anh cũng đâu có chạy đi đâu! Nếu anh không chịu đi khát thực, có lẽ anh sẽ chết vì đói lạnh mà không ai hay giữa nơi hoang vắng này. Anh lại có vẻ muốn vậy mới lạ chứ! Nếu anh chưa chết thì em sẽ cố hết sức để kiếm cho anh mảnh vải che thân!” Sau đó các cô ra về.

Được ăn uống đầy đủ, các cơn đau trên thân xác cũng như các vọng niệm trong tâm càng tăng mãnh liệt đến nỗi thầy không thể thiền quán. Trước tình trạng nan giải này, thầy mở cuộn giấy niêm phong mà Sư Ông đã ban cho. Trong đó có dạy cách để vượt qua trở ngại thầy đang gặp, đổi Ác thành Thiện và tăng trưởng Đạo Tâm. Trong đó dạy rõ thầy hãy dùng hết thức ăn bổ dưỡng ngay thời gian này. Công phu thiền quán trước đây đã chuẩn bị cho luân xa trong hệ thống kinh lạc của thầy để chịu một sự biến cải, nhưng sự biến cải này xảy ra chậm chạp vì thầy ăn uống quá sức thiếu thốn. Món bia Chhang của Peta đã kích thích các luân xa và các món ăn của cô Zesay đã tác động toàn bộ lên chúng. Bây giờ thầy đã hiểu ra tại sao có sự lạ như vậy và khi nghiền ngẫm kỹ lời dạy trong cuộn giấy, thầy tìm thấy những cách thức dụng công phù trợ về cả thân lẫn tâm, thầy bèn hạ thủ công phu ngay. Sau đó, thầy thấy rõ những luân xa bí nhiệm nhất cũng đã được khai thông, kể cả luân xa Khí Hải (Sushumna-Nadi) và thầy thể nghiệm một cảnh giới tịch tĩnh khinh an tương tự những cảnh giới mà thầy đã từng thể nghiệm, nhưng cường độ mạnh mẽ hơn nhiều do đó khác hẳn. Từ đó thầy có CĂN BẢN TRÍ. Vượt lên các đối đãi trở ngại, thầy ngộ được rằng ‘Phiền não tức Bồ Đề’. Muôn Sự muôn Pháp đều là phản ảnh của Pháp Thân, Sinh Tử và Niết Bàn là những trạng thái đối đãi, giả duyên. Chân Tánh chính là Tâm, xa lìa mọi vọng niệm chấp ngã. Chân Tánh này tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên. Chân Tánh tùy duyên nhiễm ô thì có sanh tử, Chân Tánh tùy

duyên thanh tịnh thì có Niết Bàn. Thầy triệt ngộ rằng cội nguồn đích thực của cả Sinh Tử lẫn Niết Bàn là Chân Tánh. Vì những điều này mà thầy đã nỗ lực thiền quán và nay thì thầy đã thực chứng. Nhân duyên bên ngoài, thức ăn và lời dạy trong cuộn giấy. Bây giờ thầy thâm tín rằng các Pháp Môn của Giáo Lý Đại Thừa đều dạy rằng Chân Trí có thể chứng nghiệm với sự săn sóc chính đáng cho thân xác chứ không phải với sự hành xác là đúng đắn. Thầy cũng thấy rõ công ơn của cô Zesay và Peta đối với sự chứng Đạo của Thầy. Để tỏ lòng biết ơn cũng như quy hướng về Vô Thượng Đạo, thầy ngâm bài kệ ‘Chân Tánh Tùy Duyên’.

Đánh lễ chân Thầy Marpa tôn quý,  
 Gia hộ con tinh tấn ần tu.

Phước thay cho kẻ cúng dường kia,  
 Bởi họ đã gieo chỗ phước điền.  
 Thân này dễ mất mà khó được,  
 Nhờ thức ăn nuôi dưỡng mà còn.

Linh khí kia phát sinh từ Đất,  
 Và nhuận tươi nhờ ở ngôi Trời,

Hợp nhất được, muôn loài thọ lãnh,  
Chỉ người tu được vậy mà thôi<sup>2</sup>.

Thân vô thường, tinh cha huyết mẹ,  
Rồi lại nhờ Chánh Pháp thầy ban,  
Hợp nhất lại đâm hoa kết quả,  
Hẳn phải nhờ tha thiết tinh tu.

Cùng động đá hoang vu cô tịch,  
Là tâm lòng thành khẩn tinh tu,  
Hợp nhất lại hẳn là thành tựu,  
Trí Huệ kia không thiếu được đâu.

Xin kham nhẫn khổ tu tinh tiến,  
Vì lợi ích cho thầy chúng sinh.  
Kìa xem ba cõi (tam giới) trôi lăn,  
Vì lòng lân mẫn, quyết tham thiền.

Hành giả này ản tu động vắng,

Phước cho ai nuôi dưỡng thân người,  
 Đã cùng với Đạo gieo duyên lớn,  
 Thành Phật hẳn rồi kiếp vị lai.

Nhờ ân đức từ bi Thầy Tổ,  
 Cùng với lòng tha thiết tinh tu.  
 Ất sẽ được hoằng khai Chánh Pháp,  
 Đó cũng nhờ thâm tín mà nên.

Lễ Thụ Pháp ban nhiều Từ Lực,  
 Đại nguyện kia đến chết không thôi,  
 Hợp nhất được Đạo mau thành tựu,  
 Ấy cũng nhờ Từ Lực mà nên.  
 Kính đánh lễ, Kim Cang Bất Động,  
 Bạc rỗ lòng tha thiết của con.

Ngâm xong bài kệ, thầy càng dụng công thiền quán. Cuối cùng, thầy bắt đầu cảm thấy là mình đã thành tựu Pháp ‘Tùy Nhạo Ý Hóa Thân’ (có thể hóa thân ra bất kỳ hình thể nào theo ý muốn) và bay được trên không! Ban ngày thầy cảm thấy mình có thể thi

thô vô lượng thần thông. Ban đêm trong giấc mộng, thầy có thể đi khắp Pháp Giới không ngăn ngại – từ đỉnh núi Tu Di cho đến chân núi – và trông thấy mọi sự rõ ràng. Thầy cũng có thể phân thân ra hàng trăm người với đủ thần thông như thầy! Mỗi người như vậy có thể đến các cõi Phật, nghe thuyết Pháp và trở về dạy lại cho nhiều người khác. Thầy cũng có thể biến nhục thân mình thành một đồng lửa sáng hoặc là một dòng nước chảy hay ngưng. Dù chỉ thấy những điều trên trong giấc mộng, lòng thầy rất hoan hỷ và lại càng tinh tiến.

Với tâm trạng hân hoan đó, thầy dụng công miên mật và cuối cùng thầy đã có thể bay. Đôi khi thầy bay đến động ‘Mi Gian’ để thiền quán và ở đó thầy đã vận được luồng Hỏa Hầu hơn trước nhiều. Thỉnh thoảng thầy lại bay về động Bạch Mã Nha.

Một lần nọ, tình cờ thầy bay qua một cái làng nhỏ gọi là Long Đà, nơi có người bà con xa của thầy ở. Người này có người em gái đã bị chết trong tai họa do Huyền Thuật thầy gây ra hồi trước. Ông ta và cậu con trai đang cày ruộng thì thầy bay qua. Cậu con đang dẫn trâu còn người cha điều khiển cây cày.

Cậu con thấy thầy bay liền la lên: “Ô, kia, có người đang bay!” Rồi cậu ta ngừng tay và ngược mắt nhìn lên. Người cha nói: “Có gì lạ lùng đâu mà xem, hả? Đó là thằng dịch vật Mila, con của mục độc ác Kargyen. Đứng cái đồ ốm đói! Mà hãy tránh đừng để bóng của nó che lên mày và cày tiếp đi!” Rồi ông ta cúi khom người xuống

để khỏi bị bóng của thầy che. Nhưng cậu con nói: “Nếu có người bay được, con không nghĩ rằng anh ta vô tích sự hay không. Một người bay được quả là không gì kỳ diệu hơn!” Và cậu ta tiếp tục ngược mắt nhìn thầy.

Bây giờ thầy cho rằng thầy đã có thể tể độ hết thầy chúng sinh, nếu thầy muốn, nên thầy quyết định sẽ làm vậy! Nhưng Chư vị Long Thiên Hộ Pháp thỉnh cầu thầy hãy chung thân (suốt đời) thiên quán như lời dạy của Sư Ông. Vì làm vậy thầy sẽ để lại một gương mẫu cho người học đạo đời vị lai, họ cũng sẽ từ bỏ mọi ái dục thế gian để tu hành suốt đời. Và như thế thì Chánh Pháp sẽ hưng thịnh và lợi lạc cho hết thầy chúng sinh. Do đó, thầy quyết định tu tập trọn đời.

Thầy lại tư duy rằng, mình đã sống quá lâu ở nơi này, biết bao người đã gặp thầy và thầy cũng đã nói chuyện Đạo với họ. Bây giờ thầy đã phát Huệ và đắc thần thông (siddhi), lại có cả người thấy thầy bay nữa! Nếu thầy tiếp tục ở đây, người ta sẽ đổ xô đến để cầu xin thầy bảo hộ cho khỏi những tai ương, hoặc thỏa mãn những ước muốn vị kỷ của họ. Như vậy sẽ dẫn đến những cám dỗ của Thiên Ma! Lại nữa, lợi dưỡng sẽ làm trì trệ sự tinh tiến trên đường Đạo và ô nhiễm trí huệ của thầy!

Thầy bèn quyết định ra đi, và tiếp tục tu tập ở những nơi hoang vắng thuộc vùng Hà Gian (Lapchi-Chubar). Thầy thực hiện ngay, hành trang vốn vẹn là cái nồi đất nấu rau tầm ma ở động Bạch Mã

Nha. Thầy vác nó trên vai. Nhưng vì đã ngồi thiền quá lâu, ăn uống lại kham khổ quá, cộng thêm sự chịu đựng lạnh lẽo nhiều năm, bàn chân thầy bị tê cứng đi. Do đó, thầy vấp phải một hòn đá và té ngã xuống. Tay cầm của cái nồi đất sút ra, cái nồi lăn tròn và vỡ tan dù thầy đã cố sức để chụp lại. Bên trong những mảnh vỡ là một cái nồi đất thứ hai màu xanh y hệt cái cũ! Thì ra, đây là lớp rau苔 ma nấu lâu ngày đóng cứng lại! Chuyện không may bất ngờ này đã nhắc nhở cho thầy một cách sống động về tính chất vô thường của vạn pháp. Cảm thấy sự việc rất kỳ diệu, thầy ngâm bài kệ sau với tín tâm tha thiết.

Nồi đất này đã có, nay không.  
 Khai thị rõ bản chất vạn pháp.  
 Và nhất là kiếp sống con người!  
 Cảm nhận vậy, tôi Mila hành giả,  
 Nguyện nhất tâm quyết chí tinh tu!

Cái nồi đất, tài sản duy nhất,  
 Nhờ bị vỡ, thành Minh Sư vậy,  
 Dạy cho tôi bài Pháp Vô Thường.



Khi thầy đang ngâm bài kệ trên thì có vài người thợ săn đi đến và nghe được. Họ nói: “Hỡi ông khổ hạnh, ông có giọng ngâm tốt quá! Ông đang làm gì với cái nồi đất vỡ và lớp nồi bằng rau tầm ma vậy? Sao ông gầy quá, hả, ông? Da ông lại có màu xanh lá cây nữa mới lạ chứ!” Khi thầy giải thích lý do tại sao thầy gầy yếu, họ đều lấy làm lạ và mời thầy dùng bữa với họ. Khi thầy đang ăn, một anh thợ săn còn trẻ nói: “Lạ kìa! Ông có vẻ khỏe mạnh mà! Thay vì chịu đựng những khổ sở và thiếu thốn này, ông có thể làm một nghề gì đó! À mà nếu thuận tiện, coi bộ ông cỡi ngựa không khác gì con sư tử! Ông mà cầm vũ khí đó ai địch nổi ông! Ông hãy làm giàu để bảo vệ những người thân của ông rồi ông sẽ sung sướng. Hoặc ông có thể đi buôn để lời nhiều cho đã đời! Nếu tẻ lắm ông cũng có thể đi làm mướn thì cũng đủ cơm ăn áo mặc. Ít ra thì thân và tâm ông cũng đỡ hơn như vậy nhiều! Trước đây, hình như ông chưa nghĩ ra những điều này thì nay nên thực hiện đi là vừa!”

Một anh khác lớn tuổi hơn nói: “Đối với tôi, ông ta có vẻ là một hành giả chân chánh. Chắc ông ta không nghe lời khuyên sặc mùi thể tục của chúng ta đâu. Tốt hơn là nên im lặng!”

Rồi anh ta nói với thầy: “Ông có giọng ngâm hay quá. Xin ngâm cho bọn tôi một bài kệ. Nó sẽ lợi lạc cho tâm trí tụi tôi!” Nghe vậy thầy đáp: “Hình như các ông đều cho rằng tôi rất khổ sở, nhưng không có ai trong cõi Ta Bà này sung sướng bằng tôi! Cũng không ai có thể tự hào rằng đã sống một cuộc đời cao thượng và thành tựu hơn của tôi! Nhưng các ông không hiểu nổi đâu! Tôi sẽ

ngâm về hạnh phúc của tôi cho các ông nghe, nhé!” Rồi thầy ngâm bài ‘Hành Giả Tử Tái’ (Cuộc đua của hành giả):

Đánh lễ chân thầy, Marpa tôn quý!

Trong thân tôi, Bồ Đề tự viện,  
 Trong ngực tôi, bàn Phật rõ ràng,  
 Trong tim tôi, ở nơi chót vót,  
 Ngựa ‘Ý’ kia như gió, chồm lên<sup>3</sup>.

Dùng dây cương gì để bắt Ngựa?  
 Bắt được rồi, cột nó vào đâu?  
 Ngựa đói lả, cho ăn gì nhỉ?  
 Nó khát khô, cho uống gì đây?  
 Khi nó lạnh, chôn nào ủ nấu?  
 Dùng dây cương Nhất Tâm bắt Nó!  
 Bắt được rồi, hãy cột ‘trụ’ Thiên!  
 Ăn lời dạy Minh Sư khi đói,  
 Khát khô ư? Hãy uống cội nguồn!

Nếu lạnh lẽo, ‘Chơn Không’ ản nấu!  
 Bộ yên cương, ‘Chí Nguyện’ đó mà!  
 Còn hàm thiếc, chính là Trí Huệ!  
 Ràng rịt thân, Nhất Niệm Tu Hành!  
 Bịt mũi ngựa, bằng luồng Linh Khí!

Người nài chính là sự Tỉnh Thức,  
 Bò Tát Hạnh là nón đội đầu,  
 Áo giáp trụ, ‘Văn Tư Tu’ đó,  
 Lại mang khiên ‘Nhân Nhục’ trên lưng,  
 Cầm nơi tay, ngọn thương Tha Thiết,  
 Ở bên hông, gươm Trí sẵn treo,  
 (Mũi) Tên Chân Tâm thẳng tắp uốn sẵn,  
 Lại gắn thêm Vô Lượng Tứ Tâm (Tứ Vô lượng tâm),  
 Đầu mũi tên bịt bằng Chân Trí,  
 Rồi tra vào cung Huệ dẻo dai.  
 Và nhắm thẳng con đường Hướng Thượng,  
 Giương cung lên té độ quần sinh,  
 Tên bay qua muôn ngàn quốc độ,

Và trúng ngay người có Tín Tâm.

Khai tử liền cái tên Cháp Ngã,  
Mọi kẻ thù ái dục tiêu tan,  
Rồi từ đó ‘ dân an quốc thái’

Ngựa phi theo thảo nguyên An Lạc,  
Mục tiêu là Vô Thượng Niết Bàn,  
Dấu chân kia để lại cho đời,  
Thực đã dạo chơi miền Giải Thoát!

Cuộc đua đó để đấng Phật Quả,  
So các ông hạnh phúc ra sao?  
Thế gian dục lạc tôi không màng!

Nghe thầy ngâm xong, họ phát khởi tín tâm và hoan hỷ ra về. Thầy bèn đi Hà Gian, xuyên qua vùng Palkhung, và đi đến Tingri, thầy nằm dài trên đường đi để ngắm cảnh. Đúng khi ấy có một nhóm thiếu nữ, ăn mặc khá đẹp đi ngang qua, họ định đến Snagmo. Thấy thân thể ốm đói của thầy, một cô nói: “Ôi, hãy nhìn cái

ông kia khổ sở biết bao! Nguyện rằng không bao giờ tôi phải mang một cái hình hài như thế!” Một cô khác thêm vào: “Đáng thương thay! Nhìn vậy tôi cảm lòng không dặng!” Thầy thấy họ là những chúng sinh vô minh tội nghiệp, đáng thương xót nên chỗi dậy và nói: “Này, mấy cô gái, chớ nên nói vậy!” Các cô khỏi phải băn khoăn gì cả. Các cô không thể nào sinh ra được như tôi cho dù các cô có mong ước và cầu xin đến thế nào chẳng nữa! Biết thương xót là điều đáng khen ngợi, nhưng biết thương xót và tự cao là hai cái hoàn toàn tương phản nhau, do đó chẳng liên quan gì với nhau! Hãy nghe một bài kệ của tôi!” Rồi thầy ngâm cho họ bài kệ sau:

Đánh lễ chân Người, Tôn Sư yêu quý!

Hộ trì con, hỡi Đức Marpa!

Những chúng sinh kia đầy nghiệp chướng,

Chỉ tự cao nào biết đến ai.

Phận người nữ chỉ lo gia đạo,

Thói tự cao nóng tựa than hồng!

Tự dối lừa thật đáng thương thay!

Thuở này đây, đã thời Mạt Pháp,

Thờ quý ma mà ngỗ thần linh.  
 Dùng đồ giả, lại cho trân quý,  
 Người chân tu, xem rẻ quá chừng!  
 Ôi, đáng thương chúng sinh nghiệp chướng!

Hỡi các cô xiêm y đẹp đẽ,  
 Tôi chính là hành giả Mila.  
 Ta khinh nhau, thương xót cho nhau,  
 Nhưng rốt cục ai là phải, nhĩ?

Bài Pháp này Mila thuyết đó,  
 Để trả lời cho kẻ u mê,  
 Hãy nghe kỹ, lắng lòng suy ngẫm.  
 Ác người đưa, tôi trả Thiện đây!

Nghe thầy ngâm xong, cái cô đã tỏ ý thương xót thầy nói: “Thì ra đây là ngài ‘Milarepa vùng Guangthang’ nổi tiếng. Chúng ta đã nói quấy quá với tinh thần tự kiêu. Chúng ta hãy cầu xin người tha lỗi cho!” Họ bèn bảo cô kia làm vậy. Cô ấy có vẻ rất ăn năn, cô quỳ

xuống dăng lên thầy bảy con sò (dùng làm tiền tệ) và thỉnh cầu thầy ban cho họ một bài Pháp khác. Thầy bèn ngâm bài kệ sau:

Xin quy mệnh Chân Sư tôn quý!  
Xin cho con được thuyết một bài!

Cõi Chư Thiên lo an hưởng,  
Cõi Tu La chỉ biết giàu sang,  
Cõi Người, Bi Trí chẳng ai màng,  
Mà sùng phụng ‘Huyền Ngôn Lộng Ngữ’.

Ở U, Tsang và miền Tứ Quận,  
Xem rẻ Thiên mà chuộng hư ngôn!  
Thuở này đây đã thời Mạt Pháp,  
Khinh thiện nhân, sùng thượng ác nhân.

Trong con mắt nữ nhân nhẹ dạ,  
Có ra gì hành giả chân tu!  
Tai của họ đâu màng nghe Pháp,

Mà nghe lời âu yếm trắng hoa!

Tôi nói đây là chân thực ngữ,

Để đáp lời cho sự thỉnh cầu,

Và hoan hỷ thứ tha cho tất cả!

Nghe xong, họ đều phát khởi tín tâm sâu xa và hoan hỷ lên đường. Thầy cũng tiếp tục đi đến Brin, ở đó thầy nghe nói đến động Hà Gian và động Hải Mãn (Kyit-Phug), còn gọi là động Thái Dương (Nyima-Dzong), thầy bèn chọn động sau. Thầy ở đó mấy tháng và tiến bộ rất nhiều, nhưng người dân vùng Brin đã tới viếng và mang cúng nhiều vật thực. Biết rõ những điều này sẽ làm trở ngại ít nhiều cho vấn đề tu tập của mình, thầy cho rằng ở đây lâu hơn sẽ không có lợi cho con đường tu hành của thầy, do đó thầy lại quyết định ra đi đến một nơi hoang vắng nhất. Vâng theo lời dặn của Sư Ông, thầy đến động Hà Gian. Khi thầy sắp sửa khởi hành thì cô em Peta đến, dâng cho thầy một tấm vải dày, một ít len mà cô kiếm được. Cô đã đến động Bạch Mã Nha và không gặp thầy. Cô đi tìm thầy, nhờ hỏi han mọi người cô gặp trên đường, cô đã tìm ra thầy. Trên đường đi, ở Tingri, cô đã thấy Lạt Ma ‘Đại Dịch Giả Bari’ ngồi trên một tòa cao, trên đầu có che lọng, mặc y lụa ngũ sắc, xung quanh là đệ tử, vài người đang thổi kèn, sáo, đánh phèn



la, trông com. Một đám đông người đang dâng lên cho ông ta trà và bia ‘*Chhang*’. Chứng kiến cảnh này, cô Peta nghĩ rằng:

“Người ta tu thì sung sướng vậy đó, còn tu như kiểu anh mình đúng là tự làm khổ mình và xấu hổ lây cho cả người thân! Phen này mình gặp anh ấy, mình sẽ hết sức thuyết phục để anh ấy chịu làm đệ tử ngài Bari mới được!” Nghĩ vậy, cô hỏi vài người ở đó xem có ai đã gặp thầy không (hình dáng thầy quả thật là quá đặc biệt) và được biết thầy ở Brin. Hỏi dò tiếp ở Kyit-Phug, cô đuổi theo kịp thầy. Vừa thấy thầy, cô nói ngay: “Ôi, anh ơi! Anh đói khát trần truồng như thế này mà anh cứ cho đó là lỗi tu của anh thì chắc không bao giờ đi tới đâu! Anh không còn bình thường nữa rồi! Anh hãy lấy tấm vải này may một cái y và tìm đến ngài Lạt Ma Bari-Lotsawa, ngài quả xứng đáng là một bậc chân tu và lỗi tu cũng hoàn toàn khác với anh. Ngài ngự trên một tòa cao, trên đầu lại có lọng che, mặc y hậu bằng lụa, môi không ngót trà và bia *Chhang*. Chung quanh ngài, ới chà, sao mà đông đệ tử thế, họ đàn sáo vang lừng. Ngài đi đâu, thiên hạ cũng vây quanh, tìm cách dâng lên ngài đủ thứ vật thực, do đó bà con ngài cũng được nhờ! Ngài đã có thể tự hào là một vị Lạt Ma lỗi lạc nhất. Em mong anh sẽ cố gắng để được làm đệ tử của ngài! Dù anh có là hạng đệ tử thấp nhất của ngài thì cũng khá hơn sống như vậy nhiều! Cái lỗi tu khổ hạnh và thiếu phước của anh không làm gì được trong thế gian này. Chúng ta sống còn không muốn nổi, anh ơi!” Rồi cô bắt đầu kêu gào khóc lóc, than thân trách phận.

Thầy cố sức khuyên giải cô: “Này Peta, em chớ nói vậy! Em thấy anh trần truồng mà xấu hổ vì anh đã dẹp bỏ quần áo ư? Anh tự hào rằng hiện đang là một con người mà anh đã thể nghiệm Chân Tánh và điều đó không có gì đáng xấu hổ. Chỉ những kẻ đã biết những hành động nào đó là ác mà vẫn cố phạm mới làm khổ tâm cha mẹ. Có những người tham vật thực cúng dường cho các bậc Chân Sư và Tam Bảo, nên đã làm những hành động giả dối và ty tiện ngõ hầu đạt được mục tiêu vị kỷ của họ, thì cuối cùng sẽ làm khổ cho những người khác và dĩ nhiên cho chính họ. Những người thiện lành và hàng Long Thiên Hộ Pháp ghê tởm họ và khi ở một mình hảnh họ cũng phải cảm thấy xấu hổ. Nếu em bảo là xấu hổ khi thấy anh trần truồng, thì đúng ra em phải cảm thấy xấu hổ bởi bộ ngực của em, vì khi em mới sinh nó đâu có, mà sao bây giờ nó phát triển dữ ra thế! Hơn nữa, nếu em cho rằng anh đang tu hành trong những điều kiện thiếu thốn như vậy là vì anh không thể mưu sinh tìm ra cơm áo thì em lầm lẫn hoàn toàn vậy. Anh ghê sợ những nỗi thống khổ của Sinh tử Luân Hồi vì anh cảm thấy chúng rõ ràng không khác gì anh đang đưa tay vào lửa. Danh lợi, ái dục, nói tóm lại là ‘Bát Phong’, anh ghê tởm chúng như người đang bệnh nôn mửa nhìn thấy thức ăn ngon! Ôi, anh nhìn chúng chẳng khác nào kẻ cừ thù đã giết cha mình, bởi vậy anh mới tự nguyện chấp nhận lối sống khổ hạnh này. Và lại, Tôn Sư của anh, Dịch Sư Marpa, đã căn dặn anh hãy từ bỏ mọi ái dục thế gian, phải thường bắt túc (chẳng đủ), phải sống ở những nơi hoang vắng (không được ở cố

định) và phải tinh tiến tu hành trọn đời. Đó là lời dạy của Sư Ông mà anh đang thực hiện. Tuân theo lời dạy của Sư Ông, không những anh có thể ban cho đệ tử của anh những an vui và thuận lợi tạm thời, mà còn mang lại cho hết thảy chúng sinh kể cả anh sự an lạc vĩnh cửu. Anh từ bỏ mọi ý niệm thế gian vì anh thấy rõ rằng cái chết không biết sẽ đến khi nào. Nếu anh nghĩ đến chuyện tranh danh đoạt lợi, thì anh cũng sẽ có không thua gì ông Lạt Ma Bari-Lotsawa đâu! Vậy có ích gì khi nói đến chuyện làm người đệ tử thấp nhất của ông ta! Nhưng anh nguyện đảnh Phật ngay trong đời này, do đó anh đã tha thiết tinh tiến tu hành như vậy. Nay Peta, em cũng hãy từ bỏ mọi ái dục thế gian và theo anh – một người lớn hơn em về mọi mặt – tu hành ở Hà Gian. Nếu em có thể từ bỏ mọi ý niệm thế gian và nhất tâm tu hành, thì vàng dương (mặt trời) an lạc tạm thời và vĩnh cửu của em sẽ tỏa sáng rực rỡ! Hãy nghe bài kệ của anh đây.” Rồi thầy ngâm bài kệ sau:

Ôi, xin quy mệnh Pháp Thân Phật,  
 Đấng hộ trì hết thảy chúng sinh.  
 Bạc thế gian không thể nhiễm ô,  
 Ban Từ Lực cho hàng đệ tử,  
 Đảnh lễ chân người, hỡi Đức Marpa!

Này Peta em hồi hã nghe anh,  
Ái dục thế gian em mãi đắ!

Một là cái lọng vàng trên đĩnh,  
Hai là áo lụa bạc xa hoa,  
Ba là dát châu ngọc đỏ mà,  
Bốn là ghé trầm hương thơm ngát,  
Nếu như muốn, anh đều có cả!

Vật thế tục, nên anh né tránh,  
Nhờ dứt trừ, huệ nhựt (mặt trời trí huệ) sáng soi.  
Em cũng vậy nếu em dứt bỏ,  
Mọi buộc ràng, ái dục thế gian,  
Hãy theo anh quyết chí tu hành,  
Ta cùng đến Hà Gian hoang vắng.

Một là tiếng sáo điều khoan nhặt,  
Hai là tiếng xập xỏ inh tai,  
Ba là tiếng đàn kia dùi dặt,

Bốn là tiếng trống nọ vui tươi,  
Nếu như muốn anh đều có cả!  
Một là tự viện rất đẹp đẽ,  
Hai là chúng đệ tử thanh xuân,  
Ba là nhà bếp đầy mùi vị,  
Bốn là đại chúng rộn như ong,  
Nếu như muốn, anh đều có cả!

Một là lời thuyết Pháp biện tài,  
Hai là phong thái vẻ chân tu,  
Ba là nghi lễ chúng ưa thích,  
Bốn là biết tùy lòng đại chúng,  
Nếu như muốn, anh đều có cả!

Một là ngôi nhà thật khang trang,  
Hai là thửa ruộng nhiều màu mỡ,  
Ba là kho đụn chứa nhiều đồ,  
Bốn là tôi tớ đông vô số,  
Nếu như muốn , anh đều có cả!

Một là con ngựa thật hùng vĩ,  
Hai là bộ yên cương đáng giá,  
Ba là áo giáp trụ uy nghi,  
Bốn là chí phò nguy cứu khổ,  
Nếu như muốn, anh đều có cả!

Nếu em chẳng dứt trừ ái dục,  
Để cùng anh đi đến Hà Gian.  
Dù chúng ta là tình máu mủ,  
Nói làm chi cho rối lòng nhau!  
Anh không biết lúc nào anh chết,  
Thì tu hành còn hẹn khi nào!  
Anh đã nguyện tinh tu trọn kiếp,  
Lời Sư Ông, một dạ đinh ninh.  
Quả Giải Thoát rõ ràng trước mặt,  
Anh một lòng đi đến Hà Gian.

Nếu em còn đam mê ái dục,

Rồi gầy nên nghiệp quả như non (núi),  
 Vòng luân hồi, em cứ ở lại,  
 Ba đường dữ đang chờ em đó!

Nếu em sợ Luân Hồi Sinh tử,  
 Từ bỏ ngay ái dục thế gian,  
 Hãy cùng anh dự cuộc đặng trình,  
 Và cùng nhập vào hàng thượng thiện,  
 Quyết định đi, em hỡi Peta ơi!

Nghe thầy ngâm vậy, cô Peta nói: “Em hiểu rằng anh khinh thường sự an hưởng thế gian, nhưng anh ơi về phương diện đó, anh em mình chẳng có chi để từ bỏ cả! Cả bài Pháp hùng hồn anh vừa ngâm chỉ để che đậy sự bất tài của anh, không thể được như ngài Lạt ma Bari-Lotsawa. Và riêng phần em, em sẽ không đi Hà Gian, vì ở đó em sẽ không có gì để ăn, mà cũng chẳng có gì để mặc! Đó là một nỗi khổ khó chịu đựng nên em chớ cần đi Hà Gian! Em cũng không biết nó ở đâu nữa. Và em van anh, xin anh hãy ở cố định một nơi, thay vì lang thang đây đó, sống chui rúc trong các hang hốc như con thú bị chó săn rượt đuổi như vậy. Và như thế em tìm anh cũng dễ hơn. Dân vùng này có vẻ tôn kính anh, vậy tốt hơn hết

anh ở lại đây luôn. Nhưng dù gì chẳng nữa, anh cũng nên ở đây vài ngày. Anh hãy lấy vài may một cái áo, vài hôm nữa em sẽ quay lại.” Thầy bèn theo lời cô ấy. Peta lại đi về phía Tingri để ăn xin!

Trong thời gian đó, thầy cắt tám vải cô ấy cho, may một cái mũ trùm đầu, kẻ đó thầy may các miếng che các đầu ngón tay, và một đôi vớ chân và một cái khố che hạ thể. Vài hôm sau, cô Peta trở lại và hỏi thầy đã may quần áo xong chưa, thầy đáp rằng xong rồi và mặc vào cho cô ấy xem. Vừa nhắc thấy, cô kêu lên: “Ôi, trời đất, anh không còn là con người nữa! Anh không những không còn biết xấu hổ, mà lại làm hư cả tám vải mà em phải khó nhọc mới kiếm được. Hình như anh không biết gì hết ngoài chuyện tu tập! Mà anh ăn không ngồi rồi hơi nhiều!” Thầy đáp: “Anh là con người xứng đáng nhất của nhân loại, vì anh đang khai mở kho báu quý nhất của một kiếp người. Anh biết xấu hổ chân thực là gì nên anh mới tu hành và kiên trì lời nguyện của mình. Nhưng em có vẻ xấu hổ khi thấy anh trần truồng, mà anh thì không thể cắt bỏ cái phần mà em cảm thấy xấu hổ khi nhìn! Thì giờ để tu tập, anh đã khổ tâm dành ra để may vá hầu che nó đi. Mọi chi thể khác cũng là bộ phận của thân thể anh nên anh nghĩ rằng chúng cũng cần được che lại! Do đó anh đã may như vậy. Tám vải em cho đâu có bị phí phạm, nó vẫn được dùng theo ý muốn của em cơ mà. Anh đã che cái chi thể gây ra sự xấu hổ nơi em! À, hình như em dễ xấu hổ hơn anh. Đúng anh phải cảm thấy xấu hổ hơn em chứ! Hãy dẹp đi cái đối tượng gây ra xấu hổ chớ đừng lưu giữ nó trong tâm.” Nghe thầy nói



vậy, cô im lặng và mặt mày cau có. Thầy nói tiếp: “Người thế gian cảm thấy xấu hổ với những cái không có gì xấu hổ. Nhưng đối với những cái đáng xấu hổ như tham, sân, si thì họ lại không cảm thấy xấu hổ chút nào! Hãy nghe bài kệ của anh đây.” Rồi thầy ngâm bài kệ ‘Tâm Quý’ (Xấu Hổ).

Xin kính lễ Chư Vị Tổ Sư,  
Đã dạy con Xấu Hổ là gì.

Peta hỡi, xấu hổ giả dối,  
Hãy nghe đây bài kệ của anh.

Em xấu hổ do Vô Minh đó,  
Có gì đâu xấu hổ hờ em?  
Chỉ cho em xấu hổ là gì,  
Đề tu dưỡng cả thân, khẩu, ý.  
Theo nghiệp duyên, hiện ra nam nữ,  
Có gì đâu xấu hổ, hờ, em?

Người thế gian nào hay xấu hổ,

Lòng tham cầu, giả dối đáng chê.  
 Ái dục kia sai sử mọi bề,  
 Biết xấu hổ mới là chân chánh.  
 ‘Sát, Đạo, Dâm, Vọng’ bốn tên đó,  
 Xấu hổ đi mới phải người tu.

Người chân tu từ bỏ thế gian,  
 Và tinh tiến trên đường Giải Thoát.  
 Bí Pháp dạy rành lối thoát thân,  
 Nên anh nguyện chung thân tu tập.  
 Xấu hổ như em không chân thực,  
 Giữ làm chi cho khổ em ơi.  
 Nếu hiểu ngay, lòng thành thời liền!

Nghe thầy ngâm vậy, Peta cau mặt đưa cho thầy các vật thực, bơ và dầu do cô xin được rồi nói: “Vậy là rõ ràng anh sẽ không làm bất cứ điều gì em mong muốn, nhưng em không nỡ bỏ rơi anh. Anh hãy dùng các thứ này, em sẽ cố sức kiếm thêm!” Nói xong, cô lại ra đi. Tuy vậy, thầy muốn hướng cô về nẻo Đạo, nên khuyên cô ở lại chùng nào còn vật thực để tạm dùng đủ qua ngày. Thầy đã giảng

cho Peta về những đề tài chính trong Đạo cũng như Lý Nhân Quả. Cuối cùng cô đã hồi tâm hướng về Chánh Pháp, dù chỉ ở mức độ nào đó.

Cũng vào thời gian này, chú thầy chết, thím thầy rất đau khổ. Bà lấy làm ăn năn về những điều không phải mà họ đã gây ra cho thầy, nên cũng tìm đến gặp thầy. Bà mang theo cả một số vật thực khổng lồ. Trước hết bà đến vùng Brin. Ở đó bà để lại vật thực và con trâu (dùng để chở vật thực), rồi tự mình mang một số lên chỗ thầy. Từ trên sườn đồi, Peta trông thấy bà, cô la lên: “Mình đừng gặp cái mục thím đã gây ra cho gia đình mình biết bao đau khổ, anh ơi!”

Nói xong, cô rút ngay cái cầu khỉ bắc ngang con suối nói liền lời đi lên và miệng hang thầy ở. Bà thím lên tới bờ bên kia thì la lớn: “Ôi, cháu ơi! Làm ơn đừng rút cầu, thím đây, nè!” Peta đáp ngay: “Đó chính là lý do vì sao tôi rút cầu!” Bà thím nói: “Cháu ơi, cháu hoàn toàn đúng, nhưng bây giờ thím đã lên đây, thím vô cùng ăn năn về việc cũ nên đến gặp cả hai cháu, làm ơn hạ cầu xuống. Còn nếu không, ít ra cháu cũng nên báo cho anh cháu hay là thím đã tới đây!”

Đúng lúc ấy thầy ra tới và ngồi trên một gò đất bên này cầu. Thím thầy ở bên kia bờ làm lễ thầy nhiều lần và van xin được gặp thầy. Thầy nghĩ mình đã là người tu hành thì không nên cố chấp không cho bà gặp, nhưng thầy cũng ôn tồn nói cho bà biết là thầy

rõ mọi xấu xa của bà. Thầy nói: “Này thím, nói chung, tôi đã từ bỏ mọi luyện ái máu mủ, nhất là đối với chú thím. Các người không những nhẫn tâm gây khổ cho chúng tôi thuở thơ ấu, mà ngay cả khi tôi đã xuất gia sống cuộc đời tu hành, thì các người vẫn săn đuổi tôi, do đó tôi không còn nghĩ các người là bà con nữa! Tôi tóm lược với bài kệ sau cho thím nghe, nhé.” Rồi thầy ngâm bài kệ:

Kính lạy thầy , cha lành tất cả,  
Đánh lễ chân Người, Marpa của con.

Thím nhớ chớ những chuyện đã làm,  
Nếu không nhớ, tôi xin nhắc nhở.  
Hãy nghe đi, sám hối là vừa!

Ở nơi ấy, vùng Tsa hẻo lánh,  
Cha qua đời, mẹ góa con cô,  
Toàn bộ di sản ai sang đoạt?  
Và chia lìa ba mẹ con tôi!  
Này chú thím lòng lang dạ thú,  
Còn chi đâu cái chuyện bà con!

Tôi đã phải chân trời lưu lạc,  
Thương mẹ già em đại quê xa,  
Trở về nơi chốn cũ quê nhà,  
Mẹ đã chết, em đã đi mất!

Đau khổ quá tôi tìm an ủi,  
Nguyện chung thân một dạ tu hành.  
Một ngày kia cạn cùng lương thực,  
Tôi phải đi xuống núi xin ăn,  
Cửa nhà thím tình cờ lại đứng.  
Từ bên trong thím nhận ra tôi!  
Miệng ‘xịt’ chó, tay vung chiếc gậy,  
Thím gào lên, tay quát liên hồi,  
Tội thay cho thân thể của tôi,  
Đã bạc nhược chịu sao cho thấu!  
Tôi bỏ chạy ngã tòm ao nước,  
Trong gang tấc mất mạng như chơi.  
Thím rửa tôi ‘Đồ buôn mạng sống’!

Nào là tên ‘Làm nhục giống giòng’!  
Nghe thím chửi, tâm tôi thương tổn,  
Nỗi đau buồn khôn tỏ cùng ai!  
Và từ đó tôi như đã chết,  
Có cần chi nào ruộng, nào nhà.  
Nhưng thím vẫn lọc lừa mưu mẹo,  
Chiếm cho bằng kỳ hết mới thôi.  
Quả là quý hiện ra làm thím,  
Còn nói chi tình nghĩa, thím ơi!

Rồi sau đó tình cờ tôi lại,  
Đứng ngay nhà ông chú của tôi!  
Miệng ông la ‘Đồ quý phá làng’!  
Tay ông ném vô vòn hòn đá.  
Ông lại kêu bà con lối xóm,  
Để cùng ông giết chết tôi đi.  
Dương cao cung, ông bắn tôi bời,  
Còn chi nữa những tình với nghĩa.  
Tên sát nhân đã hiện rành rành,

Còn chi nữa ân tình chú cháu!

Khi tôi nghèo, cô thân chích ảnh,  
Chú thím tôi còn tộ hơn thù.  
Trên đời kia, tôi tu thiên quán,  
Bởi tình thương, Zesay đã tới thăm.  
Và an ủi cho tôi biết mấy,  
Không những vậy cô còn lo lắng,  
Biết bao nhiêu thực phẩm ngọt ngon,  
Giúp tôi khỏi chết vì đói khát..  
Biết nói sao cho hết lòng cô,  
Khổ một nỗi cô không cầu Đạo,  
Nên tôi đành không muốn gặp cô!  
Còn thím ơi, riêng về phần thím,  
Nói thật lòng, gặp để làm chi!  
Hãy về đi, như đà đã đến,  
Và mau lên, cho kịp thì giờ!

Nghe thầy ngâm, bà thím khóc nức nở, và lại làm lễ thầy nhiều lần rồi nói: “Ôi cháu ơi, cháu nói rất phải! Nhưng thím van cháu hãy nhẫn nại!” Rồi bà ta bắt đầu năn nỉ van xin thầy. Thầy nhận thấy bà thật lòng ăn năn nên đã lặn lội lên đây để xin thầy tha lỗi. Bà lại nói: “Thím đã lên đây vì không thể nào cưỡng lại nỗi lòng muốn gặp cháu. Làm ơn cho thím gặp để nói chuyện, hoặc là thím sẽ tự tử ngay tại đây!” Không thể tỏ vẻ cứng rắn lâu hơn nữa, thầy định hạ cầu xuống thì cô Peta viện dẫn nhiều lý do để không cho thầy làm vậy. Nhưng thầy vẫn hạ cầu xuống. Ngạn ngữ có nói rằng không nên ở cùng một xứ hay uống cùng một giếng nước với kẻ đã bội tín (mất lời thề) một lần, vì nếu làm vậy sẽ xảy ra nhiều chuyện ôi thôi. Nhưng trong trường hợp này, sự bội tín chưa đến nỗi ở lãnh vực tâm linh. Hơn nữa, thầy là người xuất gia, cần phải tha thứ cho tất cả, bởi vậy thầy đã cho bà gặp. Thầy cũng đã nói cho bà nhiều bài Pháp về Luật Nhân Quả. Nhờ vậy bà đã tỉnh ngộ sâu xa, thành tâm sám hối tu hành, cuối cùng bà được Giải Thoát..

Ngài Shiwa-wod-Repa bèn thưa hỏi Tổ Milarepa: “Bạch thầy! Chúng con quả thật không thể hiểu nổi khi nghe thầy kể về tín tâm và chí nguyện kiên cố mà thầy đã có khi cầu Pháp với Sư Ông. Thầy đã nhẫn nại và thành khẩn biết bao qua những thử thách khủng khiếp của Sư Ông. Thầy đã tha thiết và dũng mãnh biết bao khi ẩn tu trong các hang sâu động vắng. Khi chúng con nghĩ về các hành trạng của thầy, sự tu hành của các con hầu như chỉ là món giải trí, làm tùy hứng mà thôi. Và như vậy, chúng con e rằng chúng con



không thể nào giải thoát khỏi vòng Sinh Tử Luân Hồi! Thưa thầy, vậy chúng con phải làm sao?!” Bạch vậy xong, ngài khóc nức nở!

Tổ Milarepa đáp: “Nếu ta nghĩ đến các nỗi thống khổ mà chúng sinh phải chịu trong vòng Luân Hồi nói chung và ba đường dữ nói riêng, thì tín tâm và sự tha thiết của thầy không có chi là lớn lao lắm đâu! Những người biết suy nghĩ, một phen đã nghe đến Lý Nhân Quả và tin nhận được, thì sẽ có thể tha thiết và dũng mãnh như thế! Nhưng những ai chỉ hiểu danh cú (chữ nghĩa) của Phật Pháp mà không thể nghiệm được sự thực của Phật Pháp thì không thể nào từ bỏ được Bát Phong. Bởi thế, điều quan trọng tối yếu là tin nhận Lý Nhân Quả. Người tu đời nay hầu như không tin ngay cả những chứng cứ đơn giản và rõ ràng nhất của Luật Nhân Quả. Do đó, dù họ dụng công theo những Pháp môn mà Kinh Luận đã chỉ dạy về Chân Tánh; Chân Tánh đối với họ lại càng khó hiểu, phức tạp, khó tin nhận. Nhưng một phen ta tin nhận được *Chân Tánh* thì Nó sẽ hiển bày trong những vận hành vi diệu của Luật Nhân Quả. Và một người thể nghiệm được Chân Tánh thì đương nhiên trở nên sáng suốt và phân biệt thiện ác rất vi tế. Nói tóm lại, người ấy cực kỳ linh mãnh. Mọi phước đức đều bao gồm trong việc tin Luật Nhân Quả. Do đó điều quan trọng nhất là ‘*chúng thiện phụng hành, chư ác mạc tác*’. Ban đầu thầy cũng không hiểu gì về tính chất của Chân Tánh, nhưng thầy tin tuyệt đối Luật Nhân Quả. Do đó, khi ý thức được rằng mình đã phạm những tội ác lớn lao, thầy tin rằng mình hẳn sẽ phải sa vào địa ngục Vô Gian. Bởi thế, thầy thành

khẩn ăn năn sám hối và tin tưởng tuyệt đối vào Sư Ông, cũng như tha thiết và dũng mãnh tu hành. Vì quả thật, thầy không thể nào làm khác được! Thầy khuyên tất cả các con hãy suốt đời ẩn tu nghiêm mật, ở những nơi hoang vắng. Hãy thiền quán theo các Bí Pháp Linh Hiển, và thể nghiệm những lời dạy của Phật Pháp. Nếu các con làm vậy, thì thầy, lão già này, ấn chứng (thọ ký) cho các con giải thoát khỏi vòng Luân Hồi.”

Khi ấy, ngài Ngan-Dzong-Tonpa Buhhi-Raja xưng tán và hỏi Tổ Milarepa: “Kính bạch Thầy! Thầy hẳn là chính Đấng Kim Cương Trì (Dorje-Chang) thị hiện làm những công hạnh để lợi lạc cho hết thảy chúng sinh cõi Ta Bà! Và nếu không vậy, thì thầy cũng đã tạo phước đức từ vô lượng kiếp, và đã chứng quả vị Bất Thối Chuyển! Thầy đã sẵn sàng hy sinh cả tánh mạng cho đạo Pháp và tha thiết dũng mãnh tu hành. Mọi dấu hiệu của một Vị Ứng Thân Phật đều rõ trong đời thầy. Đối với bọn phàm phu chúng con, những kẻ còn chấp ngã, thì sự nhẫn nhục và thâm tín kiên cố của thầy trong suốt thời gian ở với Sư Ông, cũng như những thử thách mà thầy phải chịu đựng, quả là không hiểu nổi, ngay cả với con tim! Vì Đạo mà phải chịu khổ nhục như vậy quả là chúng con khó kham nổi! Ai mà có thể đảm đương nổi? Và ngay cả nếu như đủ nghị lực và hùng tâm để kham nhẫn, thì thân xác cũng không chịu nổi! Do đó, chắc chắn rằng thầy phải là một vị Phật hay ít ra cũng là một vị Bồ Tát đời quá khứ! Và như thế, được thấy tôn nhan của thầy và được nghe Pháp Âm của thầy thật là ân phước cho chúng

con! Ai trong chúng con được thầy ấn chứng thì hẳn nhiên sẽ được giải thoát, dù rằng chúng con không thể tu hành nghiêm mật như thầy. Mong thầy cho chúng đệ tử rõ thầy đã là vị Bồ Tát nào trong quá khứ.”

Tổ Milarepa bèn đáp: “Này các con, chính thầy cũng không rõ thầy là hậu thân (hóa thân) của Ai! Nhưng dù thầy có là hậu thân của một chúng sinh trước đây đã ở trong ba đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) chẳng nữa, nếu các con cho thầy là Đấng Kim Cương Trì hay Đấng nào khác, thì các con sẽ được ân phước của Đấng đó, nhờ ở tín tâm của các con! Tình cảm và liên hệ riêng tư khiến các con nghĩ rằng thầy phải là một bậc hóa thân, nhưng đối với Pháp (Dharma) vậy là các con đã phạm tội nghi báng. Sở dĩ như vậy là vì các con không có tâm tha thiết. Chính nhờ năng lực lớn lao của Chánh Pháp (Sacred Dharma) mà thầy đã tiến gần đến quả vị viên mãn trong cuối đời thầy, dù rằng trong thuở thanh, thiếu niên thầy đã phạm những nghiệp nặng nề. Chính bởi vì thầy đã tin tưởng tuyệt đối Luật Nhân Quả mà thầy đã có thể dũng mãnh tinh tu, đoạn trừ mọi vọng niệm thế gian. Điều quan trọng hơn hết là thầy có phước duyên được hướng dẫn bởi một bậc Chân Sư (Đại Thiệ Trí Thức). Người đã ban cho thầy những Bí Pháp và Bản Văn khế hợp với thầy nhất, dạy cho thầy Pháp Môn Viên Đốn của Mật Thừa. Người đã truyền cho thầy những Chân Pháp không cần đàm huyền thuyết diệu, cử hành những nghi thức Thụ Pháp tối yếu cho thầy và ban Từ Lực cho thầy đủ năng lực tu hành theo Chánh

Đạo. Bất kỳ ai mà được như vậy thì chắc chắn sẽ đắc quả Phật ngay trong một đời. Ngược lại, hễ người nào làm mười điều ác và gây năm tội ngũ nghịch thì đương nhiên phải sa vào Địa Ngục Vô Gian. Ai mà không tin Luật Nhân Quả thì người đó khó có thể tha thiết tu hành. Người thâm tín Luật Nhân Quả thì nội ý nghĩ về sự thống khổ trong ba đường dữ đủ làm cho họ kinh hãi và phát đại nguyện thành Phật. Khi ấy, tín tâm và sự nhẫn nhục đối với Chân Sư; lòng tha thiết và dũng mãnh tu hành, sự phát Huệ v.v... của họ sẽ ngang với thầy về mọi phương diện! Và bấy giờ người thế gian sẽ nhìn họ như là hóa thân của vị Phật hay Bồ Tát nào đó! Sở dĩ như vậy là vì không tin vào Pháp Môn Viên Đôn của Mật Thừa (Mantrayana). ***Bởi thế, thầy khuyên tất cả các con hãy thâm tín Luật Nhân Quả.*** Hãy nghiền ngẫm Luật Nhân Quả trong những công hạnh của chính cuộc đời những Thánh Sư. Hãy nghĩ sâu đến những thống khổ mà chúng sinh phải chịu trong Lục Đạo Luân Hồi. Hãy nghĩ đến sự khó được của thân người, cái chết không thể tránh khỏi và không biết đến khi nào! Khi đã cân nhắc thật kỹ lưỡng rồi, các con sẽ nhất tâm tu tập giáo Pháp Mật Thừa.

“Thầy đã thành tựu Trí Huệ là nhờ đoạn trừ (từ bỏ) ngũ dục. Với tâm tha thiết tu hành, mọi khổ nhọc và thiếu thốn về phương diện thân xác, thầy chấp nhận một cách dễ dàng. Thầy đã tinh tu ở những nơi hoang vắng. Và thầy đã thành tựu. Các con hãy theo bước đường mà thầy đã đi và hãy nhất tâm tu hành!”

---

*Chú thích:*

<sup>1</sup>Thiền điều: ở Tây Tạng, Népal, Ấn Độ... khi ngồi thiền, hành giả có sợi dây vải bọc để giữ hai đầu gối cho vững, gọi là thiền điều.

<sup>2</sup>Bí Pháp mà Tổ dựng công là vận Hỏa Hầu, đoạn kệ này nói lên hợp nhất giữa Thiên (Thiên Môn) và Địa (Vỹ Cung) khi khai thông được vòng Chu Thiên.

<sup>3</sup>Trong kinh có câu, ‘*Tâm viên, ý mã*’ (Tâm như vượn, ý như ngựa); ở đây theo Mật Tông Tây Tạng, mọi vọng niệm đều bắt nguồn từ quả tim (từ tâm mình), không khác gì một con ngựa hoang. Do đó, phải có những biện pháp đối trị thích đáng.

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT: NHỮNG NƠI TỔ ĐÃ ẨN TU VÀ TẾ ĐỘ QUẦN SANH

*Nói về những nơi mà Tổ đã ẩn tu. Nói về những đệ tử của Tổ. Những bản ký, lục liên quan đến Tổ.*

Khi ấy, ngài Rechung thưa rằng: “Bạch Thầy, tự truyện của thầy quả là sinh động, mang lại cho thính chúng nụ cười và nước mắt. Con kính xin thầy hoan hỷ kể cho chúng con nghe những chuyện mang lại niềm hân hoan.” Tổ bèn đáp: “Không chuyện gì thực sự mang lại niềm hân hoan cho các con bằng việc thầy đã thành tựu, sau khi tha thiết dụng công tu hành. Nhờ vậy thầy có thể cứu độ cho cả Nhân (người) và Phi Nhân (không phải người), đặt họ ở trên đường Giải Thoát và như vậy thầy đã phụng hành Phật Pháp.”

Ngài Rechung lại thưa: “Bạch thầy, ai là những đệ tử đầu tiên của thầy? Họ là Nhân hay Phi Nhân?”

Tổ Jetsun đáp: “Những đệ tử đầu tiên là hàng Phi Nhân, họ đã đến để thử thách thầy. Sau đó thầy có vài đệ tử nhân loại. Kế đó, Nữ Thần Trường Thọ (Tseringma) đến dùng Thần Thông Pháp Lục để thử thầy. Tiếp theo, các đệ tử loài người bắt đầu tìm đến.

Bấy giờ thầy mới biết Giáo Pháp của thầy được truyền rộng trong hàng Phi Nhân nhờ Nữ Thần Trường Thọ, và phổ biến trong nhân loại nhờ ông Upa-Tonpa.”

Ngài Seban-Repa hỏi: “Bạch thầy, ngoài chỗ ỉn tu chính là động Hà Gian cũng như một số động mà thầy đã nêu trước, thầy còn ỉn tu chỗ nào?”

Tổ đáp: “Những chỗ khác mà thầy đã ỉn tu là Yolmo-Kangra ở Nepal. Thầy có sáu ngoại động nổi tiếng, sáu nội động ỉn danh và năm bí động, tổng cộng là mười tám. Ngoài ra, còn có hai động nữa, vị chi là hai mươi động. Ngoài ra, còn có bốn quảng động nổi tiếng và bốn quảng động ỉn danh. Còn những động nhỏ và chỗ hoang vắng mà thầy đã ngồi thiền thì vô số, cuối cùng cảnh giới thiền, sự thiền quán và thiền giả (người thiền quán) đan dệt với nhau, đến nỗi bây giờ thầy không biết tham thiền là sao nữa<sup>1</sup>.

Ngài Rechung lại thưa hỏi: “Bạch thầy, thầy đã thành tựu Chân Pháp thân chúng Bảo Sở, đệ tử chúng con được lợi lạc vì thầy đã khai thị Chánh Pháp cho chúng con một cách dễ dàng và sống động, nhờ đó với nỗ lực tối thiểu chúng con cũng có thể nắm được thực nghĩa và phát khởi tín tâm kiên cố mà không sợ mê lầm. Nhờ lòng từ bi lân mẫn của thầy mà chúng con đã an tâm tu hành. Đệ hàng hậu học đời vị lai cũng được hưởng Từ Lực đó, chúng con xin thầy hoan hỷ kể tên những nơi mà thầy đã ỉn tu để họ biết mà đến chiêm bái.”

Tổ bèn kể: “Sáu ngoại động nổi tiếng là: (1) Bạch Mã Nha (Gragkar – Taso – Uma – Dzong); (2) Mi Ảnh Ngọa (Minkhyut – Dribma); (3) Bể Xích Thạch (Lingwa – Dragmar) (4) Mãn Động (Ragma-Changchup); (5) Thắng Phương Thiên (Kyang – Phan – Namkha); (6) Kim Cương Bất Hoại (Dragkya- Dorje).

Sáu ngoại động ẩn danh là: (1) Chonglung-Khyungi; (2) Hỷ Dương (Khyipa-Nyima); (3) Cô Tước (Khujuk-Enpa); (4) Kết Tinh (Shelphug-Chushing); (5) Khoái Thoái (Bektse-Doyon); (6) Sơn Cước (Tsigpa-Kangthil)

Sáu nội động nổi tiếng là: (1) Dương Quang (Gyadrak-Namkha); (2) Sư Tử (Tagphug- Sengé); (3) Tàng Ẩn (Baphug-Mano); (4) Liên Hoa (Lagphug-Pema); (5) Long Tượng Môn (Langno-Ludut); (6) Kim Cương Thắng (Trogyal – Dorje).

Hai động khác là: (1) Hỷ Dương (Kyiphug – Nyima); (2) Thiên Đỉnh (Potho- Namkha).

Bốn đại động nổi tiếng là: (1) Tợ Vị (Tropa-Phug); (2) Thắng Ma(Dutdul-Phug); (3) Thủy Ngưu Thiệt (Briche-Phug); (4) Vi Diệu (Tisé – Dzu – Trul- Phug).

Bốn đại động ẩn danh là: (1) Hương Đạo (Tsayi –Phug); (2) Minh Quang (Odsal-Phug); (3) Miên Cầm (Zawog-Phug); (4) Chu Tước (Phuron-Phug).



Khi ăn tu ở các động này, hành giả sẽ có sẵn những nhu yếu như nước, củ, rau và nhiên liệu, cũng như được hưởng Từ Lực của chư vị Tổ Sư Tông Phái Tổ Truyền đã ăn tu trước đây. Bởi thế, các con hãy đến đó mà thiền quán .

Nghe tổ dạy vậy, toàn thể đại chúng (kể cả Chư Thiên) đều vui mừng vô hạn. Tự nguyện do chính Tổ kể lại khiến họ phát khởi tín tâm sâu xa, và đoạn trừ mọi ái dục thế gian .Tất cả đều thâm nhập thực nghĩa của Chánh Pháp và hoan hỷ phụng hành.

Những đại đệ tử trong nhân loại đều phát tâm trọn dăng thân, khẩu, ý để cứu độ hết thảy chúng sinh, cũng như phụng trì Phật Pháp. Họ phát nguyện trọn đời ăn tu trong chốn hang sâu động vắng. Hàng Long Thiên phát nguyện hộ trì Chánh Pháp. Những đệ tử thượng thủ, không phân biệt nam nữ đều phát nguyện xuất gia, theo Tổ trọn đời. Như vậy, họ đều trở thành các hành giả. Những đệ tử hạ trí cũng phát nguyện ăn tu trong một thời gian. Ngay cả những đệ tử tại gia sơ cơ cũng phát tâm hướng thiện. Như vậy tất cả đại chúng đều được cứu độ.

Toàn thể câu chuyện trên do chính miệng Tổ kể ra và được ghi lại. Tự truyện này khi khai triển rộng ra thì thường được chia làm ba phần chính. Phần một nói về sự quấy nhiễu của hàng quỷ thần và khi được hàng phục, họ hồi tâm hộ trì Phật Pháp. Phần hai kể về hàng đệ tử nhân loại, trong đó nhiều người được nhập thất và Giải

thoát. Phần ba nói về đại chúng đã có nhân duyên nghe Tổ nói pháp.

Về phần một, nội dung chủ yếu như sau:

Ở động Xích Thạch, Quỷ Vương Vinayaka đã được hàng phục khi nghe Tổ ngâm bài kệ ‘Kiến Tổ Sư Lục Pháp’ (Sáu cách mà Tổ đã dùng để được gặp. Đức Marpa) (*Lama-Dren-Drug*). Sau đó Tổ đến động Hà Gian theo lời dặn của Sư Ông . Ở đó, Tổ hàng phục được Thần Vương Ganapati. Qua năm sau, Tổ trứ tác bài kệ nổi tiếng “Thắng Tuyết” (nói lên sự thành tựu về pháp môn Hỏa Hầu, đã chiến thắng sự lạnh lẽo của băng tuyết). Sau đó, Tổ định đi đến ngọn Palbar ở Mangyul và ngọn Yolmo-Kangra ở Nepal, nên Tổ trở về Gungthang và ẩn ở động Trùng Ân một thời gian, ở đây tổ hàng phục được nữ thần Lingwa. Sau đó, ở núi Palbar, Tổ đã hàng phục được vị Sơn Thần và chư vị Thổ Địa quanh đó. Khi ở động Thắng Phướn Thiên, Tổ đã ban Pháp Âm cho cả Trời, Người. Chư Thiên lại thỉnh cầu Tổ đến động Chu Tước để lợi lạc cho chúng sinh và Tổ bằng lòng. Ở đây Tổ làm bài kệ nổi tiếng ‘Chu Tước Kệ’.

Về phần hai, nội dung chủ yếu như sau:

Khi ở động Kim Cương Bất Hoại, Thần Mẫu Vajra báo cho Tổ biết nhiều đệ tử sẽ tìm đến, đặc biệt là có một người (ngài Rechung-Dorje-Tagpa) sẽ mang từ Thiên Trúc về bài Thiện Thiên nữ Chú (*Dakini Tantra*). Nơi gặp cũng cho biết trước. Do đó, Tổ

đến Gungthang và tham thiền ở động Miên Cẩm, tại đây Tổ gặp ngài Rechung. Sau đó, ngài Rechung sang Thiên Trúc để chữa bệnh cùi. Khi trở về, ngài ở với Tổ Tại động Minh Quang, rồi ngài Tsa-Phu - Repa tìm đến. Ở Mãn Động, Tổ gặp ngài Sangyay-Kyap-Repa. Đến động Tợ Vị, Tổ đã khai thị khiến một vị đệ tử tại gia trước đây là ngài Tonpa- Shakya-Guna phát tâm xuất gia. Trên đường đi đến Chang -Tago, Tổ độ nữ đệ tử Paldar-Bum ở Chungi-Ketpa-Le-sum. Trên đường về, Tổ gặp ngài Seban-Repa ở một lữ quán tại Yeru-Chang. Từ đây, Tổ đến thiền quán ở ngọn Gyalgyi-Shri-La ở vùng Latot và gặp ngài Bri-Gom-Repa. Vào mùa thu khi đi khát thực, Tổ gặp ngài Shiwa-Wod-Repa ở vùng Chumig-Ngulbum. Ở Chim-Lung, Tổ giảng bài Pháp nổi tiếng ‘Trúc Bê’ (Gậy tre) Cho ngài Ngan-Dzong-Repa. Ở Lapchi, được chư thiên nhắc nhở về lời dặn của Sư Ông, Tổ đi đến núi Kailasa và gặp ngài Dampa-Gya- Phupa. Trên đường đi , Tổ gặp ngài Khar-Chung-Repa ở xuyên lộ Lowo-Kara. Khi nghỉ Đông ở vùng gần ngọn Dritse, Tổ gặp ngài Tarma-Wangchuk-Repa. Mùa xuân năm sau, Tổ trở về núi Kailasa và dùng thần thông hàng phục được Pháp Sư Huyền Thuật Naro-Bon-Chung. Chuyện này được kể rõ trong bài ký về núi Kailasa.

Sau đó, trở về động Kim Cương Bất Hoại, Tổ gặp ngài Rong-Chung-Repa. Được Chư Thiên mách bảo, Tổ đến động Tàng Ân và sống ở đó vài ngày. Tại đây Tổ gặp người chăn cừu phát tâm theo Tổ và trở thành một vị hành giả lỗi lạc, đó là ngài Repa-Mục giả.

Rồi ở động Liên Hoa, Tổ gặp ngài Shan-Gom-Repa. Chính vị này đã cúng dường đầy đủ vật thực cho Tổ để sau đó Tổ ở lâu dài tại động Long Tượng Môn Và Tàng Ân.

Trên đường đi đến Choro-Dri-Tsam, Tổ gặp cô Rechungma. Ở Nyishang-Gurta-La, Tổ gặp ngài Repa- Lạp Giả (Thọ Săn). Nhân duyên này khiến danh tiếng của Tổ vang đến tận Nepal. Tiểu Vương xứ Khokhom được Chư Thiên mách bảo, đã gởi lễ vật cúng dường Tổ. Sau đó, ngài Rechung và Shan-Gom-Repa hầu Tổ trở về Lạpchi. Tại đây, Tổ sống ở động Nyen-yon. Qua năm sau, Tổ sống ở động Chong-Lung. Kế đó, Tổ đến Chubar và tại đây, Tổ thuyết ba bài Pháp về Thần Mẫu Trường Thọ.

Khi xuống vùng hạ lưu Brin, Tổ gặp ngài Dorje- Wangchuk-Repa. Trong thời gian Tổ và đệ tử ngụ cư ở động Tợ Vị, một bậc Đại Thánh Giả người Thiên Trúc tên là Đạt Ma Bồ Đề (Drama-Bodhi) tìm đến ra mắt tổ. Điều này khiến tiếng tăm của Tổ càng vang dội và gợi lên lòng ganh tỵ của một Pháp Sư lỗi lạc về giáo nghĩa. Ông ta đã đến vấn nạn Tổ với nhiều câu hỏi về huyền nghĩa, nhưng Tổ dùng pháp lực trả lời một cách dễ dàng. Chuyện này có bài ký ghi lại. Sự viếng thăm của vị Thánh Giả người Thiên Trúc tên là Tiphoo khiến ngài Rechung lại trở qua Thiên Trúc lần nữa. Cũng trong thời gian này, ngài Me-Gom-Repa trở thành đệ tử của Tổ. Kế đó, ở Nagtra, Tổ gặp ngài Salewod-Repa. Khi Tổ đang an cư ở ngọn Xích Thạch, ngài Rechung từ Thiên Trúc trở về với Tổ. Có một bài ký ghi lại chuyện này, trong đó có hai bài kệ, Ngu

Giác (Sừng trâu) và Hạt Lư (Lừa mù). Ở Chubar, Tổ gặp ngài Tagpo-Lan-Gom-Repa.

Tại vùng Trode-Trashi-Gang ở Brin, Tổ gặp một Vị Đại Thánh Giả *Maha-Purusha* đã được chính Đức Phật huyền ký trong kinh điển. Và vị này trở thành một đệ tử lỗi lạc của Tổ. Đó là ngài Viên Nguyệt Quang, một đại Bồ Tát tái lai để cứu hộ chúng sinh.

Ở Chubar-Wom-Chung, Tổ đã khiến ngài Loton-Gedun hồi tâm, trở thành đệ tử dù trước đây ngài rất chống đối Tổ. Ở động Thái Dương Hỷ, Tổ gặp ngài Dreton-Trashibar. Dùng Thần thông, Tổ thu phục một Pháp Sư Huyền Thuật nổi tiếng là ngài Likor-Charuwa.

Chư Thiên đã mách bảo cho Tổ biết trước là Tổ sẽ có hai mươi lăm đại đệ tử trong loài người, gồm có: tám đệ tử thượng thủ (được truyền tâm ấn), mười ba đệ tử nhập lưu, và bốn đệ tử nhập thất. Có một bản văn nghi rõ nhân duyên Tổ đã gặp mỗi vị này.

Phần ba nói về đại chúng thì chủ yếu như sau:

Các bản văn ghi lại không được rõ ràng như phần hai. Chỉ ghi lại một số bài nói Pháp cho đại chúng, hoặc những giải đáp cho một số câu hỏi, cũng như một vài nhân duyên khác. Nhưng tất cả cho thấy Tổ đã gieo nhân giải thoát cho vô số chúng sinh. Hàng đệ tử thượng căn trụ viên mãn ngay trong hiện đời, hàng đệ tử trung căn đạt đến địa vị bất thối chuyển, và hàng hạ căn biết hồi tâm hướng

về Chánh Pháp. Ngay cả những kẻ đại nghiệp chướng khi gặp Tổ cũng hồi đầu hướng Đạo.

Với lòng từ bi vô lượng, Tổ đã hoằng dương Phật Pháp, rực rỡ như vàng dương, cứu độ vô số chúng sinh ra khỏi nẻo khổ. Tất cả được ghi lại đầy đủ trong bản văn ‘Nhất Bách Thiên Kệ’ (***Gur – Bum***)

(Một trăm ngàn bài kệ của Milarepa).

***Chú Thích:***

1. Chỗ này Tổ sách tấn đệ tử. Sau một thời gian cần khổ dụng công, bây giờ “*tam thế luân không*”, nói gì bây giờ, nhỉ.

## CHƯƠNG MƯỜI HAI: NIẾT BÀN

*Kể về nhân duyên nhập diệt của Tổ. Những di huấn tối hậu của Tổ. Lời huyền ký của Tổ. Lễ Trà Tỳ.*

Khi nhân duyên cứu độ chúng sinh đã hoàn mãn, Tổ an trụ ở nội phạm của vùng Brin. Ở đó có một Pháp Sư (Giảng Sư) uyên bác tên là Tsaphuwa, ông ta rất giàu và có thế lực. Do đó có, ông ta thường ngồi ở vị trí cao nhất trong các buổi lễ tổ chức tại đây. Ngoài mặt, ông ta giả vờ cung kính Tổ, nhưng trong lòng thì rất ganh tỵ, nên vẫn chờ dịp để có thể vãn nạn Tổ về kinh điển giữa chốn đông người, ngõ hầu phơi bày sự dốt nát của Tổ.

Vào tháng Bảy, năm Giáp Dần, có một đám cưới lớn được tổ chức trong vùng, Tổ được mời đến và cung thỉnh an tọa ở vị trí cao nhất của hàng ghế khách quý. Pháp Sư Tsaphuwa được mời ngồi kế bên Tổ. Ông ta bèn thi lễ tổ, với hy vọng là Tổ sẽ đáp lễ, nhưng Tổ đã không làm như ý ông ta muốn. Vì Tổ có thói quen kỳ lạ chỉ làm lễ và đáp lễ với Đức Marpa mà thôi.

Rất bực tức, ông ta tự nhủ: “Cha, một Pháp Sư, lỗi lạc như ta đã chịu thi lễ một kẻ dốt nát như lão, mà lão còn cao ngạo không chịu đáp lễ. Được rồi, ta sẽ hạ nhục lão trước công chúng cho biết tay”. Rồi đưa ra một cuốn kinh, Ông ta hỏi Tổ: “Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ hạ cố khai thị cho tôi rõ về những huyền nghĩa của cuốn kinh này theo sát văn tự.” Tổ bèn đáp: “Việc giải cuốn kinh

này theo văn tự thì ông đã lão luyện quá rồi, nhưng muốn hiểu được thực nghĩa (nghĩa lý chân thực) thì cần phải bỏ mọi ái dục thế gian, phá trừ Ngã Chấp, thể nhập Chân Tánh, và muốn được vậy, thì phải tha thiết dụng công thiền quán ở hang sâu động vắng. Tôi không bao giờ chú trọng chuyện nghiên cứu kinh điển theo văn tự hay chuyện đàm huyền thuyết diệu theo một khối sở tri đã tích lũy sẵn. Những chuyện đó chỉ làm Tâm động, Chứ không ích gì cho sự Kiến Tánh. Về chữ nghĩa tôi rất dốt nát và dù đã có học chẳng nữa thì tôi cũng đã quên mất từ lâu. Hãy nghe tôi ngâm bài kệ này thì sẽ rõ tại sao tôi quên chữ nghĩa”. Rồi Tổ ngâm bài kệ sau:

Kính lạy Thầy, Đức Marpa tôn quý,  
 Xin cho con giáo nghĩa xa lìa.  
 Kể từ thuở Thầy ban huyền chỉ,  
 Con không còn ‘ý mã tâm viên’  
 Tâm từ bi rạng rỡ sáng ngời,  
 Không còn nhớ mình người, đây đó.  
 Mãi huân tu, Thầy ngự trên đầu  
 Tôi không nhớ ai người quyền thế.  
 Mãi huân tu, say mùi thiền duyệt,  
 Xác thân này, tôi nhớ gì đâu.



Mãi huân tu, Mật Tông Bí Pháp,  
 Nhớ gì đâu chữ nghĩa câu kinh.  
 Mãi huân tu, Tam thân quán tưởng,  
 Nhớ gì đâu ái dục, mong cầu.  
 Mãi huân tu bất sanh bất diệt,  
 Nhớ gì đâu chuyện sợ tử sinh.  
 Mãi huân tu tham thiền quán tưởng,  
 Nhớ gì đâu đối thoại luận bàn.  
 Mãi huân tu minh Tâm Kiến Tánh.  
 Nhớ gì đâu nghĩa lý cao siêu.  
 Mãi huân tu Vô Sinh Bất Động,  
 Nhớ gì đâu định nghĩa, lập danh.  
 Mãi huân tu Vạn Pháp Nhất Như,  
 Nhớ gì đâu Thiền này, Thiền nọ.  
 Mãi huân tu Chân Tâm Tịch Chiếu,  
 Nhớ gì đâu văn cú, ngôn từ.  
 Mãi huân tu thân tâm khiêm hạ,  
 Nhớ gì đâu cao ngạo, kiêu kỳ.  
 Mãi huân tu xác thân huyễn hóa,

Nhớ gì đâu lợi dưỡng, tiện nghi.  
 Mãi huân tu thấu triệt Vô Ngôn,  
 Nhớ gì ngữ ngôn văn tự.  
 Ôi, học giả hãy dò xem thử  
 Những điều này trong những cuốn kinh.

Nghe Tô ngâm xong, vị giảng sư nói: “Tất cả những điều này có thể đúng theo tông phái của ngài, nhưng theo phái Giáo nghĩa chúng tôi thì chúng không đi đến đâu. Sở dĩ tôi đã thi lễ Ngài vì tôi cứ ngỡ Ngài là một bậc bác học đa văn”.

Nghe ông ta nói vậy, những người có mặt ở đó đều bất bình, họ lên tiếng: “Thưa Pháp Sư Tonpa, ông có thể uyên bác thật, nhưng vô số người như ông cũng chưa bằng một sợi lông chân của Ngài Milarepa. Xin ông hãy thỏa mãn với vị trí của ông, ông đã được ngồi trước chúng tôi kia mà. Tốt hơn hết là ông hãy tiếp tục làm giàu bằng lối cho vay nặng lãi của ông. Còn về Đạo, ông chẳng có chút hương thơm nào của nó cả!”

Pháp Sư Tonpa rất đỗi giận dữ nhưng không dám phản kháng, vì hầu như mọi người đều chống lại ông ta. Ông ta ngồi lặng câm và suy nghĩ: “Cái lão dốt Milarepa này ăn nói quàng xiên, âm ớ như vậy quả là hủy báng Phật Pháp, mà coi bộ đại chúng lại tôn sùng lão mới chết chứ! Trong khi đó một người tinh thông kinh

điên, học rộng nghe nhiều như ta thì lại không xem ra gì! Phải có biện pháp mạnh mới được!”.

Nghĩ vậy nên sau đó trở về nhà, ông ta thuyết phục một cô thứ thiếp của mình bằng cách hứa sẽ cho cô một viên ngọc bích đáng giá, nếu cô ta chịu đến và tìm cách cúng đường cho Tổ món sữa có đánh thuốc cực độc.

Đã hoàn tất bốn phận của mình là đưa các đệ tử thượng căn lên đường Giải Thoát Viên Mãn, Tổ biết nhân duyên tại thế của người không còn bao lâu, ngay cả nếu Tổ không uống món sữa có pha thuốc độc này. Nhưng Tổ thấy trước rằng nếu người đàn bà không lấy trước viên ngọc bích thì sau này cô ta sẽ không thể nào lấy được, nên Tổ nói với cô ta: “Hiện nay thì ta chưa thể nhận món vật thực do con cúng dường, nhưng một thời gian ngắn nữa, con hãy mang lại và ta sẽ nhận!”

Nghĩ rằng, Tổ đã biết ý định của mình, cô ta rất hổ thẹn và khổ sở, bèn trở về kể lể rành mạch cho Pháp Sư Tonpa nghe. Cô ta cho rằng Tổ có thần thông nên đã từ chối không nhận cúng dường. Nhưng ông ta vội trấn an rằng: “Nếu quả thật lão ta có thần thông, thì lão ta đã không bảo ít lâu nữa em hãy mang đến lại cho lão, mà lão ta đã bắt em hãy uống lấy chứ!”

Rõ ràng lão ta không có thần thông gì cả. Em sẽ có viên ngọc bích ngay bây giờ với điều kiện lão ta dùng món sữa!” Rồi ông ta đưa cho cô viên ngọc. Cô ta nói: “Mọi người đều tin rằng ông

Milarepa có nhiều thần thông thật, chuyện ông ta từ chối không nhận món cúng dường chứng minh điều ấy. Em sẽ thỏa lòng nếu lần thứ hai này ông ta cũng từ chối. Em không muốn viên ngọc bích của anh nữa. Em rất sợ phải đến gần ông ta lần nữa. Chắc em không đi được đâu!”

Pháp sư Tonpa vội nói: “Những kẻ ngu dốt mới tin lão ta có thần thông nhưng thật ra vì không am hiểu kinh điển nên họ bị lão ta lừa gạt. Kinh điển mô tả một vị có thần thông khác xa mẫu người lão ta. Anh tin chắc rằng lão ta chẳng có quái gì. Nếu bây giờ em chịu đem món vật thực lại cúng cho lão ta và làm sao để lão dùng nó thì em quả xứng đáng với tình nghĩa vợ chồng của đôi ta, như ngạn ngữ có câu, ‘Dù ăn nhiều hay ít thì tôi vẫn có mùi tôi’, và chúng ta vẫn sẽ hạnh phúc như thuở nào. Khi đó không những viên ngọc bích là của em, mà em còn là người vợ yêu quý nhất của anh. Chúng ta sẽ cùng nhau an hưởng phú quý cho đến ngày đầu bạc răng long! Em hãy hết sức cố gắng cho thành công nhé!”

Nghe ông ta hứa hẹn đẹp đẽ như vậy, người đàn bà xiêu lòng, cô ta lại trộn món sữa pha thuốc độc và mang đến dâng cho Tổ khi Người ở Trode-Trashi-Gang. Mỉm cười, Tổ đưa tay đón nhận món sữa, khiến cô ta tin rằng Pháp Sư Tonpa đã nói đúng khi cho rằng Tổ không có thần thông. Tuy nhiên, tiếp đó Tổ lại nói; “Con được viên ngọc bích trả công cho việc làm này của con rồi, nhé!” Quá ăn năn và sợ hãi, cô ta run bắn lên, lắp bắp thú nhận: “Bạch Ngài, con đã nhận được viên ngọc bích!” Rồi cô sụp xuống lạy Tổ và van xin

Người đừng dùng món sữa độc, mà hãy trả lại để cô ta uống ngỗ hầu cô ta được đền tội vì đã muốn hại Tô.

Tô nói: “Trước hết, ta không thể nào trả món sữa này lại để con uống vì ta rất thương con. Nếu làm vậy, ta sẽ phạm phải đại nguyên của một Bồ Tát và sẽ chịu quả báo rất nặng nề. Hơn nữa, nhân duyên trụ thế của ta sắp hết, hạnh nguyện của ta đã hoàn mãn. Đã đến lúc ta phải ra đi. Món sữa độc của con sẽ chẳng có chút ảnh hưởng gì đến ta cả! Lần trước, sở dĩ ta từ chối là để con được viên ngọc bích trả công cho tội lỗi của con. Bây giờ con đã có viên ngọc, ta sẽ dùng món sữa độc này để giúp pháp sư Tonpa được toại nguyện và viên ngọc xứng đáng thuộc về con. Còn những điều mà ông ta hứa hẹn với con về tương lai thì con chớ vội tin vì ông ta sẽ hất hủi con. Tất cả những gì ông ta nói về ta đều không đúng. Sẽ có lúc cả con lẫn ông ta đều phải ăn măn về việc làm này. Đến khi đó, các con hãy thành tâm sám hối, và nếu không được vậy thì ít ra cũng phải tránh xa các việc ác. Nếu gặp chuyện không may, hãy thành khẩn cầu nguyện ta và các đệ tử của ta. Hãy về đi, hai con sẽ bị đau khổ trong nhiều kiếp vì việc làm này. Âu cũng là nghiệp chướng của con. Ta cũng xem liệu ta có thể cứu con khỏi nghiệp báo nặng nề này không. Nhưng ta yêu cầu con phải giữ kín chuyện này chừng nào ta còn sống. Sau này rồi mọi người sẽ biết. Dù có thể con đã không tin những gì người khác nói về ta nhưng nhờ chuyện này con có nhân duyên để tin ta. Hãy nhớ lấy và chờ đợi mọi chuyện sẽ diễn ra!”. Rồi Tô dùng món sữa độc.

Khi cô thứ thiếp trở về kể lại cho Pháp Sư Tonpa nghe, thì ông nói: “Đã chắc gì lão ta nói đúng! Ngạn ngữ có câu, ‘Chưa chắc nấu là ăn được’, Đối với anh, lão ta đã uống món sữa đó là đủ rồi. Còn em hãy cẩn trọng và giữ miệng cho kín!”.

Trong khi đó, Tổ cho mời mọi người ở vùng Tingri Và Nyanam (dĩ nhiên là đệ tử của Tổ) đến, kể cả người trước đây muốn đến mà chưa đến. Tất cả đại chúng đều băn khoăn trước việc lạ lùng này. Do đó hàng đệ tử xuất gia và tại gia đều tụ tập đầy đủ ở Lapchi-Chubar. Tại đây, trải qua nhiều ngày, Tổ khai thị cho đại chúng về Lý Nhân Quả và Pháp Thân.

Suốt thời gian này, các hàng trời người đều được lợi ích lớn, những đệ tử thượng thủ đều thấy rõ sự tham dự của Chư Thiên cũng như hàng phi nhân. Tất cả đều hoan hỷ nghe Tổ thuyết pháp. Một nỗi hỷ duyệt bao trùm cả đại chúng, mỗi một thính chúng đều nhận được điềm lành. Có người thấy mộng trời ngũ sắc rực rỡ, có người thấy vàng mây nhiều màu mang hình dáng lộng che, cờ phướn vv... Cũng như hình muôn loài hoa. Tất cả đều được nghe tiếng nhạc trời du dương, lại được ngửi những mùi hương êm dịu. Những đệ tử trung căn liền thưa hỏi Tổ về những hiện tượng hy hữu này, vì đây là lần đầu tiên chính mắt họ được thấy cảnh Trời Người cùng dự hội nghe Pháp.

Tổ bèn đáp: “Trong loài người, kể cả xuất gia và tại gia, hàng chúng đạo rất hy hữu, nhưng đối với Chư Thiên, được nghe thuyết

pháp thì họ rất hoan hỷ. Do vậy các con cũng được thụ hưởng niềm hoan hỷ đó!”

Nghe vậy, họ lại hỏi: “Bạch thầy, tại sao một số đông đại chúng lại không được thấy Chư Thiên?” Tổ đáp: “Nhiều vị trong Chư Thiên đã đắc quả vị A-đà-hàm (Bát Lai) (Anagari). Do đó, để thấy được họ, phải có thiên nhãn hoặc huệ nhãn. Nếu thấy được Thiên Vương (Thiên Chủ, chủ cõi trời nào đó) thì sẽ thấy được Thiên Chúng của cõi trời đó. Ai muốn được thấy Chư Thiên thì hãy tha thiết dứt trừ nghiệp ác. Nhưng rốt ráo là thể nghiệm Chơn Tâm sáng sạch nhiệm màu thường trụ trong chính mình.”

Rồi Tổ ngâm bài kệ ‘Kiến Chư Thiên Pháp’ (Cách để thấy Chư Thiên).

Quy mệnh Đức Marpa tôn quý!  
 Xin gia bị con cháu của Người.  
 Con, đệ tử Milarepa xin kính bạch,  
 Hàng Chư Thiên tụ tập dường mây,  
 Để nghe con thuyết Pháp Hội này,  
 Cả đại chúng hân hoan để thỉnh.  
 Để được thấy Chư Thiên câu hội,  
 Ất phải cần Thiên Nhãn trở lên,  
 Phàm phu nhục nhãn chẳng thấy gì,

Con thấy hết chẳng gì ngăn ngại.  
 Hàng Chư Thiên cúng dường nhiều cách,  
 Lợi lạc cho cả Pháp Hội này,  
 Các cõi trời cầu vòng ngũ sắc,  
 Rải thiên hoa thơm ngát hư không,  
 Thiên nhạc kia được tấu vang lừng,  
 Khiến đại chúng hân hoan hy hữu .  
 Được như vậy cũng nhờ Từ Lực,  
 Của bao đời Chư vị Tổ Sư.  
 Hãy một lòng quy y Tam Bảo,  
 Và lắng tai nghe kỹ kệ này,  
 Nếu như muốn Chư Thiên rõ thấy.  
 Bởi ác nghiệp của bao đời trước,  
 Vừa sinh ra, tập khí lầy lừng,  
 Việc thiện làm mấy ai ưa muốn,  
 Nên về già nghiệp lực kéo lôi,  
 Với sức mạnh không gì cưỡng nổi.  
 Ác nghiệp kia làm sao hóa giải?  
 Thiện nguyện này giải dễ như không!



Hỡi những ai chỉ quen làm ác,  
Quả chín mùi đau khổ dường non (núi).  
Có những kẻ còn đang triền phược,  
Lại làm thầy hướng dẫn chúng sinh,  
Mù dẫn đám đui sa hầm hố.  
Nếu ông muốn không còn bị khổ,  
Vậy thì đừng gây khổ cho ai!

Hãy đánh lễ Long Thiên, Tam Bảo,  
Và ăn năn ác nghiệp tiền khiên,  
Phát đại nguyện thề không tái phạm,  
Ấy nẻo tắt, diệt sạch tội duyên.  
Kẻ ác nhân chỉ lo hưởng quả,  
Mà gieo nhân thì lại xấu xa.  
Chúng biết chi đến chuyện tu hành,  
Quả là bị vô minh nghiệp chướng.  
Hãy tha thiết tu hành tinh tấn,  
Ác phải trừ, chúng thiện phụng hành,  
Nếu quả thực làm như vậy được,

Cảnh Chư Thiên trông thấy dễ dàng,  
 Và hơn nữa ông còn thể thấy,  
 Phật Pháp Thân bất diệt bất sinh,  
 Sinh Tử, Niết Bàn không riêng khác,  
 Còn nói chi nghiệp lực triền miên!

Nghe Tổ ngâm bài kệ trên, hàng Chư Thiên và đệ tử thượng căn đều ngộ được Chơn Tánh. Hàng đệ tử trung căn được nhập vào Tam Muội mà trước đó họ chưa hề biết. Nhờ vậy họ đắc Sơ quả (Nhập Lưu) Toàn thể đại chúng đều phát Bồ Đề Tâm.

Tổ lại khai thị cho đại chúng: “Này các con, hiện nay chúng ta tụ hội nơi đây cũng là do duyên lành đời trước. Tất cả đều thể hiện tinh thần lục hòa mà Đức Phật đã dạy. Bây giờ, thầy đã già nua rồi, không chắc rằng chúng ta còn cơ duyên gặp lại nhau lần nữa trong hiện đời, thầy khuyên tất cả mọi người hãy ghi nhớ những bài Pháp mà thầy đã dạy, và hơn thế nữa, hãy thực hành chúng trong đời sống thường nhật với nỗ lực cao nhất của mình. Nếu được vậy, thì dù thầy ở quốc độ nào đi nữa, các con cũng sẽ là những đệ tử đầu tiên được thọ giáo của thầy, hãy hoan hỷ.”

Khi nghe Tổ dạy như trên, những đệ tử đến từ vùng Nyanam hỏi nhau rằng phải chăng Tổ đã sắp sửa viên tịch, và nếu vậy họ sẽ thỉnh cầu Người nhập Niết Bàn ở Nyanam, hay nếu không được như thế thì ít ra Người cũng sẽ viếng thăm vùng Nyanam lần chót.

Bàn tính với nhau xong, họ đến gặp Tô, rờ bàn chân Người (một lễ nghi biểu lộ tôn kính ở Tây Tạng), rồi hết lòng thành khẩn thỉnh cầu người ban cho họ phước báu trên. Những đệ tử của vùng Tingri cũng thỉnh cầu Tô cho họ được như thế.

Nghe họ thỉnh cầu xong, Tô đáp: “Thầy đã quá già rồi, không còn đủ sức để đi đến Nyanam hay Tingri. Thầy sẽ qua đời ở Brin và Chubar. Bởi vậy, các con có thể chúc lành vĩnh biệt thầy và trở về cố hương. Thầy sẽ gặp tất cả các con ở cõi Thượng Thiên.”

Nghe Tô dạy vậy, họ lại xin rằng nếu Tô không đi được đến xứ họ, thì xin Người hãy chúc lành cho những nơi mà Người đã đi qua, cho tất cả những ai đã được nghe hay nhìn thấy Người. Nói tóm lại là xin Tô chúc lành cho tất cả chúng sinh trong pháp giới.

Nghe đại chúng thỉnh cầu như thế, Tô dạy: “Thầy hoan hỷ trước tín tâm mà các con đã đặt vào thầy, cũng như những vật thực mà các con đã cúng dường cho thầy. Thầy đã tỏ lòng biết ơn bằng cách chú nguyện cho các con, và hơn thế nữa, dạy Đạo cho các con. Chúng ta đã gieo những thiện duyên với nhau, là một hành giả đã thể nhập Chơn Tánh, bốn phận của thầy đương nhiên là chúc lành cho các con, cả thân lẫn tâm, cả hiện đời lẫn viễn kiếp.”

Rồi Tô ngâm bài kệ ‘Thiện Nguyện’.

Kính lễ chân Thầy, ôi Đức Marpa.  
Đấng hộ trì hết thảy chúng sinh.  
Hỡi đại chúng bốn phương vân tập,  
Hãy nghe đây lời dạy của thầy,  
Do nhân duyên của bao đời trước,  
Nên giờ này lại gặp gỡ nhau,  
Hãy hoan hỷ các con, đệ tử,  
Đời vị lai ta lại gặp nhau.  
Hỡi những kẻ gieo trồng ruộng phước  
( phước điền),  
Sẽ sống lâu và hưởng sang giàu.  
Nguyện ác niệm không vào Tâm được,  
Thiện nguyện kia dẫn dắt tu hành.  
Nguyện chốn này mưa hòa gió thuận,  
Nguyện cho người mạnh khỏe yên vui,  
Nguyện cho tất cả đều no đủ,  
Nguyện mong sao kẻ kẻ thiện lành.  
Nguyện cho ai thấy, nghe ta nói,  
Và những người nghe kể về ta,

Hoặc tới thiếu tên ta nghe đến ,  
 Sẽ gặp ta ở cõi Niết bàn.  
 Nguyên cho ai tìm hiểu đời ta,  
 Sẽ tha thiết dụng công thiền quán,  
 Cả những người chép, kể hay nghe,  
 Hoặc là đọc cuộc đời ta đó,  
 Rồi noi theo tinh tiến tu hành  
 Sẽ gặp ta trên đường Giải thoát,  
 Nguyên vị lai hết thấy chúng sinh,  
 Hễ phát tâm tinh tu thiền quán,  
 Nhờ oai thần phù trợ của ta,  
 Sẽ thoát mọi bệnh “Thiền” nguy hiểm.  
 Còn những người tha thiết khổ tu,  
 Họ sẽ hưởng phước đức vô lượng,  
 Thiện tri thức dạy người nẻo Đạo,  
 Ân đức kia khó thể nghĩ bàn.  
 Nguyên cho ai nghe đến đời ta,  
 Sẽ giải thoát ngay trong hiện kiếp.  
 Nguyên chỗ ở và vật ta dùng,

Đều mãi mãi ân lành che phủ.

Nguyện tứ đại: Địa, Phong, Thủy, Hỏa,

Và Thái Hư ngậm chứa mười phương,

Đều nhận lấy Từ Lực ta đó.

Nguyện các hàng Bát Bộ Thiên Long,

Cùng các vị Thần Vương, Tiểu Thánh (?),

Hãy hộ trì Phật Pháp hưng long.

Xin nguyện rằng Từ Lực của ta,

Độ hết thầy chúng sinh giải thoát.

Nghe bài kệ trên xong, các đệ tử tại gia rất hoan hỷ, vì họ không rõ. Tổ sắp qua đời hay không. Bởi thế, những đệ tử ở vùng Nyanam và vùng Tingri là những người nôn nóng, mong được nghe Tổ thuyết pháp và ban Từ Lực nhất.

Chẳng bao lâu đại chúng giải tán và trở về quê cũ. Các điếm lành cũng biến mất.

Bấy giờ, lại đến lượt chúng đệ tử ở vùng Brin, thông qua Ngài Shiwa-Wod-Repa và một số đại đệ tử khác, thỉnh cầu Tổ dạy Đạo cho họ. Do vậy, Tổ đến ở một thảo am được dựng trên đỉnh một tảng đá lớn gọi là “Xúc Độc”, tương truyền tảng đá này là xà ắn, tượng trưng cho Xà Vương Brin nên thảo am được dựng ở đây để chế ngự Xà Vương. Tại đó, Tổ dạy Đạo cho chúng đệ tử ở Brin. Khi

kết thúc thời pháp, Tổ dạy: “Này các con, hễ ai còn bất cứ thắc mắc gì liên quan đến những thời pháp đặc biệt mà thầy đã dạy cho các con, thì cứ việc thưa hỏi vì thầy không còn tại thế bao lâu nữa!”

Nghe vậy, toàn thể đại chúng vùng Brin cúng dường lễ vật để cử hành nghi thức ‘Puja’. Sau khi làm lễ Puja, họ lắng nghe Tổ quyết nghị những chỗ còn chưa rõ trong những thời pháp đặc biệt vừa qua.

Kê đó, hai Ngài Brin-Gom-Repa và Seban-Repa làm lễ Tổ và hỏi rằng: “Bạch thầy! Qua những gì thầy vừa dạy, chúng con sợ rằng thầy sắp nhập Niết Bàn. Thưa thầy, Phải chăng là đúng như vậy?” Tổ đáp: “Hạnh nguyện của thầy đã hoàn mãn. Hễ có sanh là có diệt.”

Vài ngày sau, Tổ thị hiện lâm bệnh và Ngài Ngan-Dzong-Repa thay mặt chúng đệ tử sửa soạn lễ vật cúng dường tạ lỗi lịch đại Tổ Sư cùng Long Thiên Hộ Pháp. Đồng thời, Ngài thỉnh cầu Tổ dùng thuốc men trị liệu. Khi Ngài sai khiến đại chúng sắp sửa hoàn tất những chuyện trên thì Tổ nói: “Theo thông lệ trong Đạo, hễ một hành giả (người tu) đau ốm, thì đó là sự sách tấn để người đó càng tha thiết dụng công và ông ta không được cầu khẩn để mong bình phục. Người tu phải sử dụng bệnh tật như một trợ lực để tinh tiến trên đường Đạo, luôn luôn sẵn sàng để đón nhận đau khổ, kể cả cái chết. Riêng phần thầy, Milarepa, nhờ ân đức của Sư Ông tôn quý Marpa, thầy đã hoàn tất mọi nghi thức trị bệnh theo những phương

tiện thù thắng của Người. Bởi thế, bây giờ thầy không cần phải nhờ cầu đảo giùm hoặc cầu xin ai. Thầy đã khiến kẻ tử thù của mình trở thành bạn chí thân, bởi vậy thầy không cần cầu đảo hay tạ lỗi gì cả. Thầy cũng không cần cầu xin Thần Vương nào vì thầy đã hoán cải các Ác thần thành các vị Hộ Pháp, họ sẽ cử hành bốn loại nghi thức. Mọi bệnh tật đều phát sinh từ Ngũ Độc, mà thầy đã chuyển Ngũ Độc thành Ngũ Trí, bởi thế Thầy không cần gì thuốc thang. Đã đến thời điểm mà cái xác thân hữu hình, huyền hóa phát Sinh từ Pháp Thân này phải dung hóa vào Thường Tịch Quang, bởi vậy, mọi nghi thức cầu đảo đều không cần thiết .

“Người đời chông chất ác nghiệp suốt đời và dĩ nhiên phải gặt lấy khổ quả ‘Sinh, Lão, Bệnh, Tử’ nhưng họ lại tìm cách né tránh nỗi khổ bằng cách dùng thuốc thang hay cầu đảo. Không thể dùng uy quyền của vị vua, can đảm của bậc anh hùng, sắc đẹp của mỹ nhân, van xin của kẻ hèn nhát, biện tài của vị pháp sư, để làm chậm lại cái chết dù trong khoảnh khắc. Hoàn toàn không có phương tiện nào để ngăn cản được cái chết.

“Nếu có ai thực sự sợ hãi sinh tử và thành khẩn mong muốn Giải Thoát thì thầy quả có Bí Pháp cho họ”

Nghe Tổ dạy vậy, một số đệ tử thỉnh cầu Tổ khai thị cho họ Bí Pháp đó.

Tổ dạy: “Này các con! Mọi ái dục thế gian đều dẫn đến kết cục đương nhiên không thể tránh né được, đó là Đau khổ. “Được” dẫn



đến ‘Mật’, ‘Xây dựng’ dẫn đến ‘Hur Hoại’, ‘Đoàn Tụ’ đưa đến ‘Chia Ly’, ‘Sinh ra dẫn đến’ ‘Chết đi’. Biết vậy, ngay từ đầu ta phải bỏ sự thủ đắc và tích lũy, sự xây dựng hay đoàn tụ, mà hãy tin lời dạy bảo của một vị Minh Sư và hạ thủ thể nghiệm Chơn Tánh (*bất sinh bất diệt*). Đó là Bí Pháp Tối Thượng Thừa. Thầy vừa dạy xong bài pháp quan trọng cuối cùng. Các con hãy ghi nhớ!”.

Hai Ngài Shiwa-Wod-Repa và Ngan-Dzong-Repa lại đứng lên làm lễ và thưa rằng: “Bạch thầy! Nếu thầy lành bệnh, thầy có thể tiếp tục cứu độ cho thêm nhiều chúng sinh! Bởi vậy, dù thầy thấy rằng không cần phải đáp lại sự thỉnh cầu của chúng con, thì cũng kính mong thầy hoàn hỷ cử hành một nghi thức cầu đảo Mật Tông và dùng chút ít thuốc men cho chúng con được yên tâm.”

Tổ đáp: “Nếu thời tiết (thị tịch) chưa đến, thì thầy đã làm như sự thỉnh cầu của các con. Nếu cử hành một nghi thức Mật Tông để cầu đảo trường thọ cho mình mà không có tâm vì lợi lạc quần sinh, thì sẽ có lỗi đối với Chư vị Thần Vương Thủ Hộ, cũng như đối với một vị vua mà thỉnh cầu Ngài đi quét sân hốt rác cho mình! Một hành động như vậy sẽ mang theo nó sự quở phạt. Bởi thế, thầy yêu cầu các con đừng bao giờ cử hành một nghi thức Mật Tông vì mục đích thế gian. Dù rằng những người còn u mê (vô minh) mà làm vậy thì không bị quở phạt. Suốt đời thầy, thầy đã tu tập miên mật các Bí Pháp Mật Tông Tối Thượng để lợi lạc cho hết thảy chúng sinh, cũng như các Đạo nghi (nghi thức tôn giáo) hiện nay. Nhờ sự tha thiết đó, tâm thầy luôn luôn ở Đại Định (samadhi), điều đó cũng

đủ cho nghi thức cầu trường thọ rồi. Phương dược của Sư Ông Marpa diệt trừ ngay gốc rễ mọi thứ bệnh của Ngũ Độc (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi), vậy thì cần gì thuốc thang. Về phần các con, chỉ mang danh hay khoác áo “nhà sư” thôi thì chưa đủ, các con hãy dùng mọi thử thách và gian khổ để trợ lực trên đường Đạo. Nếu số chưa đến ngày chết, hoặc bị ma quỷ quấy phá, thì không hại gì khi dùng thuốc men hoặc nghi thức cầu đảo, với điều kiện là để tinh tiến trên đường tu. Bởi thế, thuở xưa, Đức Phật đã đưa tay cho Ngài Y Sư Kumara bắt mạch và uống thuốc do ngài bốc, vì Đức Phật nghĩ đến sự lợi ích của hàng đệ tử hạ trí. Nhưng khi thời tiết đến, thì chính Đức Phật cũng nhập Niết Bàn. Cũng vậy, hiện nay số thầy đã mãn, thầy sẽ không dùng thuốc men hay nghi thức cầu đảo gì cả.”

Như thế, Tổ đã không cho phép đệ tử làm gì cho Người. Hai vị đại đệ tử thượng thủ lại hỏi: “Bạch thầy, nếu quả thật thầy thị tịch thì xin thầy cho chúng con biết lễ Trà Tỳ sẽ cử hành ra sao, xá lợi sẽ được cúng dường như thế nào, Bảo Tháp sẽ xây ra sao? Lại nữa, ai sẽ là người kế vị thầy? Hàng năm lễ cúng thầy sẽ cử hành như thế nào? Đối với các Pháp Môn, chúng con sẽ vẫn, tu, tu ra sao? Chúng con mong được thầy dạy rõ về tất cả những vấn đề trên.”

Tổ bèn trả lời: “Nhờ ân đức của Sư Ông Marpa, thầy đã hoàn tất mọi hạnh nguyện của vòng Sinh Tử (Luân Hồi) và đã Giải Thoát. Thân, Khẩu, Ý của thầy đã chuyển thành pháp Thân, không chắc gì thầy sẽ để lại xác thân sau khi mất. Vậy thì cần gì Bảo Tháp! Thầy không có Tổ Đình hay tự viện, vậy thì cần gì chỉ định

người kế vị thầy! Những núi non hiểm trở hang động hoang vắng là phần của tất cả các con! Hãy hộ trì cho hết thầy chúng sinh trong lục đạo như con thơ hay đệ tử của mình. Hãy có lòng từ bi lân mẫn đối với tất cả Pháp Giới, và nêu cao ngọn Thắng Phướn, thay vì dựng lên các Bảo Tháp. Hãy thay thế các Thánh Tích bằng cách phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện mỗi ngày. Để cúng giỗ ngày thầy qua đời, hãy cúng dường cho thầy những lời nguyện chân thành nhất, phát xuất từ đáy lòng. Về việc tu tập các Pháp Môn, hễ tu bất cứ môn gì mà các con thấy tăng thêm ái dục và dẫn đến Chấp Ngã, thì hãy dứt bỏ ngay, dù môn đó mang vẻ đạo đức trên hình tướng. Bất cứ hành động nào dẫn đến đoạn trừ Ngũ Dục và lợi lạc cho chúng sinh, thì biết đó là Chánh Pháp. Hãy tu theo môn đó, dù nó có vẻ tội lỗi chẳng nữa.

Nếu sau khi nghe những lời khuyên bảo này mà không theo nổi, lại vi phạm, thì người đó báng pháp. Dù anh ta có đa văn quảng kiến đến đâu nữa, người đó cũng sẽ đọa địa ngục. Đời sống ngắn ngủi, cái chết không biết khi nào tới. Hãy nỗ lực dụng công! Đừng làm các điều ác và tạo phước đức bằng mọi giá, kể cả sinh mạng của mình!

Có thể tóm lại như sau: “Hãy làm sao để mình không có gì phải tự hổ thẹn. Nhớ kỹ điều đó. Nếu làm được như vậy là các con đã tuân theo lời dạy của Chư Phật ba đời, bất chấp mọi qui tắc mâu thuẫn đã ghi lại thành văn. Thầy đã chỉ dẫn cặn kẽ cho các con rồi đó. Tâm lão già này sẽ hoan hỷ nếu các con chịu làm theo đó và

nếu tâm thầy hoan hỷ thì hạnh nguyện của các con sẽ được hoàn mãn đối với cả Sinh Tử lẫn Niết Bàn ! Không còn cách nào khác, dù theo cái nhìn của thế gian có hay đẹp đến đâu chăng nữa, để làm cho thầy hoan hỷ!”

Rồi Tổ ngâm bài kệ ‘Thiện Sự’:

Đánh lễ chân Người, hỡi Đức Marpa!  
 Chúng đệ tử ân cần thưa hỏi,  
 Hãy lắng nghe lời dạy của ta,  
 Lão già Milarepa, tuổi đời chồng chất,  
 Chẳng bao lâu gần đất xa trời,  
 Nhờ ơn đức Sư Ông dạy dỗ,  
 Đã hoàn tất hạnh nguyện một đời.  
 Hỡi các con khắp hàng đệ tử,  
 Hãy vâng theo lời dạy của thầy,  
 Thì chỉ trong hiện kiếp đây thôi,  
 Hoàn mãn cả vô lượng hạnh nguyện  
 Đẹp lòng thay Chư Phật ba đời,  
 Còn ngoài ra nào có ích chi,  
 Chỉ tạo nghiệp buộc ràng không dứt.

Trừ phi gặp Minh Sư Tâm Ân,  
 Còn nếu không thụ pháp ích gì.  
 Trừ phi được minh tâm kiến tánh,  
 Có ích chi chỉ nhớ Chân Ngôn.  
 Không từ bỏ thế gian ái dục  
 Có ích chi Bí Pháp tham thiền.  
 Thân, Khẩu, Ý còn lìa chân Tánh,  
 Có ích chi Nghi thức này kia.  
 Nếu không có lòng từ lân mẫn,  
 Có ích chi nhẫn nhục nén lòng.  
 Nếu không bỏ tâm thương và ghét,  
 Có ích chi các chuyện cúng dường.  
 Nếu chẳng diệt cái tâm Chấp Ngã,  
 Có ích chi bố thí cho nhiều.  
 Nếu không rõ oán thân bình đẳng,  
 Có ích chi địa vị Pháp Sư.  
 Nếu không có tấm lòng tưởng nhớ,  
 Có ích chi Bảo Tháp này kia.  
 Nếu không chịu dụng công tu tập,

Có ích chi Xá Lợi vô ngần.  
Nếu không có tâm thành thiện nguyện,  
Có ích chi cúng giỗ hằng năm.  
Nếu không có Chân Sư, Diệu Pháp,  
Có ích chi đau khổ đường non (núi)  
Nếu không có cả Bi cùng Trí,  
Xá lợi kia nhìn ngắm ích chi.  
Nếu không thực ăn năn sám hối,  
Có ích chi miệng phát nguyện sông.  
Nếu không thấy mình, người là Một,  
Có ích chi chuyện xót thương ai.  
Nếu không dứt gốc ân, rễ ái,  
Biết làm sao cứu độ chúng sinh?  
Nếu chẳng biết tuân lời thầy dạy,  
Có ích chi đê tử cho nhiều.  
Hãy từ bỏ tức khắc chuyện ác  
Khổ mình người, lợi lạc gì đâu!  
Ta, hành giả hoàn thành hạnh nguyện,  
Có cần chi chuyện mới mang thêm.

Bài kệ này đã ghi khắc sâu xa vào tâm đại chúng.

Sau đó, Tô thị hiện đau nặng. Cũng vào lúc này, Pháp Sư Tsaphuwa đến viếng thăm Tô, mang theo một ít thịt và bia *Chhang* để cúng dường, nhưng thực ra là để xem Tô ra sao. Ông nói với Tô: “Thưa Ngài, một bậc hiền thánh như Ngài không nên để khổ sở với cơn ác bệnh như thế. Nhưng đã lỡ vậy rồi thì, nếu được, Ngài cũng nên chia sót cho các đệ tử. Hoặc giả, nếu có cách chuyển bệnh, thì hãy chuyển sang cho một người khác như tôi chẳng hạn! Còn nếu không được, thì làm sao bây giờ, hở, Ngài?”

Tô cười và đáp rằng: “Thực ra, bệnh này chẳng quấy rầy gì tôi cả, nhưng như ông đã quá rõ, tôi có chọn lựa gì đâu. Thực ra sự đau ốm của một người tu và của một người thường không cùng một tính chất. Trong trường hợp đặc biệt này, bệnh của tôi là một món trang sức đối với tôi!”

Rồi Tô ngâm bài kệ sau:

Trong Chân Tánh rõ ràng hiển hiện,  
Cả Tử Sinh cùng với Niết Bàn.  
Khi hai tay chấp lại thuận nhiên,  
Đại Thủ Ấn hiển bày ra đó.

Ở trong ta thân nhiên bất động  
 Chẳng còn gì đối đãi, nhị nguyên.  
 Nào ác độc, tội khiên, đau ốm,  
 Đối với ta đều nước cam lồ,  
 Chúng với ta thân thương gần gũi,  
 Để cho ta trang sức mà thôi.  
 Nguyên cho ai ác niệm tiêu trừ,  
 Bệnh tật với ta đâu sá kể.  
 Nếu ta muốn chuyển ngay đâu khó,  
 Nhưng cần gì làm vậy hử, ông?

Pháp sư Tsaphuwa nhủ thầm: “À! Lão ta nghĩ mình đánh thuốc độc lão ta đấy, nhưng không lấy gì làm chắc! Còn chuyện lão ta có thể chuyển bệnh thì chắc là không được rồi dù lão ta có muốn chẳng nữa!” Rồi ông ta nói: “Thưa Ngài, tôi muốn biết nguyên nhân thật sự gây bệnh của Ngài. Nếu là do ma quỷ quấy phá, thì hãy cầu đảo đuổi chúng đi. Còn nếu do cơ thể mất quân bình, thì hãy điều hòa Âm Dương, nhưng bệnh ra sao thì tôi không rõ. Tuy vậy, nếu bệnh có thể chuyển được thì xin Ngài cứ chuyển sang tôi, nhé!”

Tô đáp: “Một số chúng sinh bị cầm tù bởi con quỷ độc hại nhất trong các loài quỷ, đó là con quỷ ‘CHẤP NGÃ’. Chính con quỷ này



gây ra cơn bệnh của tôi, đã làm mất sự quân bình cơ thể tôi. Không thể cầu đảo con quỷ này mà cũng không thể chữa cơn bệnh. Nếu tôi chuyển bệnh sang cho ông thì dù chỉ trong giây lát, ông cũng không chịu nổi đâu. Bởi thế mà tôi không chuyển!”

Ông ta lại nghĩ thầm: “À! Không chuyển được nên tìm cách né tránh. Lại bảo là không muốn chuyển!”. Bởi vậy, ông ta năn nỉ Tô: “Làm ơn chuyển sang tôi, đi!”.

Tô đáp: “Thôi được! Tôi sẽ không chuyển bệnh sang ông, mà sang cánh cửa lớn kia, rồi ông sẽ thấy sức mạnh của cơn bệnh!”. Nói xong, Tô chuyển bệnh sang cánh cửa thiền phòng, lập tức cánh cửa phát ra tiếng răng rắc, trèo trẹo. Nó run rẩy, vụn vụn như sắp bể nát ra. Cùng lúc ấy, Tô có vẻ như đã hết bệnh.”

Ông Pháp Sư lại nghĩ thầm: “Đây chắc cũng là trò quỷ thuật mà thôi! ” Rồi nói lớn: “Kỳ diệu quá đời! Làm ơn chuyển sang tôi đi!” Rồi Tô thu lại cơn đau từ cách cửa và chuyển sang ông ta, đồng thời cho ông ta hay , đó chỉ mới một nửa cơn đau và hỏi ông ta cảm thấy ra sao.

Pháp Sư Tsaphuwa đau đớn đến nỗi ông ta cảm thấy như sắp chết đến nơi. Rồi nhờ chính mình cảm thấy nỗi đau đớn ghê gớm mà Tô đang phải chịu đựng, ông ta thành tâm ăn năn sám hối tội lỗi của mình. Ông ta nâng bàn chân của Tô đặt lên đầu mình, khóc lóc mà thưa rằng: “Ôi, lạy Thầy, đúng như Thầy đã dạy, cơn bệnh mà thầy đang phải chịu là do con, một chúng sinh đang bị ám ảnh bởi

sự ích kỷ và ganh tỵ. Con van thầy, xin nhận mọi của cải, động sản cũng như bất động sản của con, mà tha thứ cho con tội lỗi này, để ác nghiệp khỏi oằn nặng trên vai con!”

Ông ta nói những lời này với tâm thành khẩn ăn năn, Tổ thấy rõ điều đó và tha thứ cho ông ta. Tổ thu lại cơn đau về mình rồi nói: “suốt đời thầy, thầy không hề sở hữu một mái nhà hay của cải chi cả. Mà nay trên giường bệnh, khi mà thầy lại càng không cần món gì cả, thì thầy làm gì với của cải thế gian? Con hãy giữ lấy món cúng dường của con và từ nay chớ hủy báng Chánh Pháp nữa. Còn tội lỗi mà con đã gây ra, thầy sẽ chú nguyện để con khỏi bị nghiệp báo vì ác nghiệp đó”.

Rồi Tổ ngâm kệ sau:

Xin đánh lễ dưới Chân Thầy Tổ!

Ngay cả đến Ngũ Vô Gian tội .

Hễ thành tâm sám hối, Giải trừ.

Xin nguyện rằng công hạnh của ta,

Cùng với của ba đời Chư Phật

Sẽ giải đi vô lượng tội khiên,

Của hết thầy chúng sinh ba cõi.

Nguyện rằng tội của ông cũng thế,

Tiêu trừ đi chẳng sót chút gì!

Xót thương thay cho kẻ u mê,  
 Tạo tội với mẹ cha, thầy Tổ  
 Nguyện rằng công hạnh của ta,  
 Sẽ hóa giải tiêu tan mây khói.  
 Nguyện xa đi những hàng ác hữu,  
 Nguyện vị lai chỉ gặp bạn lành.  
 Nguyện đề phòng coi chừng Lục Tặc,  
 Chúng phá đi kho báu của ông.  
 Xin nguyện rằng hết thấy chúng sinh,  
 Tâm Bồ Đề, hãy mau sớm phát.

Nghe Tổ ngâm xong như trên, vị Pháp Sư rất hoan hỷ. Với tín tâm sâu xa và lòng hân hoan vô lượng, ông phát nguyện rằng từ nay về sau ông sẽ từ bỏ mọi điều ác và chí tâm tinh tiến tu hành cho đến lúc chết. Ông thưa với Tổ: “Bạch thầy! Những tội lỗi mà con đã gây ra trong quá khứ là do con ham tiền của. Từ nay con sẽ không còn ham nhà cửa, đất đai, của báu hay chi chi nữa! Bởi thế, dù thầy không cần món gì cả, nhưng xin cho con cúng dường hết tài sản để chúng đệ tử, huynh đệ có phương tiện tu hành. Con thỉnh cầu thầy cho phép.”

Dù ông năn nỉ hết lời, Tổ vẫn không chấp thuận. Nhưng sau này, chúng đệ tử đã dùng của cải đó để lo táng lễ cho Tổ cũng như

các kỳ cúng Tổ hàng năm, kéo dài cho đến nay. Và dĩ nhiên, Pháp Sư Tsaphuwa trở nên một đệ tử nhiệt thành của Tổ.

Sau đó, Tổ dạy: “Thời gian thầy ở chôn này đã mang lại kết quả. Một kẻ đại nghiệp chương đã sám hối và hồi tâm về đường Giải Thoát. Bốn phận của thầy ở đây đã hoàn mãn. Một hành giả (người tu) không nên ở lâu ở một tục gia (chỗ ở của người đời) Một người tu mà chết trong thôn xóm thì không khác gì một ông vua băng hà ở một nơi dân dã. Thầy sẽ qua đời ở Chubar.”

Ngài Seban-Repa thưa: “Với bệnh tình trầm trọng hiện nay của thầy, mà phải đi bộ thì chịu sao thấu. Xin cho tụi con khiêng thầy bằng kiệu (võng).”

Tổ đáp: “Đối với thầy, đau ốm hay chết chóc đều là huyễn hóa. Thầy thị hiện ở đây cách đau ốm. Ở Chubar thầy sẽ thị hiện cảnh chết chóc. Bởi vậy, thầy không cần kiệu chi cả, hãy cho vài đệ tử trẻ về Chubar trước đi .”

Thế là một nhóm đệ tử trẻ về Chubar trước, nhưng lạ thay họ thấy Tổ đã ở động Ngưu Thiết (ở Chubar). Nhóm đệ tử trung niên lại hộ tống một vị Milarepa khác đi về. Một vị Milarepa khác đang nằm đau ở thảo am ‘Xúc Độc’! Khi vị Milarepa này đang trên đường về, thì vị Milarepa kia đang thuyết pháp ở Xích Thạch! Hơn nữa, bất kỳ ai ở tại nhà mà làm lễ cúng vĩnh biệt Tổ thì đều có Tổ hiện ra!

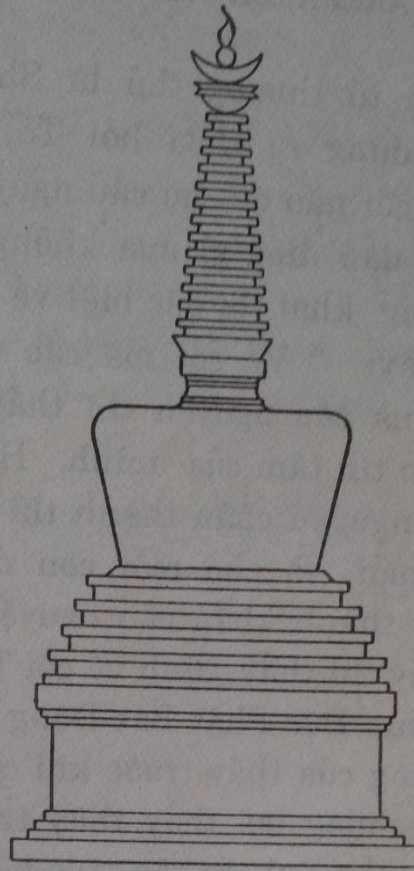
Bởi thế, nhóm đệ tử thanh niên về Chubar thì cho là Tổ ở trước họ, nhóm đệ tử trung niên thì cho là đang hộ tống Tổ về. Mỗi một nhóm đều cho rằng Tổ ở với mình! Nhiều người xát quyết là Tổ ở nhà mình. Ai cũng cho là mình đúng và không ai chịu ai cả. Cuối cùng, khi đại chúng tụ tập đông đủ, họ nêu vấn đề lên hỏi Tổ và Tổ đáp: “Tất cả các con đều đúng. Đó chính là thầy đang đùa với con!”

Sau đó, Tổ ở động Ngưu Thiệt ở Chubar, và tiếp tục đau ốm. Những điềm lành như mống trời ngũ sắc, mây lành, nhạc trời lại xuất hiện. Cả một vùng như được bao phủ hào quang diệu kỳ, một không khí trang nghiêm tỏa ra khắp chốn. Mọi người đều chắc rằng Tổ đã quyết định viên tịch.



TỔ MILAREPA THỊ HIỆN THẦN THÔNG  
Chú giải trên trang vi,vii, xem t.287





CH'ORTEN TÂY TẠNG  
(BẢO THÁP)

*Ch'orten* (*Mch'od-rten*). ' vật dựng lễ vật cúng dường ': Skt. *Dhaturarbha*; tương tự với *Chaitya* và *Stupa* (hay *Tope*) của Phật Giáo Ấn Độ và *Dagaba* của Sinhalese. Các *Ch'ortens* nhỏ, hay *Chaityas*, bằng kim khí, đá, gỗ, hay đất sét, thường chứa các thánh tích.

Khắp trên các miền theo Lạt Ma Giáo các *Chaityas* (Skt. *Dharma-sharira*) nhỏ bằng đất sét thường được đặt trên các bờ tường hay các các hốc tường được chuẩn bị đặc biệt để đặt các *Ch'orten*.

*Ch'orten* biểu tượng theo bí truyền ngũ đại sẽ dung hoá thân xác người sau khi chết. Phần chân đế vuông biểu hiện tính rắn chắc của Đất, Địa Đại; phần hình cầu, giọt nước, Thủy Đại; phần tam giác hình tháp như ngọn lửa, Không Đại; phần hình tròn nhọn đầu như ngọn lửa, Ether Đại. Nó biểu tượng một cách bí truyền Con Đường Giác Ngộ, từ Đất (phần chân) tiến dần qua Mười Ba Tầng Trời (đoạn hình tháp có mười ba bậc) đến Vô Tướng, Vô Sanh, Niết Bàn Siêu Nhiên - vượt lên trên vùng Ether (các yếu tố sinh tử luân hồi sau cùng), nơi ngọn lửa (gọi là *Jyotih*, hay Lửa Thiêng của Chư Phật) hướng vào và tan biến vào Chân Không.

Hai đệ tử thượng thủ là Shiwa-Wod-Repa và Seban-Repa đứng ra thưa hỏi Tổ, xin Tổ cho biết người sẽ về cõi nào để họ cầu nguyện. Họ cũng hỏi Tổ còn căn dặn điều gì nữa không và thỉnh cầu Tổ ban cho những khai thi đặc biệt về Pháp Môn đệ Tu.

Tổ dạy: “Về cõi mà các muốn biết để hướng đến mà cầu nguyện thì thầy yêu cầu các con hãy làm theo tín tâm của mình. Hễ bất cứ ở đâu mà các con cầu nguyện chân thành thì ở đó thầy ở trước mỗi một người, và cho mỗi con được mãn nguyện. Vậy thì hãy thành khẩn cầu nguyện với tín tâm sâu xa. Hiện nay thì thầy định về cõi Trời Sắc Cứu Cánh (Ngon-gah) mà Đức Phật Bất Động đang hóa đạo. Di chúc cuối cùng của thầy trước khi qua đời là như vậy: ‘Đối với Rechung mà thầy thấy trước là sắp về đến nơi, hãy đưa cho anh ấy cây trúc bèo (gậy tre) và cái y (áo) vải là những vật sở hữu duy nhất của thầy. Chúng sẽ là linh phù giúp anh ấy thành tựu Pháp Môn Hòa Hài. Chừng nào anh ấy chưa về tới, không ai được đụng vào xác thầy. Cái nón của Tổ Sư Maitri và cây huyền trượng này sẽ giúp cho người mang chúng thâm nhập đại định và tinh tấn tu hành để hộ trì Phật Pháp. Hãy trao chúng cho anh Upa-Tonpa. Cái bát gỗ này là cho anh Shiwa-Wod. Thầy cho anh Ngan-Dzong-Tonpa cái chén bằng sọ người này. Về phần anh Seban-Repa thầy cho viên đá lửa và miếng thép mài. Anh Bri-Gom-Repa thầy cho cái muống xương người. Đối với những đệ tử khác, thầy cho cái y vải của thầy và họ có thể cắt ra để chia nhau. Theo cái



nhìn của thế gian thì những vật này không có giá trị bao nhiêu, nhưng mỗi món đều mang theo một Từ Lực gia bị.’

“Bây giờ, hãy lắng nghe phần di chúc cốt yếu của thầy , phần này chỉ có các đại đệ tử, xuất gia cũng như tại gia được biết mà thôi:

“Tất cả số vàng mà thầy tích lũy được suốt đời thầy là ở dưới hỏa lư (lò sưởi) này, trong đó đã có sẵn những ghi chú chỉ dẫn để chia chúng ra sao cho tất cả các con: Sau khi thầy qua đời, đừng quên tìm số vàng này và hãy tuân theo lời chỉ dẫn trong đó.

“Về cách thức thể hiện Chánh Pháp trong đời sống thường nhật của các con ,hãy ghi nhớ điều sau:

“Vài người trong các con hãnh diện với vẻ chân tu bên ngoài, nhưng trong tâm thì tìm cầu danh lợi của thế gian. Họ gieo nhân để mong hưởng quả. Họ tu phước báu. Đó là những người u mê chấp ngã. Họ tha thiết tu hành ngoài mặt còn trong tâm thì đầy tham dục. Như vậy chẳng khác gì dùng những món ăn trân quý đã bị tẩm thuốc độc. Bởi thế, chớ uống thuốc độc của lòng tham muốn danh lợi! Hãy dẹp sang một bên tất cả những gông cùm của bốn phận thế gian, chính chúng đưa đến lòng tham muốn này, Hãy thành tâm tha thiết tu hành!”

Các đệ tử lại hỏi rằng, liệu họ có thể tham dự vào việc đời trong một chừng mực nào đó để lợi lạc cho người khác được không. Tổ đáp: “Nếu làm mà không có tâm Chấp Ngã thì được.

Nhưng điều này quả thật hy hữu. Vì nếu không Vô Ngã thì khó mà lợi lạc cho chúng sinh. Nếu còn Chấp Ngã thì lợi lạc cho mình đã là khó được, nói gì lợi lạc cho ai! Nào khác gì một kẻ không biết bơi bị chìm xuống mà muốn cứu người khác!

“Ngày nào mình chưa thể nghiệm trọn vẹn Chân Tánh thì chớ vội lo cứu độ người khác! Vì làm vậy khác nào người mù dẫn kẻ đui! Ngày nào còn Thiên Địa thì vẫn còn chúng sinh để mà cứu độ! Và ai cũng có nhân duyên để làm chuyện đó! Bởi vậy, thầy khuyên các con hãy quyết tâm chứng ngộ Phật Tánh để lợi lạc cho hết thảy chúng sinh.

“Hãy khiêm cung và an nhẫn. Hãy ăn mặc rách rưới. Hãy nhất quyết khổ hạnh về ăn và mặc. Hãy từ bỏ mọi ý niệm danh lợi. Hãy chịu lao thân, khổ trí. Vì nhờ vậy mà thể nghiệm được Chân Tánh. Để tu hành đúng theo Chánh Đạo, các con hãy ghi khắc những lời dạy này.”

Nói xong, Tổ lại ngâm bài kệ sau:

Xin đánh lễ dưới chân Thầy, Tổ!

Nếu các con tha thiết tu hành,

Chớ thân cận vị thầy danh lợi,

Còn nếu không, lợi lạc gì đâu,

Dù có tín tâm, hòa ái.

Nếu không có Tâm Truyền Thụ Pháp,

Chân Ngôn kia, một mớ gông cùm.  
 Nếu không có Mật Văn y cứ,  
 Nghi thức kia bấy rập, hàm sâu,  
 Nếu chẳng có minh đăng chánh pháp,  
 Khổ tu kia, ngoại đạo khác gì  
 Nếu chẳng dứt trừ ngũ dục,  
 Biện tài kia, một mớ nói suông.  
 Nếu chẳng rõ Tông Môn, Bí Pháp,  
 Dù tinh tu, tiểu quả Nhân, Thiên.  
 Nếu chẳng chịu lo tu giải thoát,  
 Thiện đường non (núi), cũng phải luân hồi.  
 Đạo niệm nếu như bằng tình niệm,  
 Chúng sinh kia thành Phật lâu rồi.  
 Nếu chẳng thấy tự mình sẵn đủ,  
 Suốt cả đời gom góp lãng xãng.  
 Nếu mà chẳng thực tu, thực chứng,  
 Khổ vui rồi, vui khổ triền miên.  
 Nếu chẳng trị Ma Vương Ái Dục  
 Lợi danh kia chẳng dễ thoát ra.

Thích hưởng thụ, động ngay ngũ dục,  
 Ham của tiền, thân hữu lìa xa  
 Hễ được này thì hẳn mất nọ.  
 Thân an trụ, vọng nào khuấy nổi!  
 Hễ nhất tâm, tạp niệm lìa xa.  
 Hãy một mình rồi sẽ có bạn,  
 Chỗ thấp nhất là đỉnh chót cùng,  
 Bước chậm rãi rồi thì đến sớm,  
 Bỏ hết đi thì được Vô Cùng!  
 Đường Hướng Thượng, lối đi thẳng tắp,  
 Thấu cội nguồn, huệ nhãn bừng khai.  
 Nếu quả thấy nhất như bình đẳng,  
 Chón chợ triền, con hãy đưa tay,  
     *(Thủy thủ nhập triền)*  
 Để tể độ chúng sinh ba cõi,  
 Quả viên thành, con lại thấy ta!  
 Hãy cầu Ta, Phật và Chư Tổ,  
 Chớ phân chia ai thấp, ai cao!

Ngâm xong Tổ lại nói: “Thầy không còn sống bao lâu nữa, các con hãy ghi nhớ lời thầy dạy mà vâng làm.”

Nói xong, Tổ thị tịch vào rạng ngày 14 tháng Chạp năm Ất Mão ( DL 1135 ) trụ thế 84 năm.

Khi qua đời, Tổ đã dung hóa xác thân người vào Pháp Thân, và Chư Thiên đã hiện ra nhiều đìềm lành. Hầu hết đại chúng đều được hưởng phước duyên đó.

Bầu trời trong vắt mang nhiều ánh sáng kỳ ảo lạ thường, giống như hình bàn cờ mà trung tâm là những đóa hoa sen tám hoặc bốn cánh nhiều màu. Trên những cánh hoa là các ‘mạn đà la’ đẹp khôn tả. Ở chung quanh lại có những đám mây ngũ sắc mang hình lọng các, lá phướn, quạt vv... Hoa trời không ngớt rơi xuống. Lại có những đám mây rực rỡ che các đỉnh núi, mang hình Bảo Tháp và tất cả đều châu về Chubar.

Nhạc trời thánh thót vang lên khắp nơi. Cả vùng Chubar phảng phất một hương thơm mà những mùi hương trần thế không thể nào sánh nổi. Rất nhiều người được tận mắt thấy cảnh Chư Thiên cúng dường như mừng đón Tổ. Điều lạ lùng nhất là hàng người không hề cảm thấy xấu hổ khi thấy hình dáng trần truồng của Chư Thiên và ngược lại Chư Thiên cũng không thấy khó chịu bởi mùi xú uế (do tâm niệm xấu xa) của hàng người. Hai hàng trời, người đã gặp gỡ nhau thoải mái, giống như thời Chánh Pháp (Phật còn tại thế).

Đại chúng vùng Nyanam khi nghe Tổ đã viên tịch, bèn đến Chubar và thỉnh cầu đệ tử và cư sĩ ở vùng Brin cho phép họ được cử hành lễ Trà Tỳ cho Tổ ở Nyanam, nhưng không được chấp thuận. Họ lại yêu cầu hoãn lễ Trà Tỳ để toàn thể đại chúng vùng Nyanam được đến chiêm bái thi hài Tổ lần chót. Được đồng ý, họ quay về kéo thêm một số lớn người được đề định cướp xác Tổ! Một cuộc tranh giành sắp mở màn! Thấy vậy, các đại đệ tử can thiệp và nói: “Này quý vị vùng Nyanam cũng như Brin. Quý vị đều là đệ tử của thầy. Thầy đã qua đời ở Chubar thì dĩ nhiên không thể làm lễ Trà Tỳ ở Nyanam và quý vị cũng sẽ được chia đều xá lợi của thầy.” Nhưng đại chúng vùng Nyanam nghĩ rằng họ đông đảo và mạnh nhất nên định dành thi hài Tổ bằng võ lực! Bấy giờ, một vị Trời (Thiên) xuất hiện giữa không trung, đọc bài kệ sau với âm thanh của Tổ:

Hỡi đại chúng xuất gia, cư sĩ,  
 Đang tranh giành một cái thầy ma!  
 Hãy nghe đây lời ta phân định,  
 Ta cũng là đệ tử Mila.  
 Đức Mila Thế Tôn hy hữu,  
 Dung hóa rồi Tâm với Pháp Thân;  
 Muôn pháp ngoài Tâm đều hư huyễn,  
 Mê Chân Tâm tranh xác ích gì!

Chớ giành giựt, hãy cùng cầu nguyện;  
 Rồi ai ai cũng sẽ có phần.  
 Hãy thiện nguyện, từ bi ban khắp,  
 Xá lợi kia cho đủ mọi người.

Ngâm xong, vị trời biến mất và hàng đệ tử cư sĩ hân hoan như được thấy Tổ lần nữa. Đại chúng thôi tranh cãi và cùng cầu nguyện.

Sau đó chúng đệ tử vùng Brin thấy rằng mình có được một thi hài của Tổ và đại chúng vùng Nyanam liền mang thi hài Tổ về làm lễ Trà Tỳ ở động Ung Noãn ở Lạp Chi. Khi làm lễ cũng có nhiều điềm lành như nhạc trời thánh thót, hoa trời rơi xuống ..v.v..

Các đại đệ tử và đại chúng vùng Brin thì đang làm lễ một thi hài khác của Tổ ở Chubar! Họ thành tâm cầu nguyện liên tục và sang ngày thứ bảy thì xác Tổ tỏa hào quang sáng chói và chỉ còn lớn bằng thân thể một đứa trẻ lên tám tuổi.

Khi ấy các đại đệ tử bàn rằng: “Huynh Rechung thì chưa thấy đâu. Nếu chúng ta trì hoãn lễ Trà Tỳ thì e rằng thi hài của thầy sẽ chẳng còn gì, và thế thì còn đâu xá lợi để cúng dường nữa! Tốt hơn hết là cử hành lễ Trà Tỳ ngay.”

Nghe vậy, cả đại chúng đều đồng ý. Sau khi mọi người đã làm lễ nhục thân Tổ lần chót, một giàn hỏa táng được dựng trên một tảng đá ở chân động Brilche. Thi hài Tổ được long trọng rước đi.

Những đồ hình ‘mạn đà la’ sắc sỡ được vẽ ra. Lễ vật cúng dường của Chư Thiên rất nhiều, những hàng người cũng cúng dường hết khả năng của mình.

Rạng ngày hôm sau, khi trời vẫn còn tối, ngọn lửa hỏa táng được nhen lên nhưng không thể nào cháy được! Ngay khi ấy, năm vị Thiên Nữ hiện ra giữa vầng mây ngũ sắc và ngâm bài kệ sau:

*Rom!* Chân hỏa của luồng Hỏa Hầu,  
 Người đã vận thưở tại thế,  
 Phàm hỏa kia sao đốt được Người!  
 Người là bậc Toàn Thân Thể Tánh,  
 Đâu cần gì lưu lại nhục thân?  
 Mạn đà la trong Người đầy đủ,  
 Đâu cần gì vẽ lại thế kia!  
 Ở trong Người, hương đấng rạng rỡ,  
 Đâu cần gì đèn đóm thế gian.  
 Người đã dùng Vô Sinh Pháp Thực,  
 Đâu cần gì thực phẩm thế gian.  
 Người đã khoác Vô Nhiễm Pháp Y,  
 Đâu cần gì có Bình Tịnh Thủy.



Mây diêu hương mùi phương phảng phất,  
 Đâu cần gì nhang khói đốt xông.  
 Hàng Chư Thiên tranh nhau lễ bái,  
 Đâu cần gì phải chạm nhục thân.  
 Chớ bày đặt lễ này, lạc nọ,  
 Đâu cần gì nghi thức rình rang.  
 Lời đại nguyện Tổ Sư bày sẵn,  
 Đâu cần gì thêm thắt nọ kia.  
 Điều không thể nghĩ bàn diễn tả,  
 Đâu cần gì tranh cãi lằng xằng.  
 Hãy ẩn mình siêng tu Chánh Pháp.  
 Hành Long Thiên rất đổi vui mừng.  
 Đáng Chơn Sư đã căn dặn rõ,  
 Bao ân lành từ đó mà ra  
 Hỡi con cháu Mila tôn quý,  
 Quả các người có đại phước duyên  
 Hỡi toàn thể các hàng thánh chúng,  
 Sẽ không ai phải đọa Ba Đường (Tam Đò)  
 Hãy ghi nhớ lời người căn dặn,

Và hướng theo Chánh Pháp tu hành.

Khi nghe ngâm vang xong bài kệ trên, Ngài Ngan-Dzong-Repa nói: “Lời thầy căn dặn là không được đụng đến nhục thân thầy cho đến khi nào huynh Rechung đến và bài kệ của Chur Thiên ngâm ý tứ trùng hợp nhau. Nhưng không thấy có dấu hiệu gì cho thấy là huynh Rechung sắp đến, mà nếu chúng ta hoãn lễ Trà Tỳ lại thì e rằng thi hài sẽ không còn gì nữa!”

Ngài Shiwa-Wod-Repa nói: “Lời dặn của thầy, bài kệ của Chur Thiên đã trùng hợp, hơn nữa nhen lửa để hỏa táng lại không cháy. Vậy thì huynh Rechung chắc chắn sẽ đến kịp. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy cầu nguyện!” Và đại chúng tiếp tục cầu nguyện.

Bấy giờ, Ngài Rechung đang ở tu viện Loro-Dol. Một đêm kia, khoảng sang canh ba, Ngài nằm mơ thấy một giấc mộng rõ ràng như sau:

Ở Chubar, Ngài thấy một Bảo Tháp bằng pha lê chiếu sáng cả các cõi trời. Bảo Tháp được vô số Chur Thiên rước đi, tháp tùng là toàn thể đệ tử của Tổ và vô lượng chúng sinh, đầy cả hư không. Tất cả đều xung tán và cúng dường. Lễ vật trân quý và nhiều không thể tưởng tượng nổi. Và chính Ngài cũng đang đánh lễ Bảo Tháp. Rồi Ngài thấy Tổ nghiêng người ra khỏi Bảo Tháp và nói với Ngài: “Này Rechung con! Dù con không đến khi thầy gọi, thầy hoan hỷ đã gặp lại con. Hãy hân hoan với lần trùng phùng của cha con mình và ta hãy đàm đạo, vì không chắc rằng mình còn gặp lại nhau trong

hiện đời!” Nói xong, Tổ để tay lên đầu Ngài và vỗ về âu yếm. Điều này khiến Ngài vô cùng hoan hỷ với tín tâm sâu xa chưa từng có! Đúng lúc ấy, Ngài tỉnh mộng và khi nhớ lại lời Tổ nói với Ngài trong giấc mơ, Ngài tự nhủ: “Ôi, thầy mình viên tịch rồi ư?” Đột nhiên Ngài phát khởi tín tâm thâm sâu và cầu nguyện không ngừng. Rồi Ngài khởi niệm phải tìm về Tổ ngay với bất cứ giá nào, dù rằng bây giờ chưa phải là thời điểm mà Tổ đã dặn Ngài trước đây. Liên khi ấy, hai vị Chư Thiên hiện ra giữa hư không và nói rằng: “Này Ông Rechung! Trừ phi ông khởi hành ngay nếu không thì thầy ông sẽ viên tịch và ông sẽ không được gặp lại Người trong hiện đời. Hãy gấp lên!”. Nói xong họ biến mất với vàng mây ngũ sắc.

Nghe vậy càng nóng lòng, Ngài Rechung lập tức lên đường, vừa lúc ấy có tiếng gà ở Loro-Dol gáy sáng.

Định tâm hướng về Tổ và dùng pháp môn kiểm soát hơi thở, chỉ trong vòng một buổi sáng, Ngài đã vượt qua một đoạn đường mà nếu đi bằng lừa thì phải mất hai tháng! Với thần thông của môn vận Hỏa Hào, Ngài đã lao đi như tên bắn và rạng ngày hôm sau Ngài đã xuyên lộ Pozele ở giữa hai vùng Tingri và Brin. Ngài tạm nghỉ một lúc và những hiện tượng kỳ diệu xảy ra ở đó khiến Ngài mừng lo lẫn lộn. Ngài thấy đỉnh ngọn Jovo-Rabzang rạng rỡ với những vàng hào quang. Ngài lại thấy những vàng mây ngũ sắc, giữa chúng là vô số Chư Thiên đang mang lễ vật cúng dường và họ

đang hướng về phía Lapchi mà lễ bái. Điều này khiến Ngài lo âu và Ngài hỏi Chư Thiên rằng tại sao họ lại hành động như vậy.

Vài vị Chư Thiên trả lời: “Ôi, ông sống mà tai và mắt đóng lại nên mới hỏi như thế! Chúng tôi làm như vậy vì Đức Thế Tôn Milarepa đang viên tịch, hàng Chư Thiên đang làm lễ cúng dường Chánh Pháp, còn hàng người cũng đang hội lại làm lễ ở Chubar!”.

Nghe vậy, Ngài Rechung cảm thấy như tim mình bị bóp lại, Ngài lại càng nỗ lực đi nhanh hơn. Khi gần đến Chubar, thì Ngài thấy Tổ đang ngồi chờ mình trên một tảng đá lớn giống như chân của Bảo Tháp. Tổ ân cần thăm hỏi Ngài và nói: “Cuối cùng thì Rechung, con đã tới!” Nói xong, Tổ rờ đầu Ngài giống như Ngài đã thấy trong giấc mơ.

Quá hoan hỷ với niềm vui là Tổ chưa qua đời, Rechung nâng hai bàn chân của Tổ để lên đầu và cầu nguyện không ngớt. Sau khi đã trả lời mọi thỉnh cầu của ngài, Tổ nói: “Này Rechung con, hãy từ từ mà đi, nhé. Thầy sẽ đi trước để chuẩn bị đón con!” Rồi tổ ra đi, chẳng bao lâu đã khuất dạng.

Vừa đến Chubar, Rechung đã thấy đệ tử xuất gia và tại gia đang tụ tập quanh nhục thân của Tổ, khóc lóc và cúng dường. Một vài đệ tử tân tu (mới vào) không biết mặt Rechung nên không cho Ngài đến gần thi hài của Tổ. Trong nỗi thống khổ của mình, Rechung đã ngâm bài kệ sau:

Kính lạy thầy, hồi đấng Hóa Thân,  
Của hết thầy ba đời Chư Phật.  
Ngài là chôn nường tựa an ổn,  
Của chúng sinh khắp cả mười phương.  
Nay cúi xin Bi Trí song vận,  
Để nghe lời thừa thỉnh của con.  
Kính lạy thầy, lòng con sâu khổ,  
Thấu cho chẳng hồi đấng Trọn Lành!  
Con vội vã vượt qua ngàn dặm,  
Mong về đây thầy được mặt thầy,  
Phước của con thật là quá mỏng,  
Xin nhủ lòng thương xót, thầy ơi!  
Đánh lễ Thầy, ba đời Chư Phật,  
Xin nhủ lòng thương xót con cô.  
Xin xưng tán, vâng lời Thầy dạy,  
Tha cho con hết mọi lỗi lầm,  
Xin tùy hỷ công đức vô lượng,  
Cúi xin thầy vẫn chuyển Pháp Luân.  
Mọi công hạnh mà con có được,

Xin dâng thầy với cả lòng con.  
 Thuở sinh tiền, thầy thương con nhất,  
 Phút lâm chung, chẳng được thấy thầy,  
 Kính lạy thầy xin cho con được,  
 Thấy từ dung lần rốt sau cùng.  
 Thấy từ dung lòng con mãi nguyện,  
 Và viên thành Hiền Mật dung thông.  
 Xin đáp lời cho con lần cuối,  
 Hỡi thầy ơi, nguồn sống của con.  
 Hỡi Đấng Chánh Biến Tri từ mãi,  
 Rechung con nay kính lễ Người,  
 Kính mong thầy từ bi gia hộ,  
 Để cho con hạnh nguyện tròn đầy.  
 Nguyện mong rằng con với chúng sinh,  
 Đồng cùng lúc trọn thành Phật Đạo.

Ngay khi Rechung cất giọng trong trẻo của Ngài ngâm bài kệ trên, thì màu sắc của thi hài Tổ đã nhợt nhạt bỗng nhiên tươi tắn lại và lửa hỏa táng bắt đầu cháy bùng lên. Cùng lúc ấy Shiwa-wod-Repa, Ngan-Dzong-Tonpa, Seban-Repa và các huynh đệ khác đến đón ngài. Bị thương tổn vì trước đó một nhóm huynh đệ tân tu đã

ngăn không cho Ngài đến gần thi hài Tổ, Rechung vẫn đứng yên cho đến khi cầu nguyện xong. Nhờ tấm lòng chí thành của ngài, đột nhiên thi hài Tổ bỗng sống lại và quở đám đệ tử tân tu: “Này các đệ tử tân tu! Đừng làm vậy! Một con sư tử thì hơn một trăm con cọp chứ! Con sư tử đó là Rechung! Hãy để anh ấy đến gần thầy!” Rồi Tổ nói với Rechung: “Này Rechung con, chớ lấy đó làm điều, hãy lại gần cha!”

Ban đầu mọi người đều kinh dị và phân vân, rồi kể đó là hân hoan. Riêng Rechung, Ngài níu lấy Tổ và khóc lớn. Rồi quá đỗi xúc động, Ngài ngất đi.

Khi tỉnh lại, Rechung thấy toàn thể đại chúng được ngồi vòng quanh ở phía trước ngôi nhà hỏa táng và Tổ đã viên tịch. Ngọn lửa hỏa táng bốc lên thành hình đóa sen tám cánh và từ giữa hoa sen, giống như nhụy hoa, Tổ ngồi dậy, một đầu gối hơi dõ lên, tay phải người đưa ra như đè ngọn lửa xuống và nói: “Hãy lắng nghe những lời cuối của lão già này! Rồi tay trái tựa lên má, từ giữa ngọn lửa hồng hỏa táng, Tổ ngâm sang sáng bài kệ ‘Lục Chánh Pháp’ như là lời đáp cho sự thưa thỉnh của Rechung và cũng là di chúc cuối cùng của người.

Này Rechung, hỏi người con yêu quý,

Hãy nghe đây lời dặn của thầy.

Trong tam giới luân hồi sinh tử,

Chánh phạm là thân xác của con!

Ăn với mặc lo hoài không nghỉ,  
 Chuyện thế gian tính mãi không rồi.  
 Này Rechung, hãy nghe thầy dặn:  
 Bỏ ngay đi mọi chuyện lằng xằng.  
 Trong ba cõi vô thường hư huyễn,  
 Chánh phạm là ‘tâm vọng’ đó con!  
 Cứ chạy theo trần cảnh đổi dời,  
 Thì không thể có ngày Kiến Tánh.  
 Này Rechung, hãy nghe thầy dặn:  
 Hãy tinh tu, chứng ngộ Chân Tâm.  
 Trên ranh giới giữa Tâm và Vật,  
 Chánh phạm là ‘Vọng Thức’ đó con!  
 Cứ mãi lo chấp Ngã rộn ràng,  
 Làm sao rõ Bất Sinh Bất Diệt.  
 Này Rechung, hãy nghe thầy dặn:  
 Tâm Tánh kia, tự thể của con.  
 Trên ranh giới đời này đời kế,  
 Chánh phạm là ‘Thần Thức’ đó con!  
 Cứ mãi lo hướng ngoại tìm cầu,



Thì không thể có ngày xong hẳn.  
 Nay Rechung, hãy nghe thầy dặn:  
 Tìm cho ra nguồn cội Vô Sinh.  
 Trong Lục Đạo vô thường huyễn hóa  
 Chánh phạm là “Vô Thủy Vô Minh”  
 Cứ mãi lo chán ưa, thương ghét.  
 Thì làm sao Bình Đẳng Nhất Như.  
 Nay Rechung, hãy nghe thầy dặn.  
 Ghét và thương, vĩnh viễn xa lìa.  
 Biên Mật Pháp mênh mông vô lượng,  
 Đấng Đại Từ thuyết pháp hằng sa,  
 Nếu chạy theo kinh quyền đó mà.  
 Thì đọc suốt một đời chưa hết.  
 Nay Rechung, hãy nghe thầy dặn:  
 Hãy tinh tu, giáo nghĩa ích gì.  
 Ôi Tổ Sư, Long Thiên Hộ Pháp.  
 Hãy nguyện cầu Chư Vị độ trì.  
 Phải gắng sức tự mình thân chứng.  
 Ba Âm kia là Một mà thôi.

Đây di chúc cuối cùng rớt ráo,  
 Đã hết rồi lời dạy của ta.  
 Hỡi Rechung, người con yêu quý!  
 Gắng sức lên thân chúng nghe con!

Ngâm xong, Tổ viên hóa vào Thường Tịch Quang. Ngọn lửa hỏa táng hiện ra hình một tòa lâu đài rộng lớn hình vuông có bốn cổng vào, nguy nga tráng lệ, hào quang chói lòa. Mái vòm có treo cờ xí, lá phướn, lọng che, dây hoa ..vv.. Dưới chân ngọn lửa là hình đóa sen tám cánh với biểu tượng về Đạo. Ngọn lửa cũng có hình Chư Thiên đang cúng dường và lễ bái. Tiếng reo của ngọn lửa nghe êm dịu như một bản đại hòa tấu. Còn khói bốc ra từ ngọn lửa cũng phảng phất mùi hương dị thường, và chúng tạo thành những hình cờ xí, lọng nghe vv...

Ngay phía trên chỗ hỏa táng, giữa hư không đầy rẫy Chư Thiên đang bung những bình nước cam lồ và rưới xuống như mưa. Một số khác mang đủ thứ hương hoa vật thực kỳ diệu khiến cho loài người mê mẩn.

Dù cùng nhau chứng kiến lễ hỏa táng, mỗi người trong đại chúng nhìn thi hài Tổ khác hẳn nhau. Có người nhìn đó là Đức Kim Cương Trì (Gaypa-Dorje ), có người nhìn đó là Đức Demchog, có người nhìn đó là Đức Sang-du, có người nhìn đó là Đức Dorje-Pamo. Và toàn thể đại chúng đều được nghe Chư Thiên ngâm bài kệ sau:

Đấng Toàn Giác ra đi vĩnh viễn,  
Biết bao người khóc lóc thở than  
Trong khung cảnh buồn rầu ảm đạm,  
Lửa Trà Tỳ bùng cháy sáng ghê.  
Hiện ra hình đóa sen tám cánh,  
Cùng với nhiều biểu tượng huyền linh.  
Này phẩm vật cúng dường thanh khiết,  
Nọ diệu âm thánh thót vui tai.  
Kìa Chư Thiên tụ hội đông vầy,  
Và không ngớt cúng dường, lễ bái.  
Cả làn khói cũng lòa ngũ sắc,  
Hiện ra hình lọng báu, tràng phan.  
Ôi, Chư Thiên đang gom xá lợi,  
Người đi rồi, hỡi Đức Mila!  
Người là Pháp Thân không ngăn mé,  
Người là Báo Thân muôn công đức,  
Người là Hóa Thân độ muôn loài!  
Người đã gieo bao mầm Giải Thoát,  
Gặp nhân duyên kết quả đơm hoa.

Pháp Giới Thê Tánh Trí bất sanh,  
 Đã bất sanh cho nên bất diệt!  
 Ngay Sinh Tử cũng là Chân Tánh,  
 Thì mê lầm, nghi ngại còn đâu!

Khi bài kệ chấm dứt thì trời cũng vừa sẫm tối, ngọn lửa hỏa táng cũng đã tàn, ngôi nhà hỏa táng trống trải trở lại. Nhưng khi các đệ tử nhìn vào trong đó, thì họ thấy một đại Bảo Tháp bằng ánh sáng, có người lại được thấy cả Đức Gaypa-Dorje, Demchog, Sangdu và Dorje-pa-mo. Có người được thấy các đạo khí như chuông, đạo trượng (dorje), tịnh bình vv..., có người lại thấy những Linh Tự Chân Ngôn. Có người thấy ngôi nhà hỏa táng tỏa hào quang như một khối vàng ròng. Có người thấy một ao nước, có người thấy ngọn lửa cháy. Và cũng có nhiều người không thấy gì cả!

Các đệ tử bèn mở cửa ngôi nhà hỏa táng để cho tro chóng nguội. Họ đều hy vọng sẽ được những viên xá lợi muôn hình muôn sắc. Tất cả đều nằm ngủ với đầu hướng về ngôi nhà hỏa táng.

Rạng ngày hôm sau, Ngài Rechung nằm mơ thấy năm vị Thiên Nữ khoác y lụa và trang điểm rực rỡ, vây quanh bởi những vị tùy tùng mang năm màu trắng, đỏ, xanh, vàng và lục, đang làm lễ cúng dường và chiêm bái. Rồi từ trong nhà hỏa táng, năm vị đó lấy ra một quả cầu Hào Quang. Mới đầu, Ngài bị sững sờ trước cảnh tượng trên, sau đó Ngài chợt nhớ ra vậy là họ có thể lấy xá lợi và tro đi. Ngài liền tiến lại và họ bay mất. Ngài giật mình tỉnh dậy và

vội vàng gọi các huynh đệ đi vào nhà hỏa táng. Đến nơi, họ thấy tro và xương đều mất sạch, không còn chút tro bụi nào! Ngài Rechung rất đau khổ, Ngài bèn khẩn cầu Chư Thiên để lại một phần xá lợi ngõ hầu lợi lạc cho loài người. Các vị Thiên Nữ đáp: “Đối với các ông, những đại đệ tử, thì các ông đã được phần xá lợi quý báu nhất rồi. Vì các ông đã chứng ngộ Chân Tánh, các ông đã thấy Pháp Thân trong tâm mình. Nếu vậy vẫn chưa đủ và các ông cần có gì thêm, thì hãy khẩn cầu Đức Milarepa và may ra Ngài ban cho các ông một thứ gì đó. Còn với loài người ư? Họ đã nhìn Đức Milarepa như một con đom đóm, dù rằng thực ra Ngài sáng ngời như hai vầng Nhật Nguyệt. Họ chẳng xứng đáng được hưởng Xá lợi chút nào. Đây là bảo vật của riêng chúng tôi!”

Nói xong, năm Thiên Nữ vẫn trụ giữa hư không. Các đệ tử biết họ nói đúng, nên bắt đầu khẩn cầu:

Kính lạy thầy!

Dưới chân Sư ông, thầy đã ở,

Và trọn làm lời dặn đình ninh.

Thầy đã được Viên Dung Bí Pháp,

Xin xót thương cho lũ chúng con.

Cúi lạy thầy rũ lòng bi mẫn,

Ban chúng con xá lợi vô ngần.

Để chúng con cúng dường chiêm bái.

Và hậu lai phát khởi tín tâm.  
Khi ẩn mình hang sâu động vắng,  
Thầy quyết tâm tha thiết tu hành.  
Và nhờ vậy mà thầy thành tựu (*siddhi*)  
Danh tiếng thầy lừng lẫy vang xa.  
Chúng con xin chút phần xá lợi.  
Để đời sau lễ bái cúng dường.  
Nhớ lại thuở thầy còn tại thế,  
Với chúng con chẳng khác mẹ hiền.  
Cùng ơn thầy, chúng con phụ giúp,  
Để ban vui cứu khổ muôn loài.  
Xin thầy ban chút phần xá lợi,  
Để chúng con vững bước đường tu.  
Ôi, lạy thầy từ bi lân mẫn,  
Thương chúng con bình đẳng như nhau  
Nhưng quả thật trong hàng đệ tử,  
Nghiệp càng dày thầy lại càng thương.  
Xin thầy ban chút phần xá lợi,  
Để cho người nghiệp nặng lo tu.

Ôi, khi thầy huyền thân xả bỏ,  
 Để trở về Chân Tánh Vô Sanh,  
 Đã thị hiện biết bao Diệu Pháp,  
 Khiến cho đời thấy rõ Pháp Vương.  
 Xin thầy ban chút phần xá lợi,  
 Cho mọi người có mặt ở đây.

Khi họ ngâm xong bài kệ khẩn nguyện, thì từ Quả Cầu Hào Quang đang ở trong tay các vị Thiên Nữ, một viên xá lợi sáng lòa to bằng quả trứng bay xuống ngôi nhà hỏa táng. Tất cả đệ tử đều đưa tay ra đón với hy vọng là sẽ thuộc về mình. Nhưng viên xá lợi đã bay ngược trở lên và biến mất vào trong Quả Cầu Hào Quang. Rồi Quả Cầu Hào Quang tự nhiên phân rã, một phần trở thành một cái đài sen, đặt ở trên những con sư tử, trên mặt có cái đĩa Nhật Nguyệt. Phần khác thì trở thành một Bảo Tháp bằng pha lê trong suốt, cao khoảng nửa thước. Bảo Tháp tỏa hào quang ngũ sắc. Cuối mỗi hào quang có hình một hay nhiều vị Phật. Tất cả đều xoay quanh Bảo Tháp. Phía dưới chân Tháp, vô số Chư Vị Thần Vương Hộ Pháp (Mật Tông) đi nhiễu. Bên trong Tháp là một tượng Tổ Milarepa, cao khoảng hai tấc, Chư Thiên đang đứng quanh lễ bái. Hai vị Thiên Nữ giữ Tháp ngâm bài kệ sau:

Ôi, này các con, Deva-Kyong và Shiwa-Wod  
 Ngan-Dzong-Tonpa và hết thầy mọi người.

Đệ tử tâm truyền Giòng Áo trắng,  
Tín tâm sâu, tha thiết tu hành.  
Đã thỉnh cầu bậc thầy tôn quý,  
Xin ban cho xá lợi cúng dường.  
Đã khẩn nguyện chí tâm, cầu thỉnh,  
Gieo nhân lành thấy đủ Tam Thân.  
Quả cầu kia biểu tượng Pháp Thân,  
Chỉ cần thấy, thoát vòng sinh Tử!  
Viên xá lợi từ kia rơi xuống,  
Chẳng riêng ai mà của mọi người!  
Nếu chấp thủ với tâm Ngã Sở,  
Thì còn gì tôn quý nữa!  
Nếu tha thiết cúng dường lễ bái,  
Nguyện lành kia đáp ứng tức thì.  
Đây là Đức Thần Vương Mẫu Hậu  
Cùng với hàng Hộ Pháp Long Thiên.  
Đó chính là Báo Thân biểu hiện,  
Để giữ gìn thủ hộ người tu,  
Nếu tha thiết cúng dường lễ bái,



Nguyệt lành kia đáp ứng tức thì.  
 Kia Bảo Tháp hào quang chói rạng.  
 Nhiều vây quanh, Chư Phật mười phương,  
 Cùng Chư Vị Thần Vương Mật Pháp,  
 Thấy uy thần, ma quỷ hoảng kinh.  
 Nếu tha thiết cúng dường lễ bái,  
 Nguyệt lành kia đáp ứng tức thì.  
 Đáng Tôn Sư, Tam Thân biểu hiện,  
 Đã hiển bày năng lực vô biên,  
 Nếu tha thiết cúng dường lễ bái,  
 Nguyệt lành kia đáp ứng tức thì.  
 Nếu tín tâm sâu xa vững chắc,  
 Đạo quả kia nẩy nụ đậm chồi.  
 Nếu có thể ăn mình thiền quán,  
 Chư Long Thiên chắc hẳn vây quanh.  
 Nếu tha thiết trực tâm tu tập,  
 Thì đường tu tiên bộ đệ thường.  
 Nếu quả thật chẳng sinh biếng nhác,  
 Tật xấu kia bật rễ tức thời.

Nếu chẳng Cháp Ngã cùng Ngã Sở,  
 Ma vương kia lừa gạt được ai!  
 Nếu quả thật không tâm phân biệt,  
 Thì ở đâu mà chẳng thuận hòa.  
 Nếu thấy rằng Niết Bàn, Sinh Tử,  
 Cũng đều là hoa đóm giữa không,  
 Và Viên Dung Chơn Tánh trong ngần,  
 Tu như vậy mới là Chánh Đạo.  
 Nếu trong tâm, Từ bi hỷ xả,  
 Thì đương nhiên, hạnh nguyện không hai.  
 Nếu mà được Chân Sư ấn khả,  
 Tín tâm kia phát khởi đúng đường.  
 Nếu có thể quần sanh tế độ,  
 Đạo quả kia viên mãn vô cùng.  
 Thầy, đệ tử Tâm Tâm tương ứng,  
 Thì lo gì pháp hệ mai sau.  
 Nếu nhận được ân lành gia bị  
 Thì nguyện kia ắt hẳn chơn chơn.  
 Tương tín, tương thân cùng chứng ngộ,

Đó là phần xá lợi các con.

Ngâm bài kệ trên, các vị Thiên Nữ vẫn đưa cao Bảo Tháp giữa hư không để các vị đại đệ tử được nhìn thấy rõ ràng. Rồi họ đặt Bảo Tháp lên một cái ngai bằng châu báu để chuyển đi chỗ khác. Khi Chư Thiên sắp sửa khởi hành, Ngài Shiwa-Wod-Repa khẩn cầu họ để Bảo Tháp lại cho hàng người cúng dường. Ngài ngâm bài kệ sau:

Kính lạy thầy, Hóa Thân Thị hiện,  
 Ra thế gian cứu độ quần sanh.  
 Thầy cũng là Báo Thân Công Đức,  
 Thầy cũng là Thanh Tịnh Pháp Thân.  
 Cúi Xin thầy thương xót chúng con,  
 Xin lưu lại cõi đời Bảo Tháp.  
 Hỡi cha lành thương đàn con dại,  
 Bạc Du Già toàn thiện vô song.  
 Thầy đã sống một đời khổ hạnh,  
 Để nêu gương cho đám hậu lai,  
 Cúi xin thầy thương hàng đệ tử,  
 Cho con xin Bảo Tháp Cúng dường.

Thuở thầy đến Sư Ông học Đạo,  
 Đã vâng lời không chút phân vân,  
 Thầy với trò quả là định mệnh,  
 Và từ thầy, Đạo Pháp hoằng khai.  
 Cúi xin thầy thương hàng đệ tử,  
 Chúng con xin Bảo Tháp cho đời.  
 Kính lạy thầy, Đạo Sư tôn quý  
 Bạc xa lia dững mãnh thế gian,  
 Với quyết tâm không thể nghĩ bàn,  
 Thầy đã chứng Pháp Thân bất diệt.  
 Cúi xin thầy thương xót chúng con,  
 Xin lưu lại cho đời Bảo Tháp.  
 Lời Sư Ông, thầy hằng ghi nhớ.  
 Ân non sâu, thiên quán không ngừng.  
 Ở nơi thầy, tín tâm bất nhị,  
 Là cội nguồn vô lượng hạnh lành.  
 Cúi xin thầy thương hàng đệ tử.  
 Cho chúng con Bảo Tháp cúng dường  
 Ôi, hỡi thầy, Đạo Tâm sắt đá,

Nguyên tu hành động vắng hang sâu.  
 Trọn đời thầy, viễn ly tất cả,  
 Nêu gương lành cho đám hậu lai.  
 Cúi xin thầy thương hàng đệ tử.  
 Cho chúng con Bảo Tháp cúng dường.  
 Kính lạy thầy, Tánh Linh thành tựu,  
 Thầy khác nào long tượng ra uy.  
 Ôi, kính lễ Đấng Chân Vô Úy.  
 Cho hậu lai pháp tối thượng thừa.  
 Cúi xin thầy thương hàng đệ tử.  
 Mà ban cho Bảo Tháp cúng dường.  
 Kính lạy thầy, nhân duyên nhiều kiếp,  
 Chúng con mới gặp được thầy.  
 Ôn dạy dỗ kẻ sao cho xiết,  
 Với tâm thành, nơi bước thầy đi.  
 Cúi xin thầy thương hàng đệ tử.  
 Mà ban cho Bảo Tháp cúng dường.  
 Kính lạy thầy, Hỏa Hầu vận chuyển,  
 Tỏa ân lành ấm áp quần sanh,

Chúng con đây một dạ chí thành,  
Nguyễn ghi nhớ lời thầy căn dặn.  
Cúi xin thầy thương xót chúng con,  
Mà lưu lại cho đời Bảo Tháp.  
Kính lạy thầy một đời tu tập,  
Thầy nêu gương ‘Không thể nhiễm ô’  
Này ngũ dục, quần sinh trói buộc,  
Đối với thầy, nào khác không hoa (hoa đốm).  
Cúi xin thầy thương hàng đệ tử.  
Mà ban cho Bảo Tháp cúng dường.  
Kính lạy thầy, Vàng Dương ngời sáng,  
Suốt một đời soi chiếu quần sanh.  
Ôi, chúng con duyên lành muôn kiếp,  
Gặp được thầy đạo nhãn đốn khai.  
Kính xin thầy thương hàng đệ tử.  
Cho chúng con Bảo Tháp cúng dường.  
Kính lạy thầy, lòng từ lân mẫn,  
Thương chúng sinh nào khác mẹ hiền.  
Ôi, hỡi thầy xung tán làm sao,

Cho đủ được ơn thầy giáo hóa.  
Kính xin thầy thương hàng đệ tử,  
Cho chúng con Bảo Tháp cúng dường.  
Kính lạy thầy, nay đà viên tịch,  
Chúng con đây đau khổ khôn cùng.  
Cúi lạy Đấng Từ bi vô lượng,  
Suốt một đời tùy thuận chúng sanh.  
Kính xin thầy thương hàng đệ tử  
Mà ban cho Bảo Tháp cúng dường.  
Kính lạy thầy, bậc Chánh Biến Tri,  
Thấu suốt cả ba đời, mười cõi.  
Nếu chúng con một dạ chí thành,  
Và xin được Ôn Thầy chứng giám,  
Kính xin thầy thương hàng đệ tử,  
Mà ban cho Bảo Tháp cúng dường,  
Kính lạy thầy, ban vui cứu khổ,  
Cả một đời thầy đã nêu gương,  
Đây lần cuối mong thầy chấp thuận,  
Lời cầu xin của lũ chúng con!

Kính xin thầy thương hàng đệ tử,  
Mà ban cho Bảo Tháp cúng dường.

Khi bài kệ trên ngâm xong thì hình tượng Tổ trong Bảo Tháp  
ngâm đáp lại bài kệ sau cho Ngài Shiwa-wod-Repa:

Này đệ tử thượng căn lợi trí!  
Khẩn cầu ta với dạ chí thành.  
Hãy nghe kỹ lời ta dạy bảo:  
Ta Chứng nghiệm Pháp Thân cùng Khắp,  
Thê Tánh kia quả, thật Chân không.  
Không thê *'buông'* cũng không thê *'nắm'*  
Thì làm sao nói *'có'* hay *'khôn'*!  
Khi huyễn thân hòa dung Chân Tánh,  
Thì còn đây Xá Lợi rõ ràng,  
Hóa ra thành Bảo Tháp hào quang,  
Cho hết thấy chúng sanh chiêm bái.  
Nay lưu giữ cõi trời thượng giới,  
Đề Chư Thiên mãi mãi cúng dường,  
Còn nếu như để lại thế gian,  
Thì không thê trường tồn miên viễn.



Nay chúng con, các hàng đệ tử,  
 Phần các con xá lợi chia rồi.  
 Ấy chính là Chân Trí trong Tâm,  
 Giúp con thấy rõ ràng Chân Tánh.  
 Xá Lợi đó mới là vô thượng,  
 Tìm kiếm chi những thứ ngoài Tâm!  
 Giữa Minh Sư, Pháp Sư hai vị,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Lầm Thần Thức cho là Chân Tánh,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Giữa Chân định cũng là Đại Định (*do dụng công mà có*)  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Đâu là Thức và đâu là Trí,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Ngộ Chân Tánh bất sanh bất diệt,  
 Phát nguyện lành cứu độ chúng sanh,  
 Hai chuyện đó tưởng đâu là một,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Giữa Công Đức cùng với Phước Đức,

Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Nay Chư Thiên hoan hỷ cúng dường,  
 Nọ Thiên Ma thừa cơ quấy nhiễu,  
 Phân cho rành quả thật khó thay  
 Đâu thuận duyên và đâu là nghịch,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Nay xá lợi có chân, có giả,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Thân thị hiện với thân phước báu,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Kia Bảo Tháp có chân, có giả,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Cùng Tín Tâm có chân, có giả,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Cùng Tha Thiết có chân có giả,  
 Phân cho rành quả thật khó thay  
 Cùng Ngộ Đạo có chân có giả,  
 Phân cho rành quả thật khó thay.  
 Bảo Tháp này Chư Thiên được giữ,

Để cúng dường mãi mãi về sau,  
 Biểu Tượng cho ba đời Chư Phật,  
 Cùng mười phương Bồ Tát tụ về.  
 Nay các con thỉnh cầu Bảo Tháp,  
 Để cúng dường mãi mãi về sau.  
 Tâm thành đó, các con đặng phước.  
 Khiến Đạo Tâm mãi mãi không lui.  
 Dưới Bảo Tháp các con đánh lễ,  
 Thì ân lành gia hộ không thôi.

Khi bài kệ ngâm xong, Chư Thiên mang Bảo Tháp ra và đi ngay phía trên các đại đệ tử, khiến cho hào quang (của Bảo Tháp) soi chiếu trên đầu của mỗi người để ban Từ Lực cho họ. Phần đông đại chúng được thấy hình Tổ Milarepa phát ra từ Bảo Tháp. Trên hư không hiện ra các Đức Gaypa-Dorje, Demchog, Sang-du và Dorje-Pa-mo, chung quanh có vô số thánh chúng. Rồi cuối cùng, tất cả nhập vào trong một vòng hào quang bay về phương Đông. Bảo Tháp được Chư Thiên phủ bằng nhiều lớp lụa, và đặt cẩn thận vào trong một hộp bằng thất bảo và mang đi về phương Đông giữa tiếng nhạc trời vang lừng. Một vài người được thấy Tổ đấng y Báo Thân, ngự trên một con Sư Tử mà mỗi chân được một vị Thiên nữ đỡ. Bốn vị mặc bốn màu: trắng, vàng, đỏ và xanh. Dây cương do chính Phật Mẫu Dorje-Pa-mo nắm. Chung quanh là Chư Thiên cầm

cờ, quạt, lọng phướn, các lễ vật cúng dường, các nhạc cụ. Có người lại thấy một vị Thiên nữ màu trắng mang Bảo Tháp đi về hướng Đông, trên có che một tấm lụa trắng. Mọi người tùy theo phước duyên mà thấy những hiện tượng khác nhau.

Các đại đệ tử và toàn thể đại chúng rất đỗi thất vọng vì đã không nhận được chút xá lợi nào cả. Họ tiếp tục khóc lóc thỉnh cầu Tổ nán lại, một giọng nói giống như của Tổ nhưng không thấy hình Người phát ra giữa hư không: “Này các con chớ quá sầu khổ vậy! Phần xá lợi cụ thể cho các con sẽ tìm thấy ở Tầng Đá Amolika có bốn bí tự (chữ bí mật). Hãy chiêm ngưỡng chúng với tín tâm. Hãy đi và tìm chúng bên dưới tầng đá!”

Tìm kiếm chung quanh tầng đá mà trên đó đã cử hành lễ hỏa táng, họ tìm ra chỗ có bốn bí tự. Nhờ vậy lòng mong cầu xá lợi của họ được nhẹ đi. Cho đến nay tầng đá xá lợi đó vẫn còn được cúng dường và chiêm bái ở Tự Viện Lapchi-Chubar.

Những đại đệ tử của Tổ dù rất đau khổ vì phải xa thầy, nhưng tự an ủi là trong tương lai, dù Tổ ở cõi giới nào thì họ vẫn sẽ là những đệ tử đầu tiên của Tổ. Họ cũng cảm thấy rằng cuộc đời và công hạnh của Tổ sẽ là một tấm gương sáng cho hàng hậu học tương lai. Hơn nữa, họ đều thấy rõ rằng những Bí Pháp và Mật Ngôn mà họ đã nhận được, nếu dụng công miên mật thì sẽ lợi lạc cho cả họ lẫn chúng sanh.

Tất cả đại chúng đều đồng ý là phải tìm kiếm dưới hỏa lư như Tổ đã di chúc. Căn cứ theo lời sống của Tổ, không ai hy vọng rằng Tổ đã có tích trữ vàng, nhưng vì Tổ đã dặn thì họ phải vâng theo.

Khi đào hỏa lư lên, họ tìm được một mảnh vải vuông vức mà Tổ thường đắp (mặc) thuở còn trụ thế. Gói trong mảnh vải đó gồm có một con dao mà tay cầm có chuôi là cái dùi, sống dao dùng để làm hòn đá mài lửa, lưỡi dao rất tốt để cắt, một tảng đường nâu và một tờ giấy có ghi như sau: “Nếu mảnh vải và tảng đường được cắt bởi con dao này thì không bao giờ hết. Muốn cắt bao nhiêu miếng vải hay miếng đường cũng được cả. Hãy chia ra cho đại chúng. Tất cả những ai nếm được đường này và chạm được vải này sẽ khỏi bị sa vào Ba Đường Ác. Đây là y thực mà Milarepa đã dùng khi nhập tam muội (samadhi), do đó đã được từ lực của chư Phật và Bồ Tát đời quá khứ. Bất cứ chúng sanh nào được nghe danh hiệu của Milarepa, dù chỉ một lần, sẽ khỏi phải tái sinh trong Ba Đường Ác suốt bảy kiếp (đời) và trong bảy đời sẽ nhớ được tiền kiếp. Những chuyện này đã được Chư Phật và Bồ Tát đời quá khứ huyền ký. Ai nói rằng Milarepa có chôn vàng thì miệng bị ô uế!”

Khi đọc xong những giòng chữ trên, chúng đệ tử đều hoan hỷ dù trong tâm đang thống khổ vì phải xa thầy. Cuối tờ giấy có bài kệ sau:

Đây, y thực mà ta, hành giả,

Đã dùng qua khi nhập Tam Ma (Samadhi).

Phước cho ai được nếm, được rờ.  
 Sẽ vĩnh viễn khỏi Ba Đường Ác.  
 Một rẻo nhỏ của mảnh vải này,  
 Đắp lên thân hay choàng lên cổ,  
 Sẽ giúp hành giả vận Hỏa Hầu,  
 Đóng cửa cả Hàn Ngục, Nhiệt Ngục (*Địa ngục lạnh, địa  
 ngục nóng*)  
 Ai cùng ta có kết nhân duyên,  
 Sẽ vĩnh viễn khỏi Ba Đường Ác,  
 Và tiến dân trên nẻo Vô Sanh.  
 Ai nghe tên ta mà tin được,  
 Suốt bảy đời sẽ nhớ túc duyên.  
 Với ta, Milarepa, Bạc Toàn Giác,  
 Cả pháp giới biến thành vàng ròng,  
 Vậy cần gì ta phải trữ kim (cát vàng)!  
 Nay các con tuân lời ta dạy,  
 Thì các con cũng được như ta!

Chúng đệ tử bèn vâng theo di huấn, cắt tảng đường ra vô số miếng, mỗi miếng đều lớn bằng tảng đường gốc, và tảng đường gốc cũng không suy suyển gì! Họ cũng làm vậy với mảnh vải và kết

quả cũng như trên! Do đó đủ vải và đường cho mỗi người trong đại chúng. Có nhiều người bị bệnh tật hay tai ương, chỉ cần ném đường và đắp mảnh vải mà khỏi hẳn. Có những người nghiệp nặng không tu được, nhờ ném đường và đắp vải mà tinh tiến trên đường Đạo! Nhờ vậy mà họ khỏi sa lầy vào Ba Đường Ác. Mỗi người được lãnh vải và đường đều sử dụng được cho đến hết đời họ.

Trong ngày cử hành lễ Nhập Tháp, hoa báu ngũ sắc hiện ra khắp nơi, phần lớn từ trên không rơi xuống, khi gần đến tầm tay người thì bay lên và biến mất. Những đóa rơi hẳn xuống đất, nhìn kỹ thật tuyệt đẹp, nhưng tan ngay khi lấy tay chạm vào. Nhiều cánh hoa hai hay ba màu chỉ lớn bằng cánh con ong. Ngay tại thung lũng Chubar, Những đóa hoa này nằm đầy mặt đất khiến cảnh vật trở nên huyền ảo. Khi lễ chấm dứt thì các điềm lành trên cũng biến mất dần.

Vào các kỳ giỗ hàng năm, bầu trời trong sáng lạ thường, có nhiều cầu vồng và những đám mây ngũ sắc. Trong không khí phảng phất mùi hương và tiếng nhạc trời thánh thót, giống như ngày mà Tổ thị tịch.

Thế gian cũng nhận được rất nhiều phước lành như mưa thuận gió hòa, không bị chiến tranh hay dịch bệnh.

Khi Đấng Đại Hành giả viên tịch, thì vẫn còn các Đại Đệ tử (sẽ nói đến ở phần ký lục) để minh chứng cho hành trạng này ghi lại về cuộc đời của người.

Nhờ Đại Hạnh và Đại Nguyện của Người, Tổ đã để lại cho đời sau những đệ tử đạo hạnh nhiều như số sao trên trời. Số người nhờ Tổ mà thoát vòng Sinh Tử nhiều như số cát sông Hằng. Những người đạt đến quả vị Bất Thối Chuyển cũng không kể xiết.

Người đã hoằng dương Phật Pháp như mặt trời chiếu sáng giữa không trung, khiến cho hết thảy chúng sanh được thoát khổ và an vui vĩnh viễn.

Trên đây là phần cuối của tiểu sử Đức Milarepa.

*Chú thích:*

6 Ba âm: Hiện âm, trung âm và hậu âm (ba thân)



## PHẦN KÝ LỤC

Liên quan đến các vị đệ tử của Tổ

Về đại đệ tử của Tổ thì thượng thủ là Ngài Vô-Song Dvagpo-Rinpoche (còn gọi là Dvagpo-Lharje, hoặc Je-Gampopa) , mà trí huệ tợ vàng Dương. Kế đến là ngài Rechung-Dorje-Tagpa vùng Gungthang, mà trí huệ tợ vàng Âm (mặt Trăng). Còn các vị sau giống như chòm sao: Ngan-Dzong-Tonpa-Byang-Chub-Gyalpo vùng Chim-Lung, Shiwa-Wod-Repa vùng Gyal-Tom-mad, Seban-Repa vùng Do-Ta, Khyira-Repa vùng Nyi-Shang, Bri-Gom-Repa vùng Mus, và Sangyay-Kyap-Repa vùng Ragma. Trên đây là tám đệ tử tâm ấn.

Tiếp theo là mười ba đệ tử nhập thất: Shan-Gom, Lan-Gom, Me-Gom, Tsa-Phu, Khar-Chung, Rong-Chung và Stag-Gom-Repa-Dorje-Wang-chuk, Jo-Gom-Repa-Dharma-Wangchuk, Dampa-Gya-Phupa, Likor-Charuwa, Loton-Gedun, Kyo-Ton-Shakya-Guna, Và Dreton-Trashibar.

Trong hai mươi một vị trên, chỉ có ngài Dvagpo-RinPoch'e và năm vị cuối của mười ba đệ tử nhập thất là hàng xuất gia (Bhikshus)

Về nữ đệ tử, có các vị sau: Cho-nga Rechungma, Sale-Wod vùng Nyanam, Paldar-Bum vùng chung, và Peta Gon-Kyit (bào muội của Tổ)

Kế đến là hai mươi lăm vị hành giả nam và nữ được tiến xa trên đường Đạo

Kế đó là một trăm vị đã đắc quả vị Bất Thối Chuyển

Kế tiếp là một trăm lẻ tám vị đã đắc những quả vị về thiên.

Kế nữa là một ngàn vị đã từ bỏ cuộc sống thế gian để xả thân cầu Đạo

Ngoài ra, được kết nhân duyên với Tổ thì vô số kể, những người này cũng vĩnh viễn khỏi đọa Ba Đường Ác

Trên đây là nói về hàng đệ tử nhân loại

Còn về hàng đệ tử hàng Phi Nhân (không phải là loài người, có thể cao hơn hay thấp hơn) thì có năm vị Tiên Nữ Durga và Sơn Thần Lingwa. Còn những quý thần Nhờ gặp Tổ mà hồi đầu hướng Phật để hộ pháp thì không kể xiết.

Tất cả đệ tử nhân loại nêu ở trên, sau khi dự lễ Trà Tỳ của Tổ xong, đều lập tức lui về ẩn tu trọn đời theo di huấn của Tổ.

Ngài Rechung liền mang những di vật của Tổ để lại cho Ngài Dvagpo-Rinpoche đến Châu U, đến đây, ngài gặp ngài Dvagpo-Rinpoche ở Yarlung-phushar. Vị này dù chậm trễ vẫn nhớ lời di chúc của Tổ. Rechung bèn trao cho ngài Di Lạc mào (Mũ của Di

Lạc) và cây Huyền Trượng rồi kể lại những giờ phút cuối cùng của Tổ. Nghe xong Dvagpo-Ripoch'e ngất đi. Khi tỉnh lại, ngài phát nhiều lời nguyện với Tổ. Những lời nguyện này có ghi lại trong cuốn tiểu sử của Tổ do chính ngài viết.

Sau đó, ngài mời Rechung về chỗ ngài ở và được Rechung truyền toàn bộ bài Nhĩ Truyền Tâm Chú Demchog.

Khi mọi chuyện đã hoàn tất, Rechung trở về tự viện Loro-Dol. Tại đây ngài đã thiền quán cho đến trọn đời. Khi thị tịch, cũng như Tổ, ngài không lưu lại nhục thân cho thế gian. Cũng làm vậy còn có các ngài Shiwa-Wod-Repa, Khyira-Repa và hai vị nữ là Paldar-Bun và Sale-Wod. Còn những vị đệ tử khác của Tổ đã qua đời theo lối thông thường, nghĩa là để lại nhục thân cho đời sau.

Trên đây là ghi lại ba công hạnh thế gian và chín công hạnh xuất thế gian của Tổ, cộng lại là mười hai. Mỗi công hạnh đều đầy đủ những biến cố kỳ diệu. Và với công hạnh cuối cùng là sự thành tựu viên mãn mà số phận một con người bình thường có thể vươn tới. Đó là thành tựu trong một đời cả Bốn Thân và Năm Trí của một Đức Kim Cương Trì (Vajra-Dhara) và do đó đủ khả năng du hý vô lượng Phật Sát để lợi lạc cho hết thảy chúng sanh.

Đến đây là hoàn tất tiểu sử của Bạc Đại Thánh Sư, tôn hiệu Mila-Zhadpa-Dorje, Đấng Đạo Sư đến chỗ Giải Thoát Viên mãn, Đấng ban vui cứu khổ cho hết thảy chúng sanh.

## Kết Từ

Người thể hiện thế gian hy hữu,  
 Đáng Mila tôn quý sáng ngời.  
 Người vận chuyển bánh xe Chánh Pháp,  
 Như mặt trời rực rỡ giữa không.  
 Người thành tựu trọn đầy Đạo Quả.  
 Nguyên vui mừng Chư Phật mười phương.  
 Tiểu Sử này áng văn tuyệt tác,  
 Nguyên đẹp lòng học giả khắp nơi.  
 Hễ nghe đến tín tâm phát khởi (nghe được tiểu sử)  
 Nguyên thượng căn Đạo Quả mau thành.  
 Hễ nghĩ đến, thế gian buông bỏ (nghĩ đến tiểu sử)  
 Nguyên một đời, Giải Thoát Viên Thông.  
 Hễ chạm đến, tự tha lợi lạc (chạm đến tiểu sử).  
 Nguyên văn đây hữu ích thế gian.  
 Hãy nghiền ngẫm, theo đây tu tập,  
 Nguyên vui lòng chư vị Tổ Sư.  
 Nguyên đem công đức pháp lạc này,

Hồi hướng cho hết thảy chúng sanh.

*Hành giả ‘Xả Thân Cầu Đạo’ Rechung  
Viết xong ngày mùng Tám,  
Tháng Trọng Thu,  
Năm Tân Dậu, tại Thánh Địa Lapchi-Kang.*

*Ebook được hoàn thành*

*Tp hcm - 13/11/2014*